CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

****

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÁT NỀN

Địa điểm: Phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên, năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

****

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÁT NỀN
Địa điểm: Phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn

Thái Nguyên, năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
DANH MỤC CÁC BẢNG 4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 6
1.1. Tên chủ cơ sở 6
Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên 6
1.2. Tên cơ sở 6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 16
1.5. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp/cấp lại giấy phép môi trường: Không 22
1.6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 22
CHƯƠNG II. 28
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI 28
CỦA MÔI TRƯỜNG 28
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, quy hoạch phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định 28
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 29
CHƯƠNG III 30
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TRÌNH 30
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 30
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 40
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 52
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH 53
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 55
3.6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 56
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG 66
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 66
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 66
Chương V 74
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường 74
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải 75
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải 78
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải 83
CHƯƠNG VI 86

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 86
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....86
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....89
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 91
CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH 92
CHƯƠNG VIII 93
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 93

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Tên ký hiệu
1	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
2	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
3	Ng.đ	Ngày đêm
4	NM	Nhà máy
5	NTSX	Nước thải sản xuất
6	NTSH	Nước thải sinh hoạt
7	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
8	XNHT	Xác nhận hoàn thành
9	CTR	Chất thải rắn

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Cơ cấu sản phẩm của cơ sở qua các năm 15
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu của nhà máy qua các năm 17
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở qua các giai đoạn (Đơn vị: kWh/năm) 18
Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở.....19
Bảng 1. 5. Tổng hợp lượng nước ngầm khai thác trong 2 năm tại nhà máy 19
Bảng 1. 6. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước sạch tại nhà máy 20
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước cho từng công đoạn sản xuất (tính cho 12 triệu m^2 sản phẩm/năm).....20
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở.....21
Bảng 1. 9. Các hạng mục công trình của cơ sở 22
Bảng 1. 10. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở.....23
Bảng 1. 11. Danh mục máy móc thiết bị hiện có của nhà máy.....25
Bảng 3. 1. Vị trí điểm xả nước mưa của Nhà Máy.....30
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy 31
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của Nhà máy34
Bảng 3. 4. Thông số kĩ thuật của hệ thống thu gom nước thải.....35
Bảng 3. 5. Thống kê số bể tự hoại tại Nhà máy.....36
Bảng 3. 6. Thông số kĩ thuật hệ thống xử lý nước thải tại xưởng Nhiên liệu 37
Bảng 3. 7. Thông số kĩ thuật của hệ thống xử lý nước thải từ xưởng Nguyên liệu 38
Bảng 3. 8. Thông số kĩ thuật của hệ thống xử lý nước thải từ xưởng Bán thành phẩm 39
Bảng 3. 9. Thông số kĩ thuật hệ thống xử lý nước thải xưởng Thành phẩm:.....39
Bảng 3. 10. Hệ thống thu gom bụi, khí thải của Nhà máy 41
Bảng 3. 11. Hệ thống thu gom bụi, khí thải của nhà máy 43
Bảng 3. 12. Danh mục các máy hút bụi và thông số kỹ thuật 45
Bảng 3. 13. Thiết bị quạt hút tại tháp sấy phun.....48
Bảng 3. 14. Thiết bị quạt hút tại công đoạn lò nung 49
Bảng 3. 15 . Thông số kỹ thuật của các ống khói khu vực lò sấy, lò nung, sấy phun...50
Bảng 3. 16. Thống kê danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại công ty.....53
Bảng 3. 17. Tổng hợp những nội dung điều chỉnh, thay đổi 61
Bảng 4. 1. Tổng hợp nguồn phát sinh khí thải, lưu lượng xả khí thải, dòng khí thải, vị trí và phương thức xả khí thải của Nhà máy.....68
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các thông số môi trường và tần suất quan trắc 71
Bảng 5. 1. Kết quả đo, phân tích nước thải trước khi xử lý 76
Bảng 5. 2. Kết quả đo, phân tích nước thải sau khi xử lý tại bể xử lý cuối cùng trước khi tuần hoàn trở lại sản xuất.....77
Bảng 5.3. Kết quả đo, phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực sản xuất.....79
Bảng 5.4. Kết quả đo, phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực sản xuất 81
Bảng 6. 1. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm 86
Bảng 6. 2. Kế hoạch dự kiến thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải giai đoạn vận hành thử nghiệm 88
Bảng 6. 3. Chương trình giám sát khí thải của Cơ sở 90
Bảng 6. 4. Chương trình giám sát bụi tại cơ sở.....90

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên 6
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gạch lát nền 9
Hình 1. 3. Một số hình ảnh sản phẩm của cơ sở 16
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy 31
Hình 3. 2. Mương rãnh thoát nước mưa và vị trí cửa xả nước mưa 32
Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 36
Hình 3. 4. Một số hình ảnh bể chứa nước tuần hoàn cho quá trình sản xuất. 40
Hình 3. 5. Hệ thống thu gom, xử lý bụi tại xưởng nhiên liệu 47
Hình 3. 6. Hệ thống thu gom, xử lý bụi tại xưởng nguyên liệu 48
Hình 3. 7. Xe quét rác công nghiệp, tưới đường dập bụi tự động 51
Hình 3. 8. Một số hình ảnh công trình thu gom CTR sinh hoạt tại Nhà máy 52
Hình 3.9. Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại 55
Hình 3. 10. Biểu đồ so sánh giữa đốt than và biomass khi phát thải khí CO_2 64

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

- Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Xây Thượng, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Xuân Huấn; Chức vụ: Giám đốc công ty;

- Điện thoại: 02083 866 632

- Mã số thuế: 4600409440

- Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000011, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 06/7/2007.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 4600409440 đăng ký lần đầu ngày 14/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09/09/2026.

1.2. Tên cơ sở

"Nhà máy sản xuất gạch lát nền"

- Địa điểm cơ sở: Tổ dân phố Xây Thượng, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên



Hình 1. 1. Vị trí Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số 647/SXD-TĐTK ngày 14/8/2007 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

+ Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 21/01/2013 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, tại Khu công nghiệp Nam Phổ Yên;

- Các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 06/02/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/8/2013 (cấp lần 1), mã số QLCTNH 19.000071.T

+ Văn bản số 1305/STNMT-BVMT ngày 07/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường và hướng dẫn quy định về bảo vệ môi trường cho Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

+ Văn bản số 64/STNMT-TNN ngày 10/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập hồ sơ cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc nhóm B (Nhà máy sản xuất gạch lát nền có tổng mức đầu tư là 297.000.000.000 đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Không có yếu tố nhạy cảm

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch lát nền

- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường: Dự án thuộc nhóm III – nhóm dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và mục tương ứng tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Căn cứ theo điểm c, khoản 1 Mục VII, phần A, phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

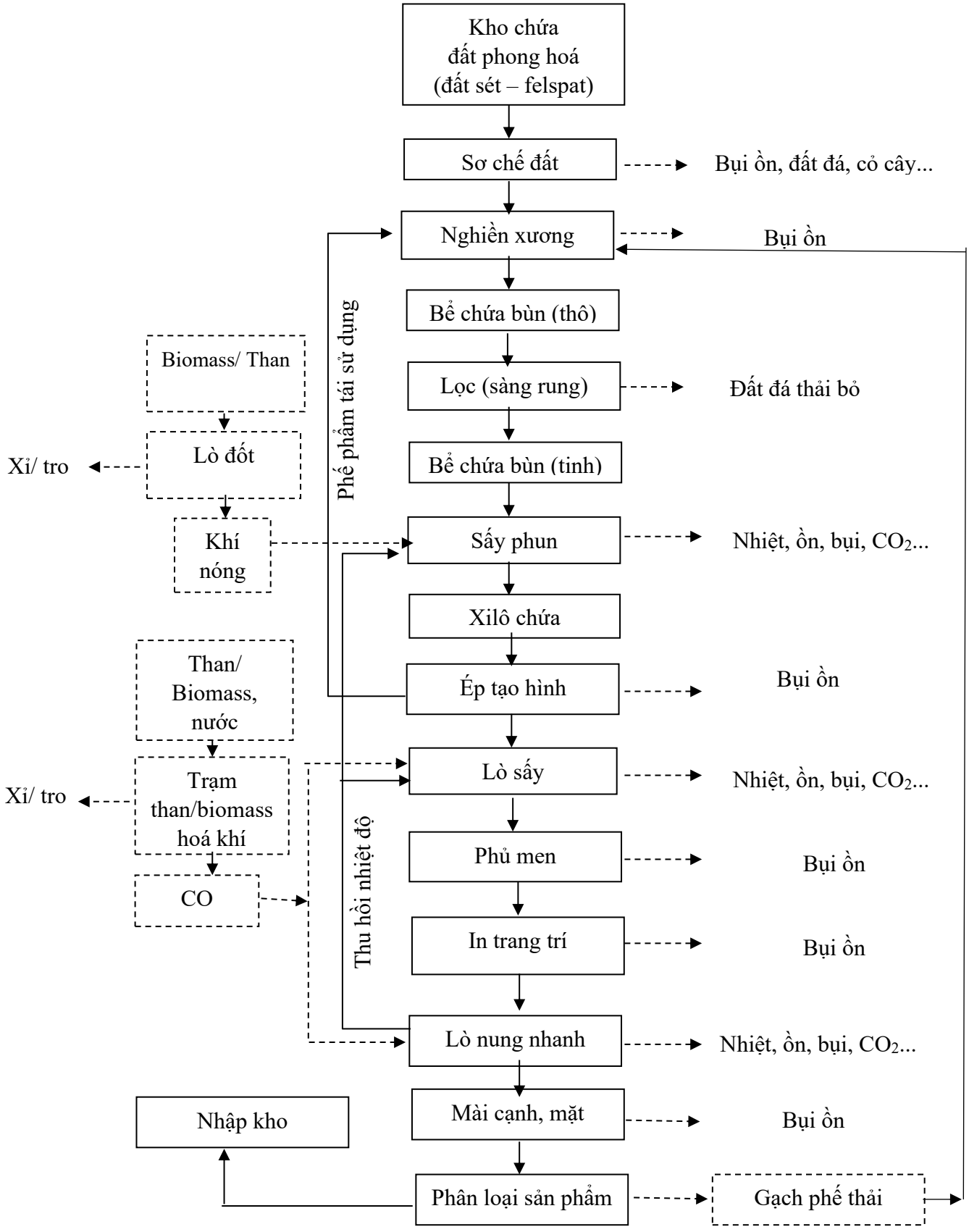
- Căn cứ khoản I.2, Mục B, Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ và Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên thì thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cho cơ sở nhà máy sản xuất gạch thuộc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (mẫu báo cáo thực hiện theo mẫu số 22d kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: Gạch lát nền

Theo ĐTM tại QĐ số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008	Theo XNHT số 08/GXN-STNMT ngày 06/2/2012	Cấp phép	Ghi chú
12 triệu m^2 sản phẩm/năm	12 triệu m^2 sản phẩm/năm	12 triệu m^2 sản phẩm/năm	Theo đúng ĐTM

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gạch lát nền

**** Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất***

Các loại đất được phối trộn với felspat theo tỷ lệ phối liệu, sau đó đưa vào hệ thống nghiền ướt để tạo hồ phối liệu (dạng bùn). Hồ phối liệu được bơm lên tháp sấy phun, tại đây nước được tách ra để tạo bột liệu có độ ẩm phù hợp. Bột liệu sau sấy được đưa vào các xi lô để ủ đồng nhất trước khi cấp đến máy ép tạo hình gạch mộc.

Gạch mộc được sấy khô, sau đó chuyển qua công đoạn tráng men và in trang trí. Tiếp theo, sản phẩm được nung trong lò ở nhiệt độ khoảng 1.100°C đến 1.250°C để hoàn thiện các tính chất cơ lý theo yêu cầu. Sau khi nung, gạch được phân loại chất lượng; tùy theo từng dòng sản phẩm, gạch tiếp tục được mài cạnh hoặc mài bề mặt tùy theo dòng sản phẩm, phân loại sản phẩm trước khi đóng gói, nhập kho thành phẩm.

Cụ thể từng công đoạn được trình bày như sau:

** Công đoạn sản xuất Nguyên liệu:*

Nguyên liệu chính gồm felspat và các loại đất được khai thác, vận chuyển về bãi chứa ngoài trời để phong hóa tự nhiên trong thời gian khoảng 03–04 tháng nhằm ổn định tính chất nguyên liệu. Sau thời gian phong hóa, nguyên liệu được đảo trộn để đồng nhất, lấy mẫu kiểm tra chất lượng. Trường hợp đạt yêu cầu kỹ thuật, nguyên liệu được vận chuyển vào kho chứa; trường hợp chưa đạt yêu cầu sẽ tiếp tục phong hóa, đảo trộn và kiểm tra lại đến khi đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất.

Từ kho nguyên liệu, nguyên liệu được xe xúc lật cấp vào các phễu định lượng theo tỷ lệ phối liệu do Phòng Công nghệ quy định, sau đó được vận chuyển bằng hệ thống băng tải đến công đoạn khuấy phá và nghiền.

Công đoạn khuấy phá: Nguyên liệu đất, nước và các loại phụ gia được đưa vào bể khuấy theo tỷ lệ phối liệu để tạo hồ phối liệu đồng nhất. Sau khi đạt các thông số kỹ thuật theo yêu cầu, hồ phối liệu được đưa qua hệ thống sàng quay để loại bỏ tạp chất (đá, rác và các vật liệu không mong muốn), sau đó chảy về bể trung gian.

Công đoạn nghiền: Hồ phối liệu từ bể trung gian được đưa vào máy nghiền bi cùng với nước và các phụ gia theo công thức phối liệu. Quá trình nghiền được thực hiện bằng bi nghiền có kích thước phù hợp nhằm bảo đảm độ mịn của hồ theo yêu cầu công nghệ. Sau khi hồ nghiền đạt các chỉ tiêu kỹ thuật và độ ẩm theo quy định (≤ 33%), hồ được xả vào bể chứa bùn thô và bể chứa bùn tinh để chuyển sang các công đoạn tiếp theo.

Theo hồ sơ môi trường hiện hành, hệ thống nghiền của nhà máy gồm 06 máy nghiền bi dung tích 45 tấn. Để đáp ứng yêu cầu sản xuất sản phẩm gạch Porcelain, Công ty bổ sung 03 máy nghiền bi dung tích 60 tấn.

Việc bổ sung 03 máy nghiền bi có dung tích 60 tấn/máy chỉ là bổ sung thiết bị phục vụ công đoạn nghiền phối liệu, nhằm tăng tính linh hoạt trong bố trí sản xuất, rút ngắn thời gian nghiền đối với phối liệu Porcelain và nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị. Các máy

nghiền được bố trí vận hành phù hợp với từng loại phối liệu và kế hoạch sản xuất, có thể vận hành luân phiên hoặc kết hợp với 06 máy nghiền bi 45 tấn hiện có.

Việc bổ sung thiết bị không làm thay đổi bản chất, nguyên lý và trình tự của công nghệ sản xuất đã được phê duyệt. Công đoạn nghiền vẫn thực hiện theo cùng một nguyên lý công nghệ, sử dụng cùng loại nguyên liệu, nước và phụ gia theo công thức phối liệu đã được xác định; sản phẩm sau nghiền tiếp tục được chuyển sang các công đoạn sản xuất tiếp theo như quy trình hiện hữu. Việc thay đổi dung tích thiết bị nghiền không làm phát sinh công đoạn sản xuất mới và không làm thay đổi các công đoạn xử lý môi trường của nhà máy.

Đồng thời, việc bổ sung 03 máy nghiền bi 60 tấn không làm thay đổi công suất thiết kế của dự án là 12 triệu m² sản phẩm/năm. Các thiết bị bổ sung chỉ nhằm nâng cao năng lực và tính linh hoạt của khâu chuẩn bị phối liệu, không phải là đầu tư mở rộng dây chuyền để tăng sản lượng sản phẩm. Sản lượng thực tế của Nhà máy hiện vẫn chưa đạt công suất thiết kế được phê duyệt; do đó, việc bổ sung thiết bị nghiền nhằm đáp ứng yêu cầu về chủng loại sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm Porcelain có thời gian nghiền dài hơn, nhưng không làm tăng công suất sản xuất của Nhà máy vượt mức đã được phê duyệt.

Trên cơ sở đó, có thể xác định việc bổ sung 03 máy nghiền bi 60 tấn không làm thay đổi công suất thiết kế, không làm thay đổi công nghệ sản xuất và không làm thay đổi quy mô sản xuất của dự án; đây là giải pháp điều chỉnh, tối ưu hóa thiết bị trong dây chuyền sản xuất hiện hữu nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và bảo đảm ổn định chất lượng phối liệu.

Theo hồ sơ đã được phê duyệt, công suất thiết kế của Nhà máy là 12 triệu m² sản phẩm/năm. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất thực tế hiện nay vẫn chưa đạt công suất thiết kế nêu trên. Do đó, việc bổ sung 03 máy nghiền bi 60 tấn không làm tăng công suất hoặc sản lượng của Nhà máy mà chỉ góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, bảo đảm chất lượng phối liệu và tính ổn định của quá trình sản xuất.

Công đoạn sấy phun: Bùn tinh được bơm lên tháp sấy phun bằng hệ thống bơm chuyên dụng. Nguồn nhiệt cho tháp sấy được cung cấp từ lò đốt sử dụng nhiên liệu than hoặc nhiên liệu sinh khối (biomass) như gỗ băm, dăm gỗ, trấu, vỏ hạt điều và các nhiên liệu sinh khối khác không chứa thành phần nguy hại. Dưới tác động của dòng khí nóng, hồ phối liệu được sấy đến độ ẩm khoảng 6–8%, tạo thành bột liệu đạt yêu cầu công nghệ. Bột liệu sau sấy được vận chuyển bằng hệ thống băng tải và đưa vào các xi lô chứa để ủ đồng nhất trước khi chuyển sang công đoạn ép tạo hình.

- Sản xuất nhiên liệu khí bằng than/biomass:

Sản xuất nhiên liệu khí bằng than: Nhiên liệu đốt là than được xe xúc lật xúc vào xi lô chứa, sau đó được hệ thống băng tải cấp vào lò, khí hóa than là quá trình chuyển đổi nhiên liệu rắn than thành nhiên liệu khí dễ cháy thông qua các phản ứng nhiệt hóa học. Than được nạp từ trên xuống, tiếp xúc ngược chiều với tác nhân của gió và hơi nước ở nhiệt độ

cao ở các vùng phản ứng chính trong lò sinh ra các thành phần khí.

Vùng sấy khô: Than mới cấp vào lò được sấy nóng để loại bỏ độ ẩm. Hơi nước thoát ra bay theo đường ống dẫn khí

Vùng chưng cất khô (nhiệt phân): Than đi xuống nhiệt độ cao từ 350-700°C. Qúa trình nhiệt phân diễn ra tách các chất bốc và hydrocacbon nhẹ ra khỏi than

Vùng khí hóa (phản ứng khử): Tại đây cacbon trong than phản ứng với oxy, hơi nước và CO2 ở nhiệt độ 800-1100°C. Các phản ứng chính bao gồm:

+ Phản ứng tạo khí CO: $C+CO \rightarrow 2CO$

+ Phản ứng tạo khí hydro: $C+H2O \rightarrow CO+H2$

Vùng cháy (vùng ôxy hóa): Khu vực đáy lò là nơi đốt cháy với không khí cấp vào để cung cấp nhiệt lượng duy trì toàn bộ quá trình khí hóa. Phản ứng chính $C+O_2 \rightarrow CO_2$. Tro xỉ được sinh ra tại đây và rơi xuống đáy để đưa ra ngoài theo cơ cấu quay tro. Hỗn hợp khí sinh ra gồm: CO, H_2, CH_4, CO_2. Và N_2 được thu hồi qua đường ống lấy khí đỉnh lò sau đó đi qua các hệ thống tháp xử lý khí như: Cyclon để lọc bụi, tháp gột rửa để dập bụi và làm mát giảm nhiệt độ khí dưới tác dụng của nước , khí được dẫn đến hệ thống tháp lọc bụi tĩnh điện dùng nguồn điện cao áp 72 KV để loại bỏ bụi tinh và dầu còn sót lại (nếu có) và nước được sử dụng tuần hoàn quay lại bể chứa. Khí đốt sau khi được làm sạch sẽ đưa đến quạt tăng áp và được truyền dẫn đến các lò sấy, lò nung, để sấy và nung gạch. Lượng xỉ, tro, bụi sinh ra trong quá trình đốt than được quay lại tái sử dụng vào bài liệu công đoạn sản xuất nguyên liệu hoặc chuyển cho đơn vị có đủ năng lực xử lý, nước được tuần hoàn 100% không xả thải ra ngoài môi trường.

Nhằm giảm thiểu khí thải nhà kính Công ty đã đầu tư Lò đốt Biomass với công nghệ sản xuất như sau:

Sản xuất nhiên liệu khí bằng Biomass: Nhiên liệu đốt là biomass (gỗ băm, dăm nghiền, trấu, vỏ hạt điều… không chứa thành phần nguy hại) được xe xúc lật xúc vào xi lô chứa (cầu cân), sau đó được hệ thống băng tải cấp vào lò khí hóa biomass, quá trình chuyển đổi nhiên liệu biomass thành nhiên liệu khí dễ cháy thông qua các phản ứng nhiệt hóa học. Biomass được nạp từ trên xuống, tiếp xúc ngược chiều với tác nhân của gió và hơi nước ở nhiệt độ cao ở các vùng phản ứng chính trong lò sinh ra các thành phần khí.

Vùng sấy khô: Biomass mới cấp vào lò được sấy nóng để loại bỏ độ ẩm. Hơi nước thoát ra bay theo đường ống dẫn khí

Vùng chưng cất khô (nhiệt phân): Biomass đi xuống nhiệt độ cao từ 350-700°C. Qúa trình nhiệt phân diễn ra tách các chất bốc, nhựa, dầu gỗ và hydrocacbon nhẹ ra khỏi biomass

Vùng khí hóa (phản ứng khử): Tại đây cacbon trong biomass phản ứng với oxy, hơi nước và CO2 ở nhiệt độ 800-1100°C. Các phản ứng chính bao gồm:

+ Phản ứng tạo khí CO: $C+CO \rightarrow 2CO$

+ Phản ứng tạo khí hydro: $C+H_2O \rightarrow CO+H_2$

Vùng cháy (vùng ôxy hóa): Khu vực đáy lò là nơi đốt cháy với không khí cấp vào để cung cấp nhiệt lượng duy trì toàn bộ quá trình khí hóa. Phản ứng chính C+O2→CO2. Tro xỉ được sinh ra tại đây và rơi xuống đáy để đưa ra ngoài theo cơ cấu quay tro. Hỗn hợp khí sinh ra gồm: CO, H_2, CH_4, CO_2. Và N_2 được thu hồi qua đường ống lấy khí đỉnh lò sau đó đi qua các hệ thống tháp xử lý khí như: Cyclon để lọc bụi, tháp làm mát để giảm nhiệt độ khí dưới tác dụng của nước và hệ thống tháp giải nhiệt, khí được dẫn đến hệ thống tháp lọc bụi tĩnh điện dùng nguồn điện cao áp 72 KV để loại bỏ bụi tinh và dầu còn sót lại và nước được sử dụng tuần hoàn quay lại bể chứa. Khí đốt sau khi được làm sạch sẽ đưa đến quạt tăng áp và được truyền dẫn đến các lò sấy, lò nung, để sấy và nung gạch. Lượng xỉ, tro, bụi sinh ra trong quá trình đốt biomass được quay lại tái sử dụng vào bài liệu công đoạn sản xuất nguyên liệu hoặc chuyển cho đơn vị có đủ năng lực xử lý, nước được tuần hoàn 100% không xả thải ra ngoài môi trường.

Khác với công nghệ sản xuất khí than thì công nghệ sản xuất khí từ nguyên liệu Biomass sẽ sinh ra lượng nước lớn trong quá trình sấy khô (tùy vào độ ẩm nguyên liệu khi nhập) với công suất hiện tại và độ ẩm biomass đầu vào khoảng 45% ẩm. Khi đưa 100 tấn biomass vào sử dụng sẽ sinh ra 45 m^3 nước/ ngày. Lượng nước trên sẽ được thu gom về bể chứa. Sau đó lượng nước này sẽ được bơm nước bổ sung bơm lên tháp phân tách. Từ tháp phân tách nước sẽ được dẫn tới hệ thống bơm tuần hoàn để đưa dòng nước qua hệ thống tháp trao đổi nhiệt để làm nóng nước. Sau khi qua tháp trao đổi nhiệt, nhiệt độ của nước sẽ dao động từ 110-130°C rồi quay lại tháp phân tách để hóa hơi và phân tách ra dầu gỗ.

Hơi nước sinh ra sau quá trình làm nóng và phân tách sẽ được dẫn 1 phần đưa về đáy lò khí hóa kết hợp với lượng gió đáy lò đẩy lên lò tạo phản ứng sinh khí. Phần còn lại sẽ được đưa lại lò đốt để đốt cùng dầu gỗ.

Trong quá trình phân tách tại tháp phân tách lượng dầu gỗ nặng sẽ được lắng và rơi xuống đáy tháp. Từ đáy tháp sẽ có hệ thống đường ống dẫn và được phun vào lò đốt để đốt, Nhiệt độ tại buồng đốt dao động từ 900-1200°C. Nhiệt độ trong buồng đốt sẽ được hệ thống quạt hút, hút gió nóng đưa tới tháp trao đổi nhiệt để làm nóng nước được hút từ bể chứa lên và đưa về tháp phân tách. Sau đó gió nóng sẽ được thải ra theo đường ống dẫn khói với lưu lượng 9000-10.000 m^3/h và đạt QCVN về khí thải.

Lượng xỉ, tro, bụi sinh ra trong quá trình đốt than/biomass được quay lại tái sử dụng vào bài liệu công đoạn sản xuất nguyên liệu hoặc chuyển cho đơn vị có đủ năng lực xử lý, nước được tuần hoàn 100% không xả thải ra ngoài môi trường.

- Ép gạch và sấy gạch

Bột liệu sau thời gian ủ đồng nhất được tháo tự động từ các xi lô chứa, qua hệ thống sàng quay để loại bỏ tạp chất, sau đó được vận chuyển bằng băng tải đến phễu cấp liệu của máy ép thủy lực. Tại đây, bột liệu được cấp tự động vào khuôn và ép tạo hình thành gạch mộc theo kích thước, quy cách sản phẩm.

Sau khi ép, gạch mộc được tháo khỏi khuôn và vận chuyển bằng hệ thống băng chuyền con lăn đến lò sấy. Nguồn nhiệt cho lò sấy được cung cấp từ khí nhiên liệu sản xuất bởi hệ thống khí hóa than hoặc khí hóa sinh khối (biomass). Quá trình sấy nhằm loại bỏ độ ẩm còn lại trong gạch mộc, tăng độ bền cơ học và hạn chế phát sinh khuyết tật trong công đoạn nung.

Sau khi đạt độ ẩm, nhiệt độ theo yêu cầu công nghệ, gạch mộc được vận chuyển bằng hệ thống puly, dây đai đến công đoạn phủ men và in trang trí để tiếp tục các công đoạn sản xuất.

- Phủ men, in trang trí:

Gạch mộc sau khi sấy được vận chuyển bằng hệ thống puly, dây đai đến dây chuyền phủ men và in trang trí. Tại đây, bề mặt gạch được làm sạch nhằm loại bỏ bụi bám, sau đó được phun ẩm để tạo điều kiện bám dính cho lớp men. Tiếp theo, gạch được thực hiện các công đoạn tráng men lót, phun men màu và phủ các lớp men theo yêu cầu của từng chủng loại sản phẩm. Lượng men sử dụng được định lượng và kiểm soát theo các thông số kỹ thuật của từng mã sản phẩm.

Sau công đoạn phủ men, gạch được in trang trí bằng máy in kỹ thuật số (Digital Printing) để tạo hoa văn, màu sắc và hiệu ứng bề mặt theo thiết kế. Sản phẩm sau khi hoàn thành công đoạn in được chuyển đến lò nung để tiếp tục quá trình sản xuất.

- Nung gạch:

Gạch sau công đoạn phủ men và in trang trí được vận chuyển đến lò nung bằng hệ thống băng chuyền, con lăn. Quá trình nung được thực hiện theo công nghệ nung nhanh, với nhiệt độ vận hành khoảng 1.100°C đến 1.250°C, nhằm hoàn thiện các tính chất cơ lý, độ bền và chất lượng bề mặt của sản phẩm.

Nguồn nhiệt cho lò nung được cung cấp từ khí nhiên liệu sản xuất bởi hệ thống khí hóa than hoặc khí hóa sinh khối (biomass). Quá trình cấp khí và điều khiển nhiệt độ được thực hiện tự động, bảo đảm duy trì chế độ nung ổn định theo yêu cầu công nghệ.

Khí nóng sau quá trình nung được thu hồi và tận dụng để cấp nhiệt cho lò sấy gạch mộc và lò sấy bột liệu tại xưởng sản xuất nguyên liệu, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm tiêu hao nhiên liệu và hạn chế phát sinh khí thải.

Sau công đoạn nung, gạch thành phẩm được vận chuyển đến dây chuyền mài cạnh hoặc mài mặt tùy theo yêu cầu của từng dòng sản phẩm:

Đối với dây chuyền mài cạnh khô: Gạch được đưa trực tiếp đến máy mài cạnh để gia công đạt kích thước và độ chính xác theo yêu cầu kỹ thuật. Trong quá trình mài phát sinh bụi, bột mài được thu gom bằng hệ thống hút bụi túi vải và thu hồi để tái sử dụng tại công đoạn nghiền xương của xưởng Nguyên liệu. Sau khi mài, sản phẩm được kiểm tra, phân loại theo tiêu chuẩn chất lượng của từng chủng loại, sau đó chuyển đến dây chuyền đóng gói, xếp hộp và nhập kho thành phẩm. Gạch không đạt chất lượng được phân loại riêng và thu hồi để nghiền, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Đối với dây chuyền mài mặt, mài cạnh ướt: Sau khi ra lò nung, gạch được kiểm

tra, phân loại sơ bộ và lưu kho trong thời gian theo yêu cầu công nghệ nhằm ổn định chất lượng sản phẩm trước khi đưa vào mài. Gạch sau đó được cấp vào dây chuyền mài mặt, mài cạnh bằng phương pháp mài ướt. Quá trình mài phát sinh bột mài được thu gom theo dòng nước về bể lắng để tách bột mài; phần bột thu hồi được tái sử dụng tại công đoạn nghiền xương của xưởng Nguyên liệu, nước được pha PAC và A101 sau lắng được thu hồi và tuần hoàn trở lại dây chuyền sản xuất. Sau khi mài, gạch được kiểm tra, phân loại chất lượng, đóng gói, xếp hộp và nhập kho thành phẩm. Gạch không đạt chất lượng được thu gom riêng để nghiền và tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Việc thu hồi bột mài, gạch phế phẩm và tuần hoàn nước trong công đoạn mài được thực hiện thường xuyên nhằm tận dụng tối đa nguyên liệu, giảm lượng chất thải phát sinh và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên theo định hướng sản xuất sạch hơn.

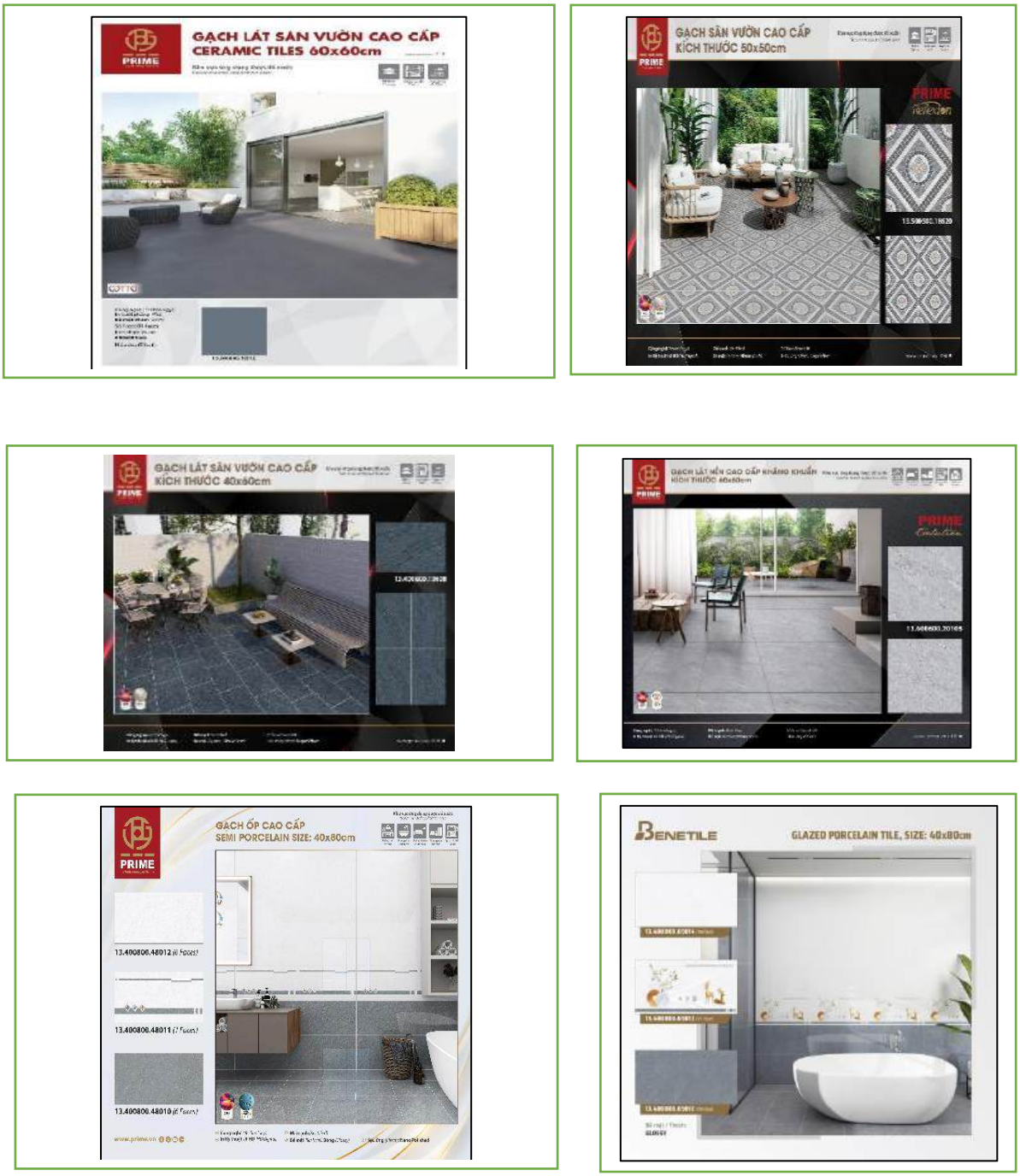
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Khối lượng sản phẩm của cơ sở được thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 1. 1. Cơ cấu sản phẩm của cơ sở qua các năm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng năm							
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	công suất tối đa được phê duyệt
1	Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men	Triệu m^2	11,589	11,457	8,638	7,399	7,369	5,689	6,182	12

Do ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế thế giới và trong nước lượng tồn kho tăng cao do bán hàng chậm dẫn đến sản lượng sản xuất của Công ty giảm, chưa đạt được công suất thiết kế ban đầu.



Hình 1. 3. Một số hình ảnh sản phẩm của cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu của nhà máy qua các năm

Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị tính	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Công suất thiết kế
Nhiên liệu									
Than: 5A	Tấn	13.048	20.209	22.685	27.830	22.897	15.715	15.063	40.000
Than cám 5A qua sàng	Tấn	1.722	2.200	1.815	684	0	29	24	0
Than quả bàng	Tấn	19.611	10.078	0	0	0	0	0	0
Than 4A.1, 3C (nhập khẩu)	Tấn	12.746	14.506	10.403	3.760	4	0	0	0
Dầu Diezel dùng cho xe cơ giới	Lít	334.487	312.538	231.269	278.068	281.250	196.065	224.655	350.000
LPG (khí gas) dùng trong nấu ăn	Kg	1.140	1.032	804	744	648	816	816	1.500
Biomass (củi băm, trấu, vỏ gỗ)	Tấn	0	0	0	29.145	16.969	13.942	20.222	150.000
Nguyên liệu									
Đất sét	Tấn	270.616	286.987	192.134	212.543	146.329	112.006	83.603	300.000
Men màu sử dụng	Tấn	4.030	3.678	3.202	3.778	5.639	6.240	5.039	5.000
Felspat	Tấn	1.782	1.649	6.570	15.033	14.742	7.555	11.464	50.000

Nguồn cung cấp:

Men màu, felspat, than, nguyên liệu xương, biomass, và các nguyên vật liệu khác: Được nhập từ các Công ty thành viên Prime và từ các nhà cung cấp khác.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện

1.*4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở*

Nhu cầu sử dụng điện tối đa phục vụ hoạt động Nhà máy khoảng trên 24.000.000 kWh/năm.

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở qua các giai đoạn

STT	**Năm**	**Lượng điện sử dụng (**kWh/năm)
1	2019	24.469.000
2	2020	24.653.000
3	2021	21.737.000
4	2022	23.950.000
5	2023	19.140.000
6	2024	15.683.000
7	2025	19.298.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên)

1.4.2.2. Nguồn cung cấp điện của cơ sở

- Điện mua từ điện lưới quốc gia EVN gồm 4 trạm biến áp cụ thể:

+ Trạm 1: 01 máy biến áp 1500 KVA – 35/0,4 KV và 01 máy biến áp 1000 KVA – 35/0,4 KV

+Trạm 2 : 03 máy biến áp 1000 KVA – 35/0,4 KV

+ Trạm 3 : 02 máy biến áp 1000 KVA – 35/0,4 KV, 01 máy biến áp 1500 KVA-35/0,4KV

+ Trạm 4: 02 máy biến áp 1500 KVA- 35/0,4KV

- Điện năng lượng mặt trời (Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà, giảm tiêu thụ điện lưới, giảm thiểu phát thải khí nhà kính)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước

1.4.3.1. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước tối đa của cơ sở

TT	Mục đích sử dụng	Đơn vị	Lưu lượng sử dụng	Ghi chú
I	**Nước cấp sinh hoạt**	m^3/nđ	130	Hàng ngày, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó chảy về hồ chứa nước thải tuần hoàn sản xuất của công ty (Không có hoạt động xả thải)
II	**Nước cấp sản xuất**	m^3/nđ	350	- Tuần hoàn toàn bộ, không xả thải. - Nguồn cấp: từ hồ chứa nước thải tuần hoàn sản xuất của Công ty.
III	**Nước tưới cây, dập bụi đường đi**	m^3/nđ	10	Hàng ngày
IV	**Nước phòng cháy chữa cháy**	m^3/nđ	10	- (1) Trường hợp khi có sự cố cháy - Sử dụng nguồn nước tại hồ chứa
V	**Tổng lượng nước sử dụng hàng ngày**	m^3	500	

Ghi chú: (1): Nước cấp PCCC không sử dụng thường xuyên, chỉ phát sinh trong trường hợp xảy ra đám cháy hoặc chi viện cho các Doanh nghiệp lân cận lấy nước chữa cháy.

Trong đó nhu cầu sử dụng nước tại 3 nguồn (nước giếng, nước sạch và nước mưa) như sau:

a. Nước dưới đất: Căn cứ theo đồng hồ đo lưu lượng nước giếng khoan hàng ngày sử dụng tại nhà máy (phục vụ sinh hoạt và sản xuất)

Bảng 1. 5. Tổng hợp lượng nước ngầm khai thác trong 2 năm tại nhà máy

TT	Thời gian	Lượng tiêu thụ nước giếng khoan (m^3/năm)	Lượng tiêu thụ nước giếng khoan (m^3/tháng)	Lượng tiêu thụ nước giếng khoan (m^3/ngày)
1	Năm 2024	52.114	4.343	143
2	Năm 2025	38.355	3.306	105
3	Trung bình	45.894	3825	**124**
4	Lớn nhất	52.114	4.343	**143**

b. Căn cứ theo hóa đơn tiền nước hàng tháng (phục vụ cho sinh hoạt)

Bảng 1. 6. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước sạch tại nhà máy

TT	Thời gian	Lượng tiêu thụ nước sạch (m^3/năm)	Lượng tiêu thụ nước sạch (m^3/tháng)	Lượng tiêu thụ nước sạch (m^3/ngày)
1	Năm 2024	682	57	1.8
2	Năm 2025	3.170	265	8.7
	Trung bình	1.926	161	**5.3**
	Lớn nhất	3.170	265	**8.7**

Tổng nhu cầu sử dụng nước sạch và nước giếng khoan của nhà máy trong 1 ngày khoảng 152 m^3/ngày đêm.

c. Nước cấp từ hồ chứa dự trữ (cho hoạt động sản xuất)

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước cho từng công đoạn sản xuất (tính cho 12 triệu m^2 sản phẩm/năm)

TT	Hạng mục	Nhu cầu (m3/ngđ – 365 ngày)
1	Công đoạn trộn liệu, nghiền xương xưởng Nguyên liệu	260
2	Nước sử dụng cho bao hơi, vòng bọc nước làm mát thân lò, hệ thống bơm thủy lực, hệ thống quạt gió, quạt tăng áp, nước làm mát Cyclon và lọc bụi tĩnh điện, nước bịt kín van tổng, nước gột rửa hệ thống lọc bụi của trạm than hóa khí xưởng Nhiên liệu	60
3	Nước sử dụng cho nhà lọc bụi sau công đoạn sấy phun (xưởng nguyên liệu)	5
4	Vệ sinh quả nghiền, máy bơm (xưởng nguyên liệu)	10
5	Công đoạn rửa lưới, thay mẫu, chế biến màu và vệ sinh dây chuyền xưởng men màu	10
6	Công đoạn mài	05
	Tổng	**350**

(Căn cứ theo đồng hồ đo lưu lượng nước sử dụng hàng năm và số liệu tính toán của công ty)

1.4.3.2. Nguồn cung cấp nước của cơ sở

Nguồn cấp nước cho cơ sở là từ 3 nguồn: Nước sạch, nước dưới đất và nước mưa:

- Nước sạch từ Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên theo Hợp đồng số 309AS/HĐDVCN ngày 25/11/2014.

- Nước dưới đất theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 1010/GP-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên (gia hạn lần 1). Nguồn nước khai thác: 02 giếng khoan

- Giấy xác nhận số 898/GXN-SNNMT ngày 03/07/2026 về việc xác nhận đăng ký khai thác sử dụng tài nguyên nước đào hồ, ao để tạo không gian thu, trữ nước tạo cảnh quan của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

+ Tọa độ vị trí công trình khai thác (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 106°30, múi chiếu 3°):

+ GK1: X = 2361987; Y = 434928;

+ GK2: X = 2361805; Y = 434906.

+ Chế độ khai thác: 24 giờ/ngày đêm, 365 ngày/năm

+ Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

+ Lưu lượng nước khai thác: 190 m^3/ngày đêm

- Nước mưa: Tại hồ chứa có dung tích 30.500m^3

1.4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở

Hóa chất sử dụng	**Với công suất hiện tại** **6,8** triệu m² sản phẩm	**Khi đạt công suất tối đa** 12 triệu m^2sản phẩm	**Đơn vị**	**Ghi chú**
Công đoạn mài				
PAC và A1O1	7.000	13.000	Kg/năm	- Để tạo lắng bột sau khi mài, bổ sung dung dịch PAC nhằm tạo liên kết theo dạng huyền phù lơ lửng trong nước. - Dung dịch A1O1 nhằm tạo sự kết tủa các huyền phù

(*Nguồn: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên)*

1.5. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp/cấp lại giấy phép môi trường: Không

1.6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.6.1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký mã 4600409440. Năm 2008, đầu tư Nhà máy sản xuất gạch lát nền với tổng công suất 12 triệu m^2/năm tại xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên (nay là phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên) được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008.

Quy mô diện tích cơ sở là 164.950m^2 theo Hợp đồng thuê đất (ký lại lần 2) số 191/HĐTĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng thuê đất số 40/HĐTĐ ngày 11/3/2024 giữa UBND tỉnh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên, các hạng mục công trình đã hoàn thành của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 9. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Bộ phận	Tên các hạng mục	Diện tích (m^2)
1	Xưởng Nhiên liệu	1.1 Lò đốt than/ Biomass, kho chứa Nhiên liệu	4104,3
2	Xưởng Nguyên liệu	2.1 Nhà xưởng sản xuất, tháp dập bụi Nguyên liệu	8579,5
3	Xưởng Bán Thành phẩm	3.1 Ép sấy, Men màu, Lò nung	19888,5
4	Nhà điều hành sản xuất	4.1 Các phòng ban	386,1
5	Xưởng Thành phẩm	5.1 Nhà xưởng mài mặt, mài bóng, đóng hộp	8278,4
6	Phòng Vật tư	6.1 Kho chứa gạch thành phẩm	19511,1
		6.2 Kho chứa Nhiên liệu đốt (than/ biomass)	1623,1
		6.3 Kho chứa phế liệu	113,6
		6.4 Kho chứa tro, xỉ	908,9
7	Phòng Tổ chức hành chính	7.1 Nhà ăn CBCNV	545,3
		7.2 Phòng nghỉ	142,4
		7.3 Nhà điều hành	1024,0

- Quá trình đầu tư và phạm vi lập hồ sơ cấp phép môi trường Nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên gồm 04 dây chuyền sản xuất sản phẩm gạch lát nền, cụ thể quá trình đầu tư như sau:

+ Năm 2007, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000011, chứng nhận lần đầu ngày 06/7/2007 cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch lát nền

công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm tại xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên (nay là phường Trung Thành, thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên.

+ Tổng vốn đầu tư 297.800.000.000 đồng, thời gian hoạt động 49 năm, tiến độ khởi công tháng 6/2007 và đi vào hoạt động tháng 12/2007.

+ Trên cơ sở đó, Công ty đã lập báo cáo ĐTM cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, được phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

+ Năm 2012, Công ty được cấp giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 06/02/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm.

- Phạm vi lập hồ sơ cấp phép môi trường: Gồm toàn bộ các dây chuyền sản xuất và công trình bảo vệ môi trường đang hoạt động tại Nhà máy, cụ thể: 04 dây chuyền sản xuất gạch lát nền và 01 dây chuyền mài bóng được di chuyển sang vị trí nhà xưởng mới. Vị trí nhà xưởng của dây chuyền mài bóng trước đây được chuyển đổi công năng thành kho thành phẩm, các hạng mục này đều nằm trong khuôn viên đất của Nhà máy.

1.6.2. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

Bảng 1. 10. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở

STT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
I	**Công trình bảo vệ môi trường nước**		
1	Bể tự hoại	05 bể	Tổng dung tích 50m^3
2	Bể tách mỡ	01 bể	Dung tích 10m^3
3	Hồ chứa nước sản xuất	01	Dung tích 30.500m^3; được chống thấm, chống tràn.
4	Công trình xử lý nước thải từ xưởng Nhiên liệu	-	Bể nước sạch tuần hoàn 05 ngăn (dung tích 150m^3); bể phun mưa làm nguội (dung tích 900m^3); bể lắng bụi than 04 ngăn (dung tích 300m^3)
5	Công trình xử lý nước thải từ xưởng Nguyên liệu	-	Bể lắng cấp 1 tháp dập bụi sấy phun (02 bể dung tích 30m^3); bể lắng cấp 2 dập bụi cyclon lò đốt than/biomass (tuần hoàn, dung tích 60m^3); bể thu hồi (dung tích 15m^3) thu hồi bụi cyclon lọc bụi, bụi sàng quay phát sinh công đoạn sản xuất bột liệu sấy phun.

6	Công trình xử lý nước thải từ xưởng Bán thành phẩm	-	Bể lắng 02 ngăn (dung tích 30m^3)
7	Công trình xử lý nước thải từ xưởng Thành phẩm	-	Thùng chứa dung dịch keo tụ (02 thùng); bể lắng tuần hoàn 09 ngăn (dung tích 600m^3).
II	**Công trình bảo vệ môi trường khí**		
1	Hệ thống lọc bụi (tại xưởng Nguyên liệu, Bán Thành phẩm, Thành phẩm)	05 hệ thống	- Tại công đoạn sấy phun bao gồm quạt hút có công suất 200 Kw, tháp sấy, cyclon lọc bụi và tháp phun ẩm, 01 máy hút bụi hút bụi sàng quay, đầu chụp băng tải sấy phun. - Tại công đoạn ép sấy bao gồm 02 máy hút bụi công suất 75 Kw và 30 Kw với thiết bị chụp hút dọc theo băng tải và vị trí của máy ép. - Tại công đoạn men màu bao gồm thiết bị chụp hút và máy hút bụi công suất 15 Kw - Tại công đoạn lò nung bao gồm quạt hút đầu lò, quạt trợ đốt, quạt làm mát. - Tại công đoạn mài khô bao gồm 01 máy hút bụi công suất 75 Kw, Tại công đoạn mài cạnh nước bao gồm 01 quạt hút bụi công suất 55 Kw.
2	Hệ thống lọc bụi (tại xưởng Nhiên liệu)	01 hệ thống	- Tại xưởng Nhiên liệu gồm 06 hệ thống (bẫy bụi và làm ướt thiết bị đi kèm gồm cyclon và lọc bụi tĩnh điện) công suất thiết bị 300 Kw. - Hệ thống lọc bụi tĩnh điện bao gồm: Đỉnh tháp, chân tháp và chân đế.
III	**Chất thải nguy hại**		
1	Kho lưu chứa chất thải	m^2	80

1.6.3. Danh mục máy móc thiết bị chính phục vụ sản xuất của cơ sở

Bảng 1. 11. Danh mục máy móc thiết bị hiện có của nhà máy

TT	Hạng mục	Ký hiệu và quy cách	Xuất xứ	Số lượng	Ghi chú
I	**Xưởng Nhiên liệu**				
1	Lò đốt than hóa khí	Lò	Trung Quốc	05	
2	Lò đốt Biomass hóa khí	Lò	Trung Quốc	01	
II	**Xưởng Nguyên liệu**				
1	Lò đốt	Lò		02	
2	Khuấy nổi	Bể	Trung Quốc	04	
3	Nghiền liệu	Quả	Trung Quốc	08	Dự kiến tăng thêm 01 quả nghiền 60 tấn.
	Máy nghiền bi, dung tích 45 tấn/ngày	Quả	Trung Quốc	06	Hiện có
	Máy nghiền bi, dung tích 60 tấn/máy	Quả	Trung Quốc	03	Bổ sung, vận hành luân phiên hoặc kết hợp với máy nghiền hiện có, không làm thay đổi công suất và công nghệ sản xuất của Nhà máy. Nhằm tối ưu hóa thời gian nghiền phối liệu Porcelain
4	Sấy phun	Tháp	Trung Quốc	02	
5	Hệ thống băng tải	Hệ thống	Việt Nam	04	
III	**Xưởng Bán thành phẩm (Ép sấy)**				
1	Máy ép		Trung Quốc	06	Dự kiến bổ sung thêm 1 máy ép để ép gạch kích thước lớn; không thay đổi công suất thiết kế của nhà máy
2	Hệ thống làm lạnh		Trung Quốc	02	
3	Hệ thống cấp liệu		Việt Nam	02	

4	Lò sấy		Trung Quốc	04	
IV	**Xưởng Bán thành phẩm (Men màu)**				
	Dây chuyền		Trung Quốc, Italy	04	
V	**Xưởng Bán thành phẩm (Lò nung)**				
1	Kho bù		Trung Quốc	04	
2	Lò nung		Trung Quốc	04	
VI	**Xưởng Thành phẩm**				
1	Hệ thống máy mài cạnh khô		Trung Quốc	01	
2	Hệ thống máy phân loại đóng hộp		Trung Quốc	04	
3	Máy mài bóng		Trung Quốc	03	
4	Máy mài cạnh nước		Trung Quốc	03	

*Việc bổ sung một số thiết bị tại các công đoạn nghiền liệu và ép tạo hình nhằm nâng cao tính linh hoạt trong tổ chức sản xuất, đáp ứng yêu cầu về chủng loại, kích thước sản phẩm và tối ưu hóa thời gian vận hành thiết bị. Các thiết bị bổ sung được bố trí trong dây chuyền sản xuất hiện hữu, không làm phát sinh công đoạn sản xuất mới, không thay đổi nguyên lý công nghệ, nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra và không làm thay đổi công suất thiết kế 12 triệu m² sản phẩm/năm của Nhà máy. Việc bổ sung thiết bị chỉ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng đáp ứng các chủng loại sản phẩm khác nhau trong phạm vi công suất đã được phê duyệt.

1.6.4. Cơ cấu tổ chức

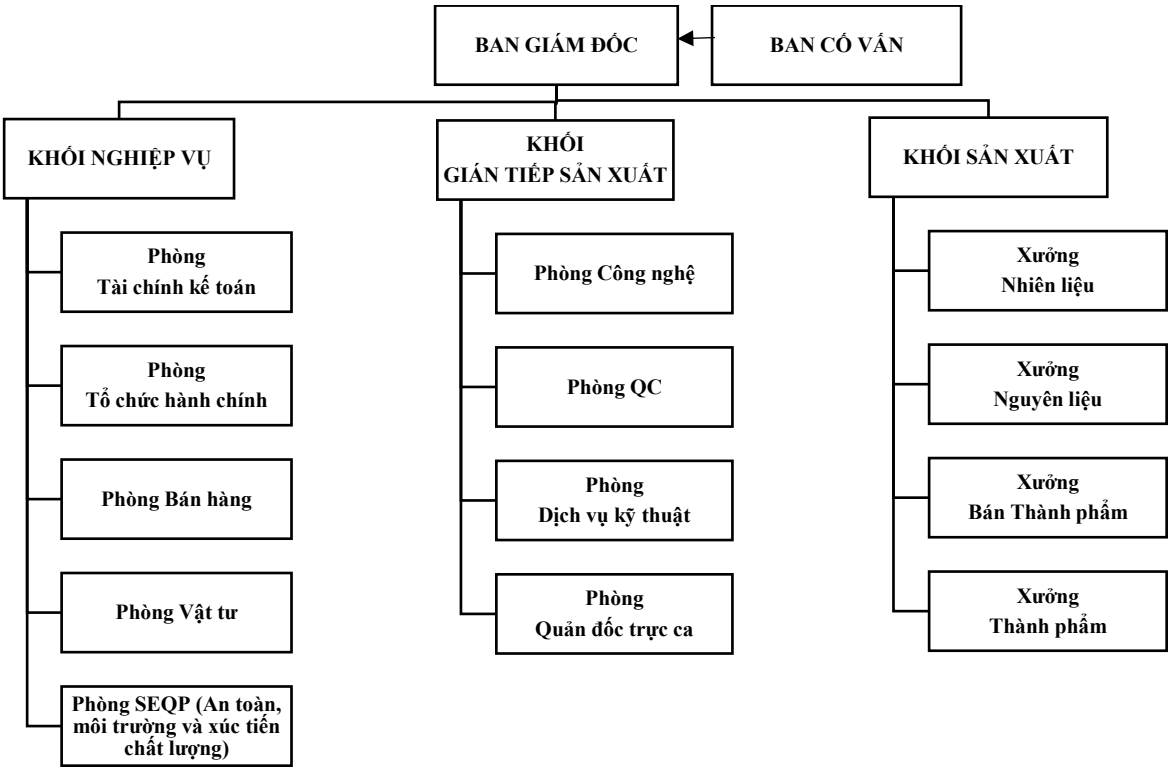
-Tổng số lượng CBCNV: 287 người (Định biên 4 dây chuyền sản xuất)

-Chế độ làm việc: 8h/ca, 3 ca/ngày và hành chính.

-Thời gian làm việc: Khoảng 320 ngày/năm.

Cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất của Nhà máy được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



CHƯƠNG II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, quy hoạch phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định

a, Sự phù hợp của cơ sở với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu tổng quát là: chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; phát triển kinh tế- xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

Công ty Cổ phần Prime hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gạch lát nền. Hoạt động của cơ sở phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

b, Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên

** Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:*

Hoạt động sản xuất gạch lát nền của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên hoàn toàn phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của tỉnh Thái Nguyên tại Nghị quyết số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể: Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của vùng Thủ đô Hà Nội gắn với phát triển bền vững, có sức lan toả, tác động đến phát triển công nghiệp toàn vùng Trung du và Miền núi phía Bắc trong đó ngành xây dựng phát triển. Nhóm ngành công nghiệp được duy trì phát triển và mở rộng hợp lý trong đó có lĩnh vực sản xuất gạch ốp lát các loại.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh: 90% các cơ sở sản xuất xây dựng cũ phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường và hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn, ít phát thải. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định, phù hợp với phân vùng môi trường và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững của địa phương.

Với những căn cứ trên, dự án của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên không chỉ phù hợp với quy hoạch về mặt ngành nghề và bảo vệ môi trường mà còn đồng hành cùng mục

tiêu tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026-2030 của tỉnh đạt trên 10,5%/năm.

** Phân vùng môi trường:*

Cơ sở có địa chỉ tại phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên là đô thị loại II (quy định tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 10/03/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên) là khu vực bảo vệ nghiêm ngặt theo Hệ thống phân vùng môi trường tỉnh Thái Nguyên được phê duyệt tại Nghị quyết số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường, cơ sở luôn thực hiện tốt việc thu gom và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; thực hiện thu gom và quản lý chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, bảo đảm không gây tác động xấu tới nguồn tiếp nhận và đến môi trường xung quanh.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

* Với khí bụi thải: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở được thu gom và xử lý tại các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B có Kp = 0,8 và Kv = 1,0 trước khi thải ra ngoài môi trường.

* Với nước thải: Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt được thu gom, tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra ngoài môi trường.

Vì vậy, hoạt động sản xuất của cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TRÌNH

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nhà máy đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa, được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Cụ thể như sau:

- Nước mưa trên mái: Nước mưa từ mái khu nhà điều hành, nhà văn phòng, mái nhà xưởng theo đường ống PVC D110, D300 đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa trên mặt bằng sân, đường nội bộ của Nhà máy.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên bề mặt khu vực sản xuất thu gom theo hệ thống mương rãnh, hố ga lắng cặn xung quanh Nhà máy.

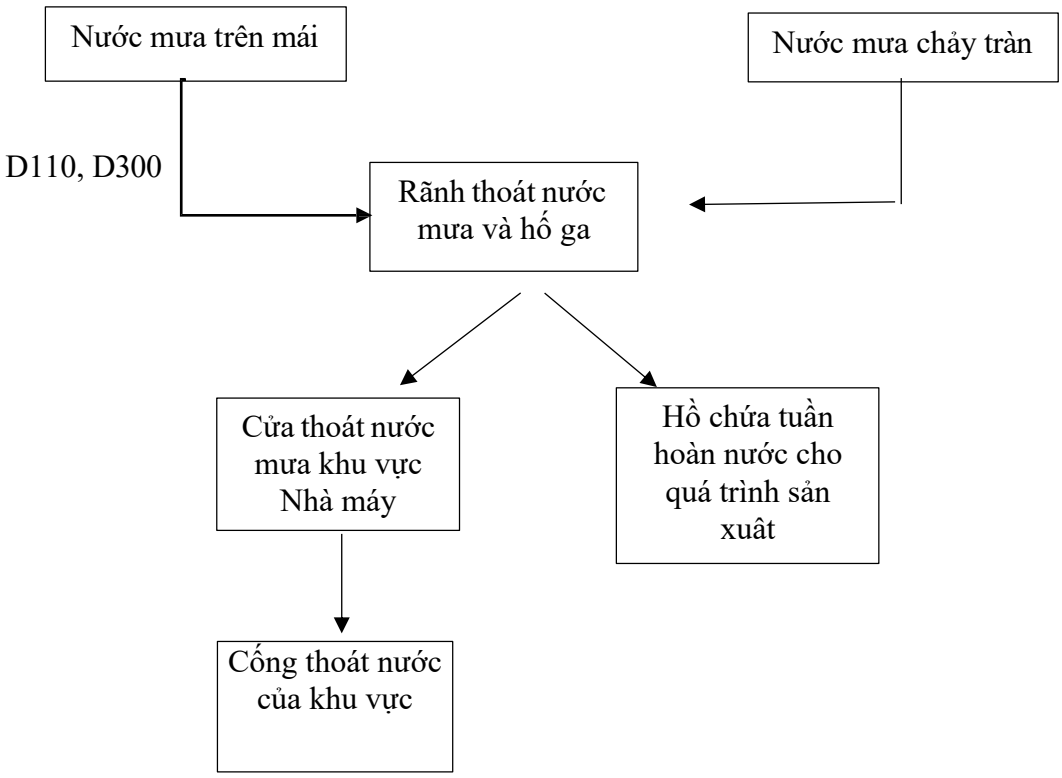
Do nhu cầu sử dụng nước lớn trong quá trình sản xuất nên hệ thống mương thu gom nước mưa được nối với hồ chứa nước tuần hoàn của Công ty nhằm bổ sung nước cho hồ. Trong trường hợp mưa lớn, thì có thể điều tiết nước thoát ra hệ thống cống bên ngoài qua 2 cống D800 (cống Đồng Nâu) theo cửa xả, không đưa vào hồ chứa của Nhà máy.

Chủ cơ sở định kỳ nạo vét, khơi thông hệ thống thu gom, thoát nước mưa 6 tháng/lần, thành phần bùn nạo vét chủ yếu là bùn, đất theo nước mưa chảy tràn xuống hệ thống thoát nước được thu gom, tái sử dụng làm nguyên liệu nạp vào quả nghiền, phối trộn theo bài liệu.

* Vị trí điểm xả nước mưa:

Bảng 3. 1. Vị trí điểm xả nước mưa của Nhà Máy

Điểm xả	Vị trí điểm xả	Toạ độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $106^0 30'$, múi chiếu 3^0)	Nguồn tiếp nhận	Cơ chế thoát
01 cửa xả	Khu vực phía sau nhà máy, sau hồ chứa nước	X=2362131,5 Y=435225,8	Cống thoát nước của khu vực (cống Đồng Nâu)	Tự chảy



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Nhà máy

* Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa như sau:

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại Nhà máy

TT	Danh mục	Kích thước đường dẫn (mm)	Kết cấu	Chiều dài (m)	Nguyên lý hoạt động
1	Đường ống thu gom nước mưa trên mái	D110, D300	Nhựa, Inox	900	Tự chảy
2	Mương trục chính	800x1200	Bê tông xây âm	1055	Tự chảy
3	Các mương nhánh	500x500	Bê tông xây âm	507	Tự chảy
4	Mương vành đai	1800x1200	Xây kè đá	1442	Tự chảy



Hình 3. 2. Mương rãnh thoát nước mưa và vị trí cửa xả nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Các nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy gồm: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 1: Phát sinh từ bể tự hoại.

+ Nguồn số 2: Từ bể tách dầu mỡ khu vực nhà ăn ca

Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên nhà máy và hoạt động ăn ca. Nước thải sinh hoạt tại nhà máy tính bằng 100% lượng nước cấp sinh hoạt và bếp ăn (theo tính toán tại chương 1 của báo cáo) khoảng 130 m^3/ngđ. Nước thải từ khu vực vệ sinh được thu gom qua bể tự hoại; nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom qua bể tách dầu mỡ được dẫn về hồ chứa có dung tích 30.500 m^3, sau đó tuần hoàn, tái sử dụng phục vụ quá trình sản xuất. Toàn bộ lượng nước thải được thu gom, xử lý và tái sử dụng, không xả ra môi trường bên ngoài.

- Nguồn phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất:

+ Nguồn số 3: Nước thải xưởng Nhiên liệu

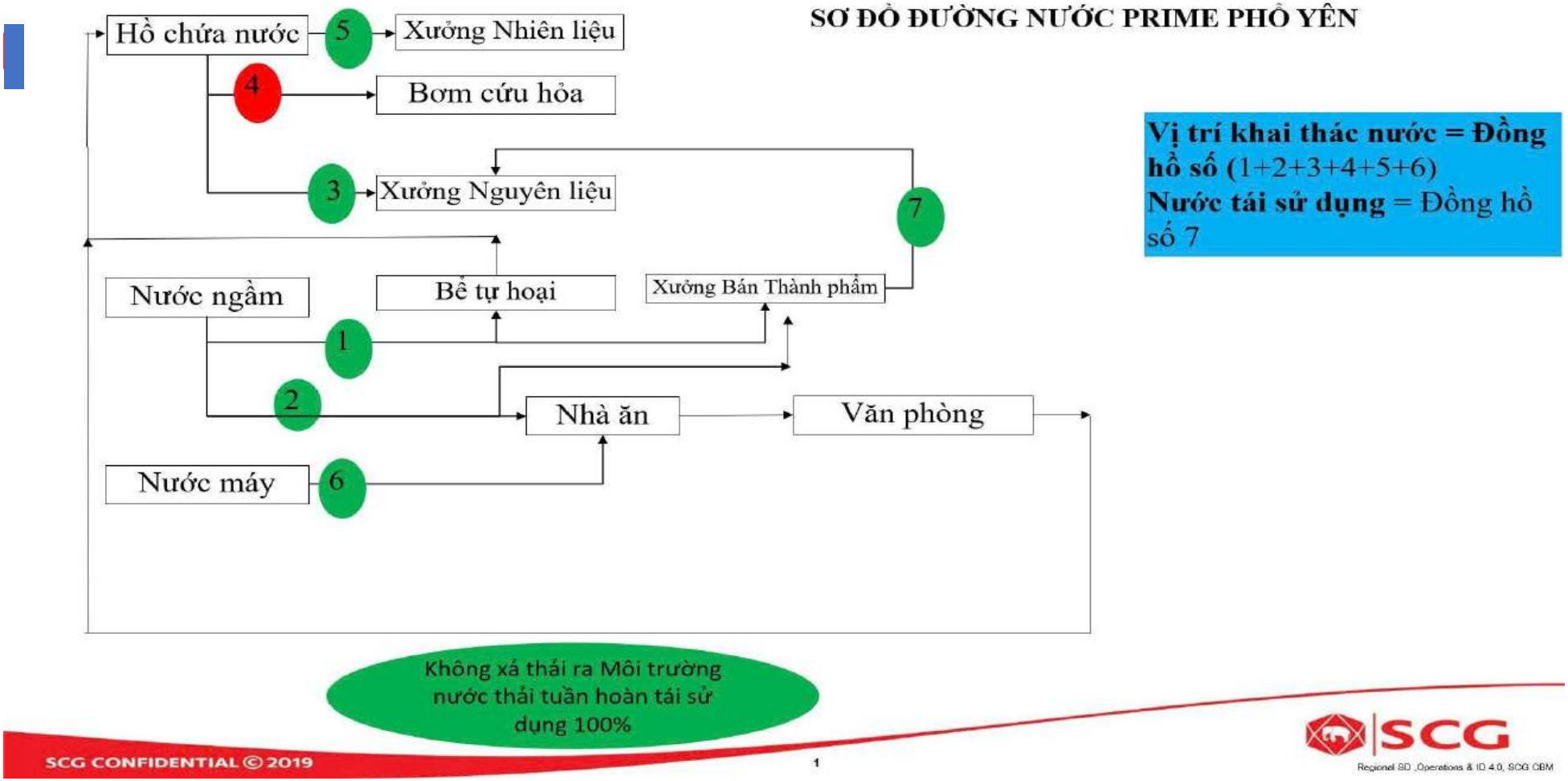
+ Nguồn số 4: Nước thải xưởng Nguyên liệu

+ Nguồn số 5: Nước thải xưởng Bán thành phẩm

+ Nguồn số 6 Nước thải xưởng Thành phẩm

+ Nguồn số 7: Nước thải xưởng mài mặt

Với tổng lượng nước thải sản xuất khoảng 350 m^3/ngđ được Công ty thu gom về hệ thống bể lắng xử lý, làm mát, tuần hoàn 100% lại cho sản xuất, không xả nước thải ra ngoài môi trường.



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom, sử dụng nước của nhà máy gạch Prime

3.1.2.1. Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

- Nước thải rửa tay chân tại khu vực nhà ăn ca, khu văn phòng, khu vực sản xuất được thu gom vào hệ thống mương rãnh chảy về bể, tuần hoàn cho quá trình sản xuất không xả ra ngoài môi trường.

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh (nước thải đen) được thu gom theo đường ống PVC D110 về xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó thoát vào hệ thống đường ống PVC D110 của Nhà máy (đặt chìm) thu gom về hồ chứa nước tuần hoàn đã được chống thấm, chống tràn (dung tích 30.500 m^3), sau đó được bơm tuần hoàn lại cho sản xuất thông qua 02 trạm bơm gồm 03 máy bơm, không xả nước thải từ hồ chứa ra ngoài môi trường.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà ăn ca được bơm vào xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ dung tích 10m^3 (chia 3 ngăn), sau đó dẫn theo đường ống HDPE D48 về bể lắng tuần hoàn cho quá trình sản xuất không xả ra ngoài môi trường.

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt của Nhà máy

TT	Vị trí	Hạng mục	Số lượng	Thông số
I	**Nước thải sinh hoạt từ khu vực rửa tay chân**			
1	Khu văn phòng	Thu gom vào hệ thống mương, rãnh chảy về bể/hồ chứa, tuần hoàn cho sản xuất	200 m	PVC D110
2	Khu nhà bếp	Thu gom vào hệ thống mương, rãnh chảy về bể/hồ chứa, tuần hoàn cho sản xuất	10 m	PVC D110
		Hố gom (Tách mỡ)	10 m	PVC D110
3	Khu vực sản xuất	Thu gom vào hệ thống mương, rãnh chảy về bể/hồ chứa, tuần hoàn cho sản xuất	450 m	PVC D110
II	**Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh**			
1	Khu văn phòng	Bể tự hoại	01 Bể	Dung tích: 10m^3
		Đường ống thu gom từ bể tự hoại đến bể/hồ chứa tuần hoàn cho quá trình sản xuất	650 m	PVC D48
2	Khu nhà bếp	Bể tự hoại	01 Bể	Dung tích: 10m^3
		Đường ống thu gom từ bể tự hoại đến bể/hồ chứa tuần hoàn cho quá trình sản xuất	60 m	PVC D110

3	Khu sản xuất	Bể tự hoại	03 Bể	Dung tích: 10m^3/bể
		Đường ống thu gom từ bể tự hoại đến bể/hồ chứa tuần hoàn cho quá trình sản xuất	300 m	PVC D110

3.1.2.2. Hệ thống thu gom nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất được thu gom và xử lý riêng sau đó sử dụng tuần hoàn không xả ra môi trường.

- Nước thải Xưởng Nhiên liệu: Nước sử dụng cho bao hơi, vòng bọc nước làm mát thân lò. Nước sau làm mát nước được đưa về bể 5 ngăn có dung tích 150 m^3 qua hệ thống cống bê tông với chiều dài 100m rồi sử dụng tuần hoàn.

- Nước thải Xưởng Nguyên liệu: Nước thải phát sinh chủ yếu là nước của tháp dập bụi, nước đi qua tháp dập bụi mang theo một lượng bụi nhất định theo cống bê tông với chiều dài 20m chảy về 02 bể lắng tràn sau đó qua bể lắng cấp 2 dùng để dập bụi Cyclon lò đốt, qua đường ống HDPE D90. Tuần hoàn 100%.

- Nước thải từ xưởng Bán thành phẩm:

Nước thải phát sinh tại xưởng này chủ yếu phát sinh do công đoạn thay mẫu, chế biến màu và vệ sinh dây chuyền. Nước được thu gom chảy vào bể lắng 02 ngăn qua đường ống kẽm D90 dài 60m. Sau lắng, nước được bơm màng WL 80 bơm thu hồi cấp cho bể khuấy phá xưởng Nguyên liệu để tái sử dụng.

- Nước thải từ xưởng Thành phẩm:

Nước thải từ dây chuyền này được xử lý lắng keo tụ (hóa chất PAC, A1O1) sau đó dẫn vào hệ thống bể lắng tuần hoàn 9 ngăn. Nước trong được tái sử dụng trở lại cho quá trình mài qua hệ thống cống (500x400mm) dài 50m.

Bảng 3. 4. Thông số kĩ thuật của hệ thống thu gom nước thải

TT	Danh mục	Kích thước đường dẫn (mm)	Kết cấu	Chiều dài (m)	Nguyên lý hoạt động
1	Xưởng Nhiên liệu	300x500	Bê tông xây âm	100	Tự chảy
1	Xưởng Nguyên liệu	300x400	Bê tông xây âm	20	Tự chảy
2	Xưởng Bán thành phẩm	D90	Ống kẽm	60	Bơm màng
3	Xưởng Thành phẩm	500x400	Bê tông xây âm	50	Tự chảy
4	Xưởng mài mặt	500x400	Bê tông xây âm	40	Tự chảy

3.1.3. Xử lý nước thải

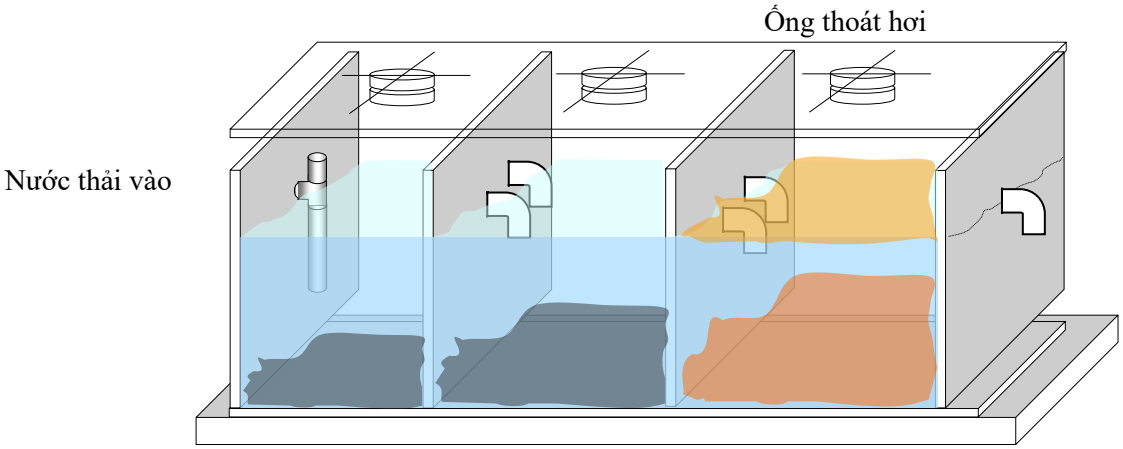
3.1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

a. Bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi dẫn về bể lắng, hồ chứa nước tuần hoàn cho quá trình sản xuất.

Chủ cơ sở bố trí 05 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 50m^3. Bể tự hoại được bố trí ngầm dưới các nhà vệ sinh xung quanh Nhà máy.

Nguyên lý hoạt động và kích thước, kết cấu của 05 bể tự hoại về cơ bản là giống nhau. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện tại Hình sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

- *Nguyên lý hoạt động:* Bể tự hoại được xây dựng gồm 3 ngăn, nước thải sau khi qua ngăn 1 để tách cặn sẽ tiếp tục qua ngăn 2 xử lý sinh học bằng bùn yếm khí rồi qua ngăn lắng 3. Cặn lắng được lưu giữ trong bể khoảng 3 - 6 tháng, dưới tác động của vi sinh vật yếm khí các chất hữu cơ được phân hủy thành khí CO_2, CH_4 và các chất vô cơ. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ được thu gom về hồ chứa nước tuần hoàn đã được chống thấm, chống tràn (dung tích 30.500 m^3), sau đó được bơm tuần hoàn lại cho sản xuất thông qua 01 trạm bơm gồm 02 máy bơm, không xả nước thải từ hồ chứa ra ngoài môi trường. Định kỳ Nhà máy sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

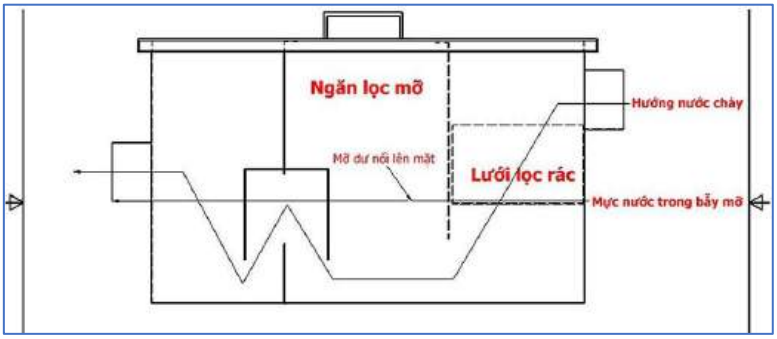
Bảng 3. 5. Thống kê số bể tự hoại tại Nhà máy

TT	Vị trí	Hạng mục	Số lượng	Thông số
1	Khu nhà văn phòng	Bể tự hoại	01 bể	Dung tích: 10m^3
2	Khu sản xuất	Bể tự hoại	03 bể	Dung tích: 10m^3/bể
3	Khu nhà bếp	Bể tự hoại	01 bể	Dung tích: 10m^3
	Tổng	Bể tự hoại	05 bể	

b. Bể tách dầu mỡ

Nước thải từ khu nhà bếp của Nhà máy được dẫn qua 01 bể tách dầu mỡ 3 ngăn dung tích 10m^3 xử lý sơ bộ trước khi dẫn bể lắng tuần hoàn cho quá trình sản xuất.

- *Nguyên lý hoạt động của bể tách mỡ:* Nước thải đi qua sọt rác nằm tại ngăn thứ nhất, cho phép giữ lại các chất bẩn như: đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác. Chức năng này giúp ngăn tách dầu mỡ (ngăn thứ 1) làm việc ổn định và không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải đi sang ngăn thứ hai, tại đây dầu, mỡ được thu gom dưới dạng tuyển nổi. Phần nước sau khi tách rác, dầu mỡ được chảy sang ngăn thứ 3. Nước thải sau bể tách mỡ theo đường ống PVC D110 về bể tuần hoàn cho quá trình sản xuất. Định kỳ vớt bỏ lớp dầu mỡ và thuê đơn vị có chức năng thu gom đem đi xử lý.



Hình 3. 5. Sơ đồ nguyên lý hoạt động bể tách mỡ

3.1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

a. Nước thải phát sinh từ xưởng Nhiên liệu:

- Nước sử dụng cho bao hơi, vòng bọc nước làm mát thân lò, hệ thống bơm thủy lực, hệ thống quạt gió, quạt tăng áp bể phun mưa làm nguội dung tích 900 m^3. Nước sau làm mát nước được đưa về bể 5 ngăn có dung tích 150 m^3 rồi sử dụng tuần hoàn có bổ sung hao hụt.

- Nước gột rửa được hệ thống bơm bơm tuần hoàn và lắng bụi bằng bể 4 ngăn, dung tích 300 m^3 sau đó được bơm tuần hoàn tái sử dụng không xả thải ra ngoài môi trường.

Bảng 3. 6. Thông số kĩ thuật hệ thống xử lý nước thải tại xưởng Nhiên liệu

TT	Nước thải phát sinh	Dung tích bể xử lý (m^3)	Kết cấu	Thiết bị đi kèm	Nguyên lý hoạt động	Hiệu suất hoạt động	Ghi chú
1	Nước làm mát thiết bị	150	Xây chìm	02 máy bơm 15Kw/máy Lắp trực tiếp tại bể	Bơm tuần hoàn	100%	
2	Nước làm mát Cyclon và lọc	900	Xây chìm	04 máy bơm 15Kw/máy Lắp	Bơm tuần hoàn	100%	

	bụi tĩnh điện			trực tiếp tại bể			
3	Nước tháp gột rửa, tháp C72	300	Xây chìm	02 máy bơm 15Kw/máy Lắp trực tiếp tại bể	Bơm tuần hoàn	100%	

b. *Nước thải phát sinh từ xưởng Nguyên liệu:*

- Nước thải phát sinh chủ yếu là nước của tháp dập bụi, nước đi qua tháp dập bụi mang theo một lượng bụi nhất định được lắng đọng trong 02 bể lắng tràn cấp 1, dung tích mỗi bể 30 m^3. Lượng bùn lắng được bơm màng hút quay trở lại cho quá trình nạp liệu có bổ sung hao hụt.

- Nước tại bể lắng cấp 2 (4 ngăn, dung tích 60 m^3 cách đó 50m) dùng để dập bụi Cyclon lò đốt, qua đường ống HDPE D90, động cơ 11 Kw. Tuần hoàn 100%.

- Ngoài ra còn có lượng nước thải phát sinh khi vệ sinh quả nghiền, sàng quay đều được thu gom và chảy về bể thu hồi dung tích 15 m^3 sau đó bơm lên dùng cho nghiền xương. Nước làm mát được bơm tuần hoàn về bể làm nguội dung tích 30 m^3 không xả thải ra ngoài môi trường.

Bảng 3. 7. Thông số kĩ thuật của hệ thống xử lý nước thải từ xưởng Nguyên liệu

TT	**Loại bể**	**Dung tích (m^3)**	**Kết cấu**	**Thiết bị đi kèm**	**Nguyên lý hoạt động**	**Hiệu suất xử lý**
1	Bể lắng tràn cấp I (02 bể)	30	Xây chìm	Sử dụng bơm 11 kw	Bơm tuần hoàn nước cho tháp dập bụi	100%
2	Bể lắng tràn cấp II	60	Xây chìm	Sử dụng bơm 11 kw	Bơm tuần hoàn nước thu hồi Cyclon dập bụi lò đốt qua đường ống dẫn HDPE D90	100%
3	Bể thu hồi	15	Xây chìm	Sử dụng bơm 11 kw	Bơm sử dụng cho khuấy phá qua đường ống dẫn Inox D90	100%

c. *Nước thải phát sinh từ xưởng Bán thành phẩm:*

Nước thải phát sinh tại xưởng này chủ yếu phát sinh do công đoạn thay mẫu, chế biến màu và vệ sinh dây chuyền. Nước được thu gom chảy vào bể lắng 02 ngăn, dung tích 30m^3. Sau lắng, nước được bơm màng WL 80 bơm thu hồi cấp cho bể khuấy phá xưởng Nguyên liệu để tái sử dụng.

Bảng 3. 8. Thông số kĩ thuật của hệ thống xử lý nước thải từ xưởng Bán thành phẩm

TT	Loại bể	Dung tích (m^3)	Kết cấu	Thiết bị đi kèm	Nguyên lý hoạt động	Hiệu suất xử lý	Ghi chú
1	Bể lắng tràn	30	Xây chìm	01 máy bơm màng WL 80	Tự chảy về bể	100%	Nước được bơm sang xưởng Nguyên liệu để tái sử dụng

d. *Nước thải phát sinh từ xưởng Thành phẩm:*

Nước thải từ dây chuyền này được xử lý lắng keo tụ (hóa chất PAC, A1O1) sau đó dẫn vào hệ thống bể lắng tuần hoàn 9 ngăn, dung tích 600 m^3. Nước trong được tái sử dụng trở lại cho quá trình mài.

Bảng 3. 9. Thông số kĩ thuật hệ thống xử lý nước thải xưởng Thành phẩm:

TT	Loại bể	Dung tích (m^3)	Kết cấu	Thiết bị đi kèm	Nguyên lý hoạt động	Hiệu suất xử lý
1	Bể lắng tràn	600	Xây chìm	02 máy bơm 15Kw/máy. Lắp trực tiếp tại bể, kèm theo 02 thùng khuấy, hóa chất PAC và A1O1 để làm lắng	Bơm tuần hoàn	100%

Nước thải xưởng Thành phẩm được dùng hệ thống bơm công suất 15 Kw/h lưu lượng 40-100m^3/h. Vì lượng nước này sử dụng tuần hoàn nên chỉ bổ sung hoá chất khi độ đục trong nước cao. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được chuyển về tái sử dụng vào bài liệu.



Hình 3. 6. Một số hình ảnh bể chứa nước tuần hoàn cho quá trình sản xuất

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Hệ thống thu gom bụi, khí thải trước xử lý

Trong quá trình hoạt động, bụi và khí thải phát sinh tại các công đoạn sản xuất của Nhà máy. Các nguồn phát sinh, công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải tương ứng được xác định như sau:

- Nguồn số 1: Từ lò Biomass hóa khí thuộc xưởng Nhiên liệu. Khí được thu gom, dẫn qua hệ thống xử lý gồm cyclon ướt, tháp làm mát và tháp lọc bụi tĩnh điện C72. Khí sau xử lý được cấp cho các công đoạn sấy, nung.

- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sấy phun thuộc xưởng Nguyên liệu. Khí thải được thu gom, xử lý qua cyclon lọc bụi và tháp dập bụi trước khi thoát ra ngoài qua ống khói số 1.

- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh tại công đoạn sấy thuộc xưởng Bán thành phẩm. Khí thải được thu gom, thoát ra ngoài qua các ống khói lò sấy.

- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh tại khu vực lò nung thuộc xưởng Bán thành phẩm. Khí nóng được thu hồi để tận dụng nhiệt cho các công đoạn sấy; khí thải còn lại được thoát ra ngoài qua các ống khói lò nung.

- Nguồn số 5: Bụi phát sinh tại công đoạn ép thuộc xưởng Bán thành phẩm. Bụi được thu gom bằng hệ thống chụp hút, đường ống dẫn và máy hút bụi túi vải.

- Nguồn số 6: Bụi phát sinh tại công đoạn men màu thuộc xưởng Bán thành phẩm. Bụi được thu gom bằng hệ thống hút bụi và máy hút bụi túi vải.

- Nguồn số 7: Bụi phát sinh từ dây chuyền mài cạnh (mài khô) thuộc xưởng Thành phẩm. Bụi được thu gom qua hệ thống hút bụi riêng cho công đoạn mài khô

- Nguồn số 8: Bụi phát sinh từ dây chuyền mài mặt (mài ướt) thuộc xưởng Thành phẩm. Bụi được thu gom qua hệ thống hút bụi, dập bụi bằng nước đối với công đoạn mài ướt.

Bụi phát sinh từ bộ phận chuẩn bị nguyên liệu, bộ phận ép, sấy, cấp liệu, cắt mài cạnh gạch. Thành phần chủ yếu là bụi đất có kích thước nhỏ.

Khí thải và bụi có nguồn gốc từ bộ phận khí hoá than qua quá trình nung, sấy

Quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất phát sinh bụi, khí thải tại một số công đoạn sản xuất. Tại các vị trí này, Nhà máy đã bố trí các đường ống thu gom đồng bộ, gắn trực tiếp vào máy để thu bụi, khí thải từ công đoạn phát sinh về công trình xử lý. Chi tiết được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3. 10. Hệ thống đường ống thu gom bụi, khí thải của Nhà máy

TT	Công đoạn	Hệ thống thu gom bụi, khí thải			
		Thông số kỹ thuật	Chiều dài	Số lượng	Kết cấu
I	**Xưởng Nhiên liệu**				
1	Đường ống dẫn khí CO từ xưởng Nhiên liệu sang xưởng Bán Thành phẩm	Φ 1230 mm Φ 1500 mm Φ 450 mm	919 m	01	Thép CT3
II	**Xưởng Nguyên liệu**				
1	Đường ống máy hút bụi túi vải	Động cơ: 75 Kw Φ 800 mm	150 m	01	Thép CT3/ Thép chống mài mòn
III	**Xưởng Bán thành phẩm**				
1	Đường ống máy hút bụi túi vải	Động cơ 75 Kw Φ 700 mm	50 m	01	Inox
2	Đường ống máy hút bụi túi vải	Động cơ 30 Kw Φ 700 mm	55 m	01	Inox
3	Đường ống máy hút bụi túi vải	Động cơ 30 Kw Φ 600 mm	70 m	01	Thép CT3 dày 3 mm

4	Đường ống hút bụi máy hút bụi chân không	Φ 89 mm	300 m	01	Inox
5	Đường ống thu hồi nhiệt từ Lò nung sang Lò sấy, Lò đốt than/ biomass công đoạn sản xuất Nguyên liệu	Φ 300, 500, 700, 800, 900, 1000, 1200 mm	805 m	01	Thép CT3 bọc bảo ôn
IV	**Xưởng Thành phẩm**				
1	Đường ống máy hút bụi túi vải máy mài cạnh khô	Động cơ: 75 Kw Đường kính ống hút bụi: 800 mm	50 m	01	Thép CT3 dày 3 mm/ thép chống mài mòn
2	Đường ống hút bụi nhà mài cạnh nước	Động cơ: 55 Kw Đường kính ống hút bụi: 600 mm	45 m	01	Thép CT3 dày 3 mm

3.2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải

Quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất phát sinh bụi, khí thải tại một số công đoạn sản xuất. Tại các vị trí này, Nhà máy đã bố trí công trình xử lý bụi, khí thải. Chi tiết được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3. 11. Hệ thống xử lý bụi, khí thải của Nhà máy

STT	Khu vực/xưởng	Công đoạn, thiết bị/hệ thống	Thông số kỹ thuật	Chiều dài/chiều cao	Kết cấu	Số lượng
I	**I. Xưởng Nhiên liệu**					
1		Tháp lọc bụi tĩnh điện C72	Đường kính: 2.800 mm	12 m	Thép CT3/Inox 304	05
2		Tháp gột rửa	Đường kính: 1.900 mm	12 m	Thép CT3/Inox 304	03
3		Tháp làm mát khí	Đường kính: 1.500 mm	9 m	Inox 304	05
II	**II. Xưởng Nguyên liệu**					
1		Cyclon lọc bụi lò đốt than/biomass	Đường kính: 2.300 mm	12 m	Thép CT3, gạch chịu nhiệt	04
2		Cyclon lọc bụi sấy phun	Đường kính: 1.500 mm	7 m	Inox 304	12
3		Tháp dập bụi sấy phun	Đường kính: 3.400 mm	Chiều cao tháp: 27 m; ống khói: 18 m	Inox 316	02
4		Máy hút bụi túi vải	Động cơ: 75 kW; đường kính ống hút bụi: 800 mm	15 m	Thép CT3 dày 3 mm	01
III	**III. Xưởng Bán thành phẩm**					
1		Máy hút bụi túi vải máy ép	Động cơ: 75 kW; đường kính ống hút bụi: 700 mm	11 m	Inox	01
2		Máy hút bụi túi vải máy ép	Động cơ: 30 kW; đường kính ống hút	8 m	Inox	01

STT	Khu vực/xưởng	Công đoạn, thiết bị/hệ thống	Thông số kỹ thuật	Chiều dài/chiều cao	Kết cấu	Số lượng
			bụi: 700 mm			
3		Máy hút bụi túi vải men màu	Động cơ: 15 kW; đường kính ống hút bụi: 700 mm	7 m	Thép CT3 dày 3 mm	01
4		Máy hút bụi chân không ép sấy	Đường kính ống hút bụi: 110 mm	5 m	Inox	01
5		Ống khói lò sấy	Đường kính: 1.000 mm	7 m	Inox	04
6		Ống khói lò nung	Đường kính: 1.000 mm	7 m	Inox	04
IV	**IV. Xưởng Thành phẩm**					
1		Máy hút bụi túi vải nhà mài cạnh khô	Động cơ: 75 kW; đường kính ống hút bụi: 800 mm	Chiều dài ống phóng không: 15 m	Thép CT3 dày 3 mm	01
2		Máy hút bụi nhà mài cạnh nước	Động cơ: 55 kW; đường kính ống hút bụi: 600 mm	Chiều dài ống phóng không: 15 m	Thép CT3 dày 3 mm	01

Bảng 3. 12. Danh mục các máy hút bụi và thông số kỹ thuật

STT	Tên máy hút bụi	Vị trí lắp đặt	Công suất (Kw)	Lưu lượng (m^3/h)	Chiều cao bầu quạt (mm)	Chiều cao ống tiêu âm (mm)	Đường kính ống tiêu âm (mm)	Chiều cao ống phóng/ống khói	Đường kính ống khói (mm)	Nguyên lý hoạt động	Số lượng
1	Máy hút bụi xưởng BTP Men màu	Xưởng BTP - Men màu	15 Kw	15000 m^3/h	1400 mm	800 mm	1800 mm	3800 mm	1600 mm	Hút bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D135*2500 mm.	90 túi vải
2	Máy hút bụi xưởng BTP Ép sấy	Xưởng BTP – Ép sấy	75 Kw	72000 m^3/h	2000 mm	1000 mm	3400 mm	3500 mm	2800 mm	Hút bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*2500 mm.	300 túi vải
3	Máy hút bụi xưởng BTP Ép sấy	Xưởng BTP – Ép sấy	30 Kw	1510 m^3/h	3500 mm	2000 mm	3800 mm	4500 mm	3200 mm	Hút bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*2500 mm.	144 túi vải
4	Máy hút bụi xưởng Nguyên liệu	Xưởng Nguyên liệu	75 Kw	42000 m^3/h	2200 mm	2000 mm	3400 mm	10800 mm	2800 mm	Hút bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*3000 mm.	209 túi vải
5	Máy hút bụi dây chuyền mài ướt	Xưởng Thành phẩm	55 Kw	65000 m^3/h	1600 mm	2200 mm	4400 mm	6200 mm	1900 mm	Hút bụi hơi nước, thổi vào tháp dập bụi và được dập bằng nước giếng khoan.	01 bơm 2,2kw
6	Máy hút bụi dây chuyền mài khô	Xưởng Thành phẩm	75 Kw	46000 m^3/h	2200 mm	1800 mm	3400 mm	4500 mm	2800 mm	Hút bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*3000 mm.	288 túi vải

*** Tại xưởng Nhiên liệu:**

Bụi phát sinh từ trạm than/biomass hoá khí được xử lý qua hệ thống cyclon ướt và hệ thống lọc bụi tĩnh điện. Phần bụi lắng chìm được thu gom, tái sử dụng. Khí sạch được cấp cho lò sấy và lò nung nhanh.

Nguyên lý hoạt động của hệ thống: Dòng khí (CO) sau khi được sinh ra từ lò than/biomass hoá khí sẽ được quạt đẩy vào cyclon (khí chạy theo ống xoắn của cyclon). Tất cả những hạt bụi nặng sẽ bị va đập thành ống và rơi xuống bể lắng nước chân đáy của cyclon. Khí sau khi lọc thô được chuyển lên tháp làm mát (tháp này được cấu tạo có đường đi zizac để tạo sự va đập của các hạt bụi thô còn lại). Những hạt bụi này sẽ được lắng lọc tại bể dưới chân của tháp làm mát. Dòng khí tiếp tục dẫn sang hệ thống lọc bụi tĩnh điện:

Khí đi vào từ đáy tháp qua hệ thống 61 ống dẫn có tích điện trái dấu các hạt bụi mang điện tích sẽ bị hút vào thành ống dẫn, còn lượng khí sạch sẽ tiếp tục theo ống dẫn ra ngoài. Các hạt bụi được tích điện bởi các ion được tạo ra do hiệu ứng coulon từ điện cực phát và điện cực nhận, các hạt bụi nhiễm điện bị hút về điện cực nhận (tấm cực dương). Tại đây bụi được trung hoà điện tích, mất năng lượng và rơi xuống phía dưới phần thu bụi.

Sau một thời gian làm việc, các tấm thu thường dính rất nhiều bụi, cường độ điện trường bị giảm hiệu suất lắng bụi giảm sẽ tiến hành rửa bụi sử dụng nước. Khí sạch được cấp cho công đoạn sấy, nung. Nước rửa được dẫn qua hệ thống bể lắng, tuần hoàn.

Nguyên lý vận hành: Công trình được hoạt động liên tục. Trong mỗi ca sản xuất định kỳ sẽ làm vệ sinh tháp từ 1-2 lần. Quá trình làm vệ sinh tháp được thực hiện như sau: Dừng cấp khí, ngắt điện cấp cho dây dẫn trong ống, mở dàn phun mưa phía trên của đỉnh tháp, nước chảy qua ống dẫn mang theo bụi bám ở thành ống dẫn xuống mương dẫn nước chảy về hố ga trước khi tới bể nước gột rửa. Tại bể này bụi tiếp tục được lắng đọng qua 3 bể chảy tràn và bể lắng thứ 3 được thông với bể nước tuần hoàn.

Định kỳ 3 tháng một lần sẽ tiến hành nạo vét, vệ sinh các hố ga và bể gột rửa. Phần bụi lắng sau khi được nạo vét sẽ được tập kết về kho chứa trong nhà, tái sử dụng.

Các thông số kỹ thuật và thành phần cấu tạo của hệ thống lọc bụi tĩnh điện bao gồm: Đỉnh tháp, thân tháp và chân đế.

Đường kính trong: Φ 2800 mm

Chiều cao: 9465 mm

Các lỗ, ống, nắp chờ để lắp các thiết bị an toàn, thiết bị dẫn điện và các cửa thao tác. Đỉnh tháp và phân chân đế có thiết kế để kết nối các ống dẫn khí vào và ra, ngoài ra trên đỉnh tháp có thiết kế giàn phun mưa nhằm mục đích vệ sinh ống dẫn khí. Thân tháp có cấu tạo bên trong bao gồm 61 ống dẫn nhỏ lồng phía trong của vỏ tháp. Bên trong các ống dẫn này là các sợi dây tích điện dương (+). Những sợi dây này luôn được kéo căng nhờ các quả đối trọng (bằng gang) làm căng dây ở phía dưới, các ống dẫn tích điện âm (-).

Hiệu suất xử lý bụi của hệ thống: Hiệu quả lọc cao, có hiệu suất lọc bụi đạt trên 99%.

Từ hoạt động thực tế của cơ sở cho thấy, nguồn khí nóng từ trạm khí hoá than/biomass đảm bảo điều kiện để cấp sang các lò nung và sấy. Như vậy, thiết bị xử lý bụi và khí thải đồng bộ với lò đang hoạt động hiệu quả.



Hình 3. 7. Hệ thống thu gom, xử lý bụi tại xưởng nhiên liệu

* Tại xưởng Nguyên liệu:

Công đoạn sấy phun: Bụi, khí thải của tháp sấy phun được hệ thống quạt hút có công suất 200 Kw hút nhiệt từ lò đốt đi qua tháp sấy, sau khi đi qua cyclon lọc bụi, toàn bộ khí này được đi qua tháp dập bụi (thiết kế theo dạng zich zăc, tại đây khí và bụi được

hệ thống giàn phun mưa phun ẩm, nhờ đó sẽ giữ lại toàn bộ lượng bụi còn lại theo nước chảy xuống bể). Khí còn lại chủ yếu là hơi nước thoát ra ngoài. Bột liệu sau sấy được hệ thống băng tải di chuyển về các xilo chứa, bụi được xử lý bằng 01 máy hút bụi công suất 75 Kw với thiết bị chụp hút dọc theo băng tải.

Bảng 3. 13. Thiết bị quạt hút tại tháp sấy phun

TT	Danh mục	Xuất xứ	Công suất	Lưu lượng (m^3/giờ)	Nguyên lý vận hành	Vị trí lắp đặt
1	Quạt gió I	Trung Quốc	200Kw	14.000-16.000	Hút nhiệt từ lò đốt, sấy liệu và đẩy hơi nước thoát ra ngoài	Chân tháp sấy
2	Quạt gió II	Trung Quốc	200Kw	14.000-16.000	Hút nhiệt từ lò đốt sấy liệu và đẩy hơi nước thoát ra ngoài	Chân tháp sấy


Máy hút bụi


Cyclon lọc bụi lò đốt than/biomass


Tháp sấy phun

Hình 3. 8. Hệ thống thu gom, xử lý bụi tại xưởng nguyên liệu

*** Tại xưởng Bán thành phẩm:**

- Công đoạn ép sấy: Bụi phát sinh từ khu vực ép được xử lý bằng 02 máy hút bụi công suất 75Kw và 30 Kw với thiết bị chụp hút dọc theo băng tải và vị trí của máy ép và 01 hệ thống thống hút bụi chân không vệ sinh mặt bằng, thiết bị.

- Công đoạn men màu: Bụi phát sinh từ khu vực men màu phát sinh khi gạch đi qua bộ phận chổi quét mặt gạch và thiết bị cạo cạnh được xử lý nhờ thiết bị hút và máy hút bụi công suất 15 Kw.

- Công đoạn lò nung: Lò nung có thiết kế đốt nhiên liệu. Nhiên liệu dạng khí được nhờ các bộ đánh lửa, nhiệt lượng đốt nhiên liệu dùng để nung sản phẩm, phần khí nóng sau nung được thu gom quay lại để sấy sản phẩm trước khi vào dây truyền in tráng men và lò đốt sấy bột liệu.

Bảng 3. 14. Thiết bị quạt hút tại công đoạn lò nung

TT	Danh mục	Xuất xứ	Công suất	Lưu lượng (m^3/giờ)	Nguyên lý vận hành	Vị trí lắp đặt
1	Quạt đầu lò	Trung Quốc	75Kw	8.000-10.000	Giảm áp suất trong lò	Đầu lò
2	Quạt trợ đốt	Trung Quốc	30Kw	3.000-5.000	Thổi gió nóng cho bép đốt	Giữa lò
3	Quạt làm mát	Trung Quốc	30Kw	3.000-5.000	Thu nhiệt cuối lò cấp cho lò sấy	Cuối lò

Dòng khí sau khi ra khỏi lò nung có nhiệt độ cao sẽ được thu hồi để tận dụng lượng nhiệt (tại các ống khói cuối lò) trong dòng khí để tuần hoàn sang lò sấy và lò đốt xưởng Nguyên liệu.

Đối với lượng khí thải còn lại phát sinh từ các ống khói lò sấy và lò nung chứa thành phần chủ yếu là khí CO_2 và hơi nước. Vì vậy, Chủ cơ sở đã lắp đặt ống khói nhằm thoát ra ngoài môi trường bên ngoài, nhằm giảm thiểu ô nhiễm cục bộ ở tầng khí thở. Trên ống khói, Chủ cơ sở lắp đặt hệ thống sàn công tác và điểm lấy mẫu theo đúng quy định để quan trắc, giám sát chất lượng bụi, khí thải phát sinh thải ra ngoài môi trường.

Theo ĐTM và xác nhận hoàn thành, điều chỉnh mạng lưới quan trắc được phê duyệt: 08 ống khói tại xưởng Bán thành phẩm (trong đó 04 ống khói lò sấy và 04 ống khói lò nung); 02 ống khói tại tháp sấy phun xưởng Nguyên liệu.

Tổng lưu lượng tối đa của 10 ống khói thoát ra ngoài môi trường: 358.680 m^3/h

* Thông số thiết kế của công trình:

Thông số kỹ thuật của các ống khói được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3. 15 . Thông số kỹ thuật của các ống khói khu vực lò sấy, lò nung, sấy phun

STT	Vị trí	Thông số thiết kế	Đặc điểm	Công suất (kW)	Lưu lượng thoát khí (m^3/h)
1	Ống khói tại lò sấy 1	Đường kính Φ 1000 mm x Cao 5000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	30 kW	38.880
2	Ống khói tại lò sấy 2	Đường kính Φ 1000 mm x Cao 5000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	30 kW	39.240
3	Ống khói tại lò sấy 3	Đường kính Φ 1000 mm x Cao 5000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	30 kW	40.860
4	Ống khói tại lò sấy 4	Đường kính Φ 1000 mm x cao 5000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	30 kW	40.320
5	Ống khói tại lò nung 1	Đường kính Φ1000 mm x Cao10000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	75 kW	33.180
6	Ống khói tại lò nung 2	Đường kính Φ1000 mm x Cao 10000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	75 kW	31.680
7	Ống khói tại lò nung 3	Đường kính Φ 1000 mm x Cao 10000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	75 kW	35.820
8	Ống khói tại lò nung 4	Đường kính Φ 1000 mm x Cao 10000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	75 kW	34.560
9	Ống khói 1 tại xưởng Nguyên liệu (sấy phun)	Đường kính Φ 1000 mm x cao 18000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	200 kW	33.300
10	Ống khói 2 tại xưởng Nguyên liệu (sấy phun)	Đường kính Φ 1000 mm x cao 18000 mm	Thải khí ra ngoài môi trường	200 kW	30.840

3.2.3. Các biện pháp hạn chế và xử lý bụi khác

Ngoài ra, để đảm bảo sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường, Công ty đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp như:

- Công ty thực hiện vệ sinh hàng ngày đối với khu vực thực hiện việc vận chuyển nguyên vật liệu để hạn chế bụi phát sinh.

- Sử dụng nhiên liệu dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển có chất lượng tốt, hạn chế khí thải phát sinh từ máy móc và phương tiện vận chuyển trong công ty.

- Bảo dưỡng tốt và thường xuyên xe cơ giới để giảm lượng phát thải từ xe.

- Mua 01 xe quét rác công nghiệp chuyên dụng để quét các tuyến đường.

- Đầu tư hệ thống tưới đường dập bụi tự động tại tuyến đường nhập nguyên liệu.

- 01 xe tưới đường dập bụi hạn chế tối đa lượng bụi phát tán ra môi trường.

- 02 máy hút bụi chân không tại xưởng Bán Thành phẩm, Thành phẩm phục vụ vệ sinh nền xưởng, máy móc, thiết bị.

- 01 hệ thống rửa xe, lốp xe tự động không để đất trong quá trình nhập nguyên vật liệu rơi vãi, cuốn theo các xe vận chuyển ra bên ngoài đường quốc lộ ảnh hưởng đến môi trường.

- Công ty đã trang bị các bảo hộ lao động cho các công nhân làm việc trong khu vực sản xuất đầy đủ như mũ bảo vệ, giầy, quần áo bảo hộ, khẩu trang, găng tay, ủng, nút chống ồn...

- Vệ sinh hàng ngày trong nhà xưởng để hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh.

- Tại các phân xưởng được lắp đặt các quạt làm mát hơi nước, quạt công nghiệp làm thông thoáng nhà xưởng.

- Hệ thống cây xanh được bố trí để tạo nên không gian xanh, sạch, thoáng mát trong khu vực, đồng thời góp phần làm giảm đáng kể lượng bụi phát tán ra khu vực ngoài.



Hình 3. 9. Xe quét rác công nghiệp, tưới đường dập bụi tự động

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a. *Đối với CTR sinh hoạt:*

Số lượng CBCNV làm việc tại nhà máy là 282 người (định biên 4 dây chuyền sản xuất) khối lượng CTR phát sinh khoảng 140 kg/ngày tương đương 50,4 tấn/năm. Rác thải phát sinh tại khu vực nhà ăn, văn phòng và khu tập thể của CBCNV bao gồm chủ yếu: Vỏ hoa quả, bánh kẹo, giấy vệ sinh, bao bì nilon, nhựa,...

- Phân loại rác thải tại nguồn:

+ Rác thải sinh hoạt được phân loại, chứa đựng riêng theo nguyên tắc CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm;

+ Toàn bộ CTR sinh hoạt cuối ngày được tập kết về khu vực lưu giữ CTR sinh hoạt.

+ Lập nội quy và phổ biến cho CBCNV làm việc tại Nhà máy về ý thức bảo vệ môi trường, vứt rác đúng nơi quy định.

- Công trình lưu giữ CTR sinh hoạt:

Số lượng thùng rác là: 18 cái loại 30 lít ; 01 xe đẩy loại 60 lít , 02 thùng chứa bánh xe có nắp đậy dung tích 660 lít.

+ Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với Hợp tác xã môi trường Trung Thành có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTR sinh hoạt. Tần suất thu gom 1 lần/ngày. (Hợp đồng số 01.2026/PY-TT ngày 02/01/2026).



Hình 3. 10. Một số hình ảnh công trình thu gom CTR sinh hoạt tại Nhà máy

b. *Đối với CTR công nghiệp thông thường*

- Bùn thải từ các bể tự hoại: Phát sinh khoảng 1 tấn/năm
- Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa khoảng 5 tấn/năm
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (xỉ than/tro) phát sinh khoảng 3.270 tấn/năm; Bùn thải, bột mài khoảng 2.620 tấn/năm; bột liệu, gạch mộc, gạch vỡ khoảng 4.489 tấn/năm. Trong đó bùn thải, bột mài, bột liệu, gạch mộc, gạch vỡ tái sử dụng 100% lại sản xuất. Xỉ than/tro được lưu giữ tại khu vực có diện tích 400 m^2, sau đó bán cho Công ty Cổ phần gốm xây dựng và thương mại Minh Thịnh (Hợp đồng số 01/2025/HĐKT/PY-MT ngày 12/8/2025).

Khối lượng chất thải rắn thông thường của công ty được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3. 16. Khối lượng chất thải rắn thông thường theo công suất năm 2025 và dự báo theo công suất xin cấp phép

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng theo công suất năm 2025	Dự báo khối lượng theo công suất xin cấp phép
I	***Chất thải rắn sản xuất thông thường***	Tấn/năm	***9.276***	***14.709***
1	Xỉ than/tro	Tấn/năm	3.270	4.500
2	Bùn thải, bột mài	Tấn/năm	2.620	5.200
3	Bột liệu, gạch mộc, gạch vỡ	Tấn/năm	4489	5.500
4	Bùn bể tự hoại	Tấn/năm	01	01
5	Bùn nạo vét	Tấn/năm	05	08
II	***Chất thải rắn sinh hoạt***	Tấn/năm	***50,4***	***52***

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH

**** Nguồn phát sinh :***

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở từ một số hoạt động như sau:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất: Vỏ thùng sơn, vỏ thùng dính dầu, các loại dầu thải, giẻ lau dính dầu,…

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động văn phòng: Chủ yếu từ quá trình in ấn, photo (hộp mực in thải).

Trong 1 năm cơ sở phát sinh 22.330 kg chất thải nguy hại. Khối lượng, chủng loại từng loại chất thải nguy hại phát sinh trong năm của Công ty được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3. 17. Thống kê danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại công ty

Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng năm 2025 (Kg)	Dự báo khối lượng theo công suất xin cấp phép
Dầu thủy lực thải	17 01 07	Lỏng	5.512	8.000
Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Rắn	0	50
Bao bì cứng thải bằng kim loại dính TPNH (Vỏ thùng sơn, vỏ thùng dính dầu…)	18 01 02	Rắn	1.568	1.800
Thiết bị thải có các bộ phận chứa TPNH (linh kiện điện tử thải)	19 02 05	Rắn	168	350
Vật liệu lót và chịu lửa thải có	19 11 03	Rắn	12.540	15.000

TPNH (bông thủy tinh)				
Bao bì cứng thải bằng nhựa có dính TPNH	18 01 03	Rắn	2.280	4.500
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	41	50
Ắc quy thải	16 01 12	Rắn	0	50
Bộ lọc dầu	15 01 02	Rắn	201	300
Tổng số lượng			**22.330**	**31.475**

**** Công trình lưu giữ chất thải nguy hại***

Để giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại đến môi trường và sức khỏe con người, Công ty đã thực hiện các biện pháp phân định, phân loại thu gom và xử lý các chất thải phát sinh theo quy định, cụ thể như sau:

Cơ sở đã bố trí các thùng rác chuyên dụng (có dán kí hiệu, tên, mã CTNH, biển báo và biển cảnh báo theo đúng quy định) tại các xưởng để thu gom riêng rẽ từng loại CTNH phát sinh. Vào cuối mỗi ca sản xuất, nhân viên vệ sinh sẽ chuyển toàn bộ lượng CTNH về khu vực lưu giữ chất thải có tổng diện tích 80 m^2 chia làm 4 ngăn, mỗi ngăn đều có biển báo chỉ dẫn từng loại chất thải, bên ngoài có biển báo kho CTNH theo đúng quy định.

Các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại tại cơ sở hiện có gồm:

+ 07 thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 660 lít, để thu gom giẻ lau dính dầu mỡ, và bóng đèn hỏng, vỏ, lọ hóa chất,...

+ Dầu thải được chứa trong thùng bằng kim loại, dung tích 200 lít.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH đúng quy định (Hợp đồng số 04.03.2025/CNDT ngày 25/3/2025 được đính kèm phụ lục báo cáo).



Hình 3.11. Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

**** Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:***

Nguồn số 01	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực nghiền (quả nghiền)
Nguồn số 02	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực khuấy nổi
Nguồn số 03	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực xưởng Nhiên liệu
Nguồn số 04	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực máy ép
Nguồn số 05	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực tráng men
Nguồn số 06	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực đầu lò nung
Nguồn số 07	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực cuối lò nung
Nguồn số 08	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực phân loại
Nguồn số 09	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực đóng gói
Nguồn số 10	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực máy mài
Nguồn số 11	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực nghiền màu men
Nguồn số 12	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực gia công cơ khí
Nguồn số 13	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy phát điện

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.
- Các thiết bị lớn và quạt công nghệ chính được trang bị thiết bị hệ thống giảm thanh để giảm tối đa tiếng ồn phát ra bên ngoài.
- Tổ chức làm việc theo ca để giảm tác động của tiếng ồn đối với CBCNV vận hành máy móc.
- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho các thiết bị nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.
- Trang bị thiết bị tránh tiếng ồn cho công nhân làm việc tại những bộ phận gây ồn (bịt tai chống ồn).
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.
- Tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn được nâng mái thông thoáng (quả nghiền), làm nhà quây kín (máy mài) hạn chế tối đa tiếng ồn phát tán ra môi trường xunh quanh ảnh hưởng đến sức khỏe của Người lao động.
- Trồng cây xanh tại khu vực tuyến đường trục chính, dọc vỉa hè các tuyến đường nội bộ và công viên để hạn chế tiếng ồn phát tán, đồng thời tạo cảnh quan môi trường.

3.6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Công ty đã lên phương án ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố như sau:

+ Bước 1: Khi xảy ra sự cố, nhân viên phụ trách ngắt nguồn điện cung cấp cho hệ thống, dừng hoạt động của quạt gió hút khí vào hệ thống.

+ Bước 2: Thông báo tạm dừng hoạt động cho các dây chuyền sản xuất có lắp đặt chụp hút tại các vị trí phát sinh bụi, khí thải.

+ Bước 3: Thuê đơn vị có chuyên môn kịp thời khắc phục lỗi của hệ thống.

+ Bước 4: Kiểm tra tình trạng sau khi khắc phục, chạy thử lại hệ thống trước khi hoạt động bình thường trở lại.

- Quy trình chung ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:
- Xác định chính xác vị trí xảy ra sự cố.
- Xác định vị trí phát thải bụi, thực hiện ngăn chặn kịp thời lượng bụi phát sinh
- Đánh giá phạm vi ảnh hưởng của bụi.
- Điều phối lực lượng xử lý bụi tại vị trí xảy ra sự cố.
- Thường xuyên kiểm tra nguy cơ gây bụi trong công đoạn sản xuất .
- Báo cáo thường xuyên công tác ứng cứu sự cố đến Sở NN&MT và UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Nhận định hướng gió ra khỏi khu vực có ảnh hưởng đến môi trường, hệ sinh thái và các khu vực có hoạt động kinh tế phát triển.

- Đánh giá thiệt hại về môi trường sau sự cố, vệ sinh làm sạch môi trường.

- Xem xét chi phí xử lý sự cố và thực hiện công tác đền bù và xử lý theo pháp luật.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố với hệ thống lọc bụi tĩnh điện

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống lọc bụi tĩnh điện:

- Hệ thống điều khiển tự động sẽ ngừng ngay lập tức hệ thống cấp điện cho lọc bụi tĩnh điện.

- Ngay khi xảy ra sự cố ngừng lọc bụi tĩnh điện, hệ thống điều khiển cũng sẽ tự động dừng ngay lập tức các hệ thống cấp liệu, cấp than/biomass vào để không phát sinh khí thải.

- Kịp thời xử lý sự cố và chỉ vận hành lại hệ thống cấp liệu, cấp than/biomass cho lò nung khi khắc phục xong sự cố đối với lọc bụi tĩnh điện.

**** Công trình phòng cháy, chữa cháy:***

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 23/TD-PCCC(TM) ngày 25/10/2013 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "Trạm cấp phát dầu diezel nội bộ".

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 176/TD-PCCC(TM) ngày 12/9/2014 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "Hệ thống PCCC nhà máy sản xuất gạch lát nền Prime".

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy ngày 30/12/2014 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với dự án nhà máy sản xuất gạch lát nền.

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 05/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với công trình trạm cấp dầu dienzel nội bộ.

- Công văn số 43/NT-PCCC ngày 07/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc nghiệm thu về PCCC đối với công trình trạm cấp dầu Dienzel nội bộ.

- Công văn số 2046/TD-PCCC ngày 31/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

- Công văn số 3507/TD-PCCC ngày 09/12/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

- Công văn số 128/NT-PCCC ngày 24/7/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình: "Cải tạo nhà kho Biomass".

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 37/TD-PCCC ngày 27/4/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với công trình hệ

thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

- Công văn số 166/NT-PCCC ngày 15/9/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 59/TD-PCCC ngày 16/05/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với hệ thống dây chuyền mài bóng tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

- Công văn số 21/NT-PCCC ngày 10/2/2026 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với dây chuyền mài bóng.

Để đảm bảo sản xuất an toàn và hiệu quả, Công ty đã được trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ hiện đại. Hàng năm tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân viên để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương lên các phương án phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Biện pháp chung:

+ Xây dựng hệ thống điện, hệ thống PCCC theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.

+ Định kỳ 01 lần/năm phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC tổ chức phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các CBCNV tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.

+ Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

+ Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.

+ Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.

+ Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.

+ Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước.

+ Thành lập đội PCCC cơ sở trong Công ty.

- Biện pháp chữa cháy:

+ Khi phát hiện có sự cố cháy nổ báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

+ Đề phòng sự cố mất điện: Công ty có 03 máy phát điện, tổng công suất 400KVA phục vụ cấp điện tự động sau 3-5 giây.

+ Cắt điện toàn bộ nhà máy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Lực lượng chữa cháy tại cơ sở:

+ Ban chỉ huy chữa cháy bao gồm: Lãnh đạo công ty, Đội trưởng đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, trưởng các bộ phận, cán bộ phụ trách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

+ Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở gồm: 40 đội viên hàng năm đều được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC.

** Biện pháp ứng phó:*

Khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên hay là khách hàng đều phải thông báo:

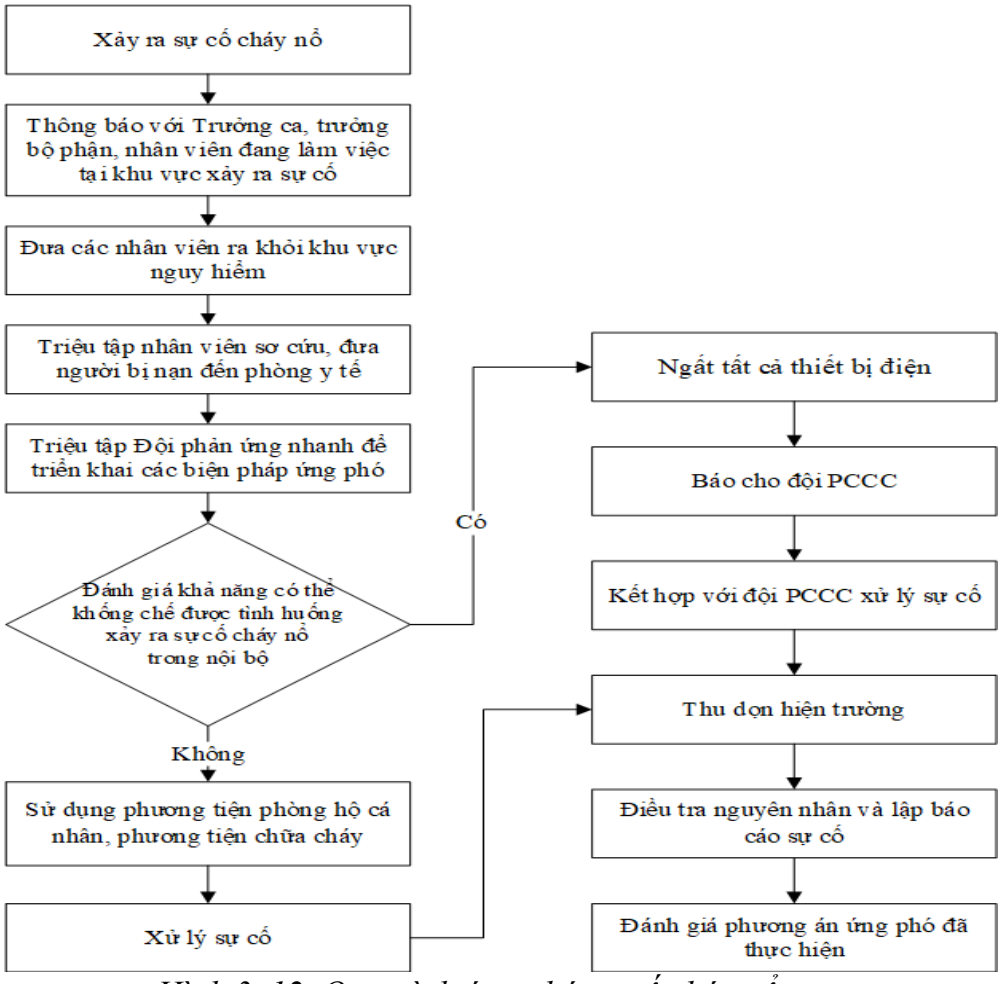
- Ngắt ngay cầu dao điện;

- Báo động bằng bất cứ hình thức nào;

- Di tản tài sản ra ngoài vùng bị cháy;

- Huy động mọi người sử dụng các phương tiện chữa cháy hiện có: bình chữa cháy cầm tay, vòi nước cứu hỏa, cát, …

- Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ như sau:



Hình 3. 12. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị, kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao (nút tai…).

- Toàn bộ tuyến đường nội bộ của nhà máy đều được bê tông hoá để giảm thiểu bụi, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình vận chuyển.

- Quét dọn khu vực làm việc vào thời gian đổi ca và cuối ngày làm việc.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở đều đạt tiêu chuẩn của Cục đăng kiểm.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Để phù hợp với thực tế sản xuất cũng như thuận lợi cho công tác bảo vệ môi trường, Nhà máy thực hiện điều chỉnh một số nội dung, hạng mục công trình so với quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá ĐTM. Cụ thể:

Bảng 3. 18. Tổng hợp những nội dung điều chỉnh, thay đổi

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt ĐTM số 160/QĐ-UBND	XNHT số 08/GXN-STNMT	Hồ sơ đề xuất cấp GPMT	Lý do điều chỉnh
I	**Quy trình sản xuất**				
1	Xưởng KCS/ Mài ướt	Không có	Bổ sung xưởng mài ướt	Xưởng Thành phẩm (Mài cạnh, mài mặt)	Bổ sung xưởng mài mài đã được cấp tại giấy XNHT số 08/GXN-STNMT ngày 06/2/2012. Việc di chuyển dây chuyền mài sang vị trí nhà xưởng mới trong phạm vi nhà máy giáp lò nung số 1 (phía Đông so với vị trí nhà xưởng hiện tại) công ty đã có văn bản số 33/2025/BC-CTPY ngày 13/02/2025. Sau đó Sở Tài Nguyên và Môi trường đã có văn bản số 938/STNMT-BVMT ngày 25/02/2025 về thực hiện hồ sơ môi trường khi có sự thay đổi.
2	Dây chuyền nghiền đá	Có	Dừng hoạt động	Tháo dỡ thiết bị máy, làm kho chứa Nhiên liệu đốt	Đúng theo XNHT
3	Quả nghiền	Hệ thống	Không có	09 quả nghiền	Bổ sung 03 quả nghiền 60 tấn bổ sung mới
4	Nhiên liệu cung cấp cho sấy liệu	Than	Than	Than/ Biomass	Năm 2022, Công ty có văn bản số 65/2022/BC-CTPY ngày 13/5/2022 đến Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo thay thế nguyên liệu đốt phục vụ cho quá trình

					sản xuất nguyên liệu
5	Nhiên liệu cung cấp cho lò nung, sấy	Than	Than	Than/Biomass	Bổ sung mới Văn bản số 199/2024/BC-CTPY ngày 15/8/2024 báo cáo việc thay thế nhiên liệu cho quá trình nung sấy gạch. Văn bản báo cáo lần 2, số: 33/2025/BC-CTPY ngày 13/02/2025 đến cơ quan quản lý nhà nước về việc thay thế nhiên liệu và công nghệ sử dụng
II	**Phương thức xả thải**				
1	Nước thải sinh hoạt	Xả thải sau khi xử lý qua bể tự hoại thoát ra hệ thống thoát nước của công ty	Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại thoát ra hệ thống thoát nước của công ty về hồ chứa 30.500 m^3 và được bơm tuần hoàn cho sản xuất	Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại thoát ra hệ thống thoát nước của công ty về hồ chứa 30.500 m^3 và được bơm tuần hoàn cho sản xuất	Văn bản báo cáo số 237/2016/CV-CTPY ngày 05/12/2016 của Công ty; Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường số 64/STNMT-TNN ngày 10/01/2017
III	**Diện tích sử dụng đất**				
	Diện tích	210.000m^2	155.121m^2	164.950m^2	Văn bản số 250/2024/BC-CTPY ngày 17/12/2024 của Công ty. - Theo hợp đồng thuê đất số 191/HĐTĐ ngày 20/11/2023 và Hợp đồng số 40/HĐTĐ ngày 11/3/2024

**** Thuyết minh nội dung điều chỉnh, lý do điều chỉnh:***

1. Đối với công đoạn mài mặt

Công đoạn mài mặt đã được Công ty bổ sung nhằm hoàn thiện dây chuyền công nghệ, bảo đảm yêu cầu về chất lượng và chủng loại sản phẩm đầu ra. Nội dung bổ sung công đoạn mài mặt đã được thể hiện và xác nhận tại *Văn bản số 08/GXN-STNMT ngày 06/02/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường.*

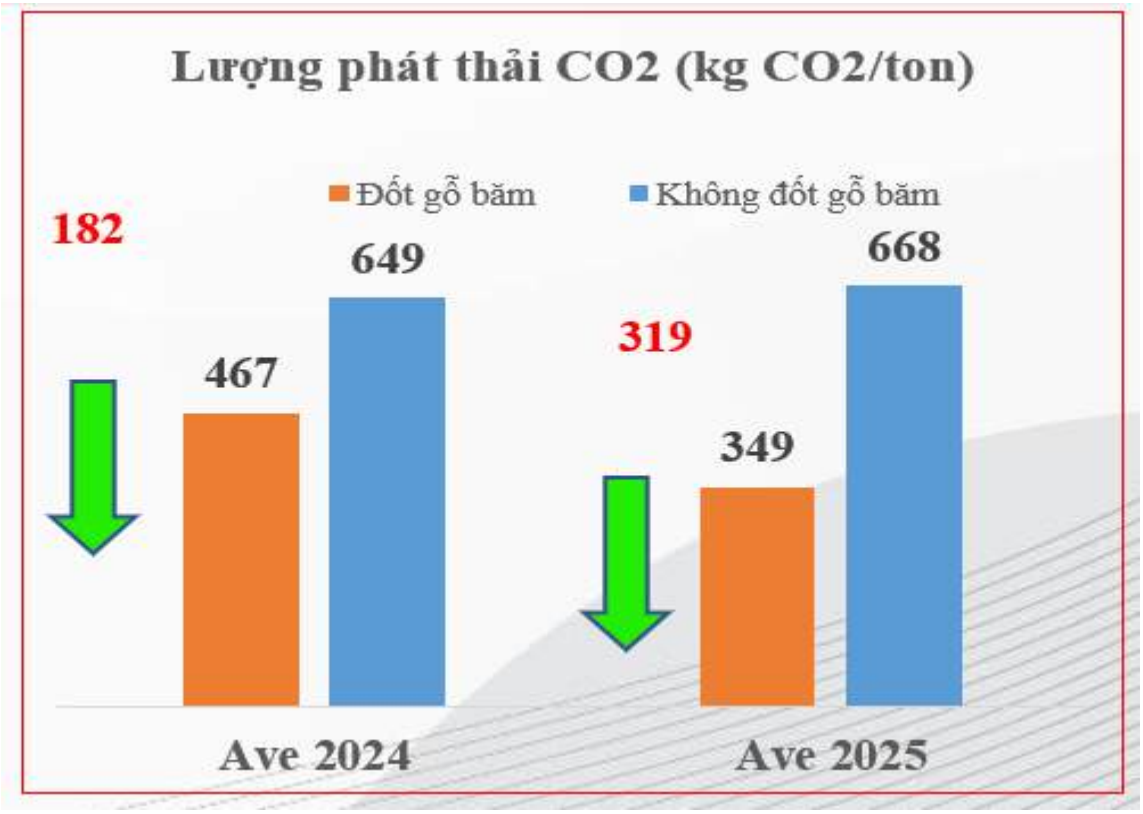
Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại mặt bằng sản xuất, Công ty thực hiện dịch chuyển dây chuyền mài mặt sang vị trí nhà xưởng mới trong phạm vi khuôn viên Nhà máy, thuộc khu vực giải pháp lò nung số 1, phía Đông so với vị trí nhà xưởng hiện hữu. Việc dịch chuyển chỉ nhằm phù hợp với mặt bằng và tổ chức sản xuất của Nhà máy, không làm thay đổi công nghệ, công suất thiết kế, nguyên liệu sử dụng và sản phẩm đầu ra của công đoạn mài mặt; không làm phát sinh công đoạn sản xuất mới.

2. Đối với việc bổ sung nhiên liệu Biomass cho trạm than hóa khí

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty nhận thấy việc sử dụng than 5A làm nhiên liệu cho lò đốt than hóa khí có mức phát sinh khí thải và phát thải khí nhà kính tương đối lớn. Trên cơ sở nghiên cứu đặc tính và khả năng sử dụng các loại nhiên liệu sinh khối như gỗ băm, dăm nghiền, trấu, vỏ hạt điều và các loại Biomass phù hợp khác, Công ty bổ sung phương án sử dụng nhiên liệu Biomass cho lò đốt than hóa khí.

Việc bổ sung nhiên liệu Biomass nhằm từng bước thay thế một phần nhiên liệu than 5A, góp phần giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, hạn chế phát thải khí nhà kính, đồng thời giảm chi phí nhiên liệu và nâng cao hiệu quả sản xuất. Việc sử dụng Biomass được thực hiện phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của lò đốt và điều kiện vận hành thực tế của Nhà máy.

Việc bổ sung Biomass không làm thay đổi mục đích sử dụng của lò đốt than hóa khí, không làm phát sinh công đoạn sản xuất mới và không làm thay đổi công suất thiết kế của Nhà máy; đây là việc điều chỉnh, đa dạng hóa nguồn nhiên liệu sử dụng cho thiết bị hiện hữu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm tác động môi trường.



Hình 3. 13. Biểu đồ so sánh giữa đốt than và biomass khi phát thải khí CO_2

Đốt Biomass cho công đoạn sản xuất bột liệu xưởng Nguyên liệu so với đốt than dựa trên sản lượng sản xuất (năm 2024 giảm 182 $KgCO_2$/ ton, năm 2025 giảm 319 $KgCO_2$/ ton)

3. Các nội dung điều chỉnh khác

3.1. Điều chỉnh dây chuyền nghiền đá

Dây chuyền nghiền đá của Nhà máy hiện không còn hoạt động. Nguồn bột đá phục vụ sản xuất được cung cấp từ các Công ty thành viên thuộc Prime hoặc từ các nhà cung cấp bên ngoài. Do đó, Công ty đã tháo dỡ các máy móc, thiết bị của dây chuyền nghiền đá; khu vực này hiện được chuyển đổi công năng để sử dụng làm kho chứa nhiên liệu đốt.

Việc dừng hoạt động dây chuyền nghiền đá và chuyển đổi công năng khu vực này không làm thay đổi công suất, công nghệ sản xuất và sản phẩm của Nhà máy, đồng thời không làm phát sinh thêm nguồn thải từ công đoạn nghiền đá.

3.2. Điều chỉnh diện tích sử dụng đất của Nhà máy

Diện tích sử dụng đất thực tế của Nhà máy có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây do Công ty thực hiện thủ tục thu hồi diện tích đất của Công ty Cổ phần Elovi Việt Nam để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất gạch lát nền. Theo diện tích sử dụng thực tế và hồ sơ đất đai hiện nay, tổng diện tích đất Nhà máy đang sử dụng là 164.950 m^2.

Diện tích nêu trên được xác định theo trích lục/trích đo địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thực hiện, kèm theo hồ sơ, hợp đồng thuê đất có liên quan.

Việc điều chỉnh diện tích nhằm phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất và cơ sở pháp lý về đất đai của Nhà máy, không làm thay đổi công suất sản xuất đã được phê duyệt.

3.3. Điều chỉnh, sắp xếp lại mặt bằng và dây chuyền sản xuất

Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện sắp xếp, điều chỉnh vị trí một số dây chuyền, khu vực sản xuất nhằm phù hợp với điều kiện mặt bằng thực tế, nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất và hoàn thiện dây chuyền công nghệ.

Cụ thể, dây chuyền mài được dịch chuyển sang vị trí mới trong phạm vi khuôn viên Nhà máy do diện tích khu vực dây chuyền mài hiện hữu hạn chế, gây khó khăn cho việc bố trí thiết bị kiểm soát sản phẩm, thao tác vận hành và bảo đảm không gian thông thoáng trong khu vực sản xuất. Khu vực dây chuyền mài cũ được chuyển đổi công năng thành kho thành phẩm.

Việc điều chỉnh, sắp xếp lại mặt bằng nhằm:

- Đáp ứng yêu cầu về nguyên liệu đầu vào và nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra;
- Hoàn thiện, tối ưu hóa dây chuyền công nghệ và nâng cao hiệu quả sản xuất;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí, vận hành và kiểm soát các thiết bị trong dây chuyền;
- Nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh và vị thế của sản phẩm trên thị trường;
- Tăng cường sử dụng nhiên liệu phù hợp, góp phần hạn chế phát thải khí nhà kính, giảm chi phí sản xuất và hướng tới sản xuất thân thiện với môi trường.
- Việc điều chỉnh, dịch chuyển các dây chuyền chỉ thực hiện trong phạm vi khuôn viên Nhà máy, không làm thay đổi quy trình công nghệ, không làm tăng quy mô và công suất sản xuất đã được phê duyệt.

3.4. Phương thức thu gom, xử lý và xả nước thải

Trong quá trình sản xuất, nước thải phát sinh từ các công đoạn có sử dụng nước được Công ty thu gom về hệ thống bể lắng để xử lý, làm mát và tuần hoàn trở lại phục vụ sản xuất. Nước sau xử lý được tái sử dụng, không xả nước thải sản xuất ra ngoài môi trường.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Các nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy gồm: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất.

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 1: Phát sinh từ bể tự hoại

+ Nguồn số 2: Từ bể tách dầu mỡ khu vực nhà ăn ca

Nước thải từ khu vực vệ sinh được thu gom qua bể tự hoại; nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom qua bể tách dầu mỡ được dẫn về hồ chứa có dung tích 30.500 m^3, sau đó tuần hoàn, tái sử dụng phục vụ quá trình sản xuất. Toàn bộ lượng nước thải được thu gom, xử lý và tái sử dụng, không xả ra môi trường bên ngoài.

- Nguồn phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất:

+ Nguồn số 3: Nước thải xưởng Nhiên liệu

+ Nguồn số 4: Nước thải xưởng Nguyên liệu

+ Nguồn số 5: Nước thải xưởng Bán thành phẩm

+ Nguồn số 6: Nước thải xưởng Thành phẩm

+ Nguồn số 7: Nước thải xưởng mài mặt

Do nước thải sau khi xử lý nước tuần hoàn trở lại sản xuất không có hoạt động xả thải ra ngoài môi trường nên không xin cấp phép đối với nội dung này.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Họa động sản xuất của nhà máy phát sinh 8 nguồn bụi, khí thải, cụ thể như sau:

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

TT	Tên nguồn	Công đoạn phát sinh	Thành phần, tính chất
1	Nguồn số 01	Từ lò Biomass hóa khí thuộc xưởng Nhiên liệu	Bụi, CO, NOx, SO_2
2	Nguồn số 02	Từ lò sấy phun thuộc xưởng Nguyên liệu	
3	Nguồn số 03	Từ khu vực lò sấy thuộc xưởng Bán thành phẩm	
4	Nguồn số 04	Từ khu vực lò nung thuộc xưởng Bán thành phẩm	
5	Nguồn số 05	Từ công đoạn ép thuộc xưởng Bán thành phẩm	Bụi
6	Nguồn số 06	Từ công đoạn men màu thuộc xưởng Bán thành phẩm	
7	Nguồn số 07	Từ dây chuyền mài cạnh (mài khô) thuộc xưởng Thành phẩm	
8	Nguồn số 08	Từ dây chuyền mài mặt (mài ướt) thuộc xưởng Thành phẩm	

4.2.2. Dòng khí thải

Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thoát khí, cụ thể như sau:

Dòng thải số 01: Tại khu vực ống khói sấy phun 1 (xưởng Nguyên liệu)

Dòng thải số 02: Tại khu vực ống khói sấy phun 2 (xưởng Nguyên liệu)

Dòng thải số 03: Từ khu vực ống khói 1 tại lò nung (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 04: Từ khu vực ống khói 2 tại lò nung (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 05: Từ khu vực ống khói 3 tại lò nung (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 06: Từ khu vực ống khói 4 tại lò nung (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 07: Từ khu vực ống khói 1 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 08: Từ khu vực ống khói 2 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 09: Từ khu vực ống khói 3 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 10: Từ khu vực ống khói 4 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)

Dòng thải số 11: Từ khu vực ống thoát khí tại Máy hút bụi xưởng Nguyên liệu

Dòng thải số 12: Từ khu vực ống thoát khí tại Máy hút bụi xưởng BTP Ép sấy

Dòng thải số 13: Từ khu vực ống thoát khí tại Máy hút bụi xưởng BTP Ép sấy

Dòng thải số 14: Từ khu vực ống thoát khí tại Máy hút bụi xưởng BTP Men màu

Dòng thải số 15: Từ khu vực ống thoát khí tại Máy hút bụi dây chuyền mài cạnh

Dòng thải số 16: Từ khu vực ống thoát khí tại Máy hút bụi dây chuyền mài mặt

4.2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa

- Lưu lượng khí xả thải tối đa đề nghị cấp phép là: 600.190m^3/h.

4.2.4. Vị trí, phương thức xả khí thải

Bảng 4. 1. Tổng hợp nguồn phát sinh khí thải, lưu lượng xả khí thải, dòng khí thải, vị trí và phương thức xả khí thải của Nhà máy

TT	Vị trí phát sinh bụi, khí thải	Lưu lượng xả khí thải tối đa (m^3/h)	Dòng khí thải	Vị trí xả khí thải Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến trục $106^0 30'$, múi chiếu 3^0		Phương thức xả khí thải
				X	Y	
	Tại khu vực ống khói sấy phun 1 (xưởng Nguyên liệu)	33.300	Tương ứng dòng số 1	2362161,1	435019,6	Xả liên tục.Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 18m (tính từ thân tháp dập bụi), đường kính 1,0 m.
	Tại khu vực ống khói sấy phun 2 (xưởng Nguyên liệu)	30.840	Tương ứng với dòng số 2	2362154,3	435031,5	Xả liên tục.Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 18m (tính từ thân tháp dập bụi), đường kính 1,0 m.
	Từ khu vực ống khói 1 tại lò nung (xưởng Bán thành phẩm)	33.180	Tương ứng với dòng số 3	2362127,6	434929,8	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 10m (tính từ mặt đất), đường kính 1m.
	Từ khu vực ống khói 2 tại lò nung (xưởng Bán thành phẩm)	31.680	Tương ứng với dòng số 4	2362117,5	434929,3	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 10m (tính từ mặt đất), đường kính 1m.
	Từ khu vực ống khói 3 tại lò nung	35.820	Tương ứng với dòng số 5	2362122,4	434910,5	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 10m (tính từ

	(xưởng Bán thành phẩm)					mặt đất), đường kính 1m.
1	Từ khu vực ống khói 4 tại lò nung (xưởng Bán thành phẩm)	34.560	Tương ứng với dòng số 6	2362122,4	434910,5	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 10m (tính từ mặt đất), đường kính 1m.
2	Từ khu vực ống khói 1 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)	38.880	Tương ứng với dòng số 7	2362012,8	424928,9	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 5m (tính từ mặt đất), đường kính 1m.
3	Từ khu vực ống khói 2 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)	39.240	Tương ứng với dòng số 8	2362104,0	434931,1	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 5m (tính từ mặt đất), đường kính 1m.
4	Từ khu vực ống khói 3 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)	40860	Tương ứng với dòng số 9	2362103,1	434950,7	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 5m (tính từ mặt đất), đường kính 1m.
5	Từ khu vực ống khói 4 lò sấy (xưởng Bán thành phẩm)	40.320	Tương ứng với dòng số 10	2362102,2	434949,7	Xả liên tục. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 5m (tính từ mặt đất), đường kính 1m.

	Từ khu vực Máy hút bụi xưởng Nguyên liệu	42000	Tương ứng với dòng số 11	2362141,7	435020,9	Xả liên tục. Bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*3000 mm. Sau khi xử lý được thoát qua ống thoát khí cao 10,8m
	Từ khu vực Máy hút bụi xưởng BTP Ép sấy	72000	Tương ứng với dòng số 12	2362175,9	434949,1	Xả liên tục. Bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*2500 mm. Sau khi xử lý được thoát qua ống thoát khí cao 3,5m
	Từ khu vực Máy hút bụi xưởng BTP Ép sấy	1510	Tương ứng với dòng số 13	2362163,3	435003,8	Xả liên tục. Bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*2500 mm. Sau khi xử lý được thoát qua ống thoát khí cao 4,5m
	Từ khu vực Máy hút bụi xưởng BTP Men màu	15000	Tương ứng với dòng số 14	2361997,4	434959,9	Xả liên tục. Bụi được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D135*2500 mm. Sau khi xử lý được thoát qua ống thoát khí cao 3,8m.
	Từ khu vực Máy hút bụi dây chuyền mài cạnh	46000	Tương ứng với dòng số 15	2361942,3	434881,9	Xả liên tục. Bụi khô được lọc qua buồng hút bụi và ống lọc bụi D160*3000 mm. Sau khi xử lý được thoát qua ống thoát khí cao 4,5m
	Từ khu vực Máy hút bụi dây chuyền mài mặt	65000	Tương ứng với dòng số 16	2361938,9	434976,9	Xả liên tục. Bụi hơi nước, thổi vào tháp dập bụi và được dập bằng nước giếng khoan. Sau khi xử lý được thoát qua ống thoát khí cao 6,2m

4.2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

*** Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép**

Các chất ô nhiễm trong dòng khí sấy, lò nung đề nghị cấp phép của cơ sở là: Lưu lượng, nhiệt độ, Bụi tổng, CO, SO_2, NOx

*** Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm**

Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số được xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, hệ số K_p=0,8, K_v=1,0); QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

- Thời gian áp dụng:

+ QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, hệ số K_p=0,8, K_v=1,0), áp dụng đến ngày 31/12/2031.

+ QCVN 19:2024/BTNMT: Bảng 1 và Bảng 2 Cột B áp dụng từ 01/01/2032. *Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTG ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026, Cơ sở nằm trong vùng hạn chế phát thải. Do đó sử dụng giá trị tại cột B đối với các thông số ô nhiễm trong khí thải của nhà máy.*

Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn các thông số môi trường và tần suất quan trắc

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, Kp = 0,8; Kv = 1) đến hết ngày 31/12/2031	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B) từ ngày 01/01/2032	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	Dòng thải từ số 01 đến 10					
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	160	≤80	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số
2	Lưu lượng	m^3/h	-			
3	CO	mg/Nm^3	800	≤400		
4	SO_2	mg/Nm^3	400	≤ 300		
5	NO_x	mg/Nm^3	680	≤ 400		

						08/2022/NĐ-CP)
	Dòng thải từ số 11 tới số 16					
	Bụi tổng	mg/Nm^3	160	≤80	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Gồm 18 nguồn phát sinh tiêng ồn, độ rung, cụ thể như sau

Bảng 4. 3. Nguồn phát sinh tiếng ồn tại nhà máy

TT	Tên nguồn	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung
1	Nguồn số 01	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực nghiền (quả nghiền)
2	Nguồn số 02	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực khuấy nổi
3	Nguồn số 03	Tiếng ồn phát sinh từ khu vực xưởng Nhiên liệu
4	Nguồn số 04	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực máy ép
5	Nguồn số 05	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực tráng men
6	Nguồn số 06	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực đầu lò nung
7	Nguồn số 07	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực cuối lò nung
8	Nguồn số 08	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực phân loại
9	Nguồn số 09	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực đóng gói
10	Nguồn số 10	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực máy mài
11	Nguồn số 11	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực nghiền màu men

TT	Tên nguồn	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung
12	Nguồn số 12	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực gia công cơ khí
13	Nguồn số 13	Tiếng ồn phát sinh từ Khu vực máy phát điện

***** Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026, cụ thể:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

- Từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00' đến trước 18h00')	Tối (18h00' đến trước 22h00')	Đêm (22h00' đến trước 06h00')
Khu vực E	70	65	60

+ Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06h00' đến trước 22h00')	Đêm (22h00' đến trước 06h00')
Khu vực D	75	70

Chương V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

5.1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà Công ty phải thực hiện

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, chú trọng xác định sản xuất kinh doanh phải đi đôi với bảo vệ môi trường để đảm bảo phát triển bền vững, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Trong những năm gần đây Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực như tuyên truyền nâng cao nhận thức cho CBCNV trong Công ty hiểu các quy định về bảo vệ môi trường, hướng dẫn thu gom, phân loại các chất thải. Tích cực tham gia hưởng ứng các cuộc phát động Ngày Môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường**,** Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn do Sở Tài nguyên và Môi trường nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường phát động. Với mục tiêu đảm bảo một môi trường làm việc an toàn và trong lành cho người lao động, định kỳ hàng quý, hàng năm Công ty đã thực hiện quan trắc giám sát môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Duy trì tốt việc thu gom, phân loại và chuyển giao xử lý các chất thải. Thường xuyên chăm sóc cây xanh trong khuôn viên công ty. Duy trì có hiệu quả các hệ thống quản lý, không ngừng cải tiến, đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời tiết kiệm tài nguyên, nguyên vật liệu, giảm phát thải ra môi trường.

Cùng với việc nhận thức và chủ trương đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty. Trong nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh, an toàn về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đời sống người lao động được ổn định và được cải thiện cả vật chất và tinh thần góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển, tạo dựng được niềm tin và uy tín với đối tác và khách hàng.

Định kỳ hàng năm Công ty đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

5.1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

Tháng 2/2025: Công ty có văn bản số văn bản số 33/2025/BC-CTPY ngày 13/02/2025 của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên gửi tới Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường khi thay đổi nhiên liệu của công đoạn sấy, nung gạch và di chuyển vị trí dây chuyền mài sang nhà xưởng mới. Công ty có kế hoạch đầu tư, thay thế dần 05 lò khí hóa (cấp khí cho công đoạn sấy, nung) sử dụng than

bằng 03 lò đốt sử dụng nhiên liệu Biomass; Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn số 938/STNMT-BVMT ngày 25/2/2025

Tháng 5/2025 trong quá trình chạy thử nghiệm lò khí hóa Biomass xảy ra sự cố, bị lỗi phần điện điều khiển của quạt cung cấp vào buồng đốt. Quạt bị dừng đột ngột và van cấp hơi nước bị đóng nên lò đốt không đủ oxy để duy trì được sự cháy triệt để của dầu gỗ đã phun vào trong lò. Dầu gỗ không cháy hết bị đọng dưới đáy buồng đốt nên tạo ra khói đen khi quạt cấp oxy đã dừng. Công ty có văn bản số 94/2025/CV-CTPY ngày 21/5/2025 gửi đến Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND phường Trung Thành báo cáo tình hình trên.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

- Về nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất : Tại các xưởng sản xuất hệ thống xử lý nước thải đều được xử lý triệt để qua hệ thống mương dẫn, bể thu gom và bơm tuần hoàn tái sử dụng sản xuất 100% không có hoạt động xả ra ngoài môi trường.

Trên cơ sở hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, Công ty Cổ phần Prime Thái Nguyên đã ký hợp đồng với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên phối hợp, thực hiện chương trình quan trắc định kỳ của Công ty.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2024, 2025 đến nay được tổng hợp như sau:

* Mẫu nước thải Tại bể thu gom nước thải trước khi xử lý

Bảng 5. 1. Kết quả đo, phân tích nước thải trước khi xử lý

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024				Năm 2025				QCVN 40:2011/BTNMT (B)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	6,8	7,8	6,8	7	7	7	7,1	8,2	**5,5 - 9,0**
2	BOD_5	mg/l	22,36	37,2	306	<2	501	580	125,3	201,8	**50**
3	COD	mg/l	45,1	75,25	<2	<15	38,41	41,4	244,5	439,03	**150**
4	TSS	mg/l	100,3	49,6	<15	882	76,33	82,8	502	52,6	**100**
5	TDS	mg/l	225	250	28,4	26,6	103,5	75,1	<10	866	**-**
6	Cd	mg/l	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	**0,1**
7	Cu	mg/l	0,0101	0,0148	0,0021	0,0047	0,0145	0,0266	<0,002	0,0391	**2**
8	Fe	mg/l	0,62	0,41	0,31	3,76	0,57	0,98	<0,12	2,078	**5**
9	Ca	mg/l	110,1	383	4,86	0,24	71,2	104,46	25,05	12,31	**-**
10	NH_4^+-N	mg/l	9	9,5	2,2	<1,5	4,5	3,9	<1,5	89,7	**10**
11	Tổng dầu khoáng	mg/l	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	**10**

**** Chú thích:***

- Giá trị sau dấu "<" thể hiện giới hạn phát hiện của phép đo;
- Dấu (-) là không quy định;
- Những chỉ tiêu có dấu * bên cạnh là những chỉ tiêu được công nhận theo Tiêu chuẩn ISO 17025:2005;
- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

* Mẫu nước thải Tại bể thu gom nước thải sau khi xử lý

Bảng 5. 2. Kết quả đo, phân tích nước thải sau khi xử lý tại bể xử lý cuối cùng trước khi tuần hoàn trở lại sản xuất

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024				Năm 2025				QCVN 40:2011/BTNMT (B)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,1	7,8	7,2	7,2	7,2	7,3	7,2	6,9	**5,5 - 9,0**
2	BOD_5	mg/l	6,96	37,2	28,2	<2	2,66	<2	12,76	<2	**50**
3	COD	mg/l	<15	75,25	55,93	<15	<15	<15	24,7	<15	**150**
4	TDS	mg/l	168	250	215	470	254	240	242	160	**-**
5	TSS	mg/l	11,9	49,6	49,2	14,1	44,9	36,8	<10	31,6	**100**
6	Cd	mg/l	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	**0,1**
7	Cu	mg/l	<0,002	0,0148	0,0062	0,0025	0,0064	0,0021	<0,002	0,0035	**2**
8	Ca	mg/l	4,99	383	90,76	5,89	24,42	15,4	25,21	17,33	**-**
9	Fe	mg/l	0,33	0,41	0,56	0,18	0,4	0,873	0,499	0,241	**5**
10	NH_4^+-N	mg/l	7,8	9,5	3,4	<1,5	<1,5	<1,5	<1,5	4,5	**10**
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	<2,5	**10**

Nhận xét: Sau khi xử lý tuần hoàn quay trở lại sản xuất cho thấy mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý có một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép, tuy nhiên sau khi xử lý trước khi tuần hoàn lại cho quá trình sản xuất cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều có giá trị nồng độ nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Công ty thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí khu vực sản xuất với tần suất 4 lần/năm. Kết quả quan trắc được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Vị trí quan trắc:

STT	Kí hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tọa độ
I	**Mẫu khí**		
1	KK-1	Tại khu vực ép gạch	X:105°52'23,1" Y:21°21'14,2"
2	KK-2	Tại khu vực nghiền liệu	X:105°52'24,2" Y:21°21'14,5"
3	KK-3	Tại khu vực đầu lò sấy	X:105°52'22,3" Y:21°21'13,3"
4	KK-4	Tại khu vực cuối lò sấy	X:105°52'21,2" Y:21°21'11,2"
5	KK-5	Tại khu vực đầu lò nung	X:105°52'21,6" Y:21°21'13,1"
6	KK-6	Tại khu vực cuối lò nung	X:105°52'21,3" Y:21°21'05,5"
7	KK-7	Tại bãi chứa nguyên liệu (đầu hướng gió - phía Đông Nam của bãi)	X:105°52'37,1" Y:21°21'58,1"
8	KK-8	Tại bãi chứa nguyên liệu (cuối hướng gió - phía Tây Bắc của bãi)	X:105°52'39,1" Y:21°21'04,2"

Bảng 5.3. Kết quả đo, phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực sản xuất

TT	Ký hiệu	Thời gian quan trắc		Kết quả					
				Ồn	Bụi TSP	NO_2	SO_2	CO	CO_2
				dBA	µg/m³	µg/m³	µg/m³	µg/m³	%
		Năm 2024	Đợt 3	78,5	99	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 4	82	77,5	<15000	<80	<45	0,06
		Năm 2025	Đợt 1	81	78	<15000	<80	<45	0,06
			Đợt 2	78	78,5	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 3	80	77,8	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 4	80,2	108	<15000	<80	<45	0,07
2	KK-2	Năm 2024	Đợt 3	83	89	<80	<45	<15000	0,05
			Đợt 4	<63	82,1	<15000	<80	<45	0,04
		Năm 2025	Đợt 1	79	82,4	<15000	<80	<45	0,06
			Đợt 2	75	82,6	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 3	83	80,4	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 4	80,6	106	<15000	<80	<45	0,06
3	KK-3	Năm 2024	Đợt 3	79,1	81	<15000	<80	<45	0,08
			Đợt 4	<63	74,3	<15000	<80	<45	0,07
		Năm 2025	Đợt 1	66	79,6	<15000	<80	<45	0,07
			Đợt 2	99	80,2	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 3	87	79,5	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 4	79,8	77	<15000	<80	<45	0,05
4	KK-4	Năm 2024	Đợt 3	78,5	84	<15000	<80	<45	0,09
			Đợt 4	85	75,5	<15000	<80	<45	0,06
		Năm 2025	Đợt 1	80	79,8	<15000	<80	<45	0,07
			Đợt 2	88	80,3	<15000	<80	<45	0,06
			Đợt 3	<63	80,1	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 4	80,1	91	<15000	<80	<45	0,06
5	KK-5	Năm 2024	Đợt 3	76,9	65	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 4	<63	82,3	<15000	<80	<45	0,05
		Năm 2025	Đợt 1	67	76,3	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 2	80	79,8	<15000	<80	<45	0,03
			Đợt 3	<63	78,7	<15000	<80	<45	0,07

			Đợt 4	79,6	96	<15000	<80	<45	0,05
6	KK-6	Năm 2024	Đợt 3	79	100	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 4	98	80,4	<15000	<80	<45	0,07
		Năm 2025	Đợt 1	81	80,4	<15000	<80	<45	0,06
			Đợt 2	74	80,3	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 3	83	80,4	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 4	80,0	75	<15000	<80	<45	0,06
7	KK-7	Năm 2024	Đợt 3	80,7	<63	<15000	<80	<45	0,07
			Đợt 4	83	69,6	<15000	<80	<45	0,08
		Năm 2025	Đợt 1	78	76,5	<15000	<80	<45	0,08
			Đợt 2	83	64,1	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 3	75	63,5	<15000	<80	<45	0,05
			Đợt 4	68	100	<15000	<80	<45	0,03
8	KK-8	Năm 2024	Đợt 3	79,8	<63	<15000	<80	<45	0,08
			Đợt 4	<63	68	<15000	<80	<45	0,08
		Năm 2025	Đợt 1	75	76,1	<15000	<80	<45	0,06
			Đợt 2	72	63,6	<15000	<80	<45	0,04
			Đợt 3	85	63,6	<15000	<80	<45	0,07
			Đợt 4	68,5	89	<15000	<80	<45	0,04
	QCVN 02:2019/BY; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT			**85**	**-**	**10000**	**10000**	**40000**	**-**

** Chú thích*:

- Giá trị sau dấu "<": thể hiện giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích

** Tiêu chuẩn so sánh*

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

**** Đánh giá kết quả phân tích:***

Kết quả đo và phân tích môi trường không khí trong khu vực sản xuất cho thấy: Tất cả các thông số đo, phân tích đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT và QCVN 24:2016/BYT.

Bảng 5.4. Kết quả đo, phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực sản xuất

TT	Ký hiệu	Thời gian quan trắc		Kết quả					
				Lưu lượng (m^3/phút)	Bụi tổng (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	CO_2 (%)
1	KTOK-1	Năm 2024	Đợt 1	563	<20	90,6	181,5	21,5	3,04
			Đợt 2	521	<20	48,1	<46	9,4	3,6
			Đợt 3	579	<20	4,85	16,59	25,16	0,61
			Đợt 4	542	22	2,54	18,54	146,1	12,75
		Năm 2025	Đợt 1	803	<20	162,206	4,367	5,624	3,073
			Đợt 2	781	<20	116,62	0,72	3,52	10,32
			Đợt 3	788	<20	165,11	2,86	0,92	3,52
			Đợt 4	792	<20	131,55	5,65	0,16	3,22
2	KTOK -2	Năm 2024	Đợt 1	538	<20	77,7	159,8	17,6	2,51
			Đợt 2	561	<20	51,9	<46	15,6	1,4
			Đợt 3	607	21	2,07	2,62	8,28	0,33
			Đợt 4	597	23	1,04	27,36	5,23	27,07
		Năm 2025	Đợt 1	323	<20	42,952	35,807	53,58	1,304
			Đợt 2	509	<20	29,29	7,54	72,55	6,91
			Đợt 3	748	<20	112,62	167,33	19,9	2,14
			Đợt 4	757	20	113,395	106,01	22,85	2,54
3	KTOK -3	Năm 2024	Đợt 1	608	<20	76,5	153,7	16,6	2,4
			Đợt 2	538	<20	52,8	<46	25,5	2,1
			Đợt 3	582	29	41,59	196,5	87,48	2,44
			Đợt 4	604	25	1,19	29,49	3,55	46,46
		Năm 2025	Đợt 1	538	<20	31,797	31,265	44,384	0,883
			Đợt 2	495	<20	30,79	23,53	63,35	7,19
			Đợt 3	843	<20	121,7	215,22	2,7	53,93
			Đợt 4	859	<20	115,86	148,55	22,22	2,6
4	KTOK -4	Năm 2024	Đợt 1	682	<20	36,4	69	79	2,1
			Đợt 2	682	<20	58,5	<46	52,1	1,9
			Đợt 3	553	20	43,47	200,87	94,47	2,69
			Đợt 4	563	23	3,06	18,01	86,1	199,47
		Năm 2025	Đợt 1	528	<20	35,582	35,632	47,196	0,876
			Đợt 2	303	<20	35,95	28,37	66,73	7,95
			Đợt 3	541	<20	46,19	73,65	111,1	1,22
			Đợt 4	539	<20	50,06	53,04	86,82	1,67
5	KTOK -5	Năm	Đợt 1	670	<20	39,2	48	77,9	2,04

TT	Ký hiệu	Thời gian quan trắc		Kết quả					
				Lưu lượng (m^3/phút)	Bụi tổng (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	CO_2 (%)
		2024	Đợt 2	670	<20	28,3	<46	187,4	1,5
			Đợt 3	516	<20	135,81	4,54	8,06	4,33
			Đợt 4	566	<20	2,34	13,3	63,29	184,45
		Năm 2025	Đợt 1	863	<20	78,709	135,367	19,76	2,103
			Đợt 2	842	<20	71,26	126,59	24,9	11,26
			Đợt 3	521	<20	46,44	74,22	126,77	1,33
			Đợt 4	517	<20	20,94	13,74	65,265	0,66
6	KTOK -6	Năm 2024	Đợt 1	565	<20	45,9	60,6	27,4	1,46
		Năm 2025	Đợt 1	768	<20	95,504	153,183	19,38	2,186
			Đợt 2	728	<20	81,4	128,55	18,08	9,39
7	KTOK -7	Năm 2024	Đợt 1	523	<20	64	3,1	7	1,27
		Năm 2025	Đợt 1	877	<20	88,36	234,403	22,496	2,535
			Đợt 2	820	<20	81,76	142,56	20,23	10,82
8	KKOK-8	Năm 2024	Đợt 1	670	<20	36,4	68,3	79	1
QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; Kp=0,8; Kv=1)				**-**	**160**	**680**	**400**	**800**	**-**

(Do nền kinh tế khó khăn, sản lượng bán hàng thấp dẫn đến lượng tồn kho tăng cao phải dừng dây chuyền sản xuất nên không thể quan trắc đầy đủ nguồn thải các mẫu khí thải ống khói theo mạng lưới quan trắc Môi trường đã được phê duyệt)

**Vị trí lấy mẫu khí thải ống khói*

III	Mẫu khí thải ống khói		
1	KTOK-1	Tại ống khói lò nung 01	X:105°52'21,5" Y:21°21'12,8"
2	KTOK-2	Tại ống khói lò nung 02	X:105°52'22,0" Y:21°21'12,9"
3	KTOK-3	Tại ống khói lò nung 03	X:105°52'22,9" Y:21°21'13,3"

4	KTOK-4	Tại ống khói lò nung 04	X:105°52'22,7" Y:21°21'13,0"
5	KTOK-5	Tại ống khói lò sấy 01	X:105°52'21,0" Y:21°21'11,2"
6	KTOK-6	Tại ống khói lò sấy 02	X:105°52'21,4" Y:21°21'12,6"
7	KTOK-7	Tại ống khói lò sấy 03	X:105°52'20,4" Y:21°21'10,4"
8	KTOK-8	Tại ống khói lò sấy 04	X:105°52'20,6" Y:21°21'10,7"
9	KTOK-9	Tại ống khói sấy phun 01	X:105°52'24,5" Y:21°21'14,0"
10	KTOK-10	Tại ống khói sấy phun 02	X:105°52'24,7" Y:21°21'14,2"

Ghi chú:

**** Nhận xét kết quả phân tích:***

Kết quả phân tích các mẫu khí thải ống khói được tiến hành quan trắc cho thấy, tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều có giá trị kết quả nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	Chất thải rắn sinh hoạt	50,4	Hợp đồng với HTX Môi trường Trung Thành đến thu gom và mang đi xử lý

b. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
1	Xỉ than (than qua lửa) vào sản xuất	102.500	Tái sử dụng vào bài liệu tuần hoàn vào sản xuất
2	Bột từ quá trình mài cạnh gạch	3.939.000	Tái sử dụng vào bài liệu tuần hoàn vào sản xuất
3	Bùn từ bể chứa Men màu	856.000	Tái sử dụng vào bài liệu tuần hoàn vào sản xuất

4	Bột liệu rơi vãi, thu hồi	5.698.000	Tái sử dụng vào bài liệu tuần hoàn vào sản xuất
5	Gạch vỡ nghiền tái sử dụng	2.313.000	Tái sử dụng vào bài liệu tuần hoàn vào sản xuất
6	Xỉ than (than qua lửa) bán cho đơn vị xử lý	4.215.000	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Tân Yên

Thống kê CTNH

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Dầu thủy lực thải	17 01 07	600	Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải Công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX
Các loại dầu động cơ, hộp số, và bôi trơn thải khác	17 02 04	960	
Nước thải lẫn dầu	15 02 12	400	
Giẻ lau dính dầu	18 02 01	10	
Bao bì cứng thải bằng kim loại dính TPNH (Vỏ thùng sơn, vỏ thùng dính dầu…)	18 01 02	958	
Thiết bị thải có các bộ phận chứa TPNH (linh kiện điện tử thải)	19 02 05	270	
Vật liệu lót và chịu lửa thải có TPNH (bông thủy tinh)	19 11 03	150	
Bao bì cứng thải bằng nhựa có dính TPNH	18 01 03	1.070	
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30	
Hộp mực in thải có các TPNH	08 02 04	600	
Đầu mẩu que hàn	07 04 01	52	
Ắc quy thải	19 06 01	0	
Tổng số lượng		**5.100**	

5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (không có)

5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên luôn chủ động tuân thủ mọi quy định của pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam. Trong thời gian 02 năm trở lại đây, Công ty không có hoạt động thanh, kiểm tra của cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường. Các cuộc thanh kiểm tra về an toàn phòng cháy, chữa cháy theo chế độ định kỳ, kiểm tra về việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn,

vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm tại Công ty.

Liên quan sự cố xuất hiện khói đen:

Ngày 21/5/2025 lò khí hóa Biomass (đốt gỗ băm, vỏ cây) trong quá trình chạy thử nghiệm, bị lỗi phần điện điều khiển của quạt cung cấp oxy vào buồng đốt. Quạt bị dừng đột ngột và van cấp hơi nước bị đóng nên lò đốt không đủ oxy để duy trì được sự cháy triệt để của dầu gỗ đã phun vào trong lò. Dầu gỗ không cháy hết bị đọng dưới đáy buồng đốt nên tạo ra khói đen khi quạt cấp oxy đã dừng. Do trong lò vẫn có nhiệt và có sự cháy không hoàn toàn nên không thể dừng quạt hút cuối lò tránh việc áp suất tăng cao gây nổ lò, mất an toàn lao động, làm khói đen thoát ra đường ống trong quá trình Công ty xử lý sự cố.

Ngay khi xảy ra sự cố, Công ty đã tập trung nhân lực, kỹ thuật, chuyên gia nỗ lực xử lý lỗi hệ thống điều khiển PLC để khởi động lại quạt cấp oxy và hệ thống liên động đảm bảo an toàn. Đến 09h25 phút, khởi động lại quạt cấp oxy và bộ điều khiển van hơi nước, cung cấp từ từ oxy và hơi nước vào lò để điều chỉnh sự cháy trong lò (không thể cấp nhanh lượng lớn oxy vì có thể gây tăng áp suất đột ngột gây nổ lò). Khí thoát ra khỏi đường ống đã chuyển dần tư màu đen sang xám và đến 9h55 phút khói đã chuyển hoàn toàn sang màu trắng (đây là hơi nước từ gỗ được tách ra trong quá trình khí hóa) như khi lò hoạt động bình thường, sự cố đã được khắc phục.

Sau khi khắc phục sự cố, lò đốt tiếp tục duy trì chế độ đốt cháy triệt để lượng dầu gỗ còn lại ở trong buồng đốt và giảm nhiệt độ lò từ từ tiến tới dừng, tắt lò đốt vào lúc 13h00. Chiều cùng ngày, các bộ phận liên quan trao đổi cùng với kỹ thuật, chuyên gia để phân tích nguyên nhân sự cố, kiểm tra sửa chữa thiết bị, chương trình điều khiển, đưa ra giải pháp phòng ngừa để không xảy ra sự cố thiết bị như trên. Ngày 21/5/2025, công ty đã có báo cáo số: 94/2025/CV-CTPY về việc báo cáo sự cố gửi các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương theo quy định.

Trong thời gian tới, công ty cam kết thực hiện xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

a. Đối với nước thải

- Đối với nước thải: Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 1 điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

b. Đối với công trình xử lý bụi, khí

Cơ sở bổ sung, thay thế dần một phần nhiên liệu than 5A bằng nhiên liệu sinh khối (Biomass) cho trạm than hóa khí, dự kiến sử dụng Biomass cho 03/05 lò đốt. Nhiên liệu Biomass dự kiến sử dụng gồm gỗ băm, dăm nghiền, trấu, vỏ hạt điều và các loại nhiên liệu sinh khối phù hợp khác.

Việc thay đổi, bổ sung nhiên liệu được thực hiện nhằm thay thế một phần nhiên liệu than sử dụng tại cơ sở và giảm phát sinh khí thải trong quá trình sản xuất. Nội dung thay thế nhiên liệu đã được Công ty báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại Văn bản số 65/2022/BC-CTPY ngày 13/5/2022, Văn bản số 199/2024/BC-CTPY ngày 15/8/2024 và Văn bản số 33/2025/BC-CTPY ngày 13/02/2025.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 nên phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải tại xưởng nguyên liệu sau khi được cấp giấy phép môi trường.

Trên cơ sở các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải thực tế của cơ sở và nội dung thay đổi nhiên liệu nêu trên, các công trình xử lý bụi, khí thải thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm được tổng hợp tại Bảng 6.1.

Bảng 6. 1. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

TT	Hệ thống xử lý khí thải	Công suất (m^3/giờ)	Dòng khí thải
	Xưởng nguyên liệu (lò sấy phun)		
1	Xưởng nguyên liệu tại ống khói số 1	33.300	Dòng khí thải số 1
2	Xưởng nguyên liệu tại ống khói 2	30.840	Dòng khí thải số 2

Căn cứ theo khoản 4, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm của cơ sở là sau khi được cấp giấy phép môi trường; thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch chi tiết lấy mẫu chất thải

Cơ sở thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c, khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT *"chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra)"*

Căn cứ quy định trên, Công ty đề xuất kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí, bụi thải như sau:

Bảng 6. 2. Kế hoạch dự kiến thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tên công trình	Số lần thử nghiệm	Thời gian lấy mẫu thử nghiệm	Loại mẫu đo đạc, phân tích	Tần suất	Thông số đo đạc, phân tích	Quy chuẩn so sánh
Ống khói 1 tại xưởng nguyên liệu	3	Quý 2/2027	Mẫu đơn	03 mẫu đầu ra trong 3 ngày liên tiếp	Lưu lượng, bụi tổng, NO_x, SO_2, CO,	QCVN 19:2009/BTNMT (B) Cmax (Kp=0,8, Kv=1,0)
Ống khói 2 tại xưởng nguyên liệu	3	Quý 2/2027	Mẫu đơn	03 mẫu đầu ra trong 3 ngày liên tiếp	Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2, Cd, Cu, Pb, Zn, Ni, Cr, Sb	QCVN 19:2009/BTNMT (B) Cmax (Kp=0,8, Kv=1,0)

b. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Công ty sẽ dự kiến phối hợp với đơn vị có đầy đủ chức năng để thực hiện kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả các công trình xử lý chất thải trong thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến phối hợp với các đơn vị đủ năng lực, đủ chức năng quan trắc môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép. Đơn vị dự kiến:

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Thái Nguyên

Địa chỉ liên hệ: Tổ 8, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0208.3750.876 ; Fax: 0208.3657.366 ; Email: cemp@vnn.vn

Website: http://quantrac.tnmtthainguyen.gov.vn

- Chứng chỉ Hệ thống quản lý của Trung tâm đạt Tiêu chuẩn ISO 17025;

- Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia mã số VILAS 154;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 024.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và mục 2 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

- Quan trắc bụi, khí thải: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với khí thải. Vị trí lấy mẫu và thông số quan trắc khí thải định kỳ như sau:

Bảng 6. 3. Chương trình giám sát khí thải của Cơ sở

STT	Vị trí	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất giám sát
1	Tại ống khói lò nung 01	10	Lưu lượng, bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (B) Cmax (Kp=0,8, Kv=1,0)	3 tháng/lần
2	Tại ống khói lò nung 02				
3	Tại ống khói lò nung 03				
4	Tại ống khói lò nung 04				
5	Tại ống khói lò sấy 01				
6	Tại ống khói lò sấy 02				
7	Tại ống khói lò sấy 03				
8	Tại ống khói lò sấy 04				
9	Tại ống khói sấy phun 01				
10	Tại ống khói sấy phun 02				

Bảng 6. 4. Chương trình giám sát bụi tại cơ sở

STT	Vị trí	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất giám sát
1	Tại máy hút bụi khu vực xưởng Nguyên liệu	06	Lưu lượng, bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (B) Cmax (Kp=0,8, Kv=1,0)	3 tháng/lần
2	Tại 02 máy hút bụi khu vực xưởng Bán Thành phẩm (ép sấy)				
3	Tại máy hút bụi khu vực xưởng Bán Thành phẩm (men màu)				
4	Tại máy hút bụi khu vực xưởng Thành phẩm mài ướt				
5	Tại máy hút bụi khu vực xưởng thành phẩm mài khô				

6.2.2. *Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải*

- Quan trắc nước thải: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và mục 2 Phụ lục XXVIII Phụ lục kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và mục 9 Phụ lục XXIX Phụ lục kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục theo quy định

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở dự kiến: Khoảng 400 triệu/năm.

CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

Cơ sở không đề nghị xác nhận thuộc phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, cơ sở không thực hiện nội dung này.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ dự án cam kết:

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên cam kết các thông tin trong hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan.

- Cam kết thực hiện Báo cáo công tác BVMT trong hoạt động sản xuất theo quy định Điều 119 Luật BVMT và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

- Cam kết xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, hệ số (Kp=0,8, Kv=1,0) đến 31/12/2031 đạt cột B QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp từ ngày 1/1/2032.

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Cam kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh trong suốt thời gian hoạt động của dự án;

Cam kết đầu tư vốn, các giải pháp kỹ thuật và biện pháp quản lý thích hợp để bảo vệ môi trường trong khu vực dự án và xung quanh;

Cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và phòng chống sét;

Cam kết các loại chất thải nguy hại phát sinh được thu gom tập trung, định kỳ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý để xử lý đảm bảo đúng các quy định của nhà nước về chất thải nguy hại;

- Cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, trong suốt quá trình hoạt động của dự án như đã trình bày trong báo cáo.

- Cam kết chịu trách nhiệm, thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do hoạt động của dự án gây ra.

PHỤ LỤC MỘT SỐ HÌNH ẢNH TẠI CÔNG TY



Trạm biến áp



Điện năng lượng mặt trời



Kho gạch thành phẩm



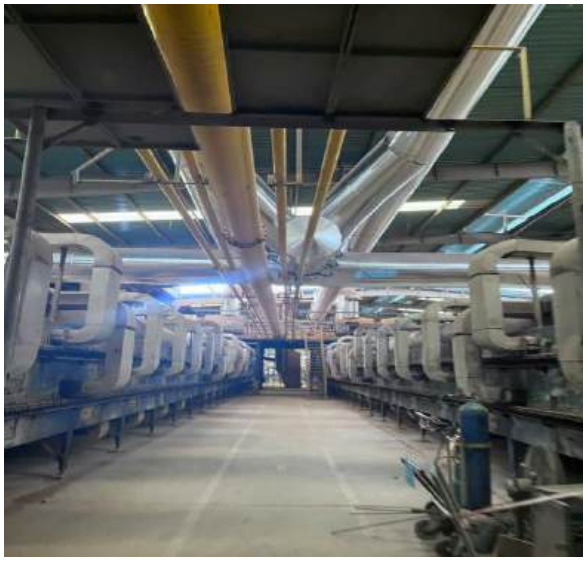
Bãi chứa Nguyên liệu



Xưởng Nhiên liệu



Khu vực lưu chứa Biomass



Ống cấp khí (màu vàng) và thu hồi (màu trắng) cho quá trình nung sấy



Xưởng sản xuất gạch

6024

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 4600409440

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 06 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 09 tháng 09 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỐ YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PRIME PHO YEN JSC

Tên công ty viết tắt: PRIME PHO YEN

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ dân phố Xây Thượng, Phường Trung Thành, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: *02803866632* Số Fax: *02803866474*

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 15.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN XUÂN HUẤN Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *02/08/1981* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *001081035765*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Dục Nội, Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Ninh Văn Đức

BẢN SAO

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 17 1 2 1 000011

Chứng nhận lần đầu, ngày 06 tháng 7 năm 2007

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và quyết định số 1088/2006/QĐ- BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt nam;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư do Công ty cổ phần Prime Phổ Yên;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 605/TTr-SKHĐT, ngày 02 tháng 7 năm 2007,

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Chứng nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1703000300 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/6/2007. Trụ sở giao dịch chính tại: Xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Điện thoại 0280866632; Fax: 0280866474; Vốn điều lệ của Công ty: 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng).

Đại diện bởi: Ông ĐINH QUỐC TUẤN

Sinh ngày: 15/10/1976

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chứng minh thư nhân dân số: 131353411; Ngày cấp: 01/6/1995; Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện tại: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Thực hiện đầu tư dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH LÁT NỀN

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án.

- Mục tiêu của dự án: Sản xuất gạch lát nền

- Quy mô dự án: Công suất 12.000.000 m^2 sản phẩm/năm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Diện tích đất sử dụng: 13 ha

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 297.800.000.000 đồng.

Điều 5. Thời gian hoạt động của dự án: 49 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Khởi công tháng 6/2007 và đi vào hoạt động tháng 12/2007.

Điều 7: Dự án đáp ứng điều kiện:

- Về địa bàn đầu tư quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.

Điều 8: Dự án được hưởng các chế độ ưu đãi:

8.1. Được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính Phủ.

8.2. Được miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 14, Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ.

8.3. Được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ (số lượng, chủng loại máy móc, thiết bị được miễn thuế thập khẩu do cơ quan có thẩm quyền xác định).

8.4. Được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 9: Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 03 bản gốc (Ba bản); 01 bản giao cho Nhà đầu tư, 01 bản lưu tại Uỷ ban nhân dân tỉnh và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư./.

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày: 03-12-2019

Số CT: 3711 Quyển số: 01...SCT/BS

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Kim

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Kỳ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 160 /QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 23 tháng 01 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, tại Khu CN Nam Phổ Yên.

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên - Môi trường tại Tờ trình số 44/TTr-TNMT ngày 09/01/2008 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, tại Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, thuộc xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, tại Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, thuộc xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, do Công ty Cổ phần PRIME Phổ Yên là chủ dự án (gọi tắt là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã cam kết trong Báo cáo ĐTM và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Trong thiết kế, thi công công trình, Chủ Dự án phải:

+ Lập kế hoạch chi tiết kinh phí xây dựng, vận hành hệ thống xử lý chất thải, công trình bảo vệ môi trường; nêu rõ nguồn kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường, đặc biệt là kinh phí duy trì, vận hành hệ thống xử lý môi trường;

+ Trước tiến hành thi công xây dựng, Chủ Dự án phải nộp thiết kế chi tiết đã được phê duyệt (gồm cả thiết kế chi tiết các hạng mục công trình bảo vệ môi trường); kế hoạch tiến độ thi công; sơ đồ, vị trí các điểm quan trắc, giám sát môi trường cho Sở Tài nguyên – Môi trường Thái Nguyên để theo dõi, kiểm tra;

Được quét bằng CamS

+ Tổ chức thi công đúng kế hoạch, đúng thiết kế; không đổ rác thải xây dựng bừa bãi; chất thải phải được thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác.

2- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo nội dung ĐTM đã nêu.

Điều 3. Báo cáo ĐTM của Dự án và những yêu cầu bắt buộc trên là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án và là cơ sở cho các cơ quan chức năng xem xét, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, nghiệm thu công trình.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo ĐTM được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên - Môi trường.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại điều 2 của Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Phổ Yên, Chủ tịch UBND xã Thuận Thành, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PRIME Phổ Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 6;
- LĐVP (C. Hoa);
- Lưu TNMT, VT.

Tuan. 19/01 – 15b

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Thanh Nghị

Được quét bằng CamS

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 08 /GXN - STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 2 năm 2012

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

của Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc uỷ quyền xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và xác nhận hoàn thành các công trình biện pháp bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận hoàn thành các nội dung của Dự án cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch lá nền công suất 12 triệu m2 sản phẩm/năm;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của "Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm" thực hiện vào ngày 06/10/2011, kết quả kiểm tra lại thực hiện vào ngày 17/01/2012;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên tại văn bản ngày 30/3/2011 về việc đề nghị xác nhận các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường,

XÁC NHẬN:

Điều 1. Công ty cổ phần Prime Phổ Yên đã thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, chủ dự

án đã thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án như sau:

1. Đối với môi trường không khí:

+ Tại bộ phận xưởng nhiên liệu: lắp đặt hệ thống xử lý khí bụi gồm cyclon ướt và hệ thống lọc bụi tĩnh điện xử lý bụi phát sinh từ trạm than hoá khí (phần bụi lắng chìm được thu gom, tái sử dụng).

+ Tại công đoạn sấy phun: lắp đặt hệ thống xử lý khí bụi gồm quạt hút nhiệt từ lò than xích xử lý qua tháp sấy, cyclon lọc bụi, giàn phun ẩm (thiết kế theo dạng zich zắc).

+ Tại công đoạn ép sấy: lắp đặt 02 máy hút bụi với thiết bị chụp hút dọc theo băng tải và tại vị trí của máy ép xử lý bụi phát sinh từ công đoạn ép sấy.

+ Tại phân xưởng men mầu: lắp đặt thiết bị chụp hút và máy hút bụi xử lý bụi phát sinh từ xưởng men mầu.

+ Tại xưởng lò nung: lắp đặt quạt đầu lò, quạt trợ đốt, quạt làm mát toàn bộ lượng khí sau khi qua hệ thống này dùng để sấy sản phẩm trước khi đi vào dây chuyền in tráng men.

2. Đối với môi trường nước:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: nước thải phát sinh từ nhà ăn được thu qua hố lắng chảy về mương vành đai. Nước thải từ các công trình vệ sinh được tập trung xuống bể phốt sau đó chảy xuống mương vành đai.

+ Đối với nước thải sản xuất: toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh được xử lý lắng lọc đông keo tụ rồi tuần hoàn lại cho quá trình sản xuất, không thải ra môi trường, cụ thể như sau:

- Nước thải phát sinh từ xưởng nhiên liệu: chủ yếu làm mát, gột rửa, không bổ sung hoá chất. Nước sử dụng cho bao hơi, vòng bọc nước làm mát thân lò, hệ thống bơm thuỷ lực, hệ thống quạt gió, quạt tăng áp (nước sạch) sau làm mát được đưa về bể 05 ngăn. Nước làm mát cyclon và lọc bụi tĩnh điện được bơm tuần hoàn và tập trung tại bể phun mưa làm nguội. Nước gột rửa được hệ thống bơm tuần hoàn và lắng bụi than bằng bể 04 ngăn.

- Nước thải phát sinh từ xưởng nguyên liệu: chủ yếu là nước của nhà lọc bụi, nước mang theo bụi được lắng đọng trong 02 bể lắng tràn cấp 1, bể lắng cấp 2 có bổ sung dung dịch trợ lắng PAC và A1O1, sau lắng được bơm tuần hoàn cho lọc bụi.

- Nước thải phát sinh từ vệ sinh quả nghiền, bơm Piston, sàng quay đều được thu gom và quay về bể thu hồi sau đó bơm cho nghiền xương.

- Nước thải phát sinh từ xưởng men mầu: chủ yếu phát sinh do công đoạn rửa lưới, thay mẫu, chế biến mầu và vệ sinh dây chuyền, nước được thu gom vào bể lắng 02 ngăn, sau lắng được bơm màng thu hồi cho bể khuấy phá xưởng nhiên liệu tái sử dụng.

+ Hệ thống thu gom nước thải và nước mưa: xây dựng mương thoát nước trên mặt bằng nhà máy, hệ thống này được nối với hồ trữ nước, trong trường hợp mưa lớn nước từ hồ sẽ thoát ra ngoài môi trường.

3. Đối với chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom tại các thùng chứa chất thải sinh hoạt đặt nơi phát sinh.

+ Chất thải rắn sản xuất: Được thu gom tại bãi chứa chất thải rắn sản xuất có tường bao quanh và nền bê tông.

+ Chất thải nguy hại: Đã xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại, gắn đầy đủ biển cảnh báo theo quy định về kho lưu giữ, thùng chứa chất thải nguy hại; Có sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

4. Các công trình, biện pháp khác:

- Trồng cây xung quanh khuôn viên nhà máy (khoảng 1.500 cây);

- Tưới nước các khu vực phát sinh bụi (khoảng 12 xe trong giai đoạn sản xuất);

- Nạo vét hệ thống cống rãnh thu gom nước mưa bề mặt và nước thải sản xuất (tần suất khoảng 01 lần/tháng);

- Được Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên cấp giấy phép khai thác nước dưới đất;

- Vệ sinh mặt bằng sân công nghiệp thường xuyên.

- Được Công an tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy.

5. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường xây dựng bổ sung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường là:

- Đối với công trình xử lý khí và bụi: tại mỗi bộ phận xử lý, khí bụi đều lắp thêm hệ thống lọc bụi trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Đối với công trình xử lý nước thải: tại mỗi phân xưởng đều lắp đặt thêm hệ thống lắng lọc và tuần hoàn (theo Báo cáo ĐTM được phê duyệt quy trình xử lý nước thải như sau: nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn bề mặt sẽ được thu gom vào hồ chứa nước sau đó được bơm tuần hoàn trở lại cho quá trình sản xuất).

(Tổng hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của phân xưởng lò quay trong Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với khu chứa nguyên liệu đất sét (bãi chứa, đường giao thông nội bộ xung quanh bãi chứa, tường bao khu vực bãi chứa) cần được bổ sung hoàn thiện (bãi chứa tiếp giáp với đường giao

thông nội bộ cần có gờ xây cao; rãnh thu gom nước mặt xung quanh các bãi chứa cần nạo vét thường xuyên; đường giao thông nội bộ xung quanh bãi chứa nguyên liệu cần được vệ sinh thường xuyên).

2. Công ty cần có biện pháp Bảo vệ môi trường đối với bãi chứa nguyên liệu là bột feldspat (bột đá) gần khu vực hồ chứa nước mặt, để hạn chế nguyên liệu này theo nước mặt chảy tràn xuống hệ thống thu gom nước mặt và hồ chứa.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Thực hiện các quy định của Luật tài nguyên nước đối với hoạt động khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước; thực hiện quản lý chất thải nguy hại đúng quy định.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc sở (báo cáo);
- Công ty cổ phần Prime Phổ Yên;
- UBND huyện Phổ Yên;
- UBND xã Thuận Thành;
- Lưu: BVMT, VT.

TD-DTM.8b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Trần Thị Minh Hương

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Giấy xác nhận số 08 /GXN-STNMT ngày 06 /12/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Số lượng	Ghi chú
I. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường không khí			
1	Hệ thống lọc bụi (tại xưởng sấy phun, ép sấy, men mầu, lò nung)	-	- Tại công đoạn sấy phun bao gồm quạt hút có công suất 200Kw, tháp sấy, cyclon lọc bụi và nhà phun ẩm (thiết kế theo dạng zich zắc, giữa có bản mã thép có đường kính 1600mm, hai cửa dẫn hơi cao 3m, hai cửa sau 1,8m). Quạt gió có công suất 200Kw, lưu lượng 14000-16000m^3/giờ, lắp đặt chân tháp sấy. - Tại công đoạn ép sấy bao gồm 02 máy hút bụi công suất 45Kw/máy với thiết bị chụp hút dọc theo băng tải và vị trí của máy ép. - Tại phân xưởng men mầu bao gồm thiết bị chụp hút và máy hút bụi công suất 30Kw. - Tại xưởng lò nung bao gồm quạt hút đầu lò (công suất 75Kw, lưu lượng 8000-10000m^3/giờ), quạt trợ đốt (công suất 30Kw, lưu lượng 3000-5000m^3/giờ), quạt làm mát (công suất 30Kw, lưu lượng 3000-5000m^3/giờ).
2	Hệ thống lọc bụi tại phân xưởng nhiên liệu	01	- Tại xưởng nhiên liệu gồm 05 hệ thống (bẫy bụi và làm ướt thiết bị đi kèm gồm cyclon và lọc bụi tĩnh điện) công suất thiết bị 300kw. - Hệ thống lọc bụi tĩnh điện bao gồm: đỉnh tháp, chân tháp và chân đế.

			+ Đường kính trong: 2800mm + Chiều cao: 9465 mm
II. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nước			
II.1. Nước thải sinh hoạt			
3	Hệ thống bể tự hoại	05	- Dung tích 30 m^3
II.2. Hệ thống thu gom nước thải và nước bề mặt			
4	Nước thải, nước mưa khu vực xưởng nhiên liệu, xưởng nguyên liệu, xưởng men mầu, xưởng cắt mài, các công trình vệ sinh, mương trục chính, các mương nhánh, mương vành đai	01	- Chiều dài 1.770 m bao gồm cả lắp đặt nổi và chìm.
II.3. Nước thải sản xuất			
5	Hồ chứa nước sản xuất	01	- Dung tích hồ chứa khoảng 30.500 m^3 được xây kè đá, nền lu lèn chống thấm.
6	Công trình xử lý nước thải từ xưởng nhiên liệu	-	- Bể nước sạch tuần hoàn 05 ngăn (dung tích 250 m^3); bể phun mưa làm nguội (dung tích 900 m^3); bể lắng bụi than 04 ngăn (dung tích 300 m^3). Các bể được xây gạch.
7	Công trình xử lý nước thải từ xưởng nguyên liệu	-	Bể lắng cấp 1 nhà dập bụi sấy phun (có bổ sung hoá chất trợ lắng, dung tích 30 m^3); bể lắng cấp 2 nhà dập bụi sấy phun (tuần hoàn, dung tích 60 m^3); bể thu hồi (dung tích 15 m^3). Các bể được xây gạch.
8	Công trình xử lý nước thải từ xưởng men mầu	-	Bể lắng 02 ngăn (dung tích 30 m^3)
9	Công trình xử lý nước thải từ xưởng mài ướt	-	- Thùng chứa dung dịch keo tụ (02 thùng); bể lắng tuần hoàn 09 ngăn (dung tích 600 m^3).
10	Công trình xả thải	1	- Bao gồm 02 cống: mỗi cống có đường kính 800mm, tấm đậy bê tông cốt thép.
III. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn			
III.1. Chất thải rắn sinh hoạt			
11	Thùng chứa chất thải rắn	03	- Được đặt ở các vị trí phát sinh

	sinh hoạt		chất thải sinh hoạt như khu vực văn phòng, đường hành lang khu vực văn phòng.
III.3. Chất thải nguy hại			
12	Kho lưu chứa	01	Được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 19.000071T ngày 23/6/2010. - Đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 10 – URENCO 10 về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp ngày 01 tháng 6 năm 2011; Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2012.
IV. Các biện pháp khác			
13	Trồng cây xanh	-	- Đạt khoảng 1500 cây
14	Vệ sinh sân công nghiệp, tuyến đường đi lại trong nhà máy, phun ẩm mặt đường và vét cống rãnh.	-	- Tưới nước các khu vực phát sinh bụi (khoảng 12 xe trong giai đoạn sản xuất). - Nạo vét hệ thống cống rãnh thu gom nước mưa bề mặt và nước thải sản xuất (tần suất khoảng 01 lần/tháng).
15	Thực hiện giải pháp phòng chống sự cố cháy nổ	-	- Đã có Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 111/TD-PCCC ngày 30/5/2008 của Công an tỉnh Thái Nguyên.
16	Thực hiện quy định về khai thác nước ngầm	-	- Được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác nước ngầm theo Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND tỉnh, Giấy phép có giá trị đến ngày 04/4/2016; Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của UBND tỉnh, Giấy phép có giá trị đến ngày 21/7/2024.

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ XÂY DỰNG

Số: 50 /CPXD - SXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 01 năm 2013

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
SỐ: 02/GPXD

1. Cấp cho: **CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN**
- Đại diện: Ông Nguyễn Đức Hoà; Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Xã Thuận Thành huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12triệu m^2/ năm.
- Bao gồm các hạng mục sau:

+ Các công trình chính: Theo danh mục kèm theo giấy phép này.

+ Các hạng mục phụ trợ: Giao thông, thoát nước, cây xanh, tiểu cảnh, hồ sinh thái, cổng - tường rào, nhà bảo vệ...
- Do: Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc nội thất và cảnh quan KAM lập.
- Đơn vị thẩm định, thẩm tra: Sở Xây dựng Thái Nguyên tham gia ý kiến TKCS. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đại Phát thẩm tra hồ sơ.
- Vị trí xây dựng: Tại xã Thuận Thành huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên,
- Diện tích xây dựng: 61.614 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 64.628,4 m^2.
- Mật độ xây dựng: 37,3%
- Hệ số sử dụng đất: 0,39 lần.
- Chiều cao công trình: Từ 2,95m đến 26m.
- Số tầng: Từ 1 đến 3 tầng.

3. Giấy tờ về đất đai: GCN QSDĐ số T00696 và T00697 ngày 06/10/2008; Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 09/1/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên

4. Giấy phép này: Có hiệu lực để khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép

(kèm theo bản vẽ Mặt bằng định vị công trình đã được Sở Xây dựng Thái Nguyên duyệt ngày 24/12/2012)./.

SỞ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
GIÁM ĐỐC

Trần Dương Hợp

Nơi nhận
- Như trên;
- Lưu: Phòng QLKTQH.
- VT.

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC QUI ĐỊNH SAU:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh: .....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....

.....

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20

SỞ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
GIÁM ĐỐC

THỐNG KÊ CÁC HẠNG MỤC CẤP PHÉP XÂY DỰNG

Dự án: Nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m2/năm

Chủ đầu tư: Công ty CP Prime Phổ Yên

(Kèm theo Giấy phép xây dựng số 02/GPXD của Sở Xây dựng Thái Nguyên cấp ngày 21/01/2013)

STT	Tên công trình	Diện tích XD (m2)	Diện tích sàn (m2)	số tầng	Chiều cao (m)
1	Trạm biến áp số 3	125,40	125,40	1	4,00
2	Kho nguyên liệu mở rộng	288,90	288,90	1	10,30
3	Nhà nghiền xương	496,20	496,20	1	10,50
4	Nhà chứa bể hồ nguyên liệu	1.280,00	1.280,00	1	9,80
5	Nhà KT 30x32	937,60	937,60	1	26,00
5'	Nhà lọc bụi	250,00	250,00	1	5,00
6	Nhà (30+30)x26x16 (thuộc nhà xưởng chính)	1.652,80	1.652,80	1	19,00
7	Trạm biến áp số 2	83,00	83,00	1	3,70
8	Nhà (30+30)x160x8 (thuộc nhà xưởng chính)	9.721,50	9.721,50	1	12,80
9	Nhà 30x280,6x8 (thuộc nhà xưởng chính)	8.514,20	8.514,20	1	12,80
10	Nhà 92x58x8 (thuộc nhà xưởng chính)	5.326,80	5.326,80	1	10,00
11	Nhà nối trạm than	339,60	339,60	1	9,00
12	Nhà trạm than 3 tầng	683,20	2.049,60	3	17,20
13	Nhà trạm ép than quả bàng	3.081,50	3.081,50	1	10,00
14	Nhà xưởng nghiền đá Cao Bằng	1.623,10	1.623,10	1	7,70
15	Nhà điều hành sản xuất	386,10	386,10	1	7,00
16	Nhà xưởng 30x64x8 (mở rộng kho TP-KCS-NG)	2.308,40	2.308,40	1	9,54
17	Nhà 32x110,4x8 (thuộc nhà xưởng chính)	3.528,90	3.528,90	1	10,50
18	Nhà xưởng Cắt Mài + Kho TP (32+32+30,38)x80x08	7.547,80	7.547,80	1	10,50
19	Nhà kho thành phẩm số 2 KT 45x112x8	5.225,00	5.225,00	1	11,38
20	Nhà ăn CBCNV	545,30	1.090,60	2	13,80
21	Sân thể thao	744,30	744,30	1	
22	Nhà điều hành	401,30	1.203,90	3	13,80
23	Nhà nghỉ CBCNV	300,00	600,00	2	8,40
24	Bể lọc nước nhiên liệu	201,20	201,20	1	
25	Bể nước tuần hoàn	485,10	485,10	1	
26	Nhà palet	808,40	808,40	1	6,89
27	Nhà kho số 1	2.401,80	2.401,80	1	12,10
28	Nhà để xe	524,80	524,80	1	4,35
30	Nhà giới thiệu sản phẩm	322,70	322,70	1	4,70
31	Nhà vệ sinh KCS	25,10	25,10	1	2,96
32	Kho phế liệu	113,60	113,60	1	2,95
33	Kho chứa than cục 5A	281,80	281,80	1	3,50
34	Kho chứa than cục 4A	627,10	627,10	1	3,40
35	Bể cắt mài	289,20	289,20	1	
36	Phòng ở CBCN	142,40	142,40	1	3,50
*	Tổng	61.614,10	64.628,40		

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 64 /STNMT-TNN
V/v lập hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty CP Prime Phổ Yên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Kính gửi: Công ty CP Prime Phổ Yên

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 237/2016/CV-CTPY ngày 05/12/2016 của Công ty CP Prime Phổ Yên về việc đề nghị hướng dẫn các thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Để có cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải cho Công ty theo quy định, ngày 28/12/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND thị xã Phổ Yên, UBND xã Thuận Thành, đại diện xóm Thượng tổ chức buổi làm việc và lấy ý kiến về việc xả nước thải của Công ty CP Prime Phổ Yên. Trên cơ sở kết quả làm việc và ý kiến thống nhất tại hội nghị, đối chiếu với các quy định pháp luật về Tài nguyên nước và các tài liệu có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Trong quá trình sản xuất, nước thải phát sinh được Công ty thu gom về hệ thống bể lắng để xử lý, làm mát và tuần hoàn 100% lại cho sản xuất, không xả nước thải ra ngoài môi trường. Nước thải sinh hoạt và nhà ăn được Công ty xử lý qua bể tự hoại, cùng nước mưa chảy tràn thu gom về hồ chứa nước tuần hoàn đã được chống thấm, chống tràn (dung tích 30.500 m3), sau đó được bơm tuần hoàn lại cho sản xuất thông qua 01 trạm bơm gồm 2 máy bơm, không xả nước thải từ hồ chứa ra ngoài môi trường. Theo ghi nhận ý kiến của địa phương, trong thời gian qua không có hiện tượng Công ty xả nước thải, không có ý kiến phản ánh của nhân dân về việc xả thải của Công ty.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên: Các trường hợp xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ trên 5 m^3/ngày đêm đến dưới 3000 m^3/ngày đêm phải được UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định. Theo thực tế và báo cáo của Công ty cho thấy: Trong quá trình sản xuất, Công ty đã thực hiện thu gom và tuần hoàn 100% nước thải phát sinh, không thải nước thải ra ngoài môi trường. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường không có cơ sở để tham mưu cho UBND tỉnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty CP prime Phổ Yên thu gom triệt để và tuần hoàn 100% lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong

trường hợp phát hiện có nước thải chảy ra ngoài môi trường từ hoạt động sản xuất của Công ty.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- PGĐ Sở: Đ/c Chính;
- UBND thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Thuận Thành;
- Lưu: VT, TNN.

Dũng, 10b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Bá Chính

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1305/STNMT-BVMT

V/v điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường và hướng dẫn quy định về bảo vệ môi trường cho Công ty cổ phần Prime Phổ Yên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2017

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 33
Ngày 15 tháng 06 năm 2017

Kính gửi: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên

Theo nội dung đề nghị tại văn bản số 71/2017/CV-CTPY ngày 10/4/2017 về việc xin điều chỉnh mạng lưới quan trắc giám sát môi trường định kỳ và hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; báo cáo số 77/2017/BC-CTPY ngày 24/4/2017 của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Ngày 25/4/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành làm việc với Công ty cổ phần Prime Phổ Yên. Qua kết quả làm việc, xem xét nội dung đề nghị và đối chiếu với các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về việc đề nghị điều chỉnh mạng lưới quan trắc giám sát môi trường định kỳ:

Căn cứ Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ công văn số 588/TCMT - KSON ngày 24/3/2016 của Tổng cục Môi trường về hướng dẫn đối với việc thực hiện chương trình quan trắc môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, UBND tỉnh Thái Nguyên đã có văn bản số 1704/UBND-CNN ngày 27/5/2016 giao Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường theo đề nghị của các cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô, tính chất thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

Theo nội dung đề nghị của đơn vị, đối chiếu với các quy định về bảo vệ môi trường, việc miễn giảm mẫu quan trắc môi trường xung quanh như đề nghị của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của đơn vị. Các mẫu quan trắc môi trường được miễn giảm gồm:

- Nước mặt: 02 mẫu trên suối Cầu Táo, trước và sau điểm xả nước thải của Công ty; tần suất 01 lần/năm.

- Nước ngầm: 02 mẫu trong và xung quanh khu vực Công ty; tần suất 01 lần/năm.

- Không khí khu vực xung quanh: 04 mẫu xung quanh nhà máy 100m; tần suất 01 lần/năm.

- Bỏ chỉ tiêu Si, Al trong mẫu nước thải.

(Nội dung điều chỉnh mạng lưới quan trắc chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty cổ phần Prime Phổ Yên:

+ Duy trì thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đảm bảo đầy đủ tần suất, vị trí, thông số cần quan trắc; báo cáo kết quả thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Thông tư 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;

+ Lựa chọn đơn vị quan trắc có đủ năng lực đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với đầy đủ các thông số cần thực thực hiện trong chương trình quan trắc tại đơn vị. Yêu cầu đơn vị quan trắc môi trường phải có kế hoạch quan trắc trong đó cần nêu cụ thể các thông số cần quan trắc tại từng vị trí đã được phê duyệt; quy trình lấy mẫu đối với từng thông số quan trắc, phương pháp thực hiện; tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch và quy trình lấy mẫu của đơn vị quan trắc.

+ Xử lý chất thải đảm bảo đáp ứng được các quy chuẩn Việt Nam hiện hành, không xả thải các nguồn thải chưa qua xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

2. Về nội dung hướng dẫn thực hiện quy định về bảo vệ môi trường đối với phần diện tích mở rộng làm kho chứa:

Theo mục 110, Phụ lục 2, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, các dự án bãi tập kết nguyên nhiên vật liệu có quy mô diện tích từ 1ha trở lên thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án kho tập kết chứa nguyên liệu của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên có diện tích 2,350ha thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Prime Phổ Yên đã sử dụng khu vực tập kết nguyên liệu từ năm 2013 đến nay nhưng không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TT- BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã đi vào hoạt động trước ngày 01/4/2015 có quy mô, tính chất tương đương lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết trình UBND tỉnh phê duyệt.

Đề nghị Công ty cổ phần Prime Phổ Yên thực hiện lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với khu vực tập kết nguyên vật liệu nêu trên để được kiểm tra, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường và hướng dẫn quy định về bảo vệ môi trường cho Công ty cổ phần Prime Phổ Yên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ Sở (báo cáo);
- PGĐ Sở (Đ/c Chính);
- Lưu: VT, BVMT.

KSON 7b.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Bá Chính

Phụ lục 1

MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

(Kèm theo công văn số 1305 /STNMT - BVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 07 tháng 6 năm 2017)

Loại mẫu	Chương trình quan trắc giám sát môi trường theo báo cáo ĐTM được phê duyệt				Chương trình quan trắc giám sát môi trường sau khi điều chỉnh				Nội dung điều chỉnh
	Vị trí	Số lượng	Tần suất	Thông số	Vị trí	Số lượng	Tần suất	Thông số	
I. Giám sát môi trường trong khu vực sản xuất									
Nước thải	01 mẫu trước khi qua hệ thống xử lý	01	1 lần/năm	pH, TSS, TDS, BOD, COD, Fe, NH_4, Ca, Al, Cu, Cd, Si, dầu mỡ	01 mẫu trước khi qua hệ thống xử lý	01	04 lần/năm (03 tháng/lần)	pH, TSS, TDS, BOD, COD, Fe, NH_4, Ca, Cu, Cd, dầu mỡ	Miễn giảm chỉ tiêu Al và Si; - Tăng tần suất quan trắc lên 04 lần/năm (03 tháng/lần)
	01 mẫu sau khi qua hệ thống xử lý	01			01 mẫu sau khi qua hệ thống xử lý	01	04 lần/năm (03 tháng/lần)	pH, TSS, TDS, BOD, COD, Fe, NH_4, Ca, Cu, Cd, dầu mỡ	Miễn giảm chỉ tiêu Al và Si; - Tăng tần suất quan trắc lên 04 lần/năm (03 tháng/lần)
Mẫu khí khu vực sản	Mẫu tại khu vực nghiền liệu	01	1 lần/năm	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	Mẫu tại khu vực nghiền liệu	01	04 lần/năm (03 tháng/lần)	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	- Tăng tần suất quan trắc lên 04 lần/năm (03 tháng/lần)

xuất	Mẫu tại khu vực ép gạch	01	1 lần/năm	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	Mẫu tại khu vực ép gạch	01	04 lần/năm (03 tháng/lần)	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	- Tăng tần suất quan trắc lên 04 lần/năm (03 tháng/lần)
	Mẫu tại khu vực lò sấy	02	1 lần/năm	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	Mẫu tại khu vực lò sấy	02	04 lần/năm (03 tháng/lần)	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	- Tăng tần suất quan trắc lên 04 lần/năm (03 tháng/lần)
	Mẫu tại khu vực lò nung	02	1 lần/năm	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	Mẫu tại khu vực lò nung	02	04 lần/năm (03 tháng/lần)	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu	- Tăng tần suất quan trắc lên 04 lần/năm (03 tháng/lần)
Khí thải ống khói					Ống khói lò nung	04	04 lần/năm (03 tháng/lần)	Bụi, CO, NO_x, SO_2, CO_2, lưu lượng	Bổ sung mới
					Ống khói lò sấy	04	04 lần/năm (03 tháng/lần)	Bụi, CO, NO_x, SO_2, CO_2, lưu lượng	Bổ sung mới
					Ống khói tháp dập bụi	02	04 lần/năm (03 tháng/lần)	Bụi, CO, NO_x, SO_2, CO_2, lưu lượng	Bổ sung mới

II. Giám sát môi trường khu vực xung quanh									
Nước mặt	Nước mặt trên suối Cầu Táo, trước và sau điểm xả nước thải của Công ty	02	1 lần/năm	pH, BOD, COD, TSS, TDS, Fe, NH_4, Ca, Al, Cu, SiO_2, dầu mỡ					Không thực hiện quan trắc
Nước ngầm	Nước ngầm trong và xung quanh khu vực Công ty	02	1 lần/năm	pH, TS, As, Cd, Pb, Mn, SO_4, Fe, NH_4, Ca, Al					Không thực hiện quan trắc
Mẫu khí xung quanh	Mẫu không khí xung quanh nhà máy, cách nhà máy 100m về các hướng	04	1 lần/năm	Bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO_2, CO_2, vi khí hậu					Không thực hiện quan trắc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 898 /GXN-SNNMT	*Thái Nguyên, ngày 03tháng 7 năm 2026*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐÀO HỒ, AO ĐỂ TẠO KHÔNG GIAN THU, TRỮ NƯỚC TẠO CẢNH QUAN

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ khai của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên ngày 28/6/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn.

XÁC NHẬN

1. Công ty cổ phần Prime Phổ Yên đăng ký đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch với các nội dung như sau:

a) Vị trí đào: Tổ dân phố Thượng, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên.

Tọa độ vị trí: *(Theo hệ tọa độ VN 2000, KTT 106,5^0, múi chiếu 3^0)*:

X(m): 2362054; Y(m): 435110.

b) Mục đích đào: Trữ nước phục vụ sản xuất, phòng cháy, chữa cháy.

c) Diện tích mặt nước đối với đào hồ, ao: 10.334 m^2

2. Công ty cổ phần Prime Phổ Yên thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện sử dụng mặt nước theo đúng cam kết; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

- Đảm bảo không gây sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước, môi trường, bảo đảm các quy định về tiêu thoát nước mưa.

- Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Phòng Tài nguyên nước – Khí tượng thủy văn có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy xác nhận đăng ký này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan từ việc đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần Prime Phổ Yên;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở (đ/c Hào);
- UBND phường Trung Thành;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, HS, TNN.

Thuấnnd/7/2026-03b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Dương Văn Hào

SAO Y; Văn phòng Ủy ban nhân dân; Thời gian ký: 14/05/2024 16:55:39 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1010 /GP-UBND	*Thái Nguyên, ngày 14 tháng 5 năm 2024*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên đề ngày 08/4/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 198/TTr-STNMT ngày 26/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên, địa chỉ tại tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên được khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

2. Vị trí công trình khai thác: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Triat thượng, hệ tầng Mẫu Sơn (T_3cms).

4. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Bán kính 20m tính từ miệng giếng khoan.

5. Số giếng khai thác nước dưới đất: 02 giếng khoan.

6. Tổng lượng nước khai thác: 190 m^3/ngày đêm.

7. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

8. Thời hạn của giấy phép là: Năm (05) năm, kể từ ngày 22/7/2024.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (*Hệ VN2000, Kinh tuyến trục $106^0 30'$ múi chiếu 3^0*)		Lưu lượng (m^3/ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
GK1	2361987	434928	100	16,0	56,0	25,0	T_3cms
GK2	2361805	434906	90	15,0	35,0	25,0	T_3cms

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý..

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước.

6. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01, tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

8. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường xảy ra liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất như sụt lún mặt đất, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên nước dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày 22/7/2024. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên còn nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép theo quy định; nếu không có nhu cầu khai thác, sử dụng giếng khoan phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- UBND thành phố Phổ Yên;
- Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

Manhpn/5/2024

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

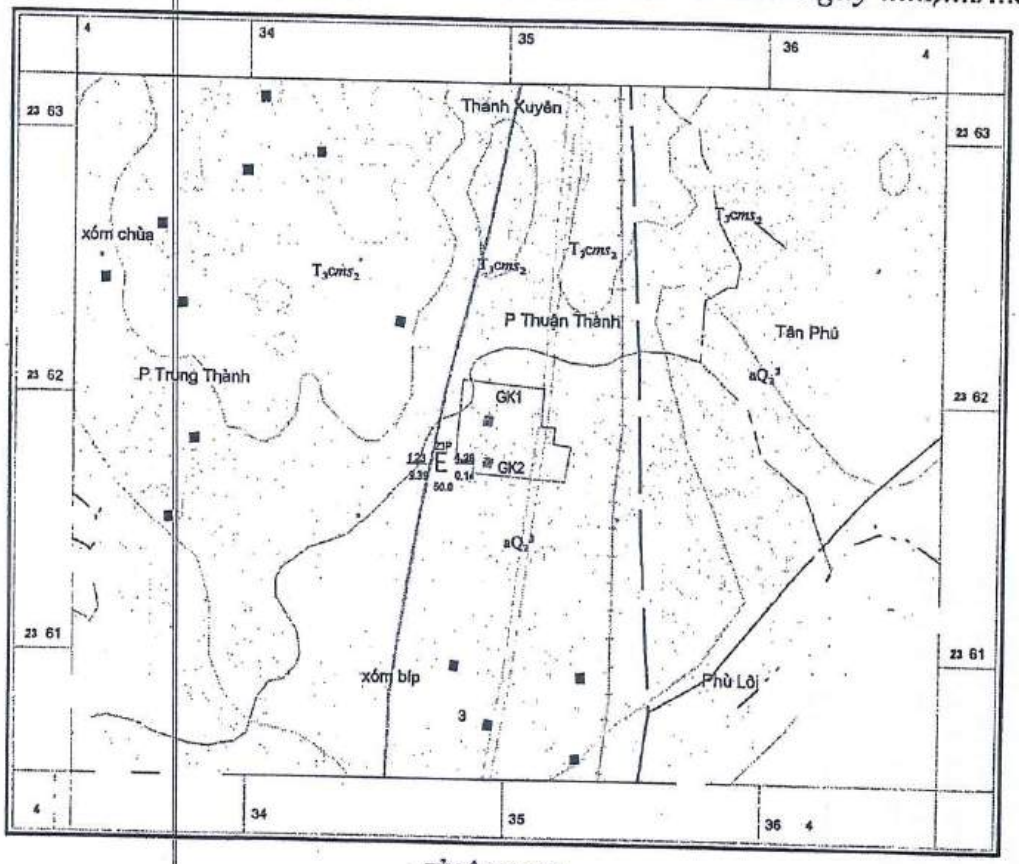
Lê Quang Tiến

SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

VỊ TRÍ: TỔ DÂN PHỐ THƯỢNG, PHƯỜNG THUẬN THÀNH, THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Giấy phép số: ....1010...../GP-UBND ngày ....14.../...5...../ 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

250 0m 250 500 750 1000

CHÚ GIẢI

STT	Ký hiệu giếng khai thác	Tọa độ VN2000- (KTT 106°30'- Múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	GK1	2361987	434928
2	GK2	2361805	434906

GK1 = 60 — Ký hiệu và chiều sâu giếng xin cấp phép khai thác

Ranh giới Công ty CP Prime Phổ Yên

Ranh giới ĐCTV

Sông, suối

Đường đồng mức địa hình

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 938 /STNMT-BVMT

V/v thực hiện hồ sơ môi trường khi thay đổi nhiên liệu lò nung, sấy và di chuyển vị trí dây chuyền mài tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 25tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được văn bản số 33/2025/BC-CTPY ngày 13/02/2025 của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên đề nghị hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường khi thay đổi nhiên liệu của công đoạn sấy, nung gạch và di chuyển vị trí dây chuyền mài.

Sau khi xem xét nội dung đề nghị, nghiên cứu các hồ sơ tài liệu về môi trường của Công ty và đối chiếu các quy định liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm của Cổ phần Prime Phổ Yên được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008. Hoạt động của Nhà máy có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải xử lý, thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường theo khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Nhà máy đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (là giấy phép môi trường thành phần) số 08/GXN-STNMT ngày 06/02/2012, do đó thời hạn hoàn thành cấp giấy phép môi trường là 5 năm kể từ ngày Luật bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực (ngày 01/01/2022).

Theo nội dung báo cáo tại văn bản số 33/2025/BC-CTPY, Công ty có kế hoạch đầu tư, thay thế dần 05 lò khí hóa (cấp khí cho công đoạn sấy, nung) sử dụng than bằng 03 lò đốt sử dụng nhiên liệu biomass; xây dựng nhà xưởng mới và di chuyển dây chuyền mài hiện tại sang nhà xưởng mới. Để thực hiện hồ sơ môi trường cho các thay đổi nêu trên, Công ty cần báo cáo, mô tả cụ thể các điều chỉnh thay đổi trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lượng hoá các tác động môi trường do thay đổi điều chỉnh và có giải pháp kỹ thuật để xử lý. Hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường của đơn vị nộp về sở Tài nguyên và Môi trường qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên để tổ chức việc kiểm tra xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp giấy phép môi trường cho đơn vị. Quá trình thực hiện các điều chỉnh, Công ty cần tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường kính gửi Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên để biết và chủ động kế hoạch thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo)
- Phó Giám đốc Sở (đ/c Công);
- Lưu: VT, BVMT. nvt 3b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Bình Công

PRIME GROUP
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

Số: 35 /2025/BC-CTPY
V/v báo cáo và đề nghị hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường khi thay đổi nhiên liệu công đoạn sấy, nung gạch và di chuyển vị trí dây chuyền mài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

Tiếp theo văn bản số 199/2024/CV-CTPY ngày 15/08/2024 của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên báo cáo về việc thay đổi Nhiên liệu đốt và thay thế dần Lò than hóa khí bằng Lò đốt biomass hóa khí nhằm giảm khí thải nhà kính do hệ số phát thải của than cao.

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên báo cáo và xin ý kiến hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện hồ sơ môi trường cho 02 nội dung thay đổi, điều chỉnh so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt của Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm như sau:

1..Thay đổi nguyên liệu đốt cho quá trình sản xuất khí CO cho công đoạn sấy, nung gạch, cụ thể như sau:

Hiện tại, xưởng Nhiên liệu sử dụng than cho lò than hóa khí nhằm cung cấp khí CO cho công đoạn sấy, nung gạch. Công ty nhận thấy việc sử dụng than gây phát thải khí nhà kính chiếm trọng số lớn trong Công ty, không phù hợp với mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Tập đoàn và Việt Nam. Sau nghiên cứu, Công ty quyết định thực hiện đầu tư, thay thế dần các 05 lò đốt than hóa khí bằng 03 lò đốt biomass nhằm hạn chế phát thải khí thải nhà kính, giảm chi phí và thân thiện với môi trường (thay thế đốt than bằng đốt sinh khối).

Nguyên lý hoạt động của lò đốt biomass: Nguyên liệu đốt là các loại (gỗ băm, dăm nghiền, trấu, vỏ hạt điều...không chứa các thành phần nguy hại) được xe xúc lật đưa vào xylo chứa, qua hệ thống băng tải cấp vào lò đốt, dưới tác dụng của gió và hơi nước sinh ra các thành phần khí đốt kín có dập bụi bằng nước, tro được đưa ra ngoài qua hệ thống quay khử tro đáy lò. Khí sinh ra qua các hệ thống tháp xử lý khí, cyclon để lọc bụi thô; qua tháp gột rửa, dưới tác dụng của nước làm giảm nhiệt độ; khí được dẫn đến hệ thống tháp dập bụi tĩnh điện dùng nguồn điện cao áp 72 kV loại bỏ bụi tinh. Khí đốt sau khi được loại bỏ tạp chất được quạt tăng áp đẩy qua đường ống Ø1230 mm đưa đến lò sấy và lò nung để sấy, nung gạch. Lượng tro, bụi sinh ra từ quá trình đốt biomass được

Được quét bằng CamScanner

quay lại tái sử dụng cho công đoạn sản xuất nguyên liệu, nước thải được tuần hoàn 100% không xả thải ra ngoài môi trường.

2. Di chuyển dây chuyền mài sang vị trí nhà xưởng mới trong phạm vi nhà máy giáp lò nung số 1 (phía đông so với vị trí nhà xưởng hiện tại).

Dây chuyền mài hiện tại có diện tích hạn chế gây khó khăn cho thao tác và thông thoáng môi trường sản xuất khi đầu tư thêm các thiết bị kiểm soát sản phẩm. Vị trí dây chuyền mài cũ chuyển đổi công năng thành kho thành phẩm. Do đó, Công ty sẽ tiến hành xây dựng nhà xưởng mới và di chuyển toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền mài hiện tại sang vị trí nhà xưởng mới để đảm bảo mục tiêu trên. Việc di chuyển dây chuyền mài không làm tăng quy mô, công suất sản xuất, không thay đổi công nghệ sản xuất.

Căn cứ tại điểm d, khoản 5, khoản 7 điều 30 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên xin báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên được biết. Kính đề nghị Quý Sở xem xét hướng dẫn Công ty thực hiện đầy đủ các hồ sơ môi trường theo quy định.

Xin trân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Sở TNMT (để báo cáo);*
- *Lưu VCHC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Huấn

Được quét bằng CamScanner

PRIME GROUP
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

Số: 191/2024/BC-CTPY
"V/v báo cáo việc thay thế nhiên liệu đốt cho quá trình nung sấy gạch"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 05 năm 2024

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô – Dôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 Quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;

Thực hiện Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt/xác nhận Báo cáo đánh giá tác động Môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, tại khu Công nghiệp Nam Phổ Yên;

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên báo cáo các nội dung liên quan đến việc xin điều chỉnh thay đổi nhiên liệu đốt cho quá trình sản xuất khí như sau:

Hiện nay, Xưởng Nhiên liệu sử dụng than 5A cung cấp khí cho công đoạn sấy, nung gạch. Quá trình hoạt động sản xuất Công ty nhận thấy đây là công đoạn phát thải khí thải nhà kính lớn nhất. Vì vậy, sau khi nghiên cứu tính chất của chất đốt là biomass (gỗ băm, dăm nghiền, trấu, vỏ hạt điều… không chứa thành phần nguy hại) và đặc tính của lò đốt than hóa khí, Công ty dự kiến bổ sung đầu tư, thay thế nhiên liệu than 5A để sử dụng cho lò đốt than hóa khí bằng nhiên liệu là biomass cho lò đốt nhằm hạn chế phát thải khí thải nhà kính, giảm chi phí, thân thiện với môi trường và cam kết với các đối tác khách hàng của Công ty.

Nguyên lý hoạt động của lò đốt sinh khối biomass: nhiên liệu đốt là các loại (gỗ băm, dăm nghiền, trấu, vỏ hạt điều… không chứa thành phần nguy hại) được xe xúc lật xúc vào xylô chứa, hệ thống băng tải cấp vào lò đốt, dưới tác dụng của gió và hơi nước sinh ra các thành phần khí đốt kín có dập bụi bằng nước, tro được đưa ra ngoài qua hệ thống quay khử tro đáy lò. Khí sinh ra qua các hệ thống tháp xử lý khí, Cyclon để lọc bụi thô, tháp gột rửa, dưới tác dụng của nước làm giảm nhiệt độ, khí được dẫn đến hệ thống tháp lọc bụi tĩnh điện dùng nguồn điện cao áp 72 Kv để loại bỏ bụi tinh, lượng bụi thu được thu gom về bể chứa và đưa vào lò đốt lại, lượng tro, bụi này tiếp tục được phun nước dập tro, xử lý trước thải ra môi trường. Khí đốt sau khi loại bỏ tạp chất được quạt tăng áp đẩy qua đường ống Φ 1230 mm đưa đến các lò sấy, lò nung để sấy, nung gạch.

Lượng tro, bụi sinh ra trong quá trình đốt biomass được quay lại tái sử dụng vào bài liệu công đoạn sản xuất Nguyên liệu, nước thải được tuần hoàn 100% không xả thải ra ngoài Môi trường.

Qua báo cáo đã diễn giải ở trên, Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên xin báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc xin thay nhiên liệu đốt từ than 5A bằng đốt biomass cho quá trình nung sấy nhằm giảm thiểu phát thải khí thải nhà kính theo quy định của Pháp luật.

Kính đề nghị Quý Sở xem xét quan tâm, hướng dẫn Công ty thực hiện tốt công tác Bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

Xin trân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Sở TNMT (để báo cáo);*
- *Lưu TCHC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Huấn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1994/STNMT-BVMT
V/v phúc đáp văn bản số 65/2022/BC-CTPY ngày 13/5/2022 của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên nhận được Văn bản số 65/2022/BC-CTPY ngày 13/5/2022 của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (Công ty) đề nghị hướng dẫn việc thay đổi nguyên liệu lò đốt tại công đoạn sấy liệu, cụ thể là thay nguyên liệu đốt lò từ than sang biomass.

Sau khi xem xét nội dung Văn bản, báo cáo ĐTM đối chiếu với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 với quy mô sản xuất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 06/02/2012, trong đó than sử dụng làm nguyên liệu đốt lò cấp nhiệt sấy đất đảm bảo độ ẩm đất giảm từ 31-33% xuống 7-8%.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định, cơ sở có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp[1] thuộc đối tượng phải cấp lại giấy phép môi trường.

Theo đó, đề nghị Công ty xem xét, đánh giá các tác động đến môi trường do việc thay đổi nguyên liệu đốt lò cấp nhiệt sấy nguyên liệu[2] từ than sang biomass để thực hiện thủ tục môi trường theo quy định. Riêng đối với nguyên liệu chứa thành phần nguy hại (như: mùn cưa, phoi bao, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải chứa thành phần nguy hại mã 090101[3]...) phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại, tuyệt đối không được sử dụng làm nguyên liệu đốt lò cấp nhiệt của Công ty.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên quan tâm, nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Giám đốc Sở (Báo cáo);
- PGĐ Sở (Đ/c Giang);
- Lưu: VT, BVMT.

Dũng. ĐTM.(06b).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thế Giang

[1] Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 06/02/2012.
[2] Nguyên liệu sử dụng sản xuất là đất sét chứa trong bãi chứa ngoài trời trong thời gian từ 3-4 tháng để phong hóa đất phục vụ sản xuất gạch.
[3] Mã chất thải nguy hại quy định tại cột 1 Mục C Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PRIME GROUP
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN
-----&----
Số: 65./2022/BC-CTPY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
----------&----------

Thái Nguyên, ngày 12. tháng 05... năm 2022

BÁO CÁO THAY THẾ NGUYÊN LIỆU ĐỐT PHỤC VỤ CHO QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU

Kính gửi: - **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô – Dôn;

Thực hiện các Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 Quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu;

Thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường số Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt/xác nhận Báo cáo đánh giá tác động Môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy gạch lát nền công suất 12 triệu m^2 sản phẩm/năm, tại khu Công nghiệp Nam Phổ Yên;

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên báo cáo nội dung liên quan đến việc thay đổi nguyên liệu đốt cho quá trình sản xuất nguyên liệu như sau:

Tại Xưởng Nguyên liệu các loại đất được khai thác vận chuyển về chứa trong bãi nguyên liệu ngoài trời cho phong hoá triệt để (thời gian 3-4 tháng). Sau đó được xe xúc lật đổ vào các phễu định lượng rồi đưa vào máy nghiền bi bằng hệ thống băng tải. Tại đây nước và bi nghiền được đưa vào máy theo định mức phối liệu của phòng Công nghệ chế thử, để đất sau khi nghiền có độ ẩm hồ 31 - 33%. Sản phẩm sau nghiền được dẫn chứa lần lượt vào các bể chứa hồ thô, bể chứa hồ tinh. Sau đó hồ tinh được bơm lên tháp sấy phun nhờ hệ thống bơm Piston. Tại đây, khí nóng từ lò đốt than được đưa vào cấp nhiệt để nguyên liệu đạt độ ẩm 7 – 8% dạng bột và qua hệ thống băng tải, chứa vào các xilô cấp liệu cho quá trình ép tạo hình. Dưới tác dụng của động cơ quạt hút công suất 200 Kw hút lượng bụi dư thừa sau Cyclon lọc bụi, phần còn lại được dập bụi bằng nước qua hệ thống tháp dập bụi, chảy xuống bể chứa tuần hoàn khép kín. Lượng bùn tại bể tuần hoàn dưới tác dụng của bơm màng hút quay trở lại phục vụ cho quá trình nạp nghiền tận thu triệt để không xả thải ra ngoài Môi trường.

Lượng than tiêu thụ cho công đoạn sấy phun sản xuất bột liệu *(khi chưa đốt sinh khối - Biomass)* trung bình 1 tháng tiêu thụ khoảng 1.200 - 1.500 tấn/ tháng. Công ty đã thực hiện quan trắc khí thải ống khói trong quá trình đốt than tại 02 ống khói tháp sấy phun theo tần suất 3 tháng/ 1 lần kết quả đều đạt QCVN hiện hành.

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên nhận thấy đây là công đoạn có thể cải tiến thay thế việc đốt than bằng đốt sinh khối - Biomass nhằm hạn chế phát thải khí thải nhà kính, giảm chi phí, thân thiện với môi trường trên công nghệ xử lý bụi, khí có sẵn. Việc thay thế toàn bộ than bằng đốt sinh khối - Biomass trong điều kiện chạy tối đa công suất hàng tháng tiêu thụ khoảng từ 4.000 – 4.800 tấn.

Qua báo cáo đã diễn giải ở trên, Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên thực hiện báo cáo với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc thay thế nguyên liệu đốt từ than bằng đốt sinh khối - Biomass cho quá trình sản xuất bột liệu nhằm giảm thiểu phát thải khí thải nhà kính theo quy định của Pháp luật.

Kính đề nghị Quý Sở xem xét quan tâm, hướng dẫn Công ty thực hiện tốt công tác Bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

Xin trân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Sở TNMT (để báo cáo);*
- *Lưu TCHC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ THU MUA PHẾ LIỆU TÁI CHẾ

Số: 02.03.2023/CNDT

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022.

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 10/01/2022.

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2022.

- Căn cứ vào năng lực của Công ty Cổ phần xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình.

- Căn cứ nhu cầu của và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

Địa chỉ	:	Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành Phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	:	0208.3866632
Mã số thuế	:	4600409440
Tài khoản	:	112000082335 - Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Xuân Huấn** Chức vụ: **Giám đốc**

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ	:	Số 64 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.
Điện thoại	:	024.38221234 024.38274399
Fax	:	024.36330930 024.38729668
Tài khoản	:	118000113569 - Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thăng Long, Hà Nội.
Mã số thuế	:	0102963031.
Người đại diện	:	Ông **Đặng Trần Anh** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ

và xử lý chất thải của Bên B. Bên A bán và Bên B đồng ý mua lại các loại phế liệu của Bên A sau khi đã xử lý theo quy định.

2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2023 đến ngày 01 tháng 03 năm 2025.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu chứa chất thải của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên. Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành Phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Thời gian giao nhận: theo sự thống nhất của hai bên.

Điện thoại thường trực: 024.3822.1234; 024.3827.4399

3. Phương tiện vận chuyển:

- Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

4. Địa điểm xử lý chất thải:

- Toàn bộ chất thải của Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của bên B theo quy định và giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của bên B.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ:

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (đã bao gồm thuế GTGT=10%) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải cần xử lý	Mã chất thải	Trạng thái	ĐVT	Đơn giá (Bao gồm VAT)
1	Chất thải rắn có TPNH từ quá trình xử lý khí thải	06 02 01	Rắn/Bùn	Kg	3.300
2	Chất thải rắn có TPNH từ quá trình tráng men mài bóng	06 02 02	Rắn/Bùn	Kg	3.300
3	Vật thể mài (giấy giáp, đá mài..)	07 03 10	Rắn	Kg	3.960
4	Hộp mực in thải có chứa TPNH	08 02 04	Rắn/Lỏng	Kg	3.300
5	Mực in thải có chứa TPNH	08 02 01	Rắn/Lỏng	Kg	3.300
6	Dung môi thải	16 01 01	Rắn/Lỏng	Kg	3.300
7	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	Rắn	Kg	2.640
8	Phế thải kim loại chứa TPNH	11 04 01	Rắn	Kg	1.320
9	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải	11 06 01	Rắn	Kg	5.500
10	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn	Kg	2.860
11	Nước thải lẫn dầu	15 02 12	Rắn/Bùn	Kg	3.080
12	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Kg	4.180

13	Các loại dầu thủy lực, dầu động cơ hộp số, bôi trơn tổng hợp thải.	17 01 07	Lỏng	Kg	1.320
14	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 05	Lỏng	Kg	1.320
15	Chất thải dạng muối và axít thải	10 06 04	Rắn	Kg	3.300
16	Rác thải công nghiệp (con lăn chịu nhiệt, kính, cao su dây dù ..)		Rắn	Kg	2.640
17	Mỡ thải	17 07 04	Rắn/Bùn	Kg	3.080
18	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	Kg	4.620
19	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ thùng phuy dính sơn, vỏ thùng sơn ...)	18 01 02	Rắn	Kg	1.320
20	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	Kg	1.320
21	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	Rắn	Kg	4.400
22	Thiết bị thải có các bộ phận chứa các thành phần nguy hại	19 02 05	Rắn	Kg	3.630
23	Ắc quy thải	19 06 01	Rắn	Kg	1.980
24	Vật liệu lót và chịu lửa thải có TPNH (Bông thủy tinh thải)	19 11 03	Rắn	Kg	5.500
25	Cặn rắn có chứa TPNH từ quá trình xử lý nước thải	06 01 06	Rắn	Kg	3.080
26	Phoi mài dính các thành phần NH	07 03 11	Rắn	Kg	1.650
27	Xỉ hàn	07 04 01	Rắn	Kg	3.080
28	Đầu mẩu que hàn	07 04 02	Rắn	Kg	3.080
29	Dầu động cơ, hộp số và chất bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn/Bùn/ Lỏng	Kg	1.320
30	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các TPNH	07 01 06	Rắn/Bùn	Kg	3.080
31	Dây đai - cao su dính dầu, mỡ (hoặc sơn)	19 12 02	Rắn/Bùn	Kg	4.400
32	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn/Bùn	Kg	1.980
33	Chất thải y tế lây nhiễm	13 01 01	Rắn/Bùn	Kg	16.500
34	Chi phí vận chuyển trong trường hợp <02 tấn			Chuyến	1.980.000

2. Hai bên lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

3. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

1. Bên A thanh toán toàn bộ số tiền cho Bên B bằng hình thức chuyển chuyển khoản vào tài khoản cho Bên B hoặc bằng tiền mặt chậm nhất trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đủ bộ chứng từ chất thải (nếu là chất thải nguy hại), biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải và hóa đơn tài chính hợp lệ.

2. Nếu sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B mà bên A chưa thanh toán thì bên A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A:

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.

2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).

3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

7. Bên A có trách nhiệm lập và quản lý chứng từ chất thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

8. Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

9. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B:

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

2. Bên B bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

3. Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

4. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

5. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

6. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

7. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

8. Cán bộ, nhân viên của bên B khi làm việc trong phạm vi của bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A:

- Chỉ được ra vào làm việc trong khu vực do bên A chỉ dẫn, không đi lại làm ảnh hưởng đến các khu vực khác khi chưa được sự đồng ý của bên A.

- Tự trang bị thiết bị bảo hộ phù hợp, đảm bảo phương tiện vận chuyển không làm ảnh hưởng đến môi trường và tài sản của bên A.

- Tự bảo quản trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển của mình, không làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại của bên A.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT:

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;
- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản; Bên muốn chấm dứt Hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia tối thiểu 30 ngày.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỐ YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn	*Đặng Trần Anh*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG 01

(Kèm theo hợp đồng số:02...03.2023/CNDT)

- Căn cứ vào hợp đồng số: ...02...03.2023/CNDT ngày 01/03/2023 về việc thu gom vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải và thu mua phế liệu tái chế giữa Công ty CP Prime Phổ Yên và Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

Địa chỉ	:	Tổ Dân Phố Thượng, Phường Thuận Thành, Thành Phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	:	0208.3866632
Mã số thuế	:	4600409440
Tài khoản	:	112000082335 - Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Xuân Huấn** Chức vụ: **Giám đốc**

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ	:	Số 64 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.	
Điện thoại	:	024.38221234	024.38274399
Fax	:	024.36330930	024.38729668
Tài khoản	:	118000113569	Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-chi nhánh Bắc Thăng Long, Hà Nội.
Mã số thuế	:	0102963031	
Người đại diện	:	Ông **Đặng Trần Anh**	Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Đơn giá dịch vụ:

1. Đơn giá thu mua phế liệu sau khi đã xử lý loại bỏ thành phần nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (đã bao gồm thuế GTGT=10%) cụ thể như sau:

TT	Danh mục	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
1	Dầu thủy lực sau xử lý	01Kg	4.500
2	Dầu động cơ (dầu đen) sau xử lý	01Kg	3.000
3	Bao bì kim loại sau xử lý	01Kg	3.000
4	Bao bì nhựa sau sau xử lý	01Kg	3.000
5	Vỏ thùng phuy sắt 200 lít có nắp sau xử lý	01Chiếc	58.000
6	Vỏ thùng phuy sắt 200 lít không nắp sau xử lý	01Chiếc	48.000

7	Bình ắc quy	01Kg	13.200

2. Hai bên lập biên bản giao nhận phế liệu cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán. Trường hợp bên A phát sinh loại phế liệu khác hai bên sẽ thống nhất đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

3. Khối lượng phế liệu mua bán sau xử lý Bên B thanh toán cho Bên A các hạng mục: Dầu thải; bình ắc quy; bao bì kim loại; bao bì nhựa được tính bằng 85% khối lượng chất thải Bên A bàn giao cho Bên B để xử lý.

4. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

Điều 2: Phương thức thanh toán:

1. Bên B thanh toán toàn bộ số tiền cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên A chậm nhất trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượngvà hóa đơn tài chính hợp lệ.

2. Nếu sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên A mà bên B chưa thanh toán thì bên B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm thanh toán.

Điều 3: Hiệu lực:

1. Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời khỏi hợp đồng số: .....03.2023/CNDT và có giá trị như hợp đồng chính.

2. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.

3. Phụ lục hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn	Đặng Trần Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/2025/HĐKT/PY-MT

- Căn cứ bộ luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khoá XIV kỳ họp thứ 9 nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 08 năm 2025 tại Công ty CP Prime Phổ Yên. Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CP GỐM XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MINH THỊNH (Bên mua).

- Đại diện: **Ông Nguyễn Văn Minh** Chức vụ Chủ tịch HĐQT.
- Địa chỉ : Thôn Xuân Đồng, Xã Sóc Sơn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
- Mã số thuế : 0104277581.
- Điện thoại: 02435981049.
- Tài khoản : 115002903261. Tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh Quang Minh – Sóc Sơn – Hà Nội.

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN(Bên bán).

- Đại diện: **Ông Nguyễn Xuân Huấn** Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: TDP Thượng – Phường Trung Thành – Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
- Điện thoại: 0208.386 6632.
- Mã số thuế: 4600409440.
- Số tài khoản: 112000082335.
- Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Công.

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

* Bên A đồng ý mua, bên B đồng ý bán:

- Tên hàng và đơn giá:

+ Than qua lửa loại 2: Đơn giá: 45.000đ/tấn.

+ Tro đốt từ lò tầng sôi: Đơn giá 5.000đ/tấn.

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT).

- Số lượng: Theo thực tế phát sinh.

- Khi có thay đổi về giá cả Bên B sẽ thông báo cho bên A 10 ngày trước khi bán hàng theo giá mới và làm phụ lục hợp đồng kèm theo, theo sự thỏa thuận của hai bên.

Điều 2 : Giao nhận - Vận chuyển, thời gian.

- Giao hàng: Tại kho bên B. Công ty cổ phần Prime Phổ Yên. (*Địa chỉ: TDP Thượng – Phường Trung Thành – Tỉnh Thái Nguyên*) trên phương tiện của bên A.

- Khi giao hàng, bên B lập bảng kê các chuyến xuất hàng và phát hành hóa đơn GTGT trong ngày theo quy định của pháp luật và giao cho bên A.

- Thời gian lấy hàng: Trước khi lấy hàng, bên A phải thông báo trước cho bên B về thời gian lấy hàng để bên B còn bố trí người và phương tiện. Thời gian lấy hàng phải vào giờ hành chính làm việc của bên B các ngày trong tháng, trừ ngày lễ và chủ nhật.

Điều 3 : Điều khoản thanh toán:

- Bên A phải thanh toán toàn bộ tiền hàng trước khi nhận hàng bằng chuyển khoản/tiền mặt. Trong trường hợp giá trị hàng vượt quá số tiền bên A trả trước, thì bên B có quyền dừng, không xuất hàng.

Điều 4 : Trách nhiệm của mỗi bên.

*** Trách nhiệm của bên A:**

- Thực hiện các điều khoản theo điều 1,2,3.

- Thực hiện tốt các nội quy, quy định do bên B đặt ra. Khi lấy hàng phải chịu sự giám sát của bên B, không được thực hiện các gian lận khi giao nhận hàng hóa (không được móc nối với người khác hoặc người của bên B để thực hiện các gian lận trong việc xúc than chưa đốt, cân, đo số lượng sai lệch…).

- Số tồn kho hiện tại bên A phải giải phóng kho trong vòng 1 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.

- Bên A phải thực hiện lấy hàng gọn theo từng lô, số lượng xỉ than tồn kho tại bên B luôn luôn phải nhỏ hơn 150 tấn. Nếu bên A để tồn kho trên 150 tấn mà không lấy hàng thì bên B có quyền bán lô hàng này cho người khác và số tiền đặt cọc ban đầu của A sẽ không được thanh toán lại.

- Bên A cam kết lấy hàng về tái sử dụng làm nguyên liệu phục vụ sản xuất gạch, trong trường hợp sử dụng không đúng mục đích, vi phạm quy định của pháp luật thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Khi lấy hàng xong phải dọn vệ sinh sạch sẽ khu vực lấy hàng theo yêu cầu của giám sát bên B.

*** Trách nhiệm của bên B:**

- Chịu trách nhiệm về tính pháp lý và chất lượng đối với số lượng hàng hoá cung cấp cho bên A.

- Cung cấp đúng, đủ, kịp thời hàng hoá theo yêu cầu sản xuất của bên A.

- Bố trí xe xúc lật để xúc hàng lên phương tiện của bên A.

- Bố trí người giám sát việc giao nhận hàng hoá cho bên A.

- Xuất hoá đơn theo quy định của Bộ Tài Chính.

Điều 5: An toàn

- Đối với nhà cung cấp vận chuyển hàng hóa phải có đầy đủ các yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước.

- Bên A phải có danh sách phương tiện vận chuyển.

- Lái xe phải có giấy phép lái xe do cơ quan nhà nước cấp.

- Có giấy phép vận chuyển hàng hóa do cơ quan nhà nước cấp.

- Có giấy chứng nhận đảm bảo sức khỏe làm việc trên cao do cơ quan y tế cấp. Định kỳ 1 năm phải được kiểm tra sức khỏe một lần. Người có bệnh tim, huyết áp, tai điếc mắt kém không được vận chuyển hàng hóa.

Điều 6: Môi trường.

- Các bên phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu, phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình vận chuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp.

- Khi xảy ra tranh chấp, trong trường hợp không giải quyết bằng thương lượng được thì đưa đến Toà án Kinh tế Thái Nguyên để giải quyết. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng,hai bên phải có trách nhiệm thi hành.Tất cả chi phí liên quan đến việc xử kiện đều do bên thua chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 8 :Điều khoản chung.

Mọi thay đổi của Hợp đồng phải được lập thành văn bản và có sự nhất trí của hai bên.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/08/2026. Sau khi hết hạn hợp đồng nếu hai bên đã thực hiện hết trách nhiệm của mình nêu trong hợp đồng thì hợp đồng được mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CHỦ TỊCH HĐQT	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Minh	Nguyễn Xuân Huấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
Số 01.2026/PY-TT

Thực hiện công văn số 88/UBND-TNMT ngày 02 tháng 02 năm 2010 của UBND huyện Phổ Yên về việc thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn.

Căn cứ quyết định số 32/2021/QĐ- UBND ngày 28 tháng 06 năm 2012 cia UBND tỉnh Thái Nguyên.

Hôm nay ngày 02 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng HTX môi trường Trung Thành chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng. Phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02803866632

Mã số thuế: 4600409440

Số tài khoản: 90214717301 tại ngân hàng: Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam CN Lê Đại Hành – Hà Nội

Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân Huấn - Chức vụ: Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B: HỢP TÁC XÃ MÔI TRƯỜNG TRUNG THÀNH.

Địa chỉ: TDP Thanh Xuyên 5, Phường Trung Thành, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0334815736

Mã số thuế: 4600863460

Số tài khoản: 8508201001156 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triên nông thôn - Chi nhánh Thanh Xuyên.

Người đại diện: Ông Phạm Xuân Đông - Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thỏa thuận ký hợp đồng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoat của đơn vị như sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên B nhận vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt cho Bên A tại địa điểm tập kết rác theo thỏa thuận của 2 bên phải có đường xe ô tô vào lấy được.

Ghi chú: HTX không thu gom rác thải công nghiệp, kính vỡ, gạch vỡ. sỉ lò, cây cối...

Điều 2: Trách nhiêm của bên A

-Tập trung rác thải sinh hoạt vào nơi quy định để HTX vận chuyển kịp thời, rác thải phải được đóng túi nilong hoặc bao tải.

- Đóng góp kinh phí đúng, đủ theo thời gian quy định, tạo điều kiện tốt nhất cho anh chị em làm công tác vệ sinh môi trường.

-Trường hợp vận chuyển ngoài mục đích phải làm hợp dồng cụ thể với HITX môi trường Trung Thành.

- Quá trình thu gom rác thải sinh hoạt ngoài hợp đồng nếu có nhu cầu cấp bách cần làm ngay thì công tác với tổ vệ sinh môi trường, hai bên hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành, nhiệm vụ.

Điều 3: Quyền lợi của bên A:

- Được hưởng cảnh quan môi truờng xanh-sạch-đẹp.

- Phản ánh trực tiếp với Bên B những trường hợp làm sai hợp đồng của người tham gia vệ sinh môi trường với tinh thần đóng góp, xây dựng, giúp đỡ nhau cùng duy trì và phát triển

Điều 4: Hình thức vận chuyển và thanh toán:

- Thời gian: Bên B vận chuyển rác thải cho Bên A hàng tháng, thời gian cụ thể tùy theo thỏa thuận của hai bên.

- Thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B theo tháng với số tiền mỗi tháng là: 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.)

Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào ngày 20 -25 của tháng kế tiếp.

Điều 5: Trách nhiệm chung:

Hai bên có trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận. Bên nào làm sai tùy theo lỗi nặng nhẹ phải chịu trách nhiệm, mọi phí tổn bên sai phải chiu.

Quá trình thực hiện cần thay đổi hợp đồng phải thông báo cho nhau trước một tháng (30 ngày) để điều chỉnh.

Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 02 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Hợp dồng có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2026 và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để theo dõi thực hiện và mặc nhiên được thanh lý khi các bên hoàn tất các nghĩa vụ liên quan.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
M.S.D.N: 4600409440 CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN P. TRUNG THÀNH - T. THÁI NGUYÊN	S.G.C.N: 4900863460 HỢP TÁC XÃ MÔI TRƯỜNG TRUNG THÀNH TP. PHỔ YÊN - T. THÁI NGUYÊN
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn	Phạm Văn Đông

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ THU MUA PHẾ LIỆU TÁI CHẾ

Số:..04..03.2025/CNDT

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022.

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 10/01/2022.

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2022.

- Căn cứ vào năng lực của Công ty Cổ phần xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình.

- Căn cứ nhu cầu của và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2025, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

Địa chỉ	:	Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành Phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	:	0208.3866632
Mã số thuế	:	4600409440
Tài khoản	:	112000082335 - Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công.
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Xuân Huấn** Chức vụ: **Giám đốc**

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ	:	Tổ dân phố Đông Hương, phường Nham Biền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại	:	024.38221234 024.38274399
Tài khoản	:	118000113569 - Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thăng Long, Hà Nội.
Mã số thuế	:	0102963031.
Người đại diện	:	Ông **Trần Triệu Kiên** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu

giữ và xử lý chất thải của Bên B. Bên A bán và Bên B đồng ý mua lại các loại phế liệu của Bên A sau khi đã xử lý theo quy định.

2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 31 tháng 03 năm 2027.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu chứa chất thải của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên. Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành Phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Thời gian giao nhận: theo sự thống nhất của hai bên.

Điện thoại thường trực: 024.3822.1234; 024.3827.4399

3. Phương tiện vận chuyển:

- Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

4. Địa điểm xử lý chất thải:

- Toàn bộ chất thải của Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của bên B theo quy định và giấy phép vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của bên B.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ:

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải cần xử lý	Mã chất thải	Trạng thái	ĐVT	Đơn giá (Chưa bao gồm VAT)
1	Các loại hắc ín thải	01 04 06	Rắn/ bùn	Kg	4,500
2	Các loại hắc ín thải	01 05 01	Rắn	Kg	4,500
3	Muối và dung dịch muối thải khác với các loại trện	02 03 05	Rắn/ bùn	Kg	3,500
4	Bụi thu hồi từ quá trình sản xuất (trừ bụi thu được từ xử lý khí thải)	05 05 07	Rắn	Kg	3,300
5	Cặn rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	06 01 06	Rắn	Kg	2,800
6	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	06 02 01	Rắn/Bùn	Kg	3,000
7	Các loại axit thải khác	07 01 02	Lỏng	Kg	3,500
8	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	07 01 06	Rắn/Bùn	Kg	2,800
9	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	07 03 10	Rắn	Kg	3,600

10	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lần đầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	Rắn	Kg	1,500
11	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	Rắn	Kg	2,800
12	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	07 04 02	Rắn	Kg	2,800
13	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Lỏng	Kg	3,000
14	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn/Lỏng	Kg	3,000
15	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	Rắn	Kg	2,400
16	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 04 01	Rắn	Kg	1,200
17	Đất đá thải có các thành phần nguy hại	11 05 01	Rắn/ bùn	Kg	3,300
18	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải	11 06 01	Rắn	Kg	5,000
19	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn/ bùn	Kg	15,000
20	Bộ lọc dầu	15 01 02	Rắn	Kg	2,600
21	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại (khác với các loại nêu tại mã 15 02 11 hoặc phân nhóm mã 17 04)	15 02 12	Rắn/Bùn	Kg	2,800
22	Dung môi thải	16 01 01	Lỏng	Kg	3,000
23	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	Kg	3,800
24	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn/Bùn	Kg	1,800
25	Các loại dầu thuỷ lực thải khác	17 01 07	Lỏng	Kg	1,200
26	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	Kg	1,200

27	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Rắn/Bùn	Kg	1,200
28	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05	Lỏng	Kg	1,200
29	Các loại sáp và mỡ thải	17 07 04	Rắn/Bùn	Kg	2,800
30	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	Kg	4,200
31	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	Kg	1,200
32	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	Kg	1,200
33	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg	4,000
34	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	Rắn	Kg	3,300
35	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	Rắn	Kg	3,300
36	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	Kg	1,800
37	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	Rắn	Kg	1,800
38	Vật liệu lót và chịu lửa thải có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim	19 11 03	Rắn	Kg	5,000
39	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ	19 12 02	Rắn/ lỏng/ bùn	Kg	4,000
40	Chất thải công nghiệp (con lăn chịu nhiệt, kính, cao su dây dù ..)		Rắn	Kg	2,400
41	Chi phí vận chuyển trong trường hợp khối lượng < 02 tấn			Chuyến	1,800,000

2. Hai bên lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

3. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

1. Bên A thanh toán toàn bộ số tiền cho Bên B bằng hình thức chuyển chuyển khoản vào tài khoản cho Bên B hoặc bằng tiền mặt chậm nhất trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đủ bộ chứng từ chất thải (nếu là chất thải nguy hại), biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải và hóa đơn tài chính hợp lệ.

2. Nếu sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B mà bên A chưa thanh toán thì bên A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A:

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.

2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).

3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

7. Bên A có trách nhiệm lập và quản lý chứng từ chất thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

8. Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

9. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B:

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

2. Bên B bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

3. Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

4. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

5. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

6. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

7. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

8. Cán bộ, nhân viên của bên B khi làm việc trong phạm vi của bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A:

- Chỉ được ra vào làm việc trong khu vực do bên A chỉ dẫn, không đi lại làm ảnh hưởng đến các khu vực khác khi chưa được sự đồng ý của bên A.

- Tự trang bị thiết bị bảo hộ phù hợp, đảm bảo phương tiện vận chuyển không làm ảnh hưởng đến môi trường và tài sản của bên A.

- Tự bảo quản trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển của mình, không làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại của bên A.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT:

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;

- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản; Bên muốn chấm dứt Hợp đồng phải thông báo trước cho bên kia tối thiểu 30 ngày.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa

hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn	*Trần Triệu Kiên*

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG
ĐOÀN THANH TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/BB-CATLĐ

BIÊN BẢN KIỂM TRA, XÁC MINH

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-ATLĐ ngày 12/7/2024 của Cục trưởng Cục An toàn lao động về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

Vào 08 giờ 00 ngày 24/7/2024 và ngày 25/7/2024 tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (sau đây gọi là doanh nghiệp), địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh nội các dung theo Quyết định thanh tra tại doanh nghiệp.

I. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Đoàn thanh tra

- Ông Nguyễn Vân Yên, Trưởng phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn;

- Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Chuyên viên phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thành viên;

- Ông Nguyễn Thế Hùng, Phó chánh thanh tra, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên, thành viên.

2. Đại diện doanh nghiệp

- Ông Nguyễn Xuân Huấn, Giám đốc;
- Ông Nguyễn Văn Diên, Phó giám đốc;
- Ông Nguyễn Anh Tiến, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính;
- Ông Tống Việt Hà, Chủ tịch Công đoàn;
- Ông Đặng Ba Duy, Trưởng phòng An toàn Môi trường và xúc tiến chất lượng;
- Ông Hoàng Việt Hưng, Trưởng phòng Dịch vụ Kỹ thuật;
- Ông Nguyễn Văn Đoàn, Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính;

- Ông Nguyễn Thành Luân, Nhân viên phòng An toàn Môi trường và xúc tiến chất lượng;

- Ông Vũ Đình Chung, Nhân viên phòng An toàn Môi trường và xúc tiến chất lượng.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, XÁC MINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên; loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần; năm thành lập: năm 2007, tên cơ quan chủ quản cấp trên: Công ty Cổ phần Prime Group;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600409440, đăng ký lần đầu ngày 14/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11: Ngày 06/3/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp;

- Điện thoại giao dịch: 02083866632;

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

- Số tài khoản ngân hàng: 112000082335, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Sông Công;

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: Sản xuất vật liệu xây dựng (Gạch ốp lát);

- Cơ cấu tổ chức đơn vị: Có báo cáo kèm theo.

- Tổ chức Công đoàn cơ sở: Có.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP

2.1. Phân loại lao động

- Tổng số người lao động làm việc tại doanh nghiệp qua các năm:

+ Năm 2023 (31/12/2023): 389 người;

+ Năm 2024, tính đến 30/6/2024: 343 người.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 201 người.

- Số lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 102 người.

2.2. Triển khai công tác an toàn, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng và triển khai các kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

- Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp: Đã thực hiện.

- Tổ chức tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

- Việc báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

2.3. Tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận y tế

- Số cán bộ làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 03 người trong đó cán bộ chuyên trách là 01 người.

- Số cán bộ làm công tác y tế: 01 người (điều dưỡng).

- Số an toàn, vệ sinh viên: 15 người. Quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên: Đã thực hiện.

2.4. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện, thiết bị làm việc an toàn

- Doanh nghiệp đã thực hiện trang bị và lập danh sách theo dõi cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

2.5. Nội quy, quy trình và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động

- Xây dựng và ban hành nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

- Việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn,vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

2.6. Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

- Tình hình huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

- Theo dõi và lưu trữ hồ sơ liên quan đến hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: Đã thực hiện.

Kiểm tra xác xuất hồ sơ ghi nhận: Doanh nghiệp có lưu Quyết định mở lớp, quyết định công nhận kết quả do Công ty TNHH dịch vụ đào tạo và tư vấn Hà Nội cấp.

2.7. Chăm sóc, quản lý sức khỏe người lao động

- Năm 2023, doanh nghiệp đã thực hiện. Kết quả khám do Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Việt Anh - Phòng khám đa khoa Ykao kết hợp với Viện sức khỏe nghề nghiệp và môi trường cấp.

- Năm 2024, tại thời điểm kiểm tra, doanh nghiệp đã khám lần 1 (ngày 27/5/2024) cho 105 người (khám sức khỏe định kỳ); khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 38 người. Kết quả khám do Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Việt Anh - Phòng khám đa khoa Ykao kết hợp với Viện sức khỏe nghề nghiệp và môi trường cấp.

- Việc lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động: Doanh nghiệp đã thực hiện.

- Việc bố trí tủ thuốc sơ cấp cứu tại nơi làm việc: Đã thực hiện.

2.8. Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, môi trường lao động và tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật

- Tổ chức quan trắc môi trường lao động: Kiểm tra hồ sơ lưu tại Doanh nghiệp, đoàn ghi nhận:

+ Doanh nghiệp đã lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động;

+ Doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động. Kết quả do Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên cấp, tuy nhiên việc quan trắc các yếu tố gánh nặng lao động, chỉ tiêu tâm sinh lý lao động, éc gô nô mi theo quy định tại khoản 3 Điều 33, khoản 1 Điều 35 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP chưa thực hiện theo các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động: Đã thực hiện việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động ở một số vị trí ở mức 1: 13.000 đồng.

2.9. Sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

Doanh nghiệp sở hữu và sử dụng 37 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Kiểm tra xác xuất hồ sơ ghi nhận:

- Pa lăng điện, mã hiệu PLĐ-2T số chế tạo 02-02, trong tải 2,0 tấn, đã được kiểm định có hiệu lực đến 06/3/2025;

- Pa lăng điện, mã hiệu PLĐ-5T số chế tạo 12110790 đã được kiểm định có hiệu lực đến 06/3/2025;

- Pa lăng xích kéo tay mã hiệu PLX1T số chế tạo LH2104060 đã được kiểm định có hiệu lực đến 06/3/2025;

- Bình chứa khí nén mã hiệu BK-3000 số chế tạo BK606 sản xuất năm 2019 đã được kiểm định có hiệu lực đến 06/3/2025;

- Đường ống cung cấp LPG mã hiệu SCH40 năm sản xuất 2008 đã được kiểm định có hiệu lực đến 06/3/2025;

- Xe nâng hàng mã hiệu FD50T9 số chế tạo 43H01800 được kiểm định có thời hạn đến 06/3/2025;

- Xe nâng hàng mã hiệu FD30T3Z số chế tạo 2U902479 đã được kiểm định 6/3/2025.

- Doanh nghiệp đã thực hiện việc khai báo máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên.

2.10. Tai nạn lao động

- Từ 01/01/2023, đến thời điểm thanh tra, doanh nghiệp chưa để xảy ra tai nạn lao động.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tai nạn lao động.

2.11. Kiểm tra thực tế

Kiểm tra thực tế tại nhà máy, ghi nhận: Doanh nghiệp đã bố trí lối đi, vạch chỉ đường, chỉ giới, biển cảnh báo, biển chỉ dẫn, bản tin thông báo thông tin truyền thông các hoạt động về an toàn, vệ sinh lao động, an toàn môi trường; bố trí nội quy quy trình vận hành máy thiết bị, thực hiện vệ sinh công nghiệp cơ bản tốt, người lao động trong quá trình làm việc đã sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được trang cấp.

2.12. Việc thực hiện các kiến nghị về an toàn, vệ sinh lao động

Trong thời hiệu thanh tra doanh nghiệp báo cáo chưa có đoàn thanh tra, kiểm tra về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

3. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN THANH TRA

Đoàn thanh tra đề nghị: Doanh nghiệp tiếp tục rà soát những nội dung còn tồn tại nêu trên để thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động trong thời gian tới.

4. Ý KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP

- Doanh nghiệp hoàn toàn nhất trí với nội dung ghi trong Biên bản kiểm tra, xác minh.

- Biên bản lập xong được đọc cho mọi người cùng nghe, các thành viên trong buổi làm việc không ai có ý kiến gì khác, biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, đại diện Đoàn thanh tra và Lãnh đạo doanh nghiệp cùng ký vào biên bản, biên bản kết thúc hồi 11 giờ 00 ngày 25/5/2024./.

Trưởng Đoàn thanh tra	Đại diện Doanh nghiệp	Người ghi biên bản
Nguyễn Vân Yên	Nguyễn Xuân Huấn	Nguyễn Hữu Mạnh

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi 08h00' phút, ngày 04/6/2025, tại Nhà máy sản xuất gạch lát nền, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên, tổ chức làm việc như sau:

I. Thành phần:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

- Ông Lê Hải Bằng - Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường
- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Chuyên viên Chi cục Bảo vệ môi trường.

2. UBND phường Thuận Thành

- Bà Lê Thị Thanh Dung - Công chức địa chính.

3. Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

- Ông Nguyễn Xuân Huấn - Giám đốc;
- Ông: Nguyễn Văn Diên - Phó Giám đốc;
- Ông: Đặng Ba Duy - Trưởng phòng An toàn, Môi trường;
- Ông: Nguyễn Anh Tiến - Trưởng phòng Tổ chức hành chính.

II. Nội dung làm việc

Theo nội dung văn bản số 2391/SVHTTDL-TTBCXB ngày 30/5/2025 của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và đề báo cáo, phản hồi thông tin báo chí theo quy định của Luật Báo chí, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên tổ chức làm việc, xác minh làm rõ thông tin trong bài báo: "Phổ Yên: Khói từ nhà máy khiến người dân lo ngại". Trong đó phản ánh Nhà máy sản xuất gạch của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên hoạt động tại phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên xả thải khói bụi ra môi trường, nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

III. Kết quả làm việc

Qua trao đổi thảo luận và khảo sát thực tế, các thành phần tham gia thống nhất ghi nhận một số nội dung sau:

Đối với nội dung Báo Thái Nguyên phản ánh đại diện CÔng ty CP Prime báo cáo: vào 7 giờ 08 phút ngày 21/5/2025 đã xảy ra sự cố tại lò khi hóa biomass của Công ty. Ngay khi sự cố xảy ra, Công ty đã triển khai các biện pháp khắc phục, dừng cấp nguyên liệu vào lò và thực hiện các biện pháp khắc phục, surear chữa. Đến khoảng 9h55 hiện tượng khói đen được chấm dứt, chỉ còn khói màu trắng và đến 13h00 cùng ngày đã chấm dứt hoàn toàn khói từ hệ thống này. Sau khi xảy ra sự cố, Công ty đã dừng lò khí hóa biomass nêu trên để cải tạo, sửa chữa nhằm khắc phục triệt để. Công ty sẽ bổ sung 01 buồng lọc thu gom, xử

lý khí trong trường hợp có sự cố tương tự xảy ra, dự kiến đến 30/6/2025 sẽ hoàn thành. Khi xảy ra sự cố Công ty đã thông tin, báo cáo chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan qua điện thoại và có báo cáo tại văn bản số 94/2025/CV-CTPY ngày 21/5/2025 v/v báo cáo sự cố thiết bị của lò khí hóa biomass.

Qua khảo sát thực tế, thời điểm làm việc lò khí hóa biomass vẫn đang dừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục sự cố, không có khói phát sinh từ công đoạn này ra môi trường.

Đại diện UBND phường Thuận Thành cho biết, có nhận được thông tin sự cố ngày 21/5/2025 như trên. Từ đó đến nay không còn nhận được thông tin, ý kiến của người dân về khói đen của đơn vị.

Đoàn Công tác đề nghị:

- Đề nghị Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên tiếp tục duy trì vận hành các hệ thống xử lý chất thải theo đúng các hồ sơ môi trường đã được cấp, nhất là đối với khí thải đảm bảo khí thải phát sinh được thu gom, xử lý đấp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, tuyệt đối không để khí thải chưa qua xử lý xả thải ra môi trường.

- Khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố hệ thống khí hóa biomass, chỉ đưa hệ thống vào hoạt động chính thức sau khi đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường

- Trường hợp xảy ra sự cố phải dừng ngay nguồn phát sinh ô nhiễm và tiến hành các biện pháp khắc phục, báo cáo các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương theo đúng quy định

IV. Ý kiến của đại diện Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

Công ty nhất trí với các nội dung Biên bản.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe, không có ý kiến khác và nhất trí ký tên./.

UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Lê Thị Thanh Dung	Lê Hải Bằng

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn

PRIME GROUP
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

Số: 04 /2025/CV-CTPY

"V/v báo cáo sự cố thiết bị của Lò khí hóa Biomass"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: **- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.**

- UBND thành phố Phổ Yên.

- UBND phường Trung Thành.

- UBND phường Thuận Thành.

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên có trụ sở tại Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xin gửi lời chào trân trọng và xin được báo cáo Quý Cơ quan về sự cố thiết bị của lò khí hóa biomass ngày 21/5/2025 như sau:

Vào hồi 07h08', ngày 21/05/2025 lò khí hóa Biomass (đốt gỗ băm, vỏ cây) trong quá trình chạy thử nghiệm, bị lỗi phần điện điều khiển của quạt cung cấp oxy vào buồng đốt. Quạt bị dừng đột ngột và van cấp hơi nước bị đóng nên lò đốt không đủ oxy để duy trì được sự cháy triệt để của dầu gỗ đã phun vào trong lò. Dầu gỗ không cháy hết bị dọng dưới đáy buồng đốt nên tạo ra khói đen khi quạt cấp oxy đã dừng. Do trong lò vẫn có nhiệt và có sự cháy không hoàn toàn nên không thể dừng quạt hút cuối lò tránh việc áp suất tăng cao gây nổ lò, mất an toàn cho người lao động, làm khói đen thoát ra đường ống trong quá trình Công ty xử lý sự cố.

Ngay khi xảy ra sự cố, Công ty đã tập trung nhân lực, kỹ thuật, chuyên gia nỗ lực xử lý lỗi hệ thống điều khiển PLC để khởi động lại quạt cấp oxy và hệ thống liên động đảm bảo an toàn. Đến 09h25', khởi động lại quạt cấp oxy và bộ điều khiển van hơi nước, cung cấp từ từ oxy và hơi nước vào lò để điều chỉnh sự cháy trong lò (không thể cấp nhanh lượng lớn oxy vì có thể gây tăng áp suất đột ngột gây nổ lò). Khí thoát ra khỏi đường ống đã chuyển dần từ màu đen sang màu xám và đến 09h55' khói đã chuyển hoàn toàn sang màu trắng (đây là hơi nước từ gỗ được tách ra trong quá trình khí hóa) như khi lò hoạt động bình thường, sự cố đã được khắc phục.

Sau khi khắc phục sự cố, lò đốt tiếp tục duy trì chế độ đốt cháy triệt để lượng dầu gỗ còn lại ở trong buồng đốt và giảm nhiệt độ lò, từ từ tiến tới dừng, tắt lò đốt vào lúc 13h00'. Chiều cùng ngày, các bộ phận liên quan trao đổi cùng với kỹ thuật, chuyên gia để phân tích nguyên nhân sự cố, kiểm tra sửa chữa thiết bị, chương trình điều khiển, đưa ra giải pháp phòng ngừa để không xảy ra sự cố thiết bị như trên.

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên xin được báo cáo Quý cơ quan được biết về sự cố thiết bị như trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu: TCHC.

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Huấn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 2564/SNNMT-BVMT

V/v thực hiện kiểm soát nguồn thải tại Nhà máy sản xuất gạch của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

Theo Văn bản số 2391/SVHTTDL-TTBCXB ngày 30/5/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xác minh, xử lý thông tin trong bài báo "Phổ Yên: Khói từ nhà máy khiến người dân lo ngại", trong đó phản ánh Nhà máy sản xuất gạch của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (địa điểm tại phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên) có hiện tượng xả thải khói bụi màu đen, ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Ngày 04/6/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với UBND phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế. Kết quả ghi nhận:

Nguyên nhân của tình trạng khói đen phát tán ra môi trường qua ống khói của Công ty Cổ phần PRIME Phổ Yên là do sự cố tại bộ phận điều khiển quạt cấp gió của hệ thống khí hóa nhiên liệu biomass[1], dẫn đến thiếu ôxi trong lò đốt, khiến nhiên liệu chưa phân huỷ hết bị cuốn ra ngoài và phát tán ra ngoài môi trường, tạo nên khói màu đen như người dân và cơ quan báo chí đã ghi nhận và đăng tải.

Sau khi xảy ra sự cố, Công ty đã dừng toàn bộ hoạt động của hệ thống khí hóa nhiên liệu biomass để sửa chữa. Đến thời điểm kiểm tra, hiện tượng khói đen phát tán ra môi trường đã chấm dứt hoàn toàn.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên nghiêm túc thực hiện các nội dung sau:

- Khẩn trương hoàn thành sửa chữa, khắc phục sự cố lò khí hóa nhiên liệu biomass, chỉ đưa vào hoạt động chính thức sau khi đảm bảo đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, chất thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Trường hợp xảy ra sự cố phải dừng ngay nguồn phát sinh ô nhiễm và tiến hành các biện pháp khắc phục, báo cáo các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương theo đúng quy định.

- Duy trì vận hành ổn định các hệ thống xử lý chất thải theo các hồ sơ môi trường đã được cấp, nhất là đối với khí thải, đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, tuyệt đối không để khí thải chưa qua xử lý xả thải ra môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để thông tin công khai đến người dân trong khu vực về nguyên nhân sự cố và biện pháp khắc phục, thông qua các hình thức phù hợp như: phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài, website của đơn vị hoặc địa phương,...

---

[1] Xảy ra hồi 7h08 phút ngày 21/5/2025

- Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung nêu trên về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 13/6/2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục phối hợp với cơ quan đơn vị có liên quan theo dõi, giám sát việc chấp hành các yêu cầu bảo vệ môi trường của đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở VH,TT&DL;
- Đài PTTH Thái Nguyên;
- Báo Thái Nguyên;
- UBND thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Thuận Thành;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Phó Giám đốc Sở (Đ/c Công);
- Lưu: VT, BVMT. 03b.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Bình Công

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG
ĐOÀN THANH TRA
Theo Quyết định số 208/QĐ-ATLĐ ngày 12/7/2024 của
Cục trưởng Cục An toàn lao động

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Công bố Quyết định thanh tra

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24/7/2024, tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên, Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 208/QĐ-ATLĐ ngày 12/7/2024 của Cục trưởng Cục An toàn lao động công bố Quyết định thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

I. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Đoàn thanh tra

- Ông Nguyễn Vân Yên, Trưởng phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn;
- Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Chuyên viên phòng Pháp chế - Thanh tra, Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thành viên;
- Ông Nguyễn Thế Hùng, Phó chánh thanh tra, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên, thành viên.

2. Đại diện doanh nghiệp

- Ông Nguyễn Xuân Huấn, Giám đốc;
- Ông Nguyễn Văn Diên, Phó giám đốc;
- Ông Nguyễn Anh Tiến, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính;
- Ông Tống Việt Hà, Chủ tịch Công đoàn;
- Ông Đặng Ba Duy, Trưởng phòng An toàn Môi trường và xúc tiến chất lượng;
- Ông Hoàng Việt Hưng, Trưởng phòng Dịch vụ Kỹ thuật;
- Ông Nguyễn Văn Đoàn, Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính;
- Ông Nguyễn Thành Luân, Nhân viên phòng An toàn Môi trường và xúc tiến chất lượng;
- Ông Vũ Đình Chung, Nhân viên phòng An toàn Môi trường và xúc tiến chất lượng.

II. NỘI DUNG

1. Ông Nguyễn Vân Yên, Trưởng đoàn thanh tra đọc toàn văn Quyết định số 208/QĐ-ATLĐ ngày 12/7/2024 của Cục trưởng Cục An toàn lao động công bố Quyết định thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên; đồng thời phổ biến tóm tắt mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch thanh tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra; thống nhất lịch làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đại diện doanh nghiệp: Hoàn toàn nhất trí với nội dung, kế hoạch, thời gian thanh tra, chấp hành các nội dung theo Quyết định thanh tra và tạo điều kiện để Đoàn thanh tra làm việc.

Việc công bố quyết định thanh tra kết thúc vào hồi 8 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản công bố quyết định thanh tra đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận./.

Trưởng Đoàn thanh tra	Đại diện doanh nghiệp	Người ghi biên bản
Nguyễn Vân Yên	Nguyễn Xuân Huấn	Nguyễn Hữu Mạnh

Mẫu số PC 10
Ban hành kèm theo Nghị định số:
136/2020/NĐ-CP,
Ngày 24/11/2020

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
An toàn phòng cháy và chữa cháy theo chế độ định kỳ

Hồi 08 giờ 30 ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Chúng tôi gồm:

Đại diện đoàn kiểm tra: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên:

- Ông Trần Xuân Long; Cấp bậc: Đại uý; Chức vụ: Cán bộ.

- Ông Tăng Bá Hưng; Cấp bậc: Thượng uý; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy theo chế độ định kỳ đối với Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Đại diện Công ty cổ phần Prime Phổ Yên:

- Ông Nguyễn Văn Diên - Trợ lý Giám đốc (làm việc theo giấy uỷ quyền ngày 17/6/2023 của Giám đốc công ty).

- Ông Nguyễn Anh Tiến - Trưởng phòng SEQP.

- Ông Đặng Ba Duy - Đội trưởng đội PCCC cơ sở.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ

- Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (sau đây gọi tắt là cơ sở) có địa chỉ tại TDP Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động từ tháng 10 năm 2007. Tổng diện tích mặt bằng của cơ sở là 16,5 ha, bao gồm các hạng mục:

+ Xưởng nguyên liệu kết cấu nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 8574 m^2, chiều cao 10 m, khối tích khoảng 85.000 m^3.

+ Xưởng nhiên liệu kết cấu bê tông, cốt thép, nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 3468 m^2, chiều cao 10 m, khối tích khoảng 35.000 m^3.

+ Xưởng bán thành phẩm kết cấu nhà khung thép mái tôn; diện tích xây dựng là 19914 m^2, chiều cao 10 m, khối tích khoảng 200.000 m^3.

+ Xưởng thành phẩm có diện tích là 2427 m^2, xây dựng với kết cấu nhà khung thép mái tôn, chiều cao 10 m, khối tích khoảng 25.000 m^3.

+ Các kho chứa gạch, kho than: Kho thành phẩm số 1 diện tích 2427.69 m^2, kho thành phẩm số 2 diện tích 1987.71 m^2, kho thành phẩm số 3 diện tích 3528.9 m^2, kho thành phẩm số 4 diện tích 2560 m^2, kho thành phẩm số 5 diện tích 2560 m^2, kho thành phẩm số 6 diện tích 2576 m^2, kho thành phẩm số 7 diện tích 2576 m^2, kho chứa biomas diện tích: 1591 m^2.

+ Nhà ăn tập thể, hội trường kết cấu khung bê tông cốt thép, xung quanh được xây dựng bởi tường gạch, nhà hai tầng. Tầng 1 là nhà ăn và bếp nấu ăn, tầng 2 làm hội trường lớn của Công ty.

+ Văn phòng làm việc 02 tầng diện tích 300 m^2/tầng làm văn phòng làm việc và khách đến công tác làm việc, nghỉ tại công ty.

+ Gara để xe máy của cán bộ công nhân viên có diện tích 856.38 m^2, khung thép mái tôn.

+ Trạm cấp dầu nội bộ diện tích khoảng 30 m^2, xung quang ko xây tường bao để thông thoáng, có téc chứa dầu 10m3 chôn ngầm dưới đất, và có 01 cột bơm dầu.

- Thời gian hoạt động 24/24h các ngày trong tuần. Tổng số CBNV của công ty là 406 người, chia làm 3 ca hoạt động, mỗi ca làm việc thường xuyên có 120 người.

- Các hạng mục công trình xây dựng trong cơ sở đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Năm 2023 công ty có triển khai cải tạo kho chứa biomas (hiện đã thi công hoàn thiện chưa đưa vào sử dụng, chờ nghiệm thu về PCCC) và lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái (hiện đang thi công đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên thẩm duyệt về PCCC theo quy định).

- Tính chất hoạt động: sản xuất các sản phẩm gạch tráng men ốp lát.

II. HỒ SƠ QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC

1. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở:

- Đã ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC, CNCH tới từng phòng chức năng và các cá nhân trong công ty.

- Định kỳ hàng năm đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên trong công ty. Có kế hoạch xây dựng phong trào toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH.

- Đã thành lập và bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, theo Quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở. Đã trang bị đầy đủ phương tiện và thiết bị PCCC, CNCH cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

- Đã có quyết định ban hành nội quy PCCC, nội quy sử dụng điện và nội quy PCCC, CNCH của từng khu vực trong cơ sở phù hợp với đặc điểm sử dụng của từng khu vực.

- Định kỳ 01 lần/tháng người đứng đầu cơ sở đã tổ chức tự kiểm tra về PCCC và CNCH có ghi nhận bằng biên bản kiểm tra. Định kỳ 06 tháng có báo cáo kết quả tự kiểm tra về PCCC và CNCH gửi cơ quan Cảnh sát PCCC theo quy định.

- Hàng năm đã có dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH của công ty. Trang thiết bị, phương tiện PCCC được trang bị tại công ty được kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định (có hợp đồng, biên bản nghiệm thu việc bảo dưỡng thiết bị PCCC lắp đặt tại cơ sở).

- Đã xây dựng phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở và được phê duyệt theo đúng quy định, tình huống trong phương án phù hợp với đặc điểm thực tế của cơ sở. Năm 2022 đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH có ghi nhận bằng kế hoạch và báo cáo kết quả thực tập phương án chữa cháy.

2. Kiểm tra thành phần hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC

Đã lập và lưu trữ hồ sơ theo dõi quản lý công tác PCCC và CNCH theo Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA của Bộ Công an, các thành phần tài liệu lưu trữ tại cơ sở bao gồm:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 111/TD-PCCC(TM) ngày 30/05/2008 của Phòng Cảnh sát PCCC - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "nhà máy sản xuất gạch lát nền".

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 23/TD-PCCC(TM) ngày 25/10/2013 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "Trạm cấp phát dầu diezel nội bộ".

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 176/TD-PCCC(TM) ngày 12/9/2014 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "Hệ thống PCCC nhà máy sản xuất gạch lát nền Prime" .

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy ngày 30/12/2014 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với dự án nhà máy sản xuất gạch lát nền.

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 05/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với công trình trạm cấp dầu dienzel nội bộ.

- Công văn số 43/NT-PCCC ngày 07/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc nghiệm thu về PCCC đối với công trình trạm cấp dầu Dienzel nội bộ.

- Công văn số 2046/TD-PCCC ngày 31/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

- Công văn số 3507/TD-PCCC ngày 09/12/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết về PCCC số 37/TD-PCCC ngày 27/4/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với công trình hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

- Kế hoạch và báo cáo kết quả thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ định kỳ năm 2022, 2023.

- Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở gồm 50 đội viên.

- Quyết định số về việc cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên cho đội viên đội PCCC cơ sở của công ty.

- Phương án chữa cháy của cơ sở đã được xây dựng đảm bảo theo mẫu PC17 ban hành kèm nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính Phủ và được phòng Cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt theo đúng quy định.

- Phương án CNCH cơ sở đã xây dựng đảm bảo theo Mẫu 04 ban hành kèm theo nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Đã xây dựng kế hoạch cứu nạn, cứu hộ của cơ sở.

- Kế hoạch và báo cáo kết quả thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ định kỳ năm 2022.

- Báo cáo kết quả tự kiểm tra 6 tháng, 1 năm; biên bản kiểm tra an toàn PCCC định kỳ của cơ quan Cảnh sát PCCC.

- Đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc số PFM/02403913 ngày 01/6/2023 của công ty Công ty Bảo Minh Sông Bé thời hạn bảo hiểm đến ngày 30/11/2024. Biểu phí và nguyên tắc mua đúng theo quy định

- Đã đo điện trở của hệ thống chống sét lắp đặt tại các hạng mục công trình trong công ty theo giấy chứng nhận đo điện trở của hệ thống chống sét ngày 08/3/2023, kết quả đo đảm bảo an toàn (có giấy chứng nhận kết quả đo kèm theo).

- Thiết bị chịu áp lực cao (5 lò khí hoá than, 03 bình chứa khí nén, 919 m đường ống dẫn khí CO) đã được kiểm định an toàn theo quy định ngày 08/3/2023 (có giấy chứng nhận kiểm định kèm theo).

III. KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Kiểm tra về giao thông, nguồn nước, khoảng cách an toàn về PCCC

1.1. Giao thông dành cho chữa cháy:

- Giao thông bên ngoài: Cơ sở nằm gần đường QL3, xe thang và xe chữa cháy có thể tiếp cận được cơ sở qua cổng chính.

- Giao thông bên trong: Cơ sở có đường giao thông nội bộ chạy xung quanh các khối nhà có chiều rộng >3,5m, chiều cao đảm bảo cho xe chữa cháy triển khai hoạt động.

1.2. Khoảng cách an toàn PCCC giữa các hạng mục công trình:

Khoảng cách an toàn PCCC giữa các hạng mục công trình bên trong cơ sở, khoảng cách đến công trình lân cận đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC.

1.3. Hệ thống, nguồn cấp nước chữa cháy:

Bên trong cơ sở có 01 hồ nước trữ lượng rất lớn xe chữa cháy có thể lấy được nước qua các trụ ngoài nhà lắp đặt trong cơ sở và hút nước trực tiếp từ hồ được.

2. Kiểm tra về duy trì các điều kiện an toàn về PCCC đối với ngôi nhà

2.1. Việc bố trí công năng sử dụng, bố trí mặt bằng của nhà:

Các hạng mục công trình trong công ty gồm:

- Xưởng nguyên liệu kết cấu nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 8574 m^2, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng sản xuất bột liệu.

- Xưởng nhiên liệu kết cấu bê tông, cốt thép, nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 3468 m^2, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng cấp khí CO phục vụ sản xuất.

- Xưởng bán thành phẩm kết cấu nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 19914 m^2, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng ép tạo hình, in trang trí, nung gạch.

- Xưởng thành phẩm có diện tích là 2427 m^2, xây dựng với kết cấu nhà khung thép mái tôn, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng phân loại, đóng gói sản phẩm.

- Các kho chứa gạch, kho than: Kho thành phẩm số 1 diện tích 2427.69 m^2, kho thành phẩm số 2 diện tích 1987.71 m^2, kho thành phẩm số 3 diện tích 3528.9 m^2, kho thành phẩm số 4 diện tích 2560 m^2, kho thành phẩm số 5 diện tích 2560 m^2, kho thành phẩm số 6 diện tích 2576 m^2, kho thành phẩm số 7 diện tích 2576 m^2, kho chứa biomas diện tích: 1591 m^2.

- Nhà ăn tập thể, hội trường kết cấu khung bê tông cốt thép, xung quanh được xây dựng bởi tường gạch, nhà hai tầng. Tầng 1 là nhà ăn và bếp nấu ăn, tầng 2 làm hội trường lớn của Công ty.

- Văn phòng làm việc 02 tầng diện tích 300 m^2/tầng làm văn phòng làm việc và khách đến công tác làm việc, nghỉ tại công ty.

- Gara để xe máy của cán bộ công nhân viên có diện tích 856.38 m^2, khung thép mái tôn.

- Trạm cấp dầu nội bộ diện tích khoảng 30 m^2, xung quang ko xây tường bao để thông thoáng, có téc chứa dầu 10m3 chôn ngầm dưới đất, và có 01 cột bơm dầu.

Các hạng mục công trình trong cơ sở được duy trì công năng sử dụng, mặt bằng theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC.

2.2. Lối thoát nạn

- Khoảng cách thoát nạn từ điểm xa nhất đến cửa thoát nạn; chiều rộng đường, lối đi thoát nạn đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

- Số lối ra thoát nạn, kích thước lối thoát nạn của gian phòng không thay đổi so với thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

- Các thiết bị chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn trên đường, thoát nạn, cửa thoát nạn không thay đổi so với thiết kế ban đầu, không bị che khuất và hoạt động đảm bảo.

2.3. Hệ thống điện:

- Trong xưởng sản xuất, nhà kho, văn phòng, các khu vực phụ trợ đã bố trí cầu dao, aptomat. Đường dây dẫn điện trục chính đi trong trục kỹ thuật, dây dẫn, cáp điện trong nhà được đi trên máng cáp, ống gen cách điện, chống cháy đảm bảo theo quy định.

- Hệ thống điện cấp cho hệ thống báo cháy tự động, hệ thống máy bơm chữa cháy, đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn được cấp từ nguồn ưu tiên và tách riêng với nguồn điện sản xuất tại cơ sở.

2.4. Hệ thống báo cháy tự động:

Đã lắp đặt 01 tủ trung tâm báo cháy tại phòng bảo vệ; các đầu báo cháy, 10 tổ hợp chuông đèn nút ấn báo cháy được lắp đặt tại xưởng sản xuất, nhà kho. Tại thời điểm kiểm tra thử hoạt động của 03 đầu báo cháy thấy hoạt động bình thường.

2.5. Hệ thống chữa cháy bằng nước

Hệ thống cấp nước chữa cháy được trang bị gồm: 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện công suất P=22,5 KW, 01 máy bơm chữa cháy động cơ diesel công suất 59 KW, 01 máy bơm bù áp, 01 bình tích áp, 20 họng nước chữa cháy vách tường (mỗi họng gồm 01 lăng B, 01 vòi B), 07 trụ nước chữa cháy ngoài nhà loại 2 cửa, 07 hộp đựng lăng vòi chữa cháy (gồm 02 lăng A, 02 vòi A). Thử hoạt động tại trạm bơm chữa cháy thấy các máy bơm hoạt động tự động, thử áp lực nước trụ nước chữa cháy ngoài nhà thấy đảm bảo phục vụ công tác chữa cháy.

2.6. Đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn

- Đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố tại hành lang, lối thoát nạn theo đúng quy định.

- Tại thời điểm kiểm tra các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn hoạt động bình thường.

2.7. Việc duy trì bình chữa cháy ban đầu, dụng cụ phá dỡ

- Phương tiện chữa cháy tại chỗ được trang bị gồm: 210 bình chữa cháy các loại. Kiểm tra xác xuất 10 bình chữa cháy thấy hoạt động bình thường.

- Phương tiện cứu nạn, cứu hộ trang bị tại công ty gồm: 05 rìu phá vỡ, 05 búa, 05 kìm cộng lực 1, 05 xà beng, 01 túi hộp cứu thương. Tại thời điểm kiểm tra các thiết bị hoạt động bình thường.

2.8. Việc niêm yết các nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH

Đã niêm yết các nội quy do người đứng đầu cơ sở ban hành. Nội dung, quy cách của nội quy, biển báo, biển cấm phù hợp với tính chất hoạt động của từng khu vực; vị trí niên yết bảo đảm cho mọi người dễ nhật biết.

2.9. Hệ thống tiếp địa, chống sét không thay đổi so với thiết kế ban đầu năm 2023 đã thực hiện kiểm tra, đo điện trở tiếp địa, chống sét và có ghi nhận bằng biên bản xác nhận kết quả đo.

3. Kiểm tra việc đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình thi công

Trong quá trình thi công hệ thống điện mặt trời áp mái công ty và nhà thầu thi công đã ban hành các nội quy, quy định đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình thi công, xây dựng phương án tổ chức thi công và các biện pháp đảm bảo an toàn tại khu vực công trường thi công.

4. Việc chấp hành các kiến nghị, khắc phục các tồn tại về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH

Công ty đã chấp hành nghiêm túc các kiến nghị của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH tại lần kiểm tra gần nhất.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

- Người đứng đầu cơ sở đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về PCCC, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng cháy và chữa cháy; thành lập, duy trì hoạt động đội phòng cháy và chữa cháy theo quy định; đã ban hành theo thẩm quyền nội quy và biện pháp về phòng cháy và chữa cháy; đã trang bị và duy trì hoạt động của các dụng cụ, phương tiện phòng cháy và chữa cháy; đã xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy.

- Thời điểm kiểm tra cơ sở duy trì các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC của cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính Phủ.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở đề nghị Giám đốc Công ty cổ phần Prime Phổ Yên thực hiện các kiến nghị sau:

2.1. Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, duy trì trạng thái thường trực của hệ thống, trang thiết bị PCCC cơ sở; duy trì công tác tự kiểm tra an toàn về PCCC theo chế độ thường xuyên để kịp thời phát hiện những tồn tại, thiếu sót về PCCC. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào sổ theo dõi và lưu hồ sơ.

2.2. Thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH trang bị tại cơ sở theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Biên bản được lập xong vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 20/6/2023 gồm 08 trang được lập thành 02 bản mỗi bên liên quan giữ 01 bản đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe công nhận đúng nhất trí, ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**ĐẠI DIỆN** **ĐOÀN KIỂM TRA**
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN	
TRỢ LÝ GIÁM ĐỐC *Nguyễn Văn Diên*	**Đại uý Trần Xuân Long**

Mẫu số PC 10
Ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, ngày 10/5/2024

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Hồi 08 giờ 30 ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện đoàn kiểm tra Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an tỉnh Thái Nguyên

- Ông: Nguyễn Đức Mạnh; Chức vụ: Cán bộ; Cấp bậc: Thượng úy.

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra về PCCC&CNCH đối với Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

II. Đại diện Công ty cổ phần Prime Phổ Yên:

- Ông Nguyễn Văn Diên - Phó Giám đốc.
- Ông Đặng Ba Duy - Trưởng phòng SEQP, Đội trưởng đội PCCC cơ sở.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau

I. Phần trình bày của cơ sở:

- Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (sau đây gọi tắt là cơ sở) có địa chỉ tại TDP Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động từ tháng 10 năm 2007. Tổng diện tích mặt bằng của cơ sở là 16,5 ha.

- Các hạng mục công trình xây dựng trong cơ sở đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Thời gian hoạt động 24/24h các ngày trong tuần. Tổng số CBNV của công ty là 336 người, chia làm 03 ca hoạt động, mỗi ca làm việc thường xuyên có 50 người.

- Tính chất hoạt động: sản xuất các sản phẩm gạch tráng men ốp lát.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở:

1.1 Đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH tại cơ sở.

Được quét bằng CamScanner

1.2. Đã thành lập Đội PCCC cơ sở gồm 50 đội viên; thành viên đội PCCC cơ sở đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và được cấp chứng nhận huấn luyện theo quy định.

- Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH số 92/QĐ-PC07 ngày 04/5/2021.

1.3. Đã ban hành nội quy, quy định về PCCC và CNCH của cơ sở. Nội dung đã phù hợp với từng hạng mục, khu vực có công năng khác nhau.

1.4. Đã tổ chức thực hiện tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH thường xuyên tại cơ sở. Biên bản tự kiểm tra được lập định kỳ hàng quý. Đã thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ 06 tháng về Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

1.5. Đã xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở. Tháng 12 năm 2023, đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở định kỳ.

1.6. Đã dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH hàng năm của công ty. Đã duy trì kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH theo quy định. Có sổ theo dõi kiểm tra, vận hành hệ thống, phương tiện PCCC lưu hồ sơ.

1.7. Đã thực hiện trách nhiệm trong công tác đầu tư xây dựng công trình. Cơ sở đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC và được Cơ quan Cảnh sát PCCC chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC, có các tài liệu thể hiện sau:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 111/TD-PCCC(TM) ngày 30/05/2008 của Phòng Cảnh sát PCCC - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "nhà máy sản xuất gạch lát nền".

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 23/TD-PCCC(TM) ngày 25/10/2013 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "Trạm cấp phát dầu diezel nội bộ".

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 176/TD-PCCC(TM) ngày 12/9/2014 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với "Hệ thống PCCC nhà máy sản xuất gạch lát nền Prime".

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy ngày 30/12/2014 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với dự án nhà máy sản xuất gạch lát nền.

- Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 05/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với công trình trạm cấp dầu dienzel nội bộ.

- Công văn số 43/NT-PCCC ngày 07/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc nghiệm thu về PCCC đối với công trình trạm cấp dầu Dienzel nội bộ.

- Công văn số 2046/TD-PCCC ngày 31/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

Được quét bằng CamScanner

- Công văn số 3507/TD-PCCC ngày 09/12/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

- Công văn số 128/NT-PCCC ngày 24/7/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình: "Cải tạo nhà kho Biomass".

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết về PCCC số 37/TD-PCCC ngày 27/4/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên đối với công trình hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

- Công văn số 166/NT-PCCC ngày 15/9/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

1.8. Đã thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định. Có giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc số PFM/02403913 ngày 01/6/2023 của công ty Công ty Bảo Minh Sông Bé, thời hạn bảo hiểm đến ngày 30/11/2024. Bảo hiểm tham gia đúng nguyên tắc và biểu phí theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kiểm tra Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH

Hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở đã bảo đảm thành phần theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; đã cập nhật, bổ sung tài liệu trong hồ sơ: Biên bản tự kiểm tra an toàn PCCC và CNCH; Biên bản kiểm tra định kỳ của cơ quan Cảnh sát PCCC; báo cáo kết quả kiểm tra an toàn PCCC định kỳ 6 tháng; kế hoạch, báo cáo kết quả thực tập phương án chữa cháy; GCN bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; Giấy chứng nhận kết quả kiểm định an toàn kỹ thuật của các hệ thống; thiết bị chịu áp lực trong cơ sở; kết quả đo điện trở tiếp địa chống sét năm 2024...

3. Kiểm tra thực tế trách nhiệm duy trì các điều kiện về PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở.

3.1. Giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy:

- Giao thông bên ngoài: Cơ sở nằm tiếp giáp với đường Quốc lộ 3 chiều rộng, tải trọng nền đường đảm bảo, khu vực cổng vào của cơ sở không bị cản trở bởi phương tiện giao thông hay sự cản trở khác.

- Đường giao thông nội bộ có chiều rộng >3,5m đảm bảo thông thoáng, không để xe máy, ôtô trồng cây, để cây cảnh, vật tư, hàng hóa cản trở.

- Trong cơ sở có có 01 hồ nước trữ lượng rất lớn, máy bơm chữa cháy, xe chữa cháy có thể lấy được nước qua các trụ ngoài nhà lắp đặt trong cơ sở và hút nước trực tiếp từ hồ được.

Được quét bằng CamScanner

3.2. Khoảng cách an toàn PCCC:

- Khoảng cách giữa các hạng mục công trình trong cơ sở: Đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC, trong khoảng cách đó không để hàng hóa, vật tư dễ cháy, xây dựng thêm công trình ảnh hưởng đến khoảng cách an toàn PCCC.

- Khoảng cách đến công trình xung quanh: Từ các hạng mục công trình đến ranh giới khu đất đảm bảo khoảng cách PCCC theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

3.3. Mặt bằng công năng sử dụng.

- Các hạng mục công trình trong công ty gồm:

- Xưởng nguyên liệu kết cấu nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 8574 m^2, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng sản xuất bột liệu.

- Xưởng nhiên liệu kết cấu bê tông, cốt thép, nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 3468 m^2, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng cấp khí CO phục vụ sản xuất.

- Xưởng bán thành phẩm kết cấu nhà khung thép mái tôn, diện tích xây dựng là 19914 m^2, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng ép tạo hình, in trang trí, nung gạch.

- Xưởng thành phẩm có diện tích là 2427 m^2, xây dựng với kết cấu nhà khung thép mái tôn, chiều cao 10 m. Công năng là xưởng phân loại, đóng gói sản phẩm.

- Các kho chứa gạch, kho than: Kho thành phẩm số 1 diện tích 2427.69 m^2, kho thành phẩm số 2 diện tích 1987.71 m^2, kho thành phẩm số 3 diện tích 3528.9 m^2, kho thành phẩm số 4 diện tích 2560 m^2, kho thành phẩm số 5 diện tích 2560 m^2, kho thành phẩm số 6 diện tích 2576 m^2, kho thành phẩm số 7 diện tích 2576 m^2, kho chứa biomas diện tích: 1591 m^2.

- Nhà ăn tập thể, hội trường kết cấu khung bê tông cốt thép, xung quanh được xây dựng bởi tường gạch, nhà hai tầng. Tầng 1 là nhà ăn và bếp nấu ăn, tầng 2 làm hội trường lớn của Công ty.

- Văn phòng làm việc 02 tầng diện tích 300 m^2/tầng làm văn phòng làm việc và khách đến công tác làm việc, nghỉ tại công ty.

- Gara để xe máy của cán bộ công nhân viên có diện tích 856.38 m^2, khung thép mái tôn.

- Trạm cấp dầu nội bộ diện tích khoảng 30 m^2, xung quang ko xây tường bao để thông thoáng, có téc chứa dầu 10m3 chôn ngầm dưới đất, và có 01 cột bơm dầu.

- Các hạng mục công trình duy trì đúng theo công năng được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định.

3.4. Ngăn cháy lan:

Được quét bằng CamScanner

- Việc ngăn cháy lan tại các gian phòng có công năng khác nhau, khoang cháy được duy trì theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

- Việc bố trí hàng hóa, máy móc bảo đảm khoảng cách PCCC đến các nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị điện có khả năng sinh lửa, sinh nhiệt.

3.5. Giải pháp thoát nạn:

- Tại các hạng mục, công trình: đường, lối, cửa thoát nạn có số lượng và kích thước không thay đổi theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC, không bố trí vật tư hàng hoá cản trở.

- Khoảng cách thoát nạn từ điểm xa nhất đến cửa thoát nạn; chiều rộng đường, lối đi thoát nạn đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

- Các thiết bị chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn trên đường, thoát nạn, cửa thoát nạn không bị che khuất và hoạt động đảm bảo.

3.6. Hệ thống điện, chống sét, tiếp địa, các thiết bị chịu áp lực:

- Vị trí đặt tủ điện tổng và các hệ thống kỹ thuật khác, việc đấu nối bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, ngăn cháy lan với khu vực xung quanh.

- Tại các vị trí của xưởng, nhà kho và văn phòng đã bố trí cầu dao, aptomat. Đường dây dẫn điện trục chính đi trong trục kỹ thuật, dây dẫn, cáp điện trong nhà được đi trên máng cáp, trong các ống gen cách điện, chống cháy đảm bảo quy định.

- Hệ thống điện cấp cho hệ thống báo cháy tự động, hệ thống máy bơm chữa cháy, đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn được cấp từ nguồn ưu tiên và tách riêng với nguồn điện sản xuất tại cơ sở.

- Thiết bị chịu áp lực cao (5 lò khí hoá than, 06 bình chứa.khí nén, 01 hệ thống đường ống dẫn khí CO, 01 hệ thống đường ống dẫn khí LPG, 01 hệ thống đường ống dẫn khí nén) đã được kiểm định an toàn và còn thời hạn kiểm định theo quy định. (có giấy chứng nhận kiểm định lưu hồ sơ)

- Đã tiến hành đo điện trở chống sét, tiếp địa theo quy định, kết quả kiểm tra có trị số đảm bảo (có kết quả đo lưu hồ sơ).

3.7. Hệ thống, phương tiện PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác được trang bị tại cơ sở:

3.7.1. Về trang bị hệ thống: Cơ sở đã trang bị các hệ thống PCCC cho công trình theo quy định.

3.7.2. Về trang bị, duy trì hoạt động của hệ thống

- Hệ thống báo cháy tự động: Đã lắp đặt 02 tủ trung tâm báo cháy tại phòng bảo vệ; các đầu báo cháy, 10 tổ hợp chuông đèn nút ấn báo cháy được lắp đặt tại xưởng sản xuất, nhà kho. Tại thời điểm kiểm tra thử hoạt động của 05 đầu báo cháy thấy hoạt động bình thường.

Được quét bằng CamScanner

- Hệ thống chữa cháy bằng nước:

+ Hệ thống máy bơm chữa cháy: gồm 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện công suất P=22,5 KW, 01 máy bơm chữa cháy động cơ diesel công suất 59 KW, 01 máy bơm bù áp 3 KW, 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện công suất P=132 KW, 01 máy bơm chữa cháy động cơ diesel công suất 132 KW, 01 máy bơm bù áp 3 KW. Hệ thống được kiểm tra định kỳ 1 tháng 1 lần (có sổ theo dõi kiểm tra). Thử nghiệm hoạt động của máy bơm chính, bơm dự phòng bảo đảm hoạt động theo chế độ hoạt động tự động và bằng tay.

+ Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường, cấp nước chữa cháy ngoài nhà: gồm 20 họng nước chữa cháy vách tường (mỗi họng gồm 01 lăng B, 01 vòi B), 06 họng nước chữa cháy vách tường (mỗi họng gồm 01 lăng A, 01 vòi A), 08 trụ nước chữa cháy ngoài nhà loại 2 cửa, 08 hộp đựng lăng vòi chữa cháy (gồm 02 lăng A, 02 vòi A). Các họng nước chữa cháy được kiểm tra định kỳ 1 tháng 1 lần (có sổ theo dõi kiểm tra). Mở 01 họng nước vị trí xa nhất so với vị trí đặt máy bơm chữa cháy nhận thấy chiều cao tia nước đặc đảm bảo 6m theo tiêu chuẩn quy định.

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: Đã lắp đặt các đầu phun spinkler tại kho biomass đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC. Kiểm tra áp lực nước trên hệ thống qua đồng hồ áp lực nhận thấy hệ thống được duy trì áp lực đảm bảo.

- Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn:

Đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố tại hành lang, lối thoát nạn theo đúng quy định. Tại thời điểm kiểm tra các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn hoạt động bình thường.

- Việc trang bị, duy trì bình chữa cháy tại chỗ, dụng cụ phá dỡ:

+ Phương tiện chữa cháy tại chỗ được trang bị gồm: 210 bình chữa cháy các loại. Kiểm tra xác xuất 10 bình chữa cháy thấy hoạt động bình thường.

+ Phương tiện cứu nạn, cứu hộ trang bị tại công ty gồm: 05 rìu phá vỡ, 05 búa, 05 kìm cộng lực 1, 05 xà beng, 01 túi hộp cứu thương. Tại thời điểm kiểm tra các thiết bị hoạt động bình thường.

- Giải pháp thoát khói:

Hiện trạng các công trình trong cơ sở sử dụng giải pháp thông gió tự nhiên qua cửa trời và các ô cửa mở trên tường nhà xưởng.

3.8. Lực lượng PCCC cơ sở

- Đội PCCC cơ sở gồm 50 đội viên, đã được huấn luyện và được cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH.

- Định kỳ hàng năm, lực lượng PCCC cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC và CNCH theo quy định.

Được quét bằng CamScanner

- Đội PCCC cơ sở đã được trang bị đầy đủ phương tiện và thiết bị PCCC và CNCH theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Người đứng đầu cơ sở đã quan tâm thực hiện trách nhiệm của mình trong công tác PCCC&CNCH, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về PCCC, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng cháy và chữa cháy; thành lập, duy trì hoạt động đội phòng cháy và chữa cháy theo quy định; đã ban hành theo thẩm quyền nội quy và biện pháp về phòng cháy và chữa cháy; đã trang bị và duy trì hoạt động của các dụng cụ, phương tiện phòng cháy và chữa cháy; đã xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy. Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC được thực hiện thường xuyên, liên tục. Chế độ báo cáo đảm bảo theo quy định.

IV. KIẾN NGHỊ, HƯỚNG DẪN

Để duy trì công tác PCCC và CNCH tại cơ sở, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Thái Nguyên hướng dẫn người đứng đầu cơ sở một số nội dung sau:

1. Duy trì công tác tự kiểm tra về PCCC và CNCH thường xuyên tại cơ sở, kiểm tra đầy đủ các khu vực, hạng mục, hệ thống kỹ thuật, dây truyền sản xuất để kịp thời phát hiện và khắc phục những tồn tại, vi phạm về PCCC và CNCH trong quá trình hoạt động. *(thực hiện thường xuyên)*

2. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, tập huấn kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho cán bộ, công nhân viên làm việc trong cơ sở.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 45 phút ngày 04 tháng 9 năm 2024, gồm 07 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

M.S.D.N: 4600409440 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN TP. PHỔ YÊN T. THÁI NGUYÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Diên

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA

Thượng úy Nguyễn Đức Mạnh

Được quét bằng CamScanner

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2024

BIÊN BẢN
Giám sát An toàn vệ sinh thực phẩm
(Tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể...)

Hôm nay, hồi 9.... giờ 30 ngày 26 tháng 6 năm 2024
Tại: Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Phổ Yên
Địa chỉ: Xã Hoàng Hoa Thám, Thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên.
Đoàn giám sát ATTP theo Kế hoạch số:182/KH-TTKS ngày 27/5/2024
Đã tiến hành làm việc với : Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Phổ Yên

Về việc: Giám sát nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm.

I. THÀNH PHẦN

1. Đại diện đoàn:

- Ông (bà): Đặc Ma Văn Tú - Giám đốc - Trưởng đoàn
- Ông (bà): Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký
- Ông (bà): Nguyễn Thị Tuyết – Thành viên
- Ông (bà): Hứa Đình Luân – Thành viên
- Ông (bà): /

2. Đại diện cơ sở:

- Ông (bà) : Nguyễn Xuân Huân - Giám đốc
- Ông (bà) : Nguyễn Văn Hiếu - Phụ trách KCS

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Giám sát hồ sơ cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

* Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP *(Nếu thuộc diện phải cấp)*/Cam kết bảo đảm ATTP: Có cam kết bảo đảm ATTP (Ngày 1/9/2024)
* Kiến thức/sức khỏe ATTP: Có KSK; Có xác nhận Kiến thức ATTP đủ điều kiện ra người tiếp xúc
* Nguồn gốc thực phẩm: Có hợp đồng cung cấp thực phẩm

* Giấy tờ khác: Cơ sở kinh doanh 3 bức, có cơ kinh doanh thực ăn sai

2. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở

* Điều kiện cơ sở vật chất: Khu vực, dây chuyền sản xuất được sửa chữa, nâng cấp khu vực sạch

*Điều kiện trang thiết bị dụng cụ : Đạt yêu cầu. Có trang bị các biện pháp phòng hạn chế ruồi, côn trùng, động vật gây hại

* Điều kiện con người: Có khám sức khỏe định kỳ, thực hành tốt về cá nhân

3. Giám sát mẫu thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm (nếu có):

01 mẫu thực phẩm đã qua chế biến xử lý nhiệt

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề nghị Công ty Cổ phần gạch Prime Phổ Yên hoàn thiện giấy đề nghị 300 xuất ăn/3 bữa/ngày. Có giấy khám sức khỏe định kỳ

Có cam kết an toàn thực

Có KSK, có xác nhận kiến thức ATTP

Có hợp đồng cung cấp thực phẩm

Có thực hiện kiểm thực 3 bước, có lưu mẫu thực ăn

2. Kiến nghị:

Tiếp tục lưu ý các điều kiện để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Biên bản kết thúc hồi: ..16 giờ ..15 ngày ..26 tháng ...6 năm 2024

Biên bản được lập thành 02 bản, đã được đọc lại cho các ông (bà) có tên trên nghe, đại diện cơ sở và Trưởng đoàn giám sát ký xác nhận.

Đại diện cơ sở
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn

Trưởng đoàn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mai Văn Tá

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH THÁI NGUYÊN
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất

Số: 02-ĐKT/2024/PRPY

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BKHCN ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;

Đoàn kiểm tra về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất được thành lập theo Quyết định số 106/QĐ-KHCN ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất đã tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên. Địa chỉ: Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên.

Thành phần đoàn kiểm tra gồm:

1. Ông: Đinh Bộ Sơn – PGĐ Sở KH&CN Chức vụ: Trưởng đoàn
2. Bà: Tường Tuyết Mai Chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý TĐC – Thành viên
3. Ông: Phạm Thành Chung Chức vụ: Chuyên viên phòng Quản lý TĐC – Thành viên

Đại diện cơ sở được kiểm tra

1. Ông: Nguyễn Xuân Huấn Chức vụ: Giám đốc
2. Ông: Nguyễn Văn Diên Chức vụ: Phó Giám đốc
3. Ông: Đặng Ba Duy Chức vụ: Trưởng phòng An toàn Môi trường và xúc tiến Chất lượng
4. Ông: Nguyễn Anh Tiến Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
5. Ông: Nguyễn Quang Trường Chức vụ: Trưởng phòng Công nghệ
6. Ông: Hoàng Minh kiên Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát Chất lượng
7. Ông: Nguyễn Thành Luân Chức vụ: Phụ trách Hệ thống Chất lượng - phòng An toàn Môi trường và xúc tiến Chất lượng

I. Nội dung - kết quả kiểm tra

1.1. Nội dung kiểm tra

- Đoàn kiểm tra công bố Quyết định số 106/QĐ-KHCN ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất.

- Đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên *(Sau đây viết tắt là Công ty)* cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan để kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với việc sản xuất các sản phẩm công bố hợp chuẩn từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm kiểm tra, bao gồm:

+ Hồ sơ công bố hợp chuẩn theo quy định: Bản công bố hợp chuẩn, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng của tổ chức chứng nhận, Quyết định cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng của tổ chức chứng nhận, Hồ sơ đánh giá giám sát của tổ chức chứng nhận (nếu có), Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn của cơ quan có thẩm quyền.

+ Số liệu về hoạt động sản xuất, lưu thông các sản phẩm được công bố hợp chuẩn từ ngày 01/01/2023 đến đến thời điểm kiểm tra: Tên sản phẩm, số lượng sản phẩm sản xuất; số lượng sản phẩm đã lưu thông trên thị trường, địa điểm lưu thông sản phẩm, số lượng sản phẩm còn tại kho của Công ty.

- Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc ghi nhãn và thể hiện dấu hợp chuẩn theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

1.2. Kết quả kiểm tra

- Tại thời điểm kiểm tra, Công ty có 03 nhóm sản phẩm là đối tượng công bố hợp chuẩn theo quy định của pháp luật còn hiệu lực: Gạch gốm ốp lát cụ thể như sau:

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIb". Với nhãn hiệu: PRIME, hình; PRIME Digit phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018. Bản công bố hợp chuẩn số 17/2024/CBHC-CTPY ngày 10/01/2024. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 12/TB-KHCN ngày 25/01/2024 và có giá trị đến ngày 04/12/2025.

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIIb". Với nhãn hiệu: PRIME, hình; PRIME Build; PRIME Digit; PREMIER; PRIME Evolution phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018. Bản công bố hợp chuẩn số 19/2024/CBHC-CTPY ngày 10/01/2024. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 11/TB-KHCN ngày 25/01/2024 và có giá trị đến ngày 04/12/2025.

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIIa". Với nhãn hiệu: PRIME Digit phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018. Bản công bố hợp chuẩn số 18/2024/CBHC-CTPY ngày 10/01/2024. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 10/TB-KHCN ngày 25/01/2024 và có giá trị đến ngày 04/12/2025.

- Tại thời điểm kiểm tra, Công ty có 01 sản phẩm là đối tượng công bố hợp chuẩn theo quy định của pháp luật hết hiệu lực, cụ thể như sau: Sản phẩm Ngói gốm tráng men, độ hút nước 6%<E≤10%, nhãn hiệu PRIME, phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9133:2011-Ngói tráng men.

- Ngày 25/01/2024 Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên ban hành Thông báo số 09/TB-KHCN hủy bỏ Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm:

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIb", với nhãn hiệu: PRIME, hình; PRIME Digit phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018.

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIIb" với nhãn hiệu: PRIME, hình; PRIME Build; PRIME Digit; PREMIER; PRIME Evolution phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018.

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIIa" với nhãn hiệu: PRIME Digit phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018.

+ Sản phẩm Ngói gốm tráng men, độ hút nước 6%<E≤10%, nhãn hiệu PRIME, phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9133:2011-Ngói tráng men.

* Theo Báo cáo số 117/2024/BC-CTPY ngày 15/5/2024 của Công ty:

- Sản phẩm Ngói gốm tráng men, độ hút nước 6%<E≤10%, nhãn hiệu PRIME, phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9133:2011-Ngói tráng men dừng sản xuất từ ngày 17/8/2023. (Sản lượng sản xuất ngói tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 09/6/2023 là 58.887 m^2)

- 03 nhóm sản phẩm:

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIb", với nhãn hiệu: PRIME, hình; PRIME Digit phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIIb", với nhãn hiệu: PRIME, hình; PRIME Build; PRIME Digit; PREMIER; PRIME Evolution phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018

+ Sản phẩm "Gạch gốm ốp lát ép bán khô, có phủ men, nhóm BIIa", với nhãn hiệu: PRIME Digit phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 14411:2016 và tiêu chuẩn ISO 13006:2018

Đã được Công ty đánh giá giám sát vào ngày 20/10/2023 của Trung tâm Chứng nhận phù hợp QUACERT. Kết quả, QUACERT cấp giấy duy trì chứng nhận số 22/QUACERT-KT ngày 09/01/2024.

* Công ty đã thực hiện việc nghi nhãn hàng hóa và thể hiện dấu hợp chuẩn đúng quy định.

Tuân thủ quy định hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 trong hoạt động sản xuất của Công ty.

II. Nhận xét và kết luận:

1. Công ty đã hoàn thành trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về làm thủ tục chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm của Công ty.

2. Trong quá trình kiểm tra, Công ty đã cung cấp các hồ sơ, tài liệu, số liệu và phối hợp thực hiện các nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

III. Yêu cầu đối với cơ sở:

Đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty nghiêm chỉnh thực hiện trách nhiệm của tổ chức công bố hợp chuẩn theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

IV. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra

1. Công ty cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin, số liệu, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho Đoàn kiểm tra.

2. Công ty nhất trí với các nội dung kết luận của Đoàn kiểm tra.

Biên bản này được lập thành 02 bản vào hồi 11h30 ngày 24/5/2024 tại Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên, có nội dung, giá trị pháp lý như nhau và đã công khai nội dung biên bản cho những người có tên trên, công nhận là đúng. Cơ sở được kiểm tra giữ một (01) bản, Đoàn kiểm tra giữ một (01) bản./.

Đại diện cơ sở được kiểm tra	**Trưởng đoàn kiểm tra**
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN	
GIÁM ĐỐC Nguyễn Quốc Hiếu	**PHÓ GIÁM ĐỐC** **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** **Đinh Bộ Sơn**

Thành phần đoàn kiểm tra

1. Tường Tuyết Mai.....

2. Phạm Thành Chung.....

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 8 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2023.

Tại công trình: Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Địa chỉ: phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Lần kiểm tra: 01

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) - Công an tỉnh Thái Nguyên:

1. Thượng tá Trương Tấn Nghĩa; Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Thiếu tá Nguyễn Sơn Tùng; Chức vụ: Đội trưởng

3. Đại úy Dương Đình Cường; Chức vụ: Cán bộ

4. Đại úy Lê Phương; Chức vụ: Cán bộ

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên, địa chỉ: phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên

Ông Nguyễn Xuân Huấn; Chức vụ: Giám đốc

Đại diện các đơn vị thi công:

Đại diện đơn vị thi công: Công ty cổ phần đầu tư & Phát triển năng lượng mặt trời Bách Khoa.

Ông Nguyễn Sơn Trường Giang; Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Đại diện đơn thi công PCCC: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng cơ điện Quang Minh.

Ông: Vũ Hữu Quyết; Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện đơn giám sát PCCC: Công ty TNHH Phòng cháy Tiến Đạt.

Ông Dương Đình Đạt; Chức vụ: Giám đốc

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

1. Quy mô công trình

Lắp đặt hệ thống điện mặt trời gồm 2 hệ thống. Hệ thống 1 có công suất 979,02 kWp; Hệ thống 2 có công suất 883,56 kWp.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ;

3. Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

3.1. Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đã bảo đảm số lượng, thành phần quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

3.2. Về công tác thi công, lắp đặt: Đã bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

4. Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần dây dẫn đi âm trong tường... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

5. Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra để đánh giá về công tác PCCC của công trình.....

II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Bản sao các văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC đối với công trình: Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 37/TD-PCC, ngày 27/04/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Thái Nguyên.

- Bản sao các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đã lắp đặt trong công trình:

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 1085/KĐ-PCCC-P7, ngày 15/3/2023 của Cục cảnh sát PCCC&CNCH cấp cho lô phương tiện bình chữa cháy.

- Các Biên bản nghiệm thu vật tư đầu vào, lắp đặt, thử nghiệm và nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC: Các biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; Các biên bản thử nghiệm đơn động; Biên bản thử nghiệm liên động của hệ thống; Biên bản nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC.

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC của công trình.

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 151/GXN-PCCC ngày 25/6/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Đầu tư xây dựng cơ điện Quang Minh.

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 02/GXN-PCCC ngày 25/08/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH Phòng cháy Tiến Đạt.

Nhận xét, đánh giá: Hồ sơ nghiệm thu về PCCC đảm bảo theo quy định tại Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC

Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả nghiệm của chủ đầu tư với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và thử nghiệm xác suất hoạt động của hệ thống PCCC và hệ thống liên quan đến PCCC.

3.1. Đường giao thông, bãi đỗ phục vụ cho xe chữa cháy:

** Mô tả về đường giao thông trong và ngoài cơ sở:*

- Phía ngoài công trình: có 01 lối vào công trình, chiều rộng đường bảo đảm cho xe chữa cháy hoạt động, cách Đội Chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 2 khoảng 15 km.

- Phía trong công trình: đường có 02 làn xe chạy, có chỗ quay đầu, chiều rộng đường chỗ rộng nhất 5m; chiều cao thông thủy >4,5m, không có vật cản che chắn; không có các barie trên đường; tải trọng nền đường đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động; đường bằng phẳng.

Nhận xét, đánh giá: Đường giao thông trong và ngoài cơ sở đảm bảo.

3.2. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu và bố trí phương tiện cứu người, dụng cụ phá dỡ thông thường và phương tiện bảo hộ chống khói

- Công trình trang bị các loại bình gồm: 10 bình bột chữa cháy MFZL4, 04 bình cầu chữa cháy.

- Kiểm tra, thử nghiệm:

- Phương tiện chữa cháy tại chỗ đảm bảo các thông số kỹ thuật theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Đảm bảo.

VI. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đã hoạt động theo chức năng.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCC&CNCH Công tan tỉnh Thái Nguyên xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra này, Chủ đầu tư liên hệ với Bộ phận một cửa của

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Thái Nguyên để nhận văn bản thông báo kết quả kiểm tra đối với công trình.

2. Kiến nghị

- Công trình chỉ được đưa vào hoạt động khi được Phòng Cảnh sát PCC&CNCH Công an tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009 và quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2023, gồm 04 trang, được lập thành 05 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN	
GIÁM ĐỐC	Thượng tá Trương Tấn Nghĩa
Nguyễn Xuân Huấn	
ĐẠI DIỆN ĐƠN THI CÔNG	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG PCCC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI KHÁNH HÒA	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN QUANG MINH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoa Trường Giang	*Vũ Hữu Quyết*
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT PCCC	
CÔNG TY TNHH PHÒNG CHÁY TIẾN ĐẠT	
GIÁM ĐỐC	
Dương Tiến Đạt	

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 466 /NT-PCCC

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 37/TD-PCC, ngày 27/04/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Thái Nguyên.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 20/08/2023 của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Người đại diện theo pháp luật là Ông: Nguyễn Xuân Huấn, Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công trình: "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại Công ty cổ phần Prime Phổ Yên" với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Đơn vị thi công: Công ty cổ phần đầu tư & Phát triển năng lượng mặt trời Bách Khoa.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng cơ điện Quang Minh.

Đơn vị tư vấn giám sát về PCCC: Công ty TNHH Phòng cháy Tiến Đạt.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Quy mô, kết cấu, kiến trúc, bậc chịu lửa.
- Giải pháp ngăn chặn cháy lan, đường bãi cho xe chữa cháy;
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Các yêu cầu kèm theo:

Để đảm bảo an toàn PCCC cho Công trình trong quá trình hoạt động, đề nghị Công ty cổ phần Prime Phổ Yên thực hiện các yêu cầu sau:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của Công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt về tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu về PCCC, khối lượng, chất lượng thi công, lắp đặt PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng Công trình, công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các tiêu chí về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- C07 - Bộ Công an;
- Lưu: PC07, TD./.

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Phan Thanh Sơn

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 128/NT-PCCC	*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 7 năm 2023*

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ văn bản thẩm duyệt số 2046/TD-PCCC, ngày 31/8/2022 và văn bản thẩm duyệt số 3507/TD-PCCC, ngày 09/12/2022 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy, và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) - Công an tỉnh Thái Nguyên.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC số 01/CV-PRIME, ngày 12/7/2023 của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Xuân Huấn - Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 18/7/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình: "Cải tạo nhà kho Biomass" với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần Prime Trường Xuân.

Đơn vị tư vấn giám sát về PCCC: Công ty TNHH phòng cháy Tiến Đạt.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH Global Me.

Nội dung được nghiệm thu:

- Công trình cải tạo nhà kho Biomass có diện tích 1.664 m^2.

- Công năng: nhà kho chứa mùn cưa, gỗ khúc, gỗ băm, trấu, vỏ cây, than để phục vụ sản xuất.

- Khoảng cách an toàn về PCCC, kết cấu, kiến trúc, bậc chịu lửa, giải pháp ngăn chặn cháy lan, lối ra thoát nạn, đường, bãi đỗ cho xe chữa cháy hoạt động;

- Giải pháp thông gió tự nhiên;

- Hệ thống điện cấp cho hệ thống PCCC; hệ thống thu lôi chống sét;

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy tự động bằng nước;

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và cấp nước chữa cháy ngoài nhà;

- Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu tại biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên lập ngày 18/7/2023 và các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Chủ đầu tư phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2023 và quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến Cơ quan Cảnh sát PCCC theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của Cơ quan Cảnh sát PCCC không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về PCCC (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TD.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Phan Thanh Sơn

CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại công trình: "Cải tạo nhà kho Biomass".

Địa chỉ: tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) - Công an tỉnh Thái Nguyên

1. Thượng tá Trương Tấn Nghĩa Chức vụ: Phó Trưởng phòng
2. Thiếu tá Nguyễn Sơn Tùng Chức vụ: Đội trưởng Đội 1
3. Thượng úy Nguyễn Đức Hiệu Chức vụ: Cán bộ Đội 1
4. Đại úy Trần Xuân Long Chức vụ: Cán bộ Đội 2
5. Thượng úy Tăng Bá Hưng Chức vụ: Cán bộ Đội 4

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình: "Cải tạo nhà kho Biomass".

Đại diện chủ đầu tư: Công ty cổ phần Prime Phổ Yên

1. Ông Nguyễn Xuân Huấn Chức vụ: Giám đốc
2. Ông Hoàng Việt Hưng Chức vụ: Trưởng phòng DVKT
3. Bà Phan Thu Hương Chức vụ: Trưởng phòng Vật tư

Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH phòng cháy Tiến Đạt.

1. Ông Dương Đình Đạt Chức vụ: Giám đốc

Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần Prime Trường Xuân

1. Ông Lê Văn Phương Chức vụ: Giám đốc
2. Ông Nguyễn Mạnh Tiến Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

Đại diện đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH Global Me

1. Ông Vũ Mạnh Nghĩa Chức vụ: Giám đốc
2. Ông Đào Hải Hòa Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

1. Quy mô công trình:

Công trình cải tạo nhà kho Biomass có diện tích 1.664 m^2

Công năng: nhà kho chứa nguyên liệu mùn cưa, biomass.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ;

3. Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

3.1. Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đã bảo đảm số lượng, thành phần quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

3.2. Về công tác thi công, lắp đặt: Đã bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

4. Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần đường ống, dây dẫn... đi âm trong tường, trên trần giả, chôn ngầm... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

5. Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra để đánh giá về công tác PCCC đối với Công trình.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Bản sao các văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC đối với công trình:

+ Văn bản thẩm duyệt số 2046/TD-PCCC, ngày 31/8/2022, của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

+ Văn bản thẩm duyệt số 3507/TD-PCCC, ngày 09/12/2022, của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận điều chỉnh thiết kế về PCCC.

- Bản sao các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đã lắp đặt trong công trình:

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 303/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 31/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho máy bơm điện chữa cháy chính lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 1050/KĐ-PCCC-P7 ngày 14/3/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho máy bơm Diesel chữa cháy dự phòng lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 1359/KĐ-PCCC-P7 ngày 18/10/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho máy bơm điện bù áp lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 190/KĐ-PCCC-P7 ngày 14/01/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho công tắc áp lực lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 1945/KĐ-PCCC-P7 ngày 31/03/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho công tắc dòng chảy lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 10872/KĐ-PCCC-P7 ngày 25/08/2021 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho van báo động D125 lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 4788/KĐ-PCCC-P7 ngày 12/12/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho trụ chữa cháy 3 cửa lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 2130/KĐ-PCCC-P7 ngày 26/05/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho họng tiếp nước 2 cửa D65 lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 02/KĐ-PCCC ngày 29/09/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai cấp cho Bình chữa cháy MFZL8-ABC lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 418/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 12/10/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Bình chữa cháy MT3-CO2 lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 01/KĐ-PCCC ngày 08/07/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an TP. Đà Nẵng cấp cho Cuộn vòi chữa cháy D65, L=20M, 16bar, Lăng phun chữa cháy D65/19 lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 303/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 28/05/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh cấp cho Van góc chữa cháy chuyên dụng DN65 lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 305/KĐ-PCCC-P7 ngày 16/01/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho Đầu phun hướng lên D15 68°C, K=5,6 US lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 191/KĐ-PCCC-P7 ngày 10/01/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho Tủ trung tâm báo cháy 05 kênh lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 255/KĐ-PCCC-P7 ngày 13/01/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho Đầu báo khói BEAM, Nút nhấn báo cháy thường, Chuông báo cháy lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 2320/KĐ-PCCC-P7 ngày 25/04/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho Đèn báo cháy lắp đặt tại Công trình;

+ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 2199/KĐ-PCCC-P7 ngày 18/04/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp cho Đèn EXIT thoát hiểm, Đèn chiếu sáng sự cố lắp đặt tại Công trình;

- Các Biên bản nghiệm thu vật tư đầu vào, lắp đặt, thử nghiệm và nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC: (*Các biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị; Các biên bản thử nghiệm đơn động; Biên bản thử nghiệm liên động của hệ thống; Biên bản nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC).*

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC của công trình/phương tiện giao thông cơ giới;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC:

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 03/GXN-PCCC ngày 22/5/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH Global Me.

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 02/GXN-PCCC ngày 25/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH phòng cháy Tiến Đạt.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC

Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả nghiệm của chủ đầu tư với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và thử nghiệm xác suất hoạt động của hệ thống PCCC và hệ thống liên quan đến PCCC tại Công trình.

3.1. Đường giao thông, bãi đỗ phục vụ cho xe chữa cháy:

** Mô tả về đường giao thông trong và ngoài cơ sở:*

- Phía ngoài công trình: tiếp giáp với đường giao thông quốc lộ 3 cũ đảm bảo tải trọng cho xe chữa cháy hoạt động.

- Phía trong công trình: thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, đảm bảo phục vụ xe chữa cháy hoạt động theo quy định.

- Khoảng cách đường đến vị trí nguồn nước, họng lấy nước, họng tiếp nước vào hệ thống, họng tiếp vào họng khô: Đúng theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, xe chữa cháy có thể tiếp cận hút nước trực tiếp tại hồ nước chữa cháy, trụ ngoài nhà và tiếp nước vào họng tiếp nước thuận tiện.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.2. Khoảng cách an toàn PCCC:

Đảm bảo theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu

3.3. Bậc chịu lửa:

Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu của chủ đầu tư và kiểm tra xác suất cấu kiện ngăn cháy: Thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

Công trình đạt bậc chịu lửa bậc IV.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.4. Bố trí công năng:

Bố trí công năng đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.5. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

- Thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC về các giải pháp ngăn chặn cháy lan...

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.6. Lối, đường thoát nạn:

Thi công lối, đường thoát nạn theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC, đảm bảo khả năng thoát nạn cho người khi có cháy xảy ra.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.7. Hệ thống báo cháy tự động:

Hệ thống báo cháy của công trình là hệ thống báo cháy thường gồm: 01 tủ trung tâm báo cháy 05 kênh (gồm ắc quy dự phòng và tủ nguồn phụ); 04 cặp đầu báo cháy khói BEAM; 04 hộp tổ hợp chuông, đèn, nút ấn báo cháy: 04 chuông báo cháy, 04 đèn báo cháy, 04 nút ấn báo cháy.

Hệ thống báo cháy lắp đặt cho toàn bộ các khu vực và được chia kênh theo đúng thiết kế và báo cáo của Chủ đầu tư.

- Tủ báo cháy đặt tại phòng bảo vệ, có người trực 24/24h.

- Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Kiểm tra thi công lắp đặt nút ấn báo cháy, chuông đèn báo cháy, đầu báo cháy khói BEAM, tủ trung tâm báo cháy: Đúng theo thiết kế đã thẩm duyệt về PCCC.

+ Kiểm tra dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Đúng theo thiết kế đã thẩm duyệt về PCCC.

+ Kiểm tra thử nghiệm hoạt động của hệ thống báo cháy: Sử dụng thiết bị tạo khói thử xác suất sự hoạt động của 02 cái đầu báo cháy khói BEAM lắp đặt, kết quả hệ thống hoạt động tốt, chỉ thị báo cháy của trung tâm báo cháy, các thiết bị ngoại vi như chuông, đèn báo cháy hoạt động tốt theo qui định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu

3.8. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn:

- Lắp đặt theo đúng thiết kế đã thẩm duyệt về PCCC gồm 05 đèn chỉ dẫn thoát nạn và 12 đèn chiếu sáng sự cố.

- Cường độ sáng của đèn: Đảm bảo theo quy định.

- Khoảng cách giữa các đèn: Đúng theo thiết kế đã thẩm duyệt về PCCC.

- Nguồn điện cấp: nguồn cấp đèn chiếu sáng sự cố là nguồn không ưu tiên, nguồn cấp cho đèn chỉ dẫn thoát nạn là nguồn ưu tiên; các các đèn này đều có nguồn dự phòng 2 giờ;

- Kiểm tra, thử nghiệm: Thử cắt điện của công trình, kết quả hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn hoạt động đảm bảo theo qui định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu

3.9. Hệ thống chữa cháy

3.9.1. Trạm bơm: Gồm 01 máy bơm điện chữa cháy ly tâm trục ngang: Q=450 m3/h, H=70m.c.n; 01 máy bơm diesel chữa cháy ly tâm trục ngang: Q=450 m3/h, H=70m.c.n; 01 máy bơm bù áp: Q=4 m3/h, H=80m.c.n, cùng hệ thống van, đường ống, công tắc áp lực, Công tắc dòng chảy D25, van báo động DN125. Hệ thống bơm được điều khiển bởi tủ điều khiển hoạt động ở chế độ tự động.

Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Mở van xả từ từ áp lực đường ống tại trạm bơm, khi áp lực trong hệ thống đường ống tụt xuống P1 Min= 5,5kg/cm2, trong khoảng thời gian từ 02-03 giây (s) máy bơm bù khởi động để duy trì áp lực trong toàn bộ hệ thống

đường ống. Đóng van, khi áp lực đường ống đạt tới P1 Max = 6,5kg/cm2 thì bơm bù tự động tắt.

+ Mở van xả nhanh áp lực đường ống, khi áp tụt xuống còn P2 Min= 4,5kg/cm2 thì Bơm chính (Bơm điện) hoạt động. Đóng van, khi áp lực đường ống đạt tới P1 Max = 6,5kg/cm2 thì bơm điện chính tự động tắt.

+ Tiếp tục mở van xả nhanh áp lực và ngắt điện lưới cấp đến tủ điều khiển bơm, khi áp tụt xuống còn P3 Min= 3,5kg/cm3 thì máy Bơm dự phòng (Bơm Diesel) hoạt động để tăng cường áp lực phục vụ công việc chữa cháy.

Nhận xét, đánh giá: đạt yêu cầu

3.9.2. Hệ thống chữa cháy bằng nước:

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà gồm: 06 hộp họng nước chữa cháy vách tường, mỗi hộp gồm có: 01 họng nước chữa cháy vách tường D65, 01 Cuộn vòi chữa cháy D65, L=20M, 16bar , 01 lăng chữa cháy D65/19.

- Hệ thống họng nước chữa cháy ngoài nhà: 01 Trụ 3 cửa, 01 họng tiếp nước 2 cửa D65, 01 hộp đựng lăng vòi chữa cháy ngoài nhà gồm có: 02 Cuộn vòi chữa cháy D65, L=20M, 16bar , 02 lăng chữa cháy D65/19.

- Hệ thống chữa cháy tự động: Gồm 190 đầu phun sprinkler quay lên D15 68°c, K=5,6 US.

Kiểm tra, thử nghiệm:

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Thử đồng thời áp lực tại 02 họng nước chữa cháy vách tường, kết quả hệ thống cấp nước chữa cháy hoạt động đảm bảo lưu lượng và cột áp nước chữa cháy cần thiết theo qui định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Thử áp lực trụ chữa cháy 3 cửa, kết quả hệ thống cấp nước chữa cháy hoạt động đảm bảo lưu lượng và cột áp nước chữa cháy cần thiết theo qui định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC.

- Hệ thống chữa cháy tự động: Dùng thiết bị tạo nhiệt đốt xác suất 05 đầu phun sprinkler, kết quả đầu phun nổ và đảm bảo lưu lượng nước chữa cháy và diện tích bảo vệ cần thiết theo qui định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.10. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu

- Công trình trang bị các loại bình gồm: 20 bình bột chữa cháy MFZL8-ABC và 10 bình khí chữa cháy MT3, 06 bộ nội quy tiêu lệnh.

- Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Số lượng bình chữa cháy xách tay theo đúng thiết kế, chủng loại theo giấy chứng nhận kiểm định cùng với tem kiểm định.

+ Vị trí trang bị các bình theo đúng thiết kế.

+ Áp lực nạp bình theo đồng hồ đo áp tại đầu bình đảm bảo.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.11. Giải pháp chống tụ khói

Hệ thống thông gió tự nhiên:

Chiều rộng vào chiều cao các lỗ mở đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

3.12. Giải pháp công nghệ, chống sét, chống tĩnh điện:

- Hệ thống chống sét lắp đặt theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Kết quả đo điện trở đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam.

Nhận xét, đánh giá: Đạt yêu cầu.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đã hoạt động theo chức năng.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra này, Chủ đầu tư liên hệ với Bộ phận một cửa của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên để nhận văn bản thông báo kết quả kiểm tra đối với công trình.

2. Kiến nghị

- Công trình chỉ được đưa vào hoạt động khi được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.

- Khi đi vào sử dụng nếu cải tạo, sửa chữa, thay đổi so với thiết kế được duyệt thì phải thực hiện đầy đủ các quy định về thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định;

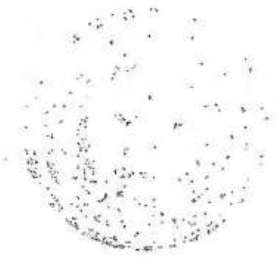
- Các đơn vị nhà thầu thi công hệ thống PCCC, cơ điện, công nghệ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ cho đơn vị vận hành trước khi đưa nhà máy vào vận hành hoạt động chính thức.

Biên bản được lập xong hồi 17 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 7 năm 2023, gồm 09 trang, được lập thành 06 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN **CHỦ ĐẦU TƯ**	**ĐẠI DIỆN** **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**
	Thượng tá Trương Tấn Nghĩa

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

ĐẠI DIỆN **ĐƠN VỊ THI CÔNG HỆ THỐNG PCCC**	**ĐẠI DIỆN** **ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT VỀ PCCC**



CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc-lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy

Vào hồi 08 giờ 20 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2014, tại dự án nhà máy sản xuất gạch lát nền Phổ Yên thuộc Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Địa chỉ: Xóm Thượng - Xã Thuận Thành - Huyện Phổ Yên - Thái Nguyên.

Chúng tôi gồm có:

I. PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN:

1. Đ/c Nguyễn Văn Chu - Đại tá ; Chức vụ : Trưởng phòng.
2. Đ/c Nguyễn Thành Long - Thượng úy ; Chức vụ : Cán bộ.

II. CHỦ ĐẦU TƯ: *(Công ty cổ phần Prime Phổ Yên)*

1. Ông: Nguyễn Xuân Huấn - Chức vụ: Giám đốc nhà máy.
2. Ông: Hoàng Quốc Toản - Chức vụ: Trưởng phòng vật tư.
3. Ông: Nguyễn Anh Tiến - Chức vụ: Trưởng phòng an toàn môi trường và xúc tiến chất lượng
4. Ông: Hoàng Việt Hưng - Chức vụ: Phó phòng dịch vụ kỹ thuật

III. ĐƠN VỊ THI CÔNG: *(Công ty cổ phần phát triển Trung Yên)*

1. Ông: Trần Việt Long - Chức vụ: Giám đốc.
2. Ông: Đinh Văn Vy - Chức vụ: Chủ nhiệm công trình.
3. Ông: Nguyễn Xuân Lưu - Chức vụ: Đội trưởng thi công.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy đối với dự án nhà máy sản xuất gạch lát nền Phổ Yên thuộc Công ty cổ phần Prime Phổ Yên tại Xóm Thượng, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Tình hình và kết quả như sau:

- Chủ đầu tư báo cáo kết quả thực hiện công việc lắp đặt hệ thống phòng và chữa cháy dự án nhà máy sản xuất gạch lát nền Phổ Yên.

1. Phần hồ sơ nghiệm thu kĩ thuật:

* Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 176/TD-PCCC(TM), ngày 12/9/2014 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Thái Nguyên cho công trình: Hệ thống PCCC nhà máy sản gạch lát nền Phổ Yên - Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

* Bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

* Nhật ký thi công công trình.

* Biên bản nghiệm thu nội bộ; biên bản nghiệm thu thử có tải và không tải.

* Biên bản nghiệm thu đơn động không tải và biên bản nghiệm thu liên động có tải hệ thống PCCC.

* Hướng dẫn sử dụng vận hành sử dụng hệ thống phòng cháy và chữa cháy nhà máy sản xuất gạch lát nền Phổ Yên.

* Biên bản bản giao đưa hệ thống PCCC vào sử dụng giữa Chủ đầu tư và đơn vị thi công.

2. Kiểm tra và thử nghiệm thực tế hệ thống phòng cháy và chữa cháy:

2.1. Hệ thống báo cháy tự động:

- 01 tủ báo cháy trung tâm 10 kênh kèm theo nguồn dự phòng 24 VDS và ắc quy khô dự phòng 24V: Mới 100%.

- đầu báo nhiệt gia tăng: Mới 100%.

- 10 bộ chuông báo cháy, đèn báo cháy, nút ấn khẩn cấp kèm theo hộp đựng tổ hợp chuông, đèn, nút ấn: Mới 100%.

- 18 đèn chỉ dẫn thoát nạn Exit, 29 đèn chiếu sáng sự cố: Mới 100%.

Kiểm tra thấy hệ thống báo cháy tự động, đèn chỉ dẫn thoát nạn Exit, đèn chiếu sáng sự cố theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Thử nghiệm thực tế: Thử xác xuất mỗi zone 03 đầu báo nhiệt kết quả cho thấy đầu báo cháy hoạt động ổn định; tủ báo cháy trung tâm, chuông báo cháy, đèn báo cháy, nút ấn khẩn cấp báo cháy hoạt động bình thường.

2.1. Hệ thống chữa cháy:

- 01 máy bơm chữa cháy động cơ nổ TOHATSU V46BS: Mới 100%.

- 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện Pentax có công suất P = 22,5 KW, lưu lượng đạt từ 450 - 1300 l/min: Mới 100%.

- 01 máy bơm bù áp động cơ điện Pentax có công suất P = 3 KW: Mới 100%.

- 01 tủ điều khiển hệ thống máy bơm chữa cháy: Mới 100%.

- 20 bộ họng nước chữa cháy trong nhà D50 gồm có (01 hộp cứu hỏa kích thước 50x60x20cm, 01 van góc chữa cháy D50, 01 cuộn vòi B 20 mét, 01 lăng B chữa cháy): Mới 100%.

- 07 bộ trụ nước chữa cháy ngoài nhà 2 cửa D65 gồm có (01 hộp cứu hỏa kích thước 70x60x20cm, 01 cuộn vòi A 20 mét, 01 lăng A chữa cháy): Mới 100%

- 240 bình bột chữa cháy MFZ_4, 120 bình khí chữa cháy CO_2 - MT_3, 50 bộ nội quy tiêu lệnh chữa cháy.

Kiểm tra thấy hệ thống chữa cháy, trạm bơm chữa cháy, bình chữa cháy xách tay, nội quy tiêu lệnh chữa cháy được lắp đặt theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

- Thử nghiệm thực tế: Thử đồng thời họng nước chữa cháy vách tường, trụ nước chữa cháy tại vị trí xa nhất kết quả cho thấy lưu lượng nước qua đầu lăng đạt tầm với ≥ 6m, áp lực đảm bảo theo quy định; Hệ thống trạm bơm chữa cháy.

nọng nước chữa cháy vách tường, trụ nước chữa cháy và hệ thống đường ống dẫn nước hoạt động bình thường.

3. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị:

3.1. Nhận xét, đánh giá:

Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy, tại dự án nhà máy sản xuất gạch lát nền Phổ Yên - Công ty cổ phần Prime Phổ Yên tại xóm Thượng, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo đúng thiết kế đó được thẩm duyệt về PCCC, đảm bảo các yêu cầu về công tác PCCC.

3.2. Kiến nghị:

- Công ty cổ phần Prime Phổ Yên phải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại tiêu chuẩn Việt nam TCVN 3890 - 2009 «Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng» và Thông tư số 52/2014/TT-BCA, ngày 28/10/2014 của Bộ Công an quy định về quản lý bảo quản, bảo dưỡng phương tiện Phòng cháy và chữa cháy.

Biên bản được lập xong vào hồi 18. giờ 00. phút, ngày 30. tháng 12 năm 2014, được lập thành ba (03) bản, mỗi bên liên quan giữ một (01) bản, đã đọc cho mọi người cùng nghe, nhất trí và kí tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ GIÁM ĐỐC	PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Xuân Huấn	Đại tá Nguyễn Văn Chu

ĐƠN VỊ THI CÔNG
GIÁM ĐỐC

Trần Việt Long

PRIME GROUP
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

Số: 251./2024/BC-CTPY

"V/v giải trình, cam kết về tính chính xác, trung thực hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ văn bản số 5182/STNMT-BVMT ngày 14/11/2024 của Sở Tài Nguyên và Môi trường về việc trả hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất gạch lát nền tại phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào hồ sơ hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất gạch lát nền 12 triệu m² sản phẩm/ năm. Công ty xin giải trình làm rõ các nội dung như sau:

1. Quy mô sử dụng đất của nhà máy:

- Năm 2008: Theo hồ sơ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 23/01/2008 diện tích sử dụng đất của nhà máy 210.000 m².

- Hiện tại Nhà máy có diện tích sử dụng đất là 164.950 m².

+ Theo Hợp đồng thuê đất giữa Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên: Hợp đồng số 191/HĐTĐ ngày 20/11/2023 với diện tích 158.548 m² và Hợp đồng số 40/HĐTĐ ngày 11/03/2024 với diện tích 6.402 m².

+ Lý do: Diện tích đất sử dụng thực tế của Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên sau khi thu hồi của Công ty Cổ phần ELOVI Việt Nam để xây dựng Nhà máy sản xuất gạch lát nền là 164.950m².

(Có trích lục do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên trích đo diện tích đất được thuê, hợp đồng thuê đất đính kèm)

2. Liên quan đến hồ sơ bản vẽ hoàn công các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- 08 bản vẽ hoàn công các công trình xử lý khí thải của nhà máy đã bị thất lạc do trong quá trình hoạt động của nhà máy thay đổi cơ cấu, tổ chức, chủ sở hữu bao gồm 04 hệ thống tại lò sấy số 1, lò sấy số 2, lò sấy số 3, lò sấy số 4 và 04 hệ thống tại lò nung số 1, lò nung số 2, lò nung số 3, lò nung số 4 được đưa vào sử dụng từ năm 2008.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, rà soát hồ sơ và hiện trạng thực tế các công trình bảo vệ môi trường của nhà máy, Công ty đã thực hiện đo vẽ lại các thông tin, số liệu, kích thước hiện trạng của 08 công trình xử lý khí, bụi thải của lò

nung và lò sấy đã được lắp đặt, xây dựng tại nhà máy theo đúng thực tế (theo tờ khai nhập khẩu, thẻ tài sản, bản vẽ hiện trạng đính kèm).

- 02 hệ thống cải tạo tháp dập bụi sấy phun tại Xưởng Nguyên liệu có đầy đủ bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng ngày 29/03/2018.

Công ty xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các bản vẽ và thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường như đã đề xuất trong hồ sơ đề xuất cấp phép môi trường cho Nhà máy sản xuất gạch lát nền 12 triệu m^2 sản phẩm/năm.

Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên rất mong nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để Công ty hoàn thành thủ tục cấp phép môi trường theo quy định của pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Huấn

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 40 /HĐTĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 03 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

BẢN SAO

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất, cho Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên thuê đất (bổ sung) để mở rộng nhà máy sản xuất gạch lát nền;

- Căn cứ Thông báo số 661/TB-CTTNG ngày 15/02/2024 của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên về đơn giá thuê đất của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Do ông: Đặng Văn Huy - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

Địa chỉ: Tổ 1, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

II. Bên thuê đất là Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

Trụ sở TDP Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Do ông: Nguyễn Xuân Huấn – Giám đốc, làm đại diện.

Mã số thuế: 4600409440

Tài khoản: 39810000065266, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên

III. Hai Bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất: **6.402**m² (*Sáu nghìn bốn trăm linh hai mét vuông*).

Tại phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại tờ bản đồ địa chính số 01, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên

3. Thời hạn thuê đất: đến ngày 08/01/2053.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: mở rộng nhà máy gạch lát nền.

Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất: 11.485 đồng/m²/năm *(Mười một nghìn bốn trăm tám lăm đồng/mét vuông/năm);*

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2028.

Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Sau khi có Thông báo đơn giá thuê đất mới của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên, Công ty đến Sở Tài nguyên và Môi trường để ký lại hợp đồng thuê đất theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước thành phố Phổ Yên.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng đất khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có)

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2- Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4- Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác *(nếu có)*: Không.

Điều 8. Hợp đồng này được lập trên 03 trang, thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất. Hợp đồng này thay thế hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ ngày 14/01/2013 giữa UBND tỉnh Thái Nguyên do Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện với Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.

Lý do ký lại do thay đổi người đại diện và đơn giá thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT	BÊN CHO THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân [illegible]	Đặng Văn Huy

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15-03-2024
Số CT: 551 Quyển số: 01-SCT/BS

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Khải

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 191 /HĐTĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 11 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT
(Ký lại lần 2)

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần ELOVI Việt Nam, cho Công ty cổ phần Prime Phổ Yên thuê để sử dụng vào mục đích xây dựng Nhà máy sản xuất gạch lát nền, tại huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên).

- Căn cứ Thông báo số 5971/TB-CTTNG ngày 01/11/2023 của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên về đơn giá thuê đất của Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Do ông Đặng Văn Huy - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

Trụ sở: Tổ 1, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên.

II. Bên thuê đất là Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Trụ sở chính: TDP Thượng, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Do ông: Nguyễn Xuân Huấn – Giám đốc, làm đại diện.

Mã số thuế: 4600409440

Tài khoản: 112000082335 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

III. Hai Bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất: **158.548,0m²** (*Một trăm năm tám nghìn năm trăm bốn tám mét vuông*).

Tại phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định cụ thể như sau:

- Thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 01 phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên.

3. Thời hạn thuê đất: đến ngày 08/01/2053

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Xây dựng nhà máy sản xuất gạch lát nền.

Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất: 13.114 đồng/m^2/năm *(Mười ba nghìn, một trăm mười bốn đồng/mét vuông/năm)*

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/9/2028.

Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Sau khi có Thông báo đơn giá thuê đất mới của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên, Công ty đến Sở Tài nguyên và Môi trường để ký lại hợp đồng thuê đất theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước thành phố Phổ Yên.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng đất khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có)

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác *(nếu có)*: Không.

Điều 8. Hợp đồng này được lập trên 03 trang, thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất. Hợp đồng này thay thế Hợp đồng số 85/HĐTĐ ngày 11/10/2013 giữa UBND tỉnh Thái Nguyên do Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện với Công ty cổ phần Prime Phổ Yên.

Lý do ký lại hợp đồng thuê đất do thay đổi người đại diện và đơn giá thuê đất.

Hợp đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký/.

BÊN THUÊ ĐẤT	BÊN CHO THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn	Đặng Văn Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
BÀN GIAO NGHIỆM THU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Thi công móng lò Biomas, móng thiết bị băng tải .

Địa điểm thi công: TDP Thượng, Phường Thuận Thành, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Hôm nay, ngày 23 tháng 10 năm 2024. tại công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

1. Thành phần tham gia:

a. Đại diện chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (Bên A):

Ông: Nguyễn Xuân Huấn	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Hoàng Việt Hưng	Chức vụ: TP Dịch vụ
Ông: Phan Thị Thu Hương	Chức vụ: TP Vật tư
Ông (bà): Tổ việt Hà	Chức vụ: Đại diện liên
Ông (bà):	Chức vụ: .....
Ông (bà):	Chức vụ: .....

b. Đại diện Ban dự án :

Ông: Chu Hồng Quang	Chức vụ:CVCC Ban dự án
Ông: Trần Phan Trường	Chức vụ: CV Ban dự án

C. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty TNHH cơ giới xây dựng công nghiệp I (bên B)

- Ông: Kiều Ngọc Anh	Chức vụ: Giám đốc.
- Ông: Kiều Văn Hòa	Chức vụ: Kỹ thuật

2. Tài liệu liên quan:

- Hợp đồng thi công số 04/2024/HĐXD/PY-CN được ký ngày 16 tháng 07 năm 2024 giữa công ty Cổ phần Prime Phổ Yên và Công ty TNHH Cơ Giới Xây Dựng Công Nghiệp I về việc Thi công móng lò Biomass, móng thiết bị băng tải tại công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.
- Hồ sơ thiết kế công trình.

3. Nội dung:

Hai bên thống nhất nội dung làm việc như sau:

- Bàn giao, nghiệm thu và đưa vào sử dụng hạng mục Thi công móng lò sinh khía Biomas, móng thiết bị băng tải tại công ty cổ phần Prime Phổ Yên kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2024 .
- Về chất lượng công trình :

.....
.....Đảm bảo yêu cầu Kỹ Thuật:.....
.....
.....

Được quét bằng CamScanner

4. Kết luận : Các bên cùng thống nhất nội dung như trong biên bản và không có ý kiến gì thêm .

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Huấn

BAN DỰ ÁN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

GIÁM ĐỐC

Kiều Ngọc Anh

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....o0o.....

BIÊN BẢN
BÀN GIAO NGHIỆM THU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Thi công xây dựng móng quả nghiền .

Địa điểm thi công: TDP Thượng, Phường Thuận Thành, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2025. tại công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

1. Thành phần tham gia:

a. Đại diện chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (bên A):

- Ông: Nguyễn Xuân Huấn — Chức vụ: Giám đốc công ty
- Ông: Phan Thị Thu Hương — Chức vụ: TP Vật tư
- Ông: Hoàng Việt Hưng — Chức vụ: TP Dịch Vụ
- Ông: ..... — Chức vụ: .....
- Ông: ..... — Chức vụ: .....

b. Đại diện đơn vị thi công : CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC (bên B)

- Ông: Nguyễn Văn Long — Chức vụ: Giám đốc .
- Ông: Nguyễn Huy Khởi — Chức vụ: Kỹ thuật thi công

2. Tài liệu liên quan:

- Hợp đồng số 2/2025/HDXD/PY- MQ . được ký ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa công ty Cổ phần Prime Phổ Yên và Công ty TNHH Minh Quang Vĩnh Phúc về việc Thi công xây dựng móng quả nghiền tại công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.
- Hồ sơ thiết kế công trình.

3. Nội dung:

Hai bên thống nhất nội dung làm việc như sau:

- Bàn giao, nghiệm thu và đưa vào sử dụng hạng mục Thi công xây dựng móng quả nghiền tại công ty cổ phần Prime Phổ Yên kể từ ngày 28 tháng 5... năm 2025 .
- Về chất lượng công trình : *Đạt yêu cầu*

4. Kết luận : Các bên cùng thống nhất nội dung như trong biên bản và không có ý kiến gì thêm .

Đại diện chủ đầu tư	**Đại diện đơn vị thi công**
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN	CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn	Nguyễn Văn Long
Hoàng Việt Hưng	

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....

BIÊN BẢN
BÀN GIAO NGHIỆM THU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Thi công xây dựng xưởng cắt mài (Phần xây dựng)

Địa điểm thi công: TDP Thượng, Phường Thuận Thành, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Hôm nay, ngày ..31tháng ..5.. năm 2025. tại công ty Cổ phần Prime Phổ Yên

1. Thành phần tham gia:

a. Đại diện chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên (bên A):

- Ông: Nguyễn Xuân Huấn — Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Hoàng Việt Hưng — Chức vụ: TP Dịch vụ
- Bà: Phan Thị Thu Hương — Chức vụ: TP vật tư
- Ông (Bà): Phạm Minh Mai — Chức vụ: QĐ X Thuận phố
- Ông (Bà): ..... — Chức vụ: .....
- Ông (Bà): ..... — Chức vụ: .....

b. Đại diện Ban dự án :

Ông: Chu Hồng Quang — Chức vụ: CVĐB Ban dự án

Ông (bà): Trần Phan Trường — Chức vụ: KT Ban dự án

c. Đại diện đơn vị thi công : Công ty TNHH Cơ Giới Xây Dựng Công Nghiệp I (bên B)

- Ông: Kiều Ngọc Anh — Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Kiều Văn Hòa — Chức vụ: Kỹ thuật

2. Tài liệu liên quan:

- Hợp đồng số 06/2024/HDXD/PY-CN được ký ngày 02 tháng 12 năm 2024 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày /…/…../2025 giữa công ty Cổ phần Prime Phổ Yên và Công ty TNHH cơ giới xây dựng công nghiệp I về việc Thi công xây dựng xưởng cắt mài (Phần xây dựng) tại công ty Cổ phần Prime Phổ Yên.
- Hồ sơ thiết kế công trình.

3. Nội dung:

Hai bên thống nhất nội dung làm việc như sau:

- Bàn giao, nghiệm thu và đưa vào sử dụng hạng mục Thi công xây dựng xưởng cắt mài (Phần xây dựng) tại công ty cổ phần Prime Phổ Yên kể từ ngày ….. tháng ….. năm …. .
- Về chất lượng công trình :

  ……Đạt yêu cầu……

  ……

4. Kết luận : Các bên cùng thống nhất nội dung như trong biên bản và không có ý kiến gì thêm .

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Huấn

BAN DỰ ÁN

Hoàng Việt Tùng

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

GIÁM ĐỐC

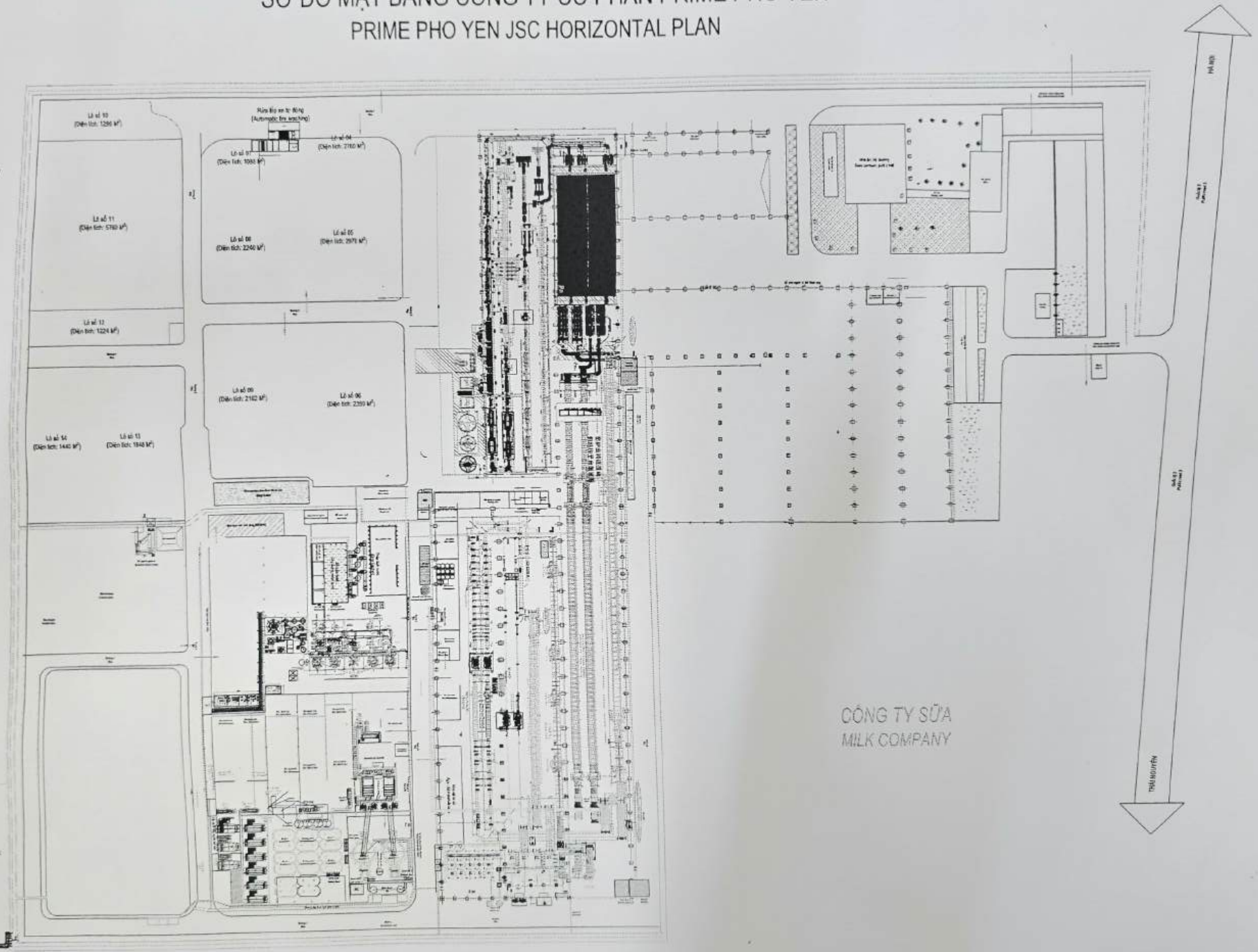
Kiều Ngọc Anh

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

PRIME PHO YEN JSC HORIZONTAL PLAN

M.S.D.N: 4600409440-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN
P.TRUNG THÀNH - TP.THÁI NGUYÊN

Mương thoát nước xung quanh nhà máy
Drain ditch around the company



CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

ĐỊA ĐIỂM: THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH CG XD CÔNG NGHIỆP 1

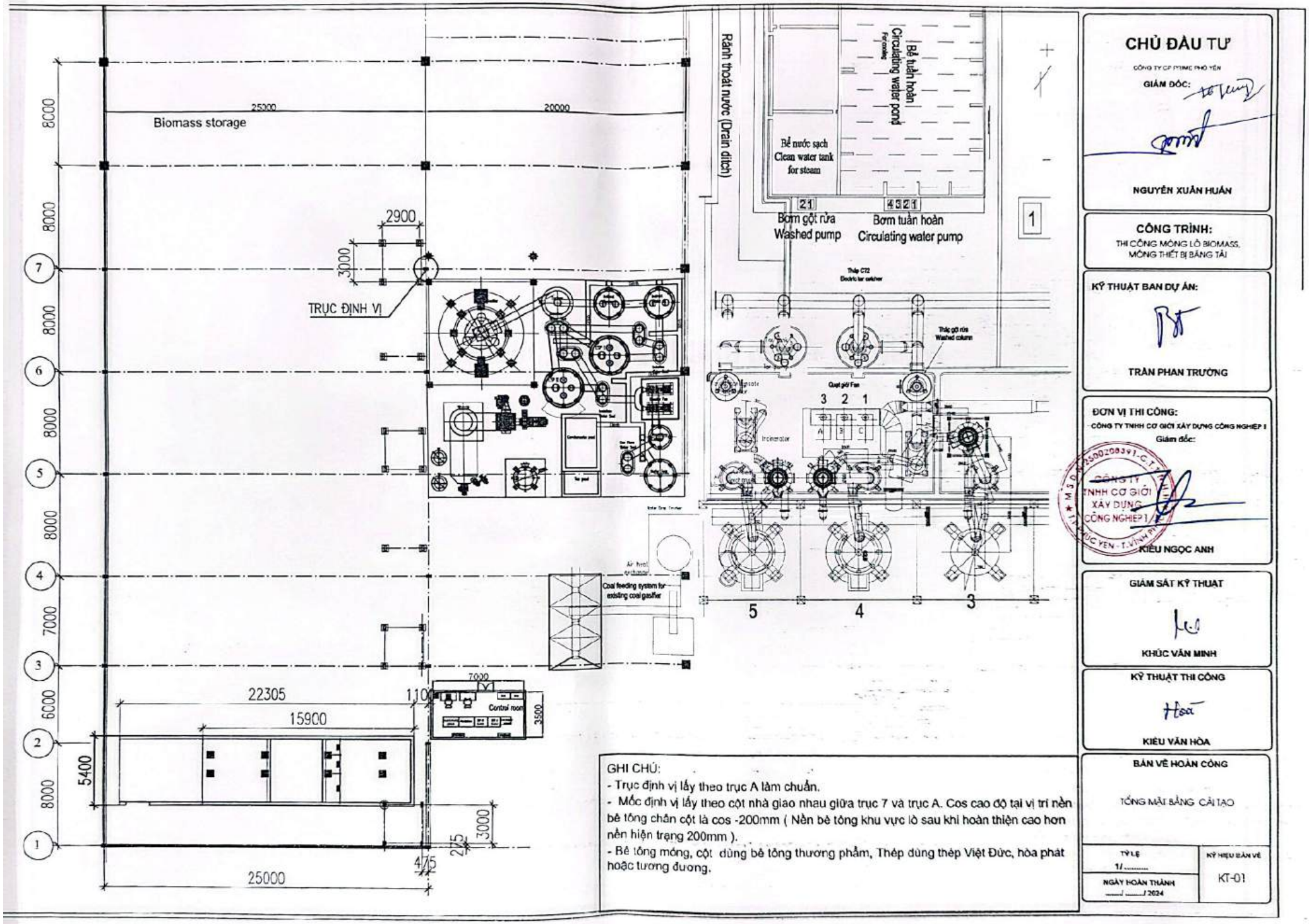
CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

GIÁM ĐỐC

Kiều Ngọc Anh

THÁI NGUYÊN / 2024

Được quét bằng CamScanner



GHI CHÚ:

- Trục định vị lấy theo trục A làm chuẩn.
- Mốc định vị lấy theo cột nhà giao nhau giữa trục 7 và trục A. Cos cao độ tại vị trí nền bê tông chân cột là cos -200mm (Nền bê tông khu vực lò sau khi hoàn thiện cao hơn nền hiện trạng 200mm).
- Bê tông móng, cột dùng bê tông thương phẩm, Thép dùng thép Việt Đức, hòa phát hoặc tương đương.

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PTIMC PHÚ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUÂN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

- CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

Giám đốc:

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TỔNG MẶT BẰNG CẢI TẠO

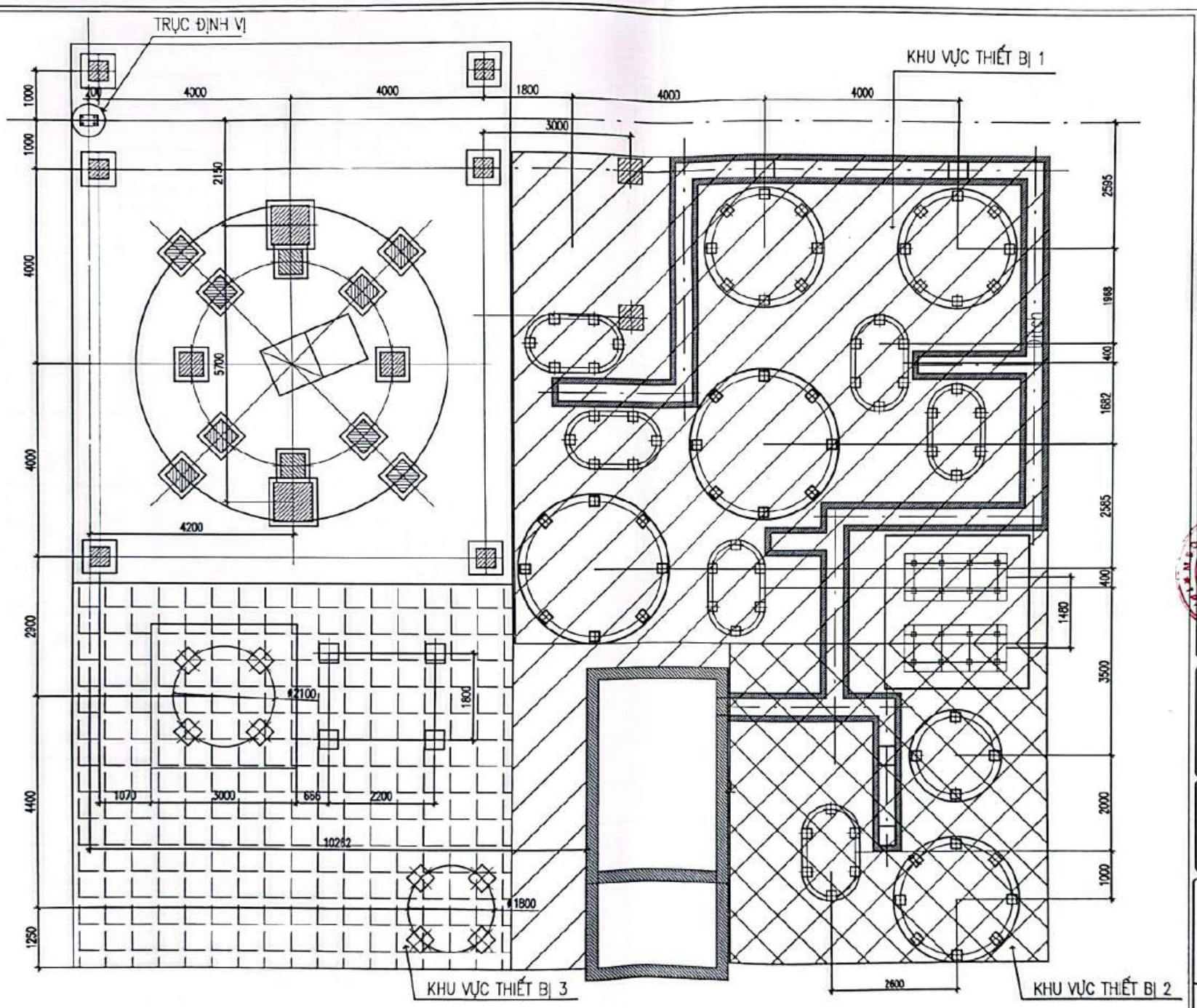
TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/.....	KT-01
NGÀY HOÀN THÀNH ...../...../2024	

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

HẠNG MỤC : MÓNG KHUNG NHÀ + MÓNG LÒ

Được quét bằng CamScanner



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUÂN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

Giám đốc:

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

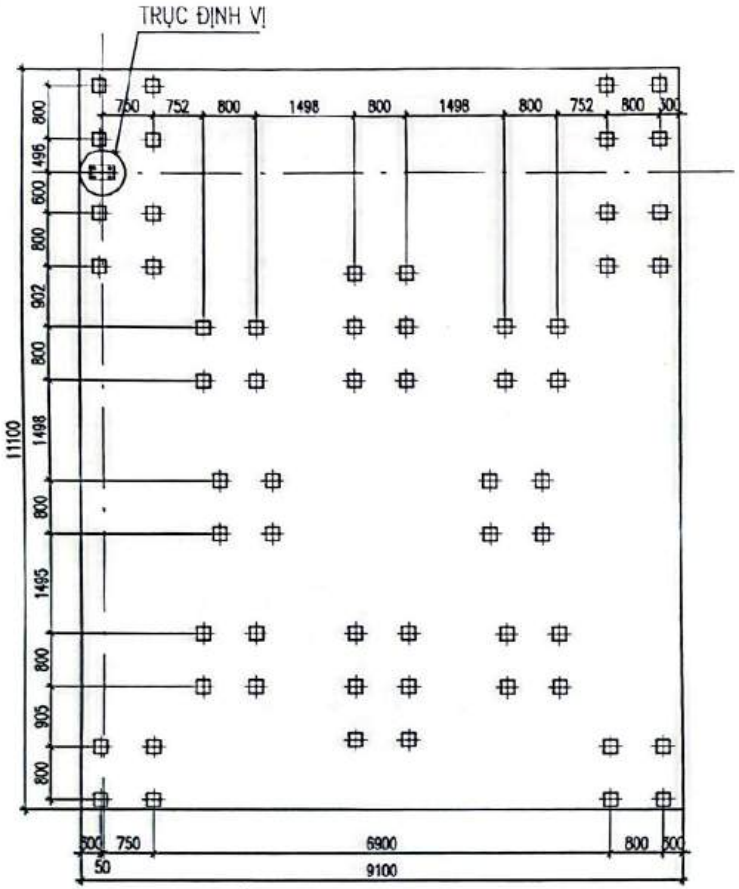
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

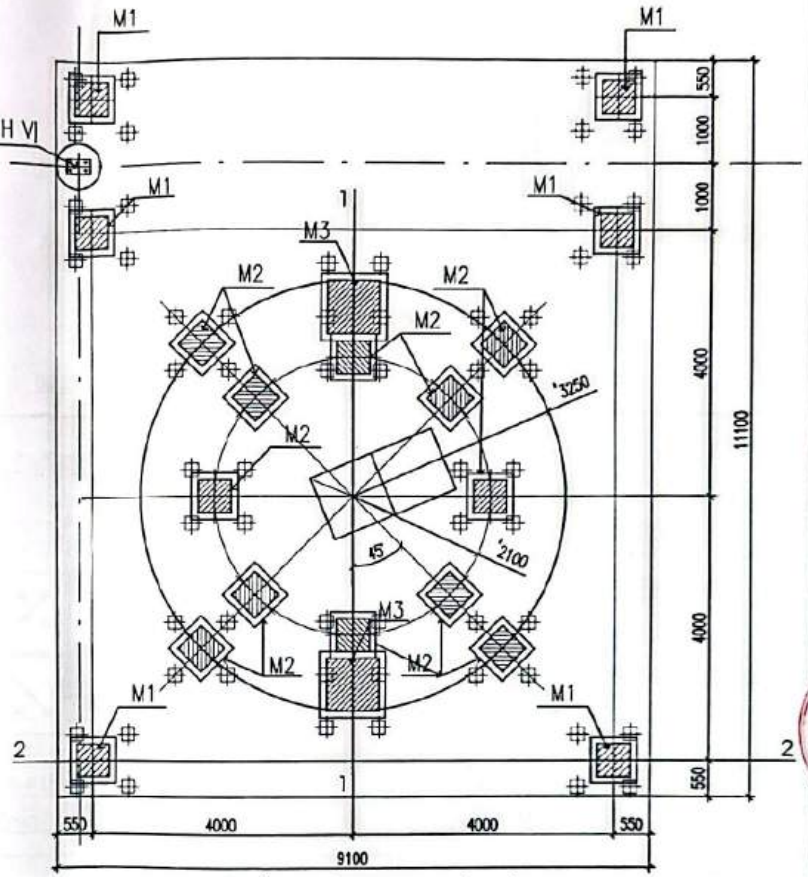
MẶT BẰNG SAU CẢI TẠO
KHU VỰC MÓNG NHÀ + MÓNG LÒ

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-02
NGÀY HOÀN THÀNH ...../...../2024	

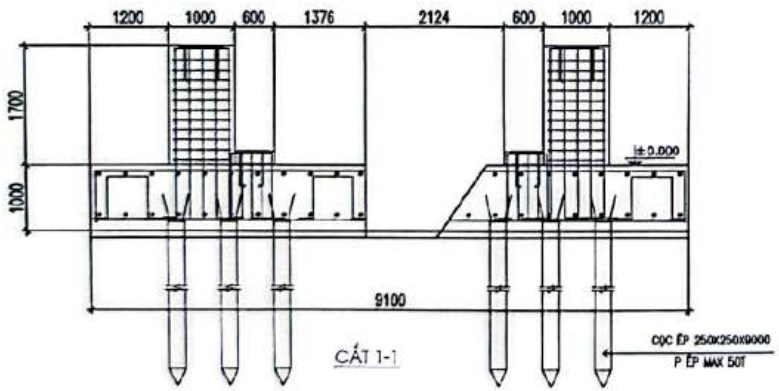
Được quét bằng CamScanner



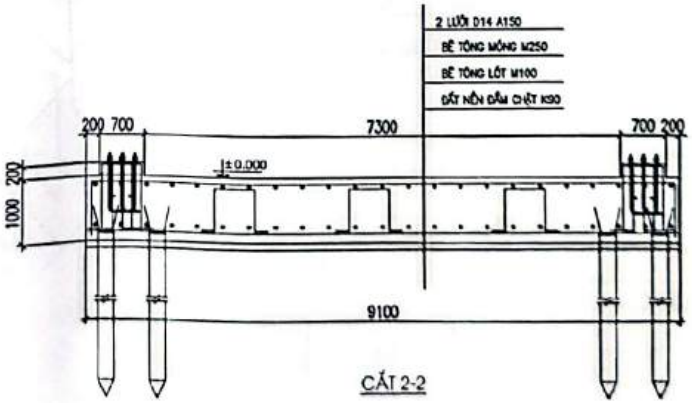
MẶT BẰNG ÉP CỌC MÓNG KHUNG NHÀ + LÒ



MẶT BẰNG MÓNG KHUNG NHÀ + LÒ



CẮT 1-1



CẮT 2-2

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUÂN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

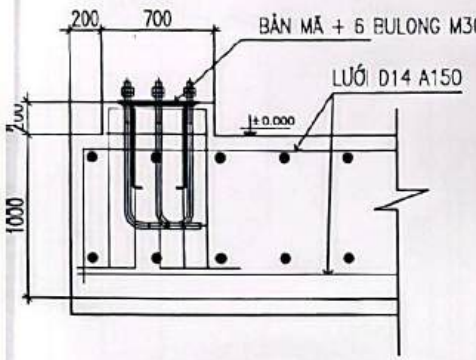
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

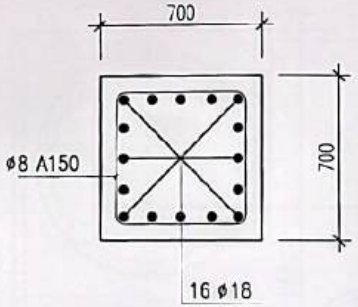
CHI TIẾT KHU VỰC MÓNG LÒ

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/.....	KT-03
NGÀY HOÀN THÀNH ...../...../2024	

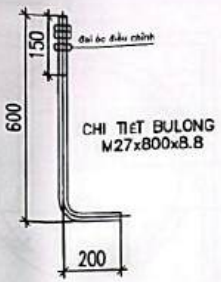
Được quét bằng CamScanner



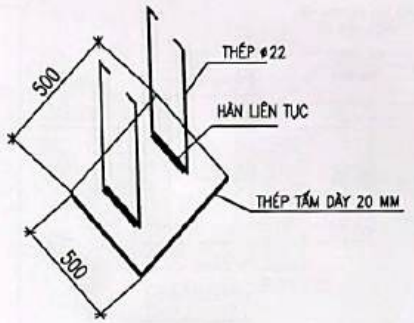
MẶT ĐỨNG MÓNG CỘT M1



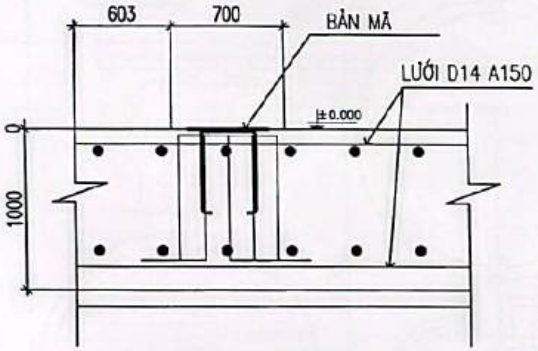
MẶT CẮT MÓNG CỘT M1



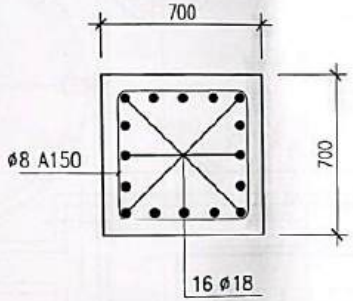
BULONG MÓNG CỘT M1



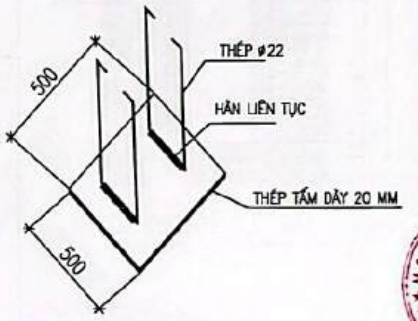
BẢN MÃ MÓNG M1



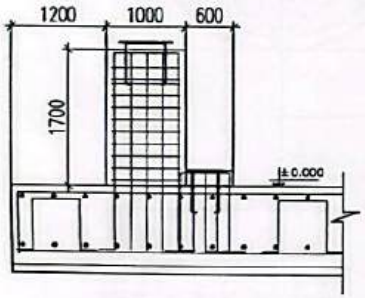
MẶT ĐỨNG MÓNG CỘT M2



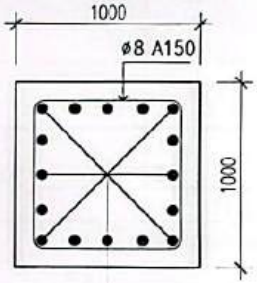
MẶT CẮT MÓNG CỘT M2



BẢN MÃ MÓNG M2

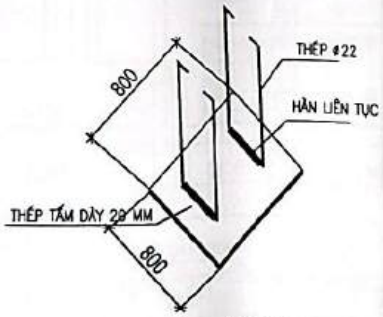


MẶT ĐỨNG MÓNG CỘT M3

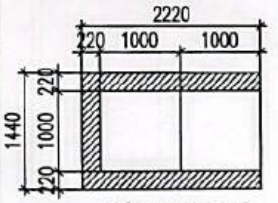


16 ø18

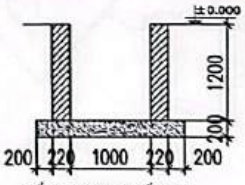
MẶT CẮT MÓNG CỘT M3



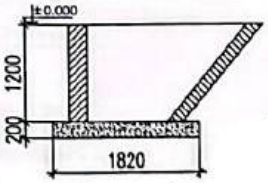
BẢN MÃ MÓNG M3



HỐ THU MÓNG LÒ



CẮT NGANG HỐ THU



CẮT DỌC HỐ THU

Ghi chú:
- Đáy hố thu dùng bê tông M200.
- Tường gạch đặc Xây, trát VXM M75

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUÂN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS.
MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

Giám đốc:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

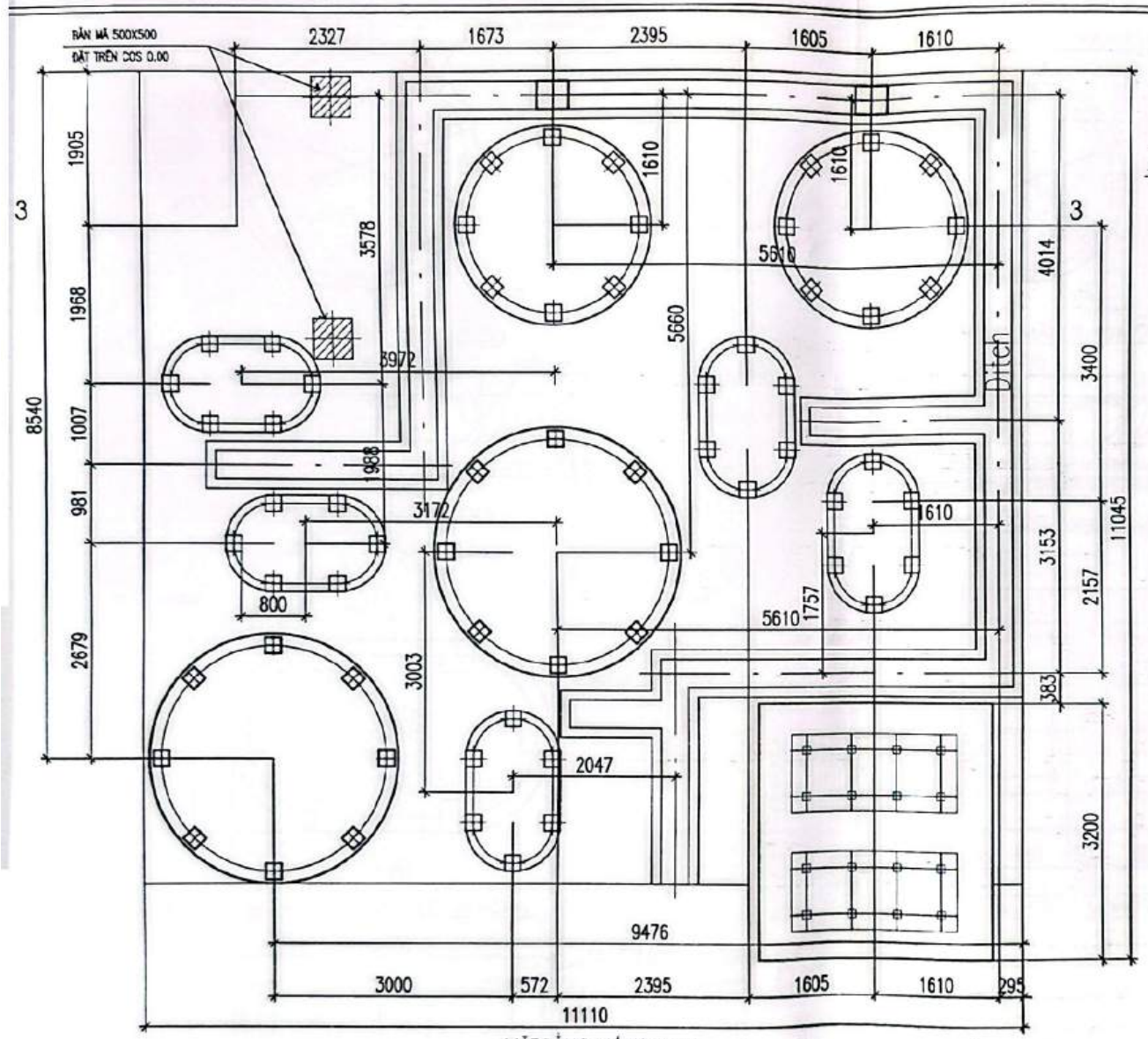
KIỀU VĂN HÒA

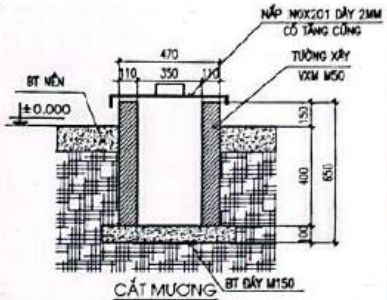
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHI TIẾT MÓNG NHÀ, MÓNG LÒ

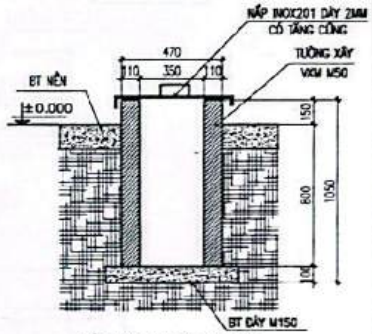
TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/.....	KT-04
NGÀY HOÀN THÀNH ...../...../2024	

Được quét bằng CamScanner

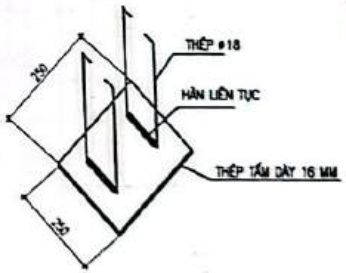




CẮT MƯƠNG
0.47 X 3.5 M)



CẮT HỐ THU (SL 04 HỐ)
(DÀI 0.47 X0.5 M)



BẢN MÃ MÓNG THIẾT BỊ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUẤN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

Giám đốc:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

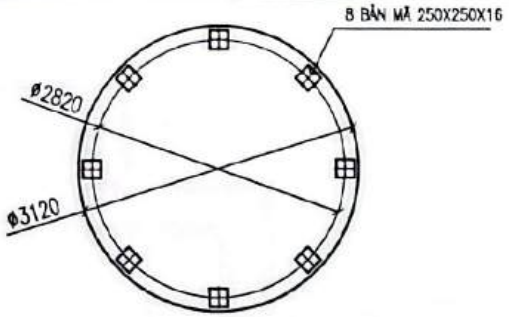
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

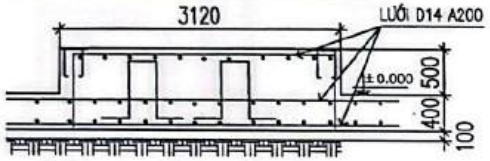
MẶT BẰNG KHU VỰC THIẾT BỊ 1

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-05
NGÀY HOÀN THÀNH	
..../..../2024	

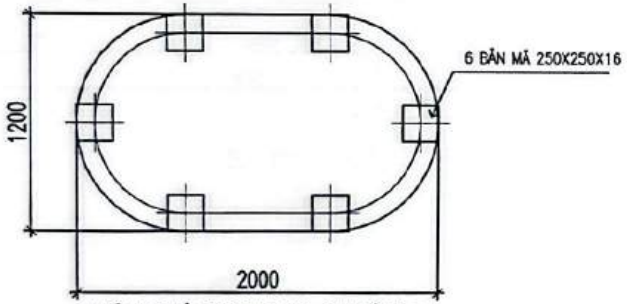
Được quét bằng CamScanner



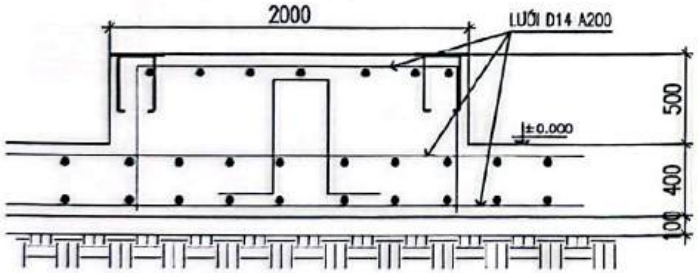
MÓNG THÁP TĨNH ĐIỆN (SL: 02 MÓNG)



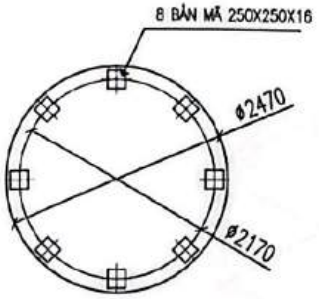
CẮT NGANG MÓNG THÁP TĨNH ĐIỆN



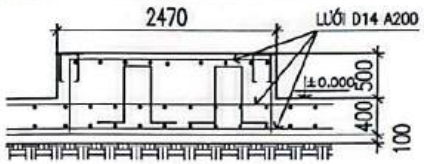
MÓNG THỦY PHONG (SL: 06 MÓNG)



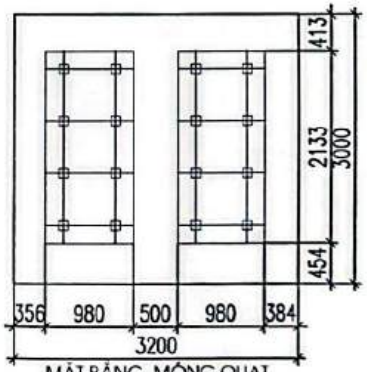
CẮT DỌC MÓNG THỦY PHONG



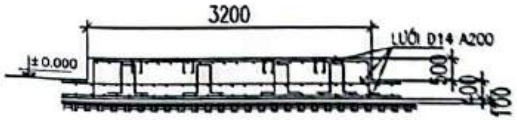
MÓNG THÁP LÀM MÁT (SL: 02 MÓNG)



CẮT NGANG MÓNG THÁP LÀM MÁT



MẶT BẰNG MÓNG QUẠT



CẮT NGANG MÓNG QUẠT

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHÚ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUÂN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

Giám đốc:

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

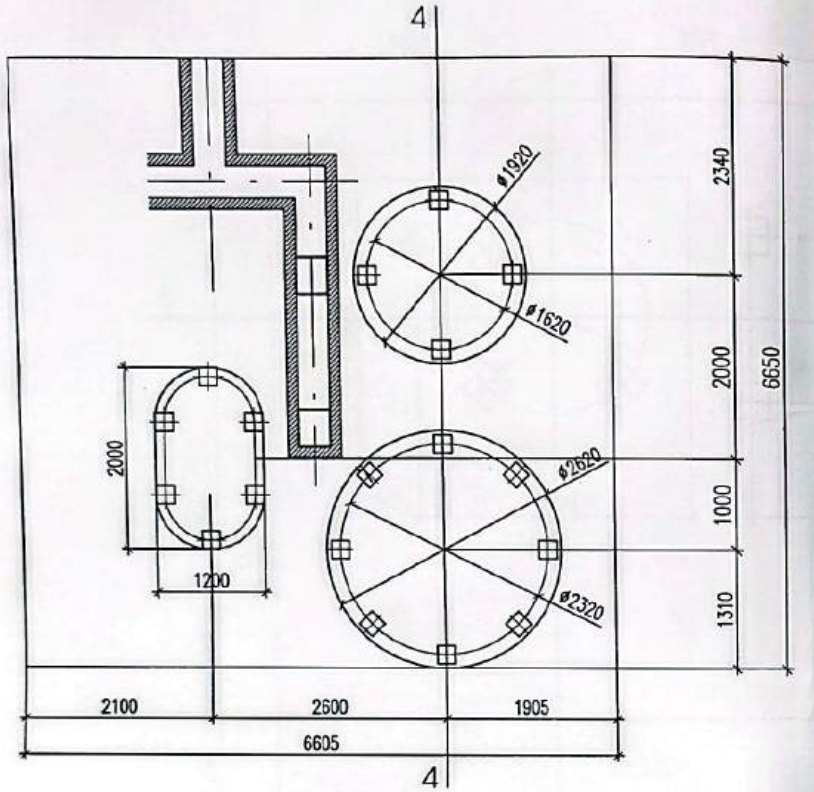
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

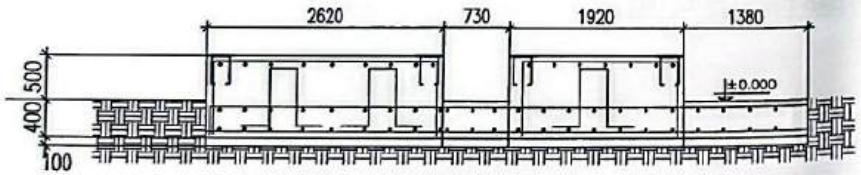
CHI TIẾT KHU VỰC THIẾT BỊ 1

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/____	KT-6
NGÀY HOÀN THÀNH ____/____/2024	

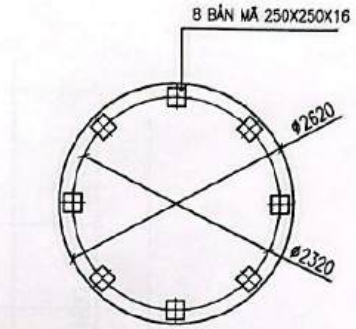
Được quét bằng CamScanner



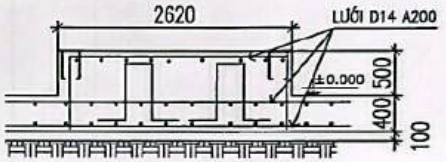
MẶT BẰNG MÓNG KHU 2



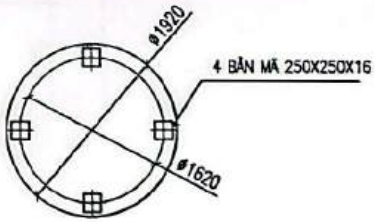
MẶT CẮT 4-4



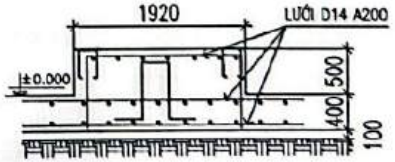
MÓNG BÌNH TÍCH (SL: 01 MÓNG)



CẮT NGANG MÓNG BÌNH TÍCH



MÓNG THÁP NGƯNG (SL: 01 MÓNG)



CẮT NGANG MÓNG THÁNG NGƯNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUẤN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

Giám đốc:

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

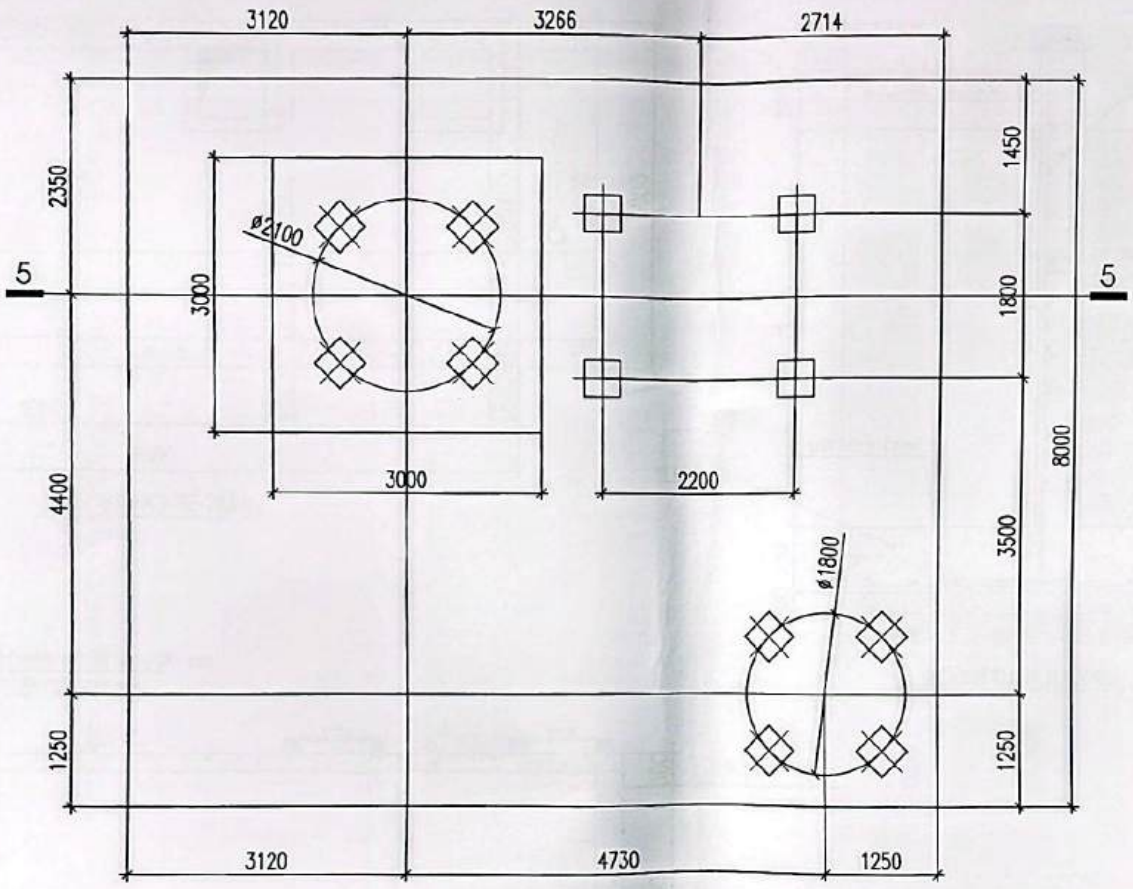
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

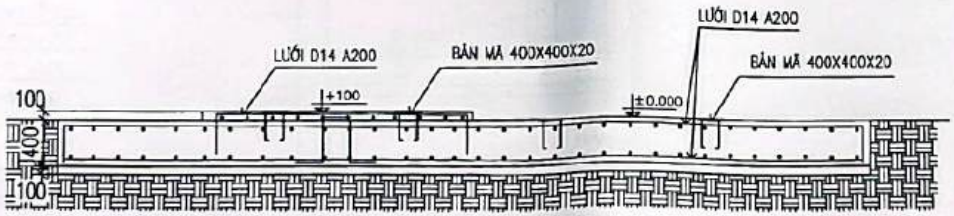
CHI TIẾT KHU VỰC THIẾT BỊ 2

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-06
NGÀY HOÀN THÀNH	
/ /2024	

Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG MÓNG KHU3



MẶT CẮT 5-5

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUẤN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

Giám đốc:

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

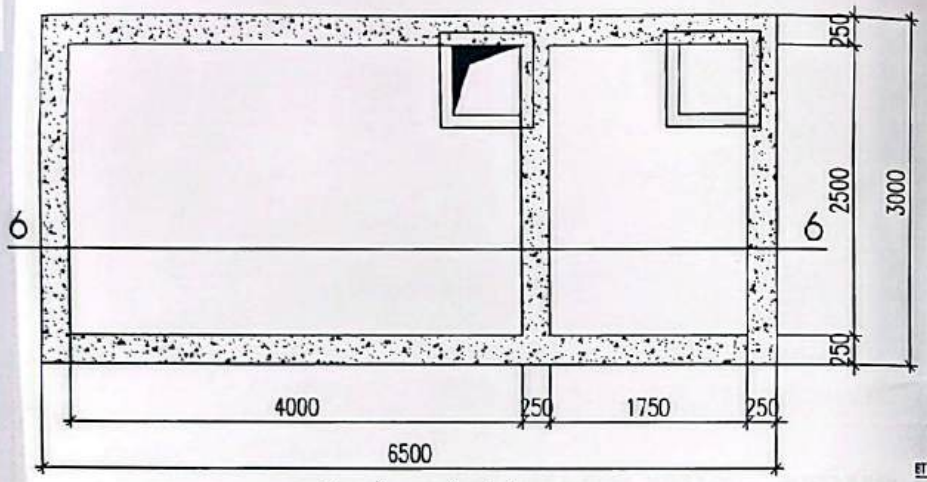
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

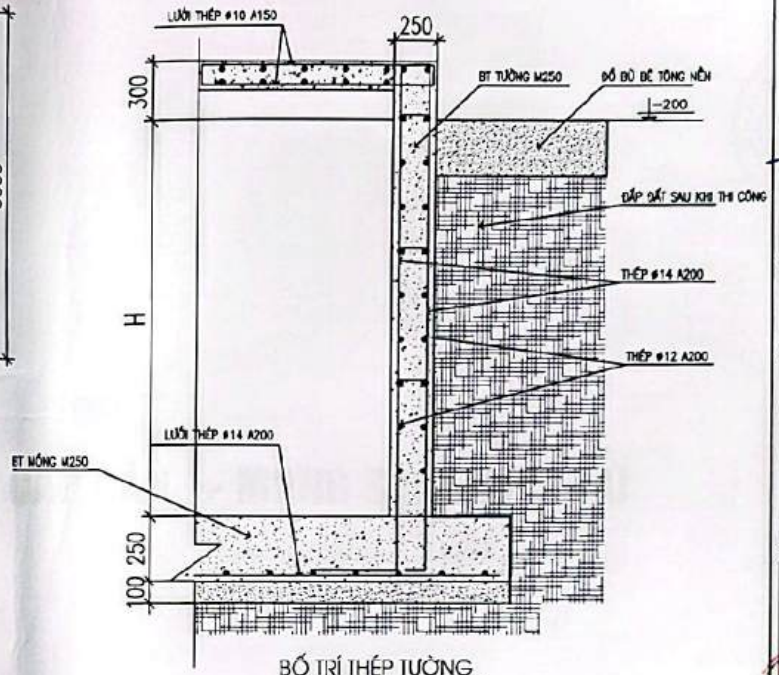
CHI TIẾT KHU VỰC THIẾT BỊ 3

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-07
NGÀY HOÀN THÀNH ...../...../2024	

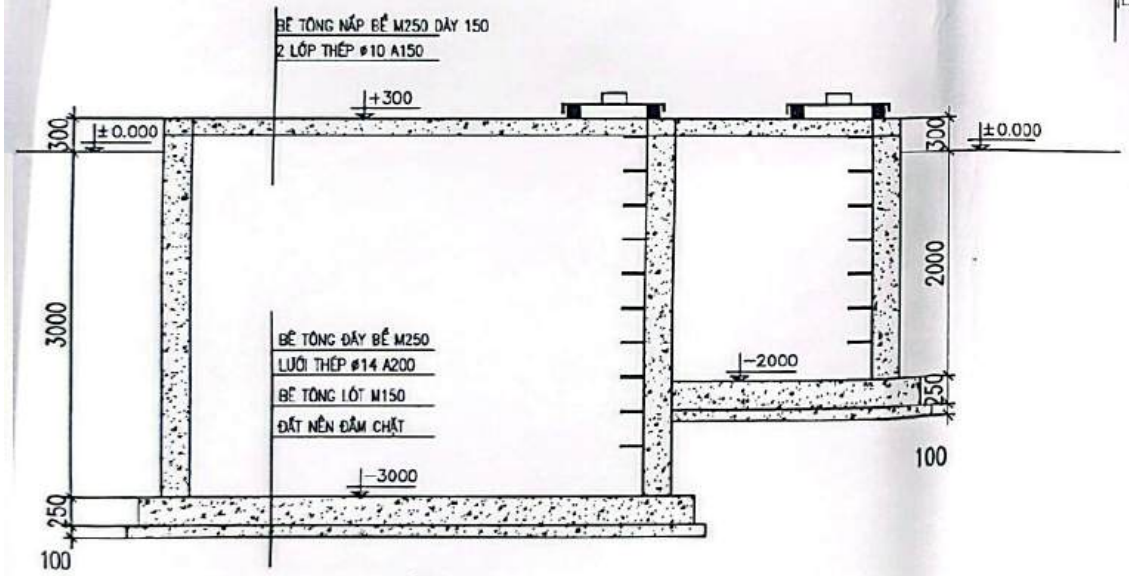
Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ



BỐ TRÍ THÉP TƯỜNG



CẮT 6-6

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUÂN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

Giám đốc:

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

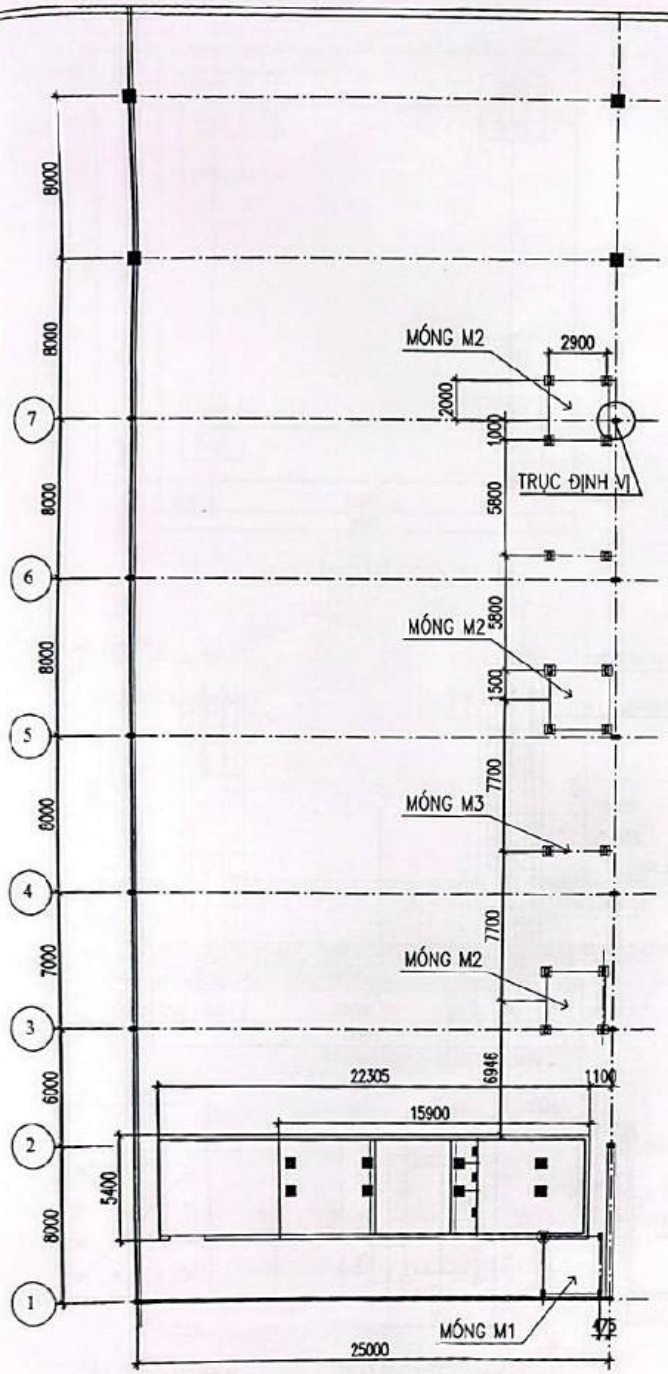
CHI TIẾT KHU VỰC THIẾT BỊ 3

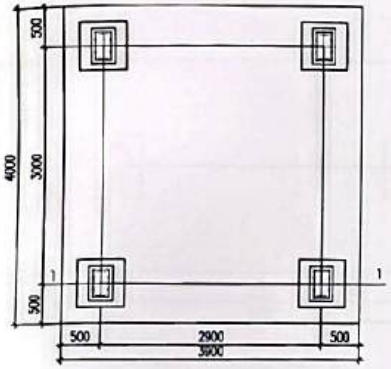
TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-08
NGÀY HOÀN THÀNH	
/ / 2024	

Được quét bằng CamScanner

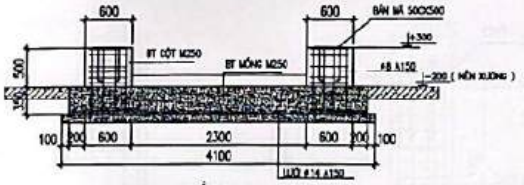
HẠNG MỤC : MÓNG CẦU CÂN + MÓNG SÀN BĂNG TẢI

Được quét bằng CamScanner

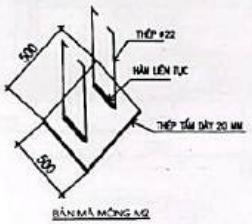




MẶT BẰNG MÓNG M1



CẮT 1-1



BẢN MÃ MÓNG M2

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUÁN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

Giám đốc:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

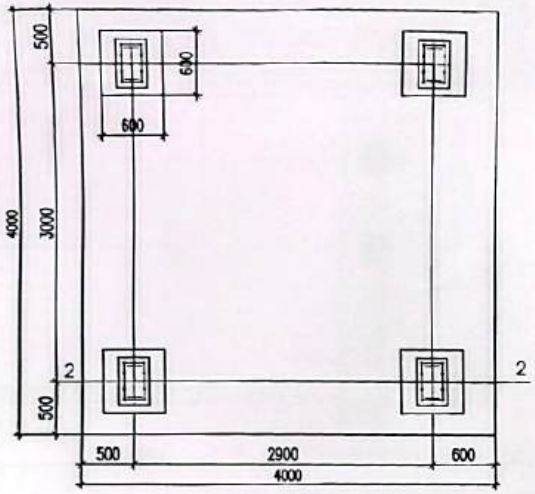
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

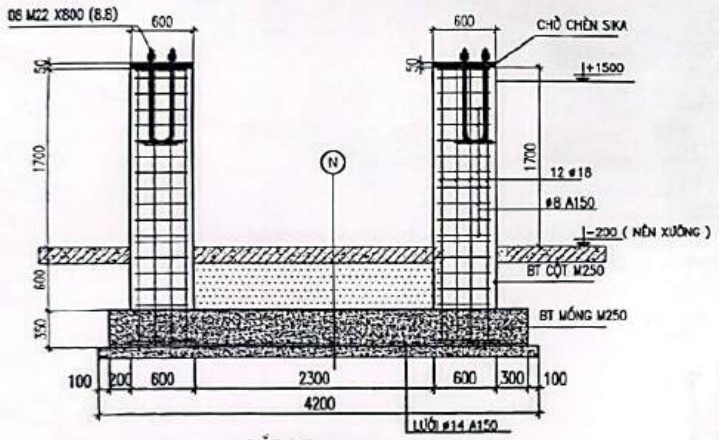
MÓNG CẨU CẦN, MÓNG SÀN BĂNG TẢI

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-09
NGÀY HOÀN THÀNH ..../...../2024	

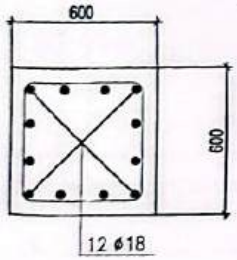
Được quét bằng CamScanner



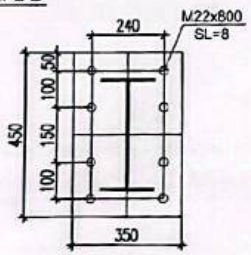
MẶT BẰNG MÓNG M2



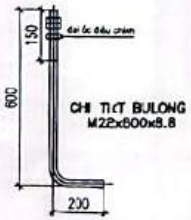
CẮT 2-2

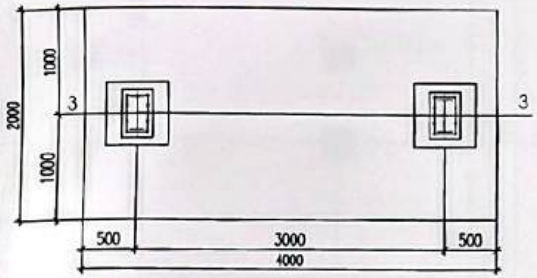


CẮT NGANG CỘT

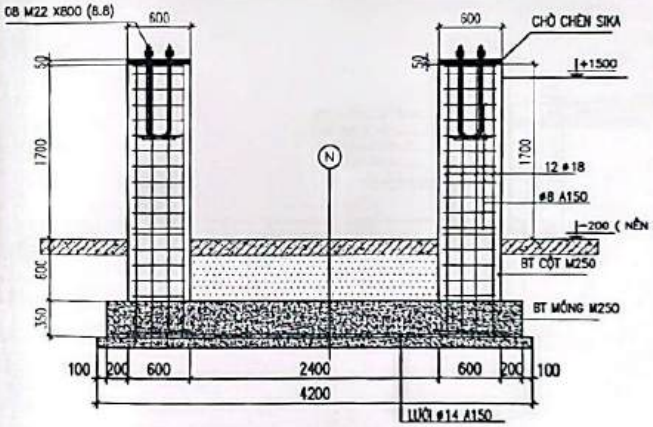


BẢN MÃ CHÂN CỘT

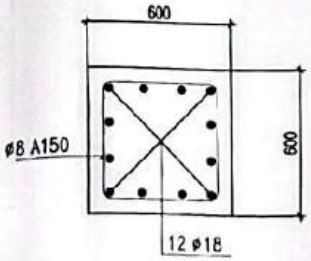




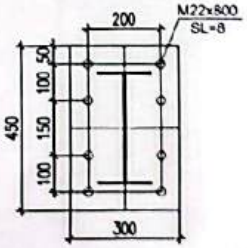
MẶT BẰNG MÓNG M3



CẮT 3-3



CẮT NGANG CỘT



BẢN MÃ CHÂN CỘT



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUẤN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ RĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP 1

Giám đốc:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

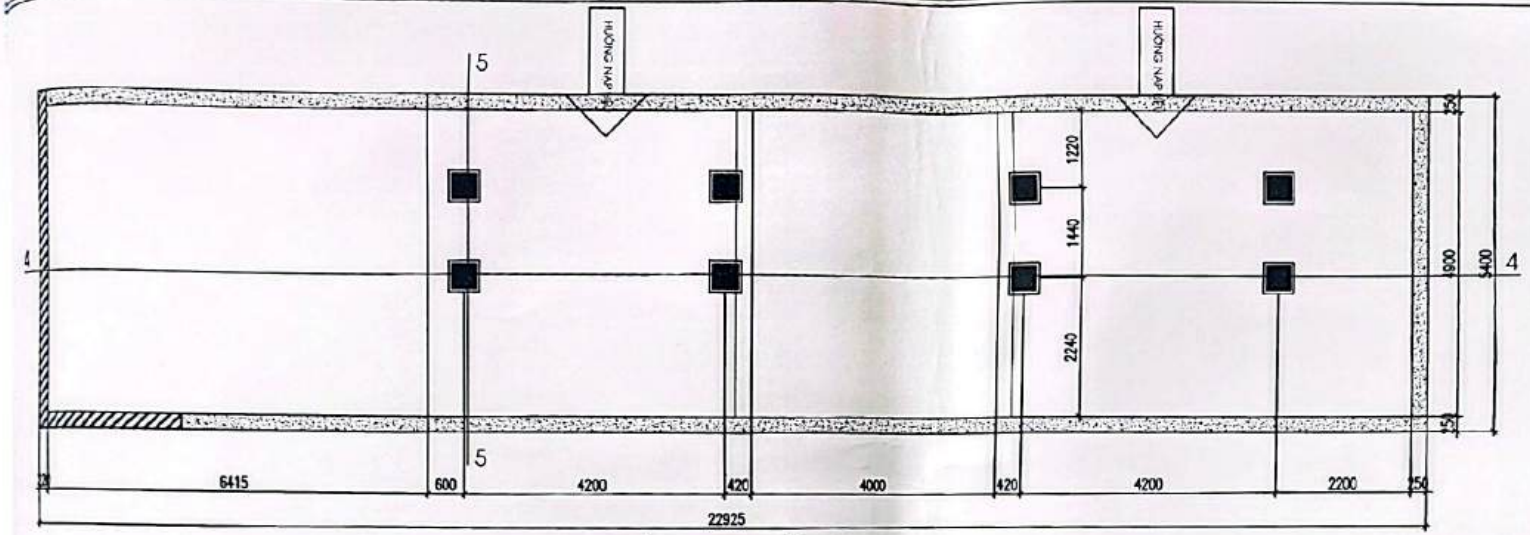
KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

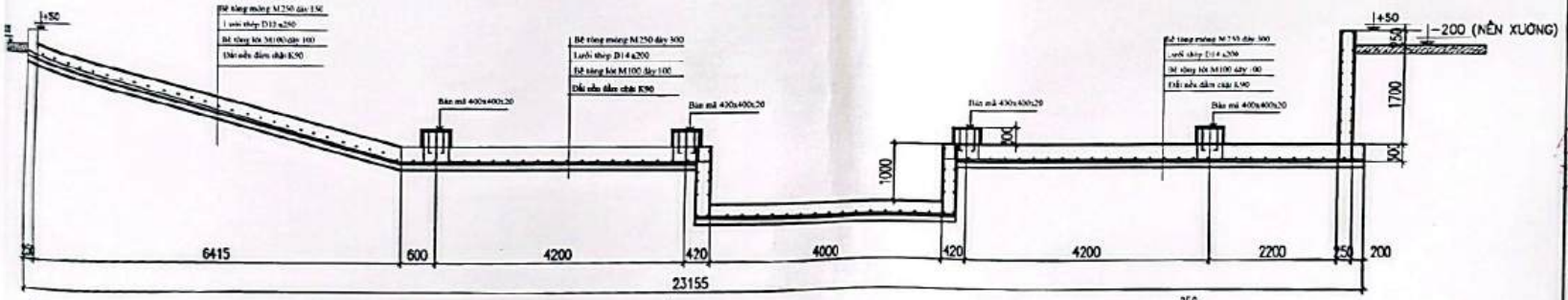
MÓNG SÀN BĂNG TẢI

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-10
NGÀY HOÀN THÀNH ...../...../2024	

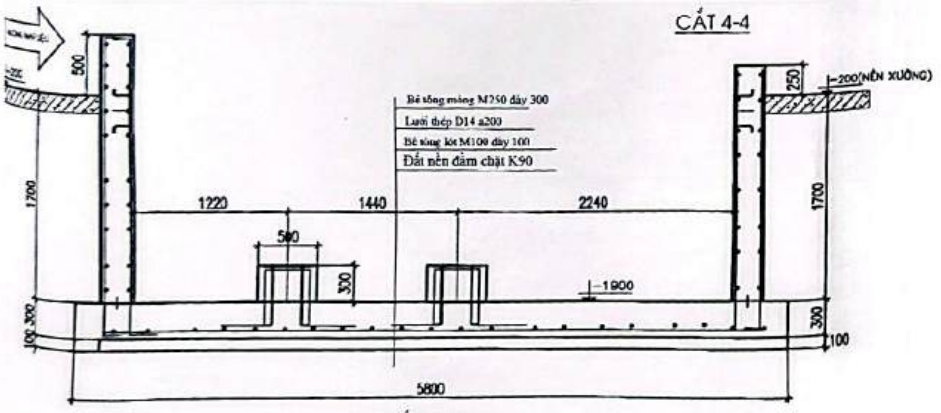
Được quét bằng CamScanner



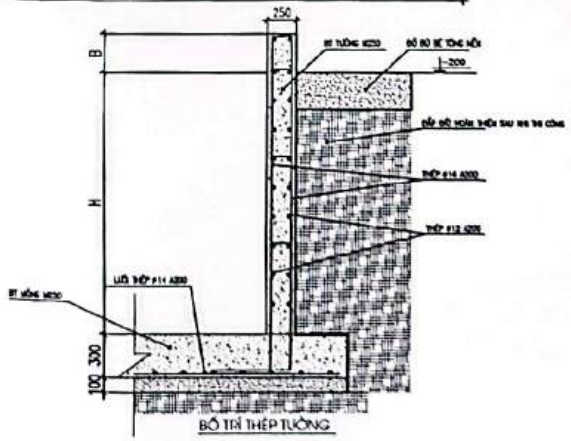
MẶT BẰNG MÓNG CẨU CÂN



CẮT 4-4



CẮT 5-5



BỐ TRÍ THÉP TƯỜNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN XUÂN HUẤN

CÔNG TRÌNH:

THI CÔNG MÓNG LÒ BIOMASS, MÓNG THIẾT BỊ BĂNG TẢI

KỸ THUẬT BAN DỰ ÁN:

TRẦN PHAN TRƯỜNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP I

Giám đốc:

KIỀU NGỌC ANH

GIÁM SÁT KỸ THUẬT

KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT THI CÔNG

KIỀU VĂN HÒA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

MÓNG CẨU CÂN

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1/	KT-11
NGÀY HOÀN THÀNH / /2024	

Được quét bằng CamScanner

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN: DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG TẠI PRIME PHỔ YÊN

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: PHƯỜNG THUẬN THÀNH, THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT	NHÀ THẦU THI CÔNG
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huấn	Nguyễn Cao Huy	Lục Minh Sơn

THÁI NGUYÊN, THÁNG ..... NĂM 2025

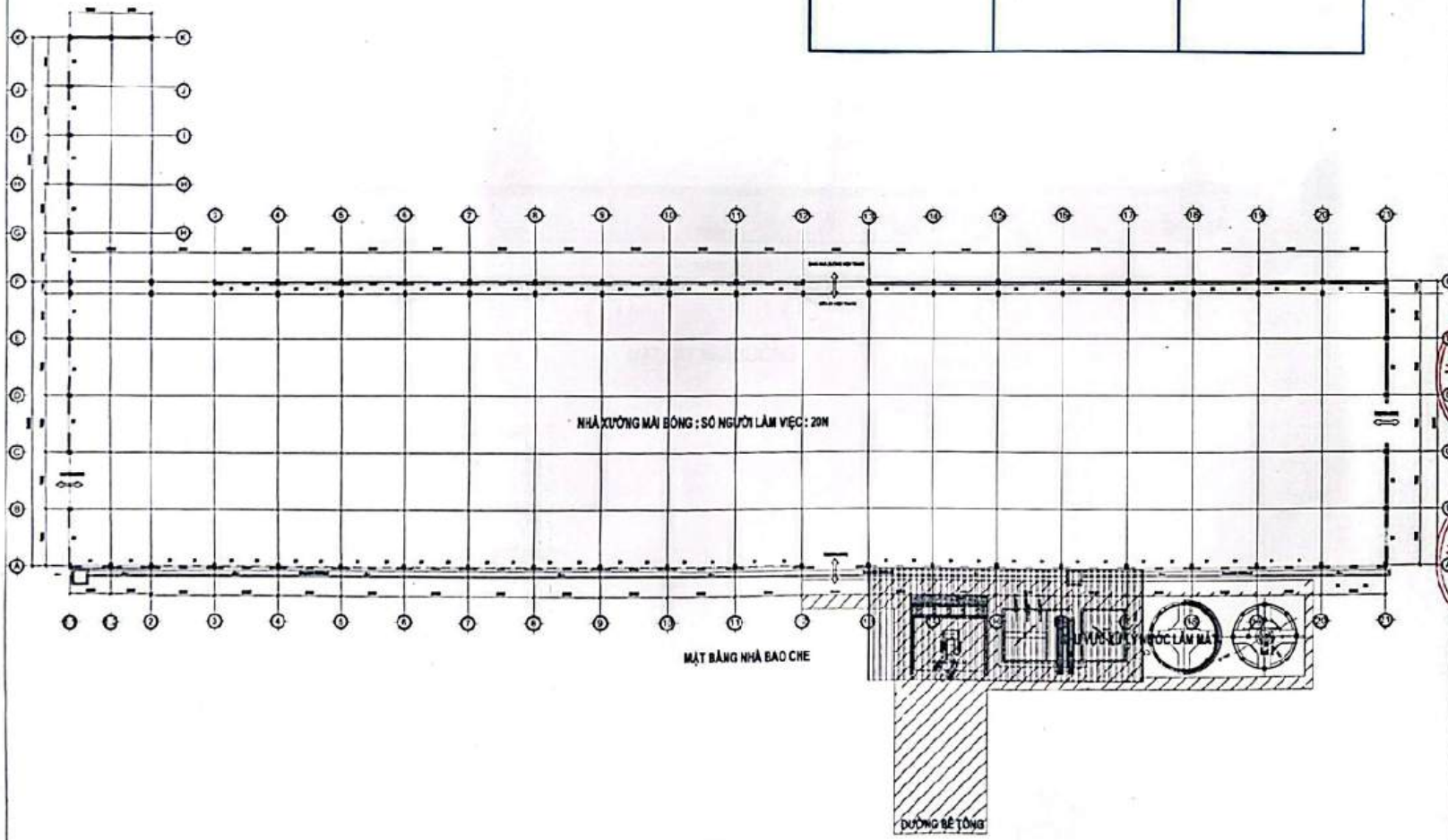
Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	



MẶT BẰNG NHÀ BAO CHE

GHI CHÚ: CÁC CỬA D1, D2, D3 LÀ CỬA MỞ TỰ DO KHÔNG CÁNH

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ: LỤC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG MÀI BÓNG

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
__/__/2025	HC-01

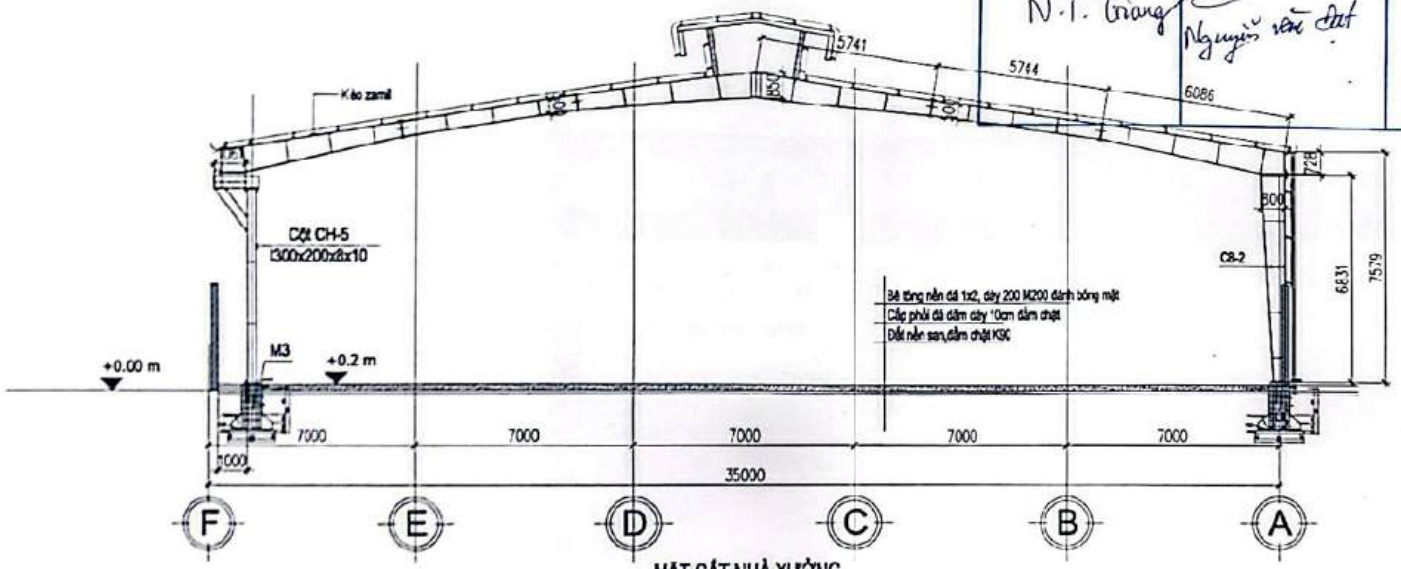
Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

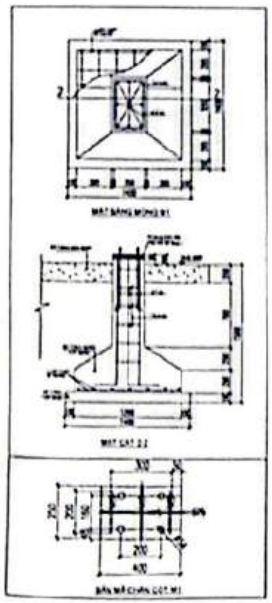
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

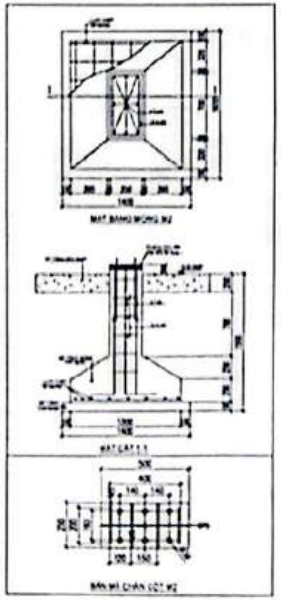
Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

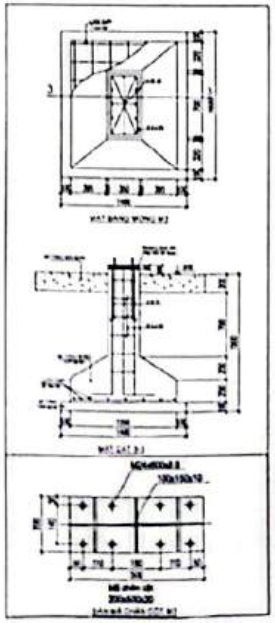
NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	



MẶT CẮT NHÀ XƯỞNG







PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GĐ:LỤC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT MÓNG CỘT NHÀ XƯỞNG

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
__/__/2025	HC-02

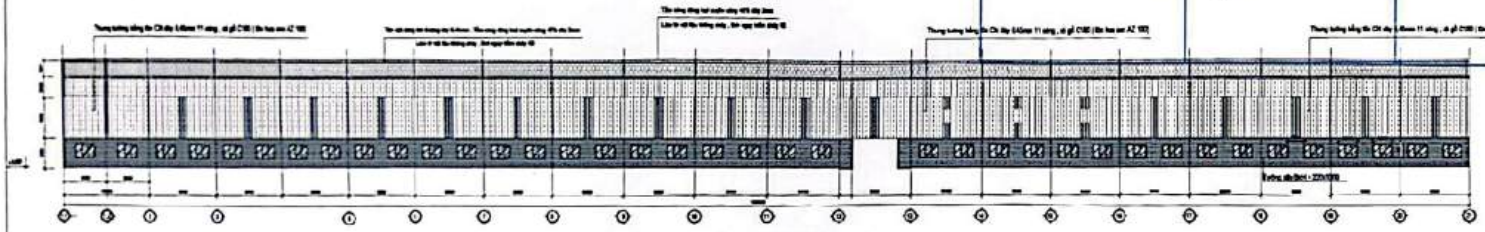
Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

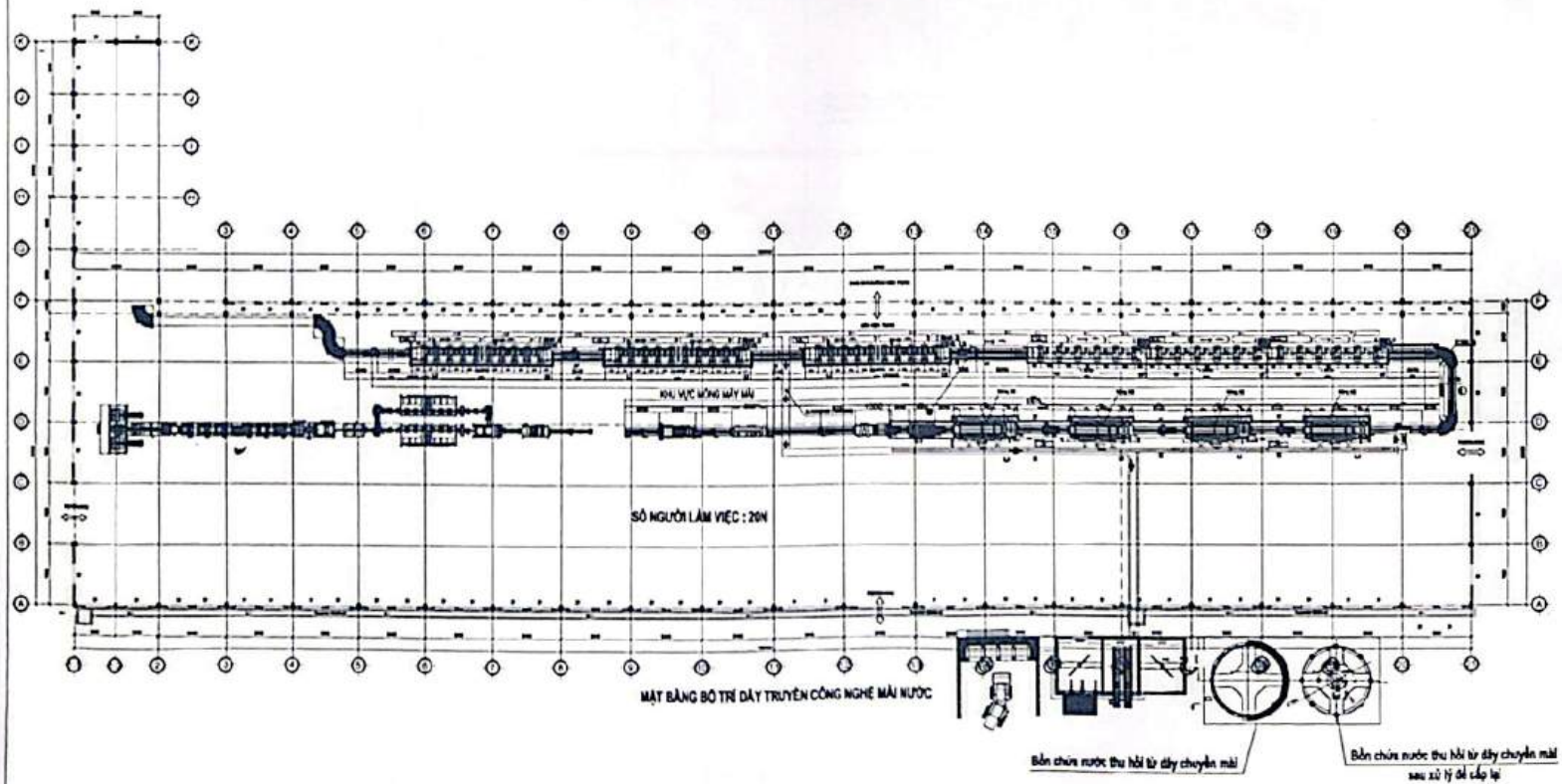
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	



MẶT ĐỨNG TRỤC 1.1-21



MẶT BẰNG BỐ TRÍ DÂY TRUYỀN CÔNG NGHỆ MÀI NƯỚC

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ:LỰC MINH SƠN

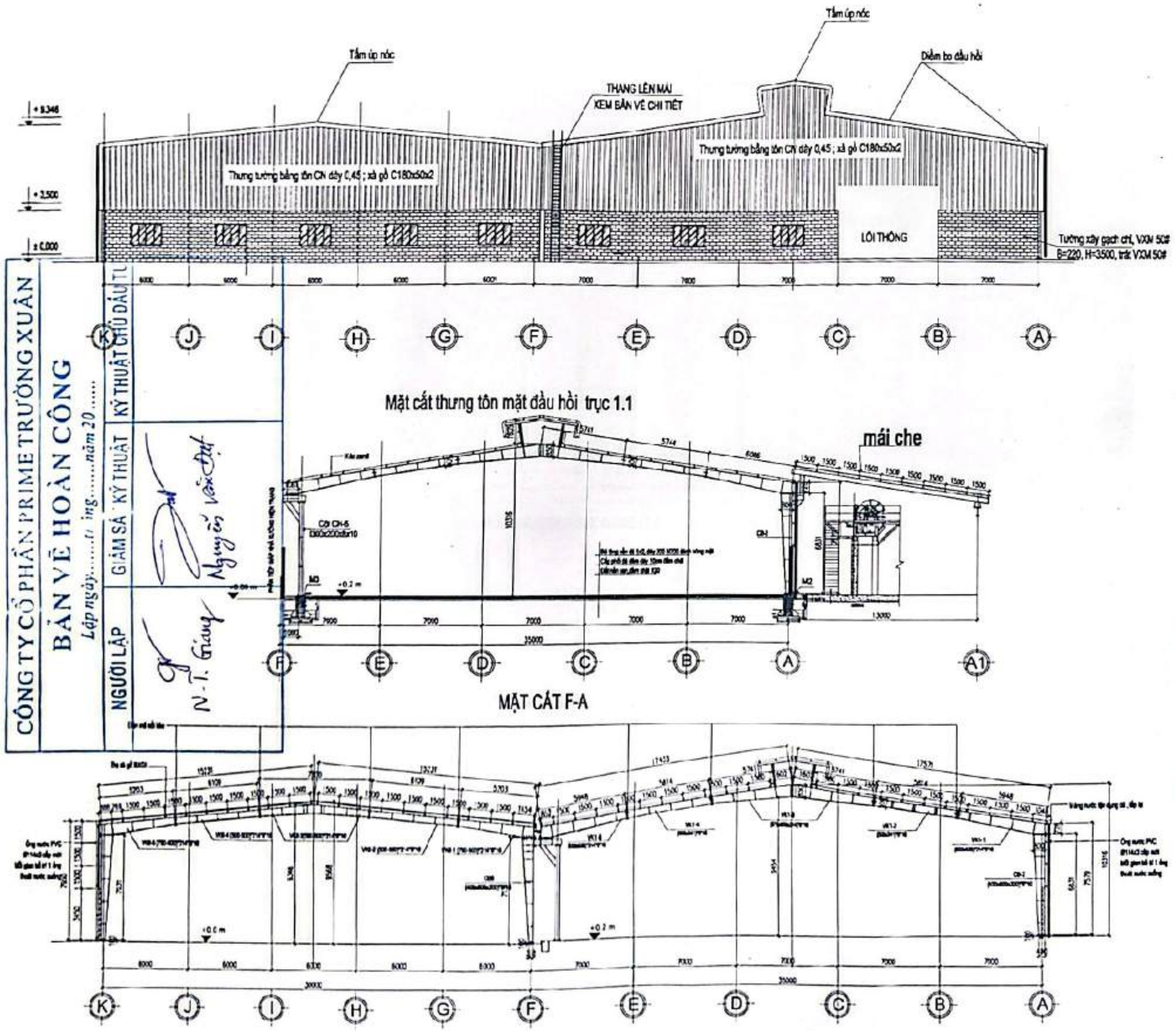
NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
TƯỜNG BAO CHE

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
___/___/2025	HC-03

Được quét bằng CamScanner



CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE
DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

CHỦ ĐỘ ĐỒNG KỸ THUẬT GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ: LỤC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
___/___/2025	HC-04

Được quét bằng CamScanner

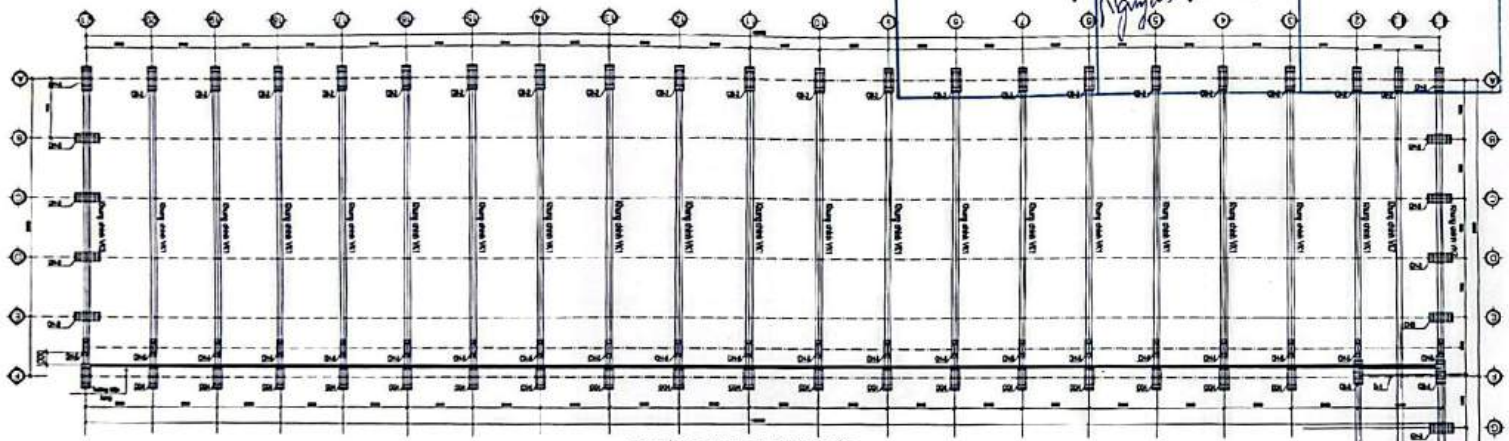
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

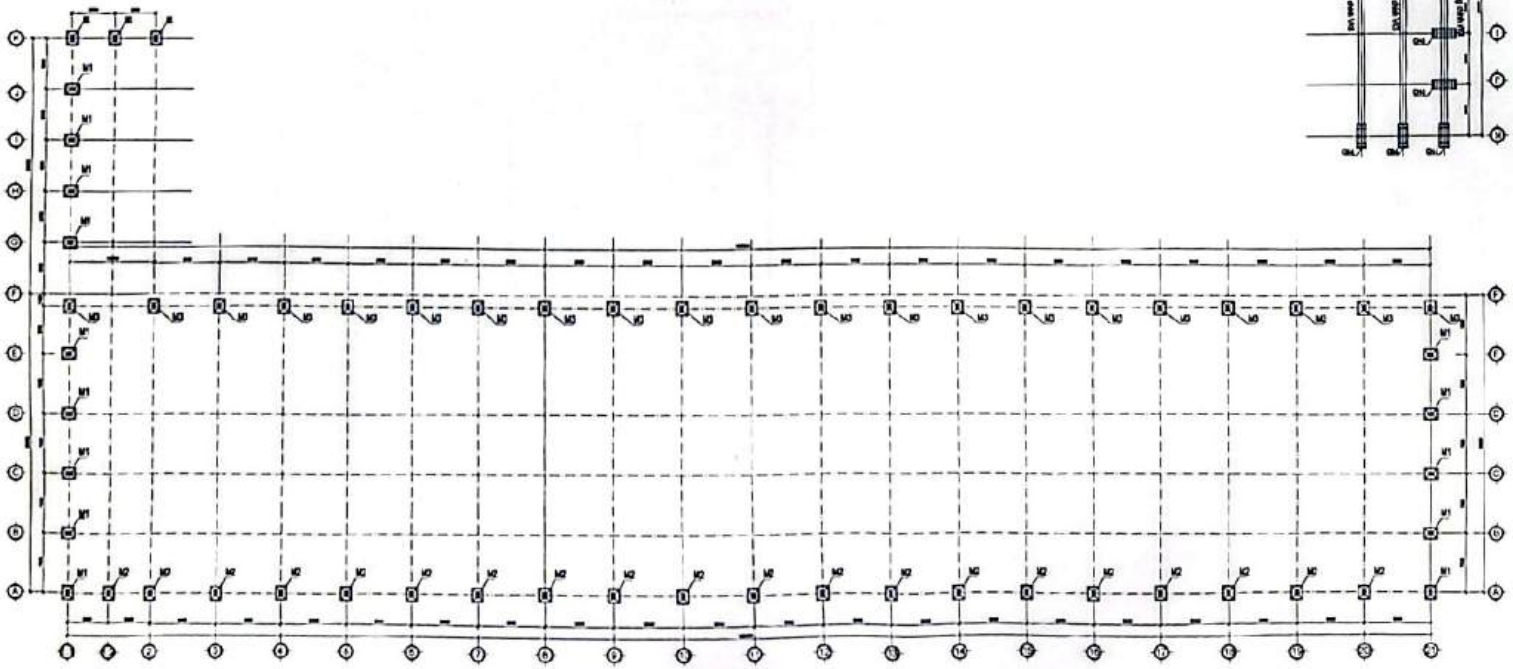
Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

GHI CHÚ : CGA - DÂY CỘT NHÀ XƯỞNG HIỆN TRẠNG



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT, KHUNG KÈO



GHI CHÚ : PHẦN KẾT CẤU NHÀ XƯỞNG MỚI ĐẢM BẢO TÁCH RỜI VỚI NHÀ XƯỞNG CŨ

MẶT BẰNG MÓNG + GIẰNG MÓNG

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ. NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN DỰ ÁN - TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ. LỤC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG KẾT CẤU NHÀ XƯỞNG

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
___/___/ 2025	HC-05

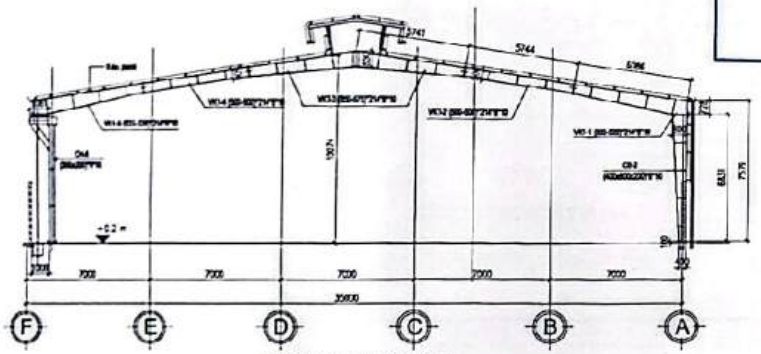
Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

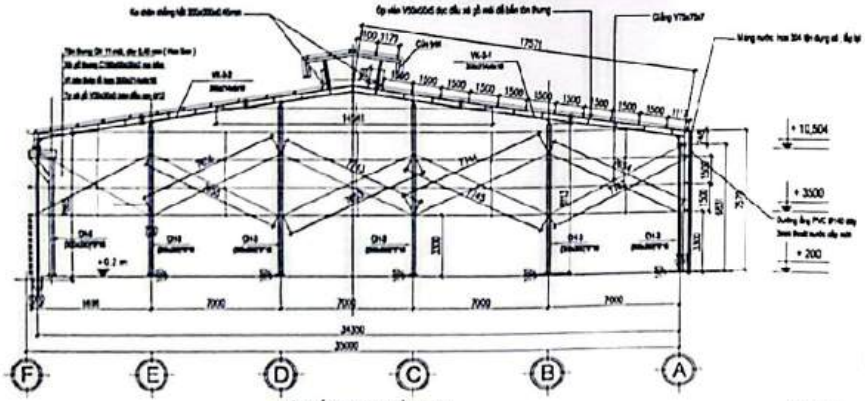
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

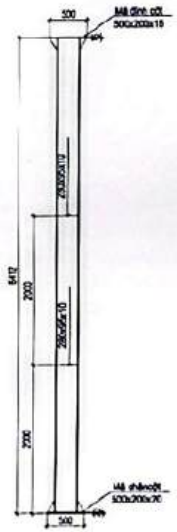
NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

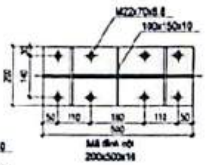


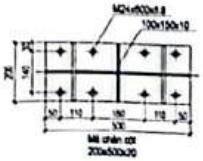
MẶT CẮT KHUNG CHÍNH VK-1



MẶT CẮT KHUNG HỒI VK-3







PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE
DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY NGUYỄN VĂN ĐẠT
GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN
GĐ:LỤC MINH SƠN

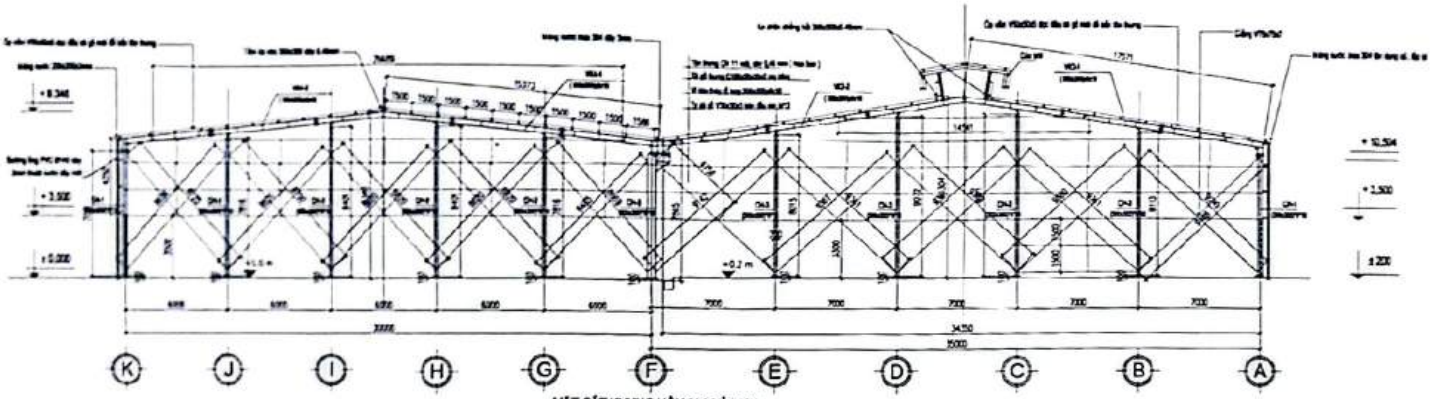
NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

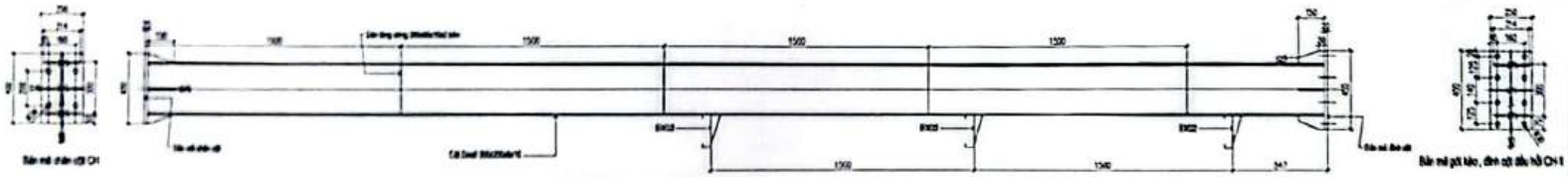
TÊN BẢN VẼ
MẶT ĐỨNG + MẶT CẮT + CHI TIẾT
KẾT CẤU NHÀ XƯỞNG

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
—/—/2025	HC-06

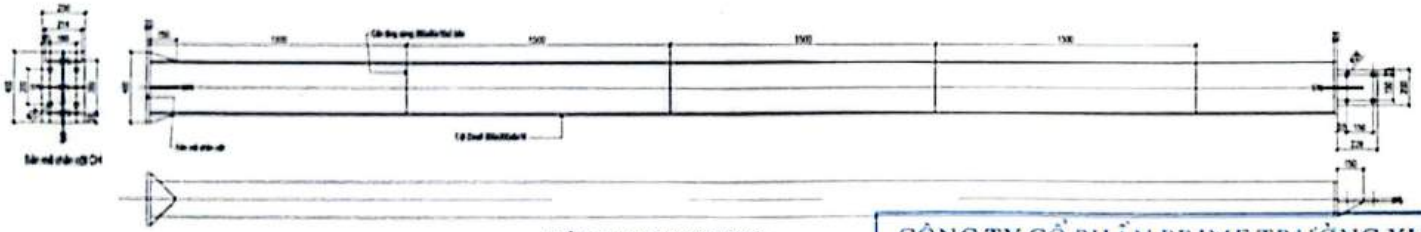
Được quét bằng CamScanner



MẶT CẮT KHUNG HỒI VK-2 VÀ VK-4



CỘT CH-1 300x200*8*10



CỘT CH-3 300x200*8*10

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUÂN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG T NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ LỤC MINH SƠN

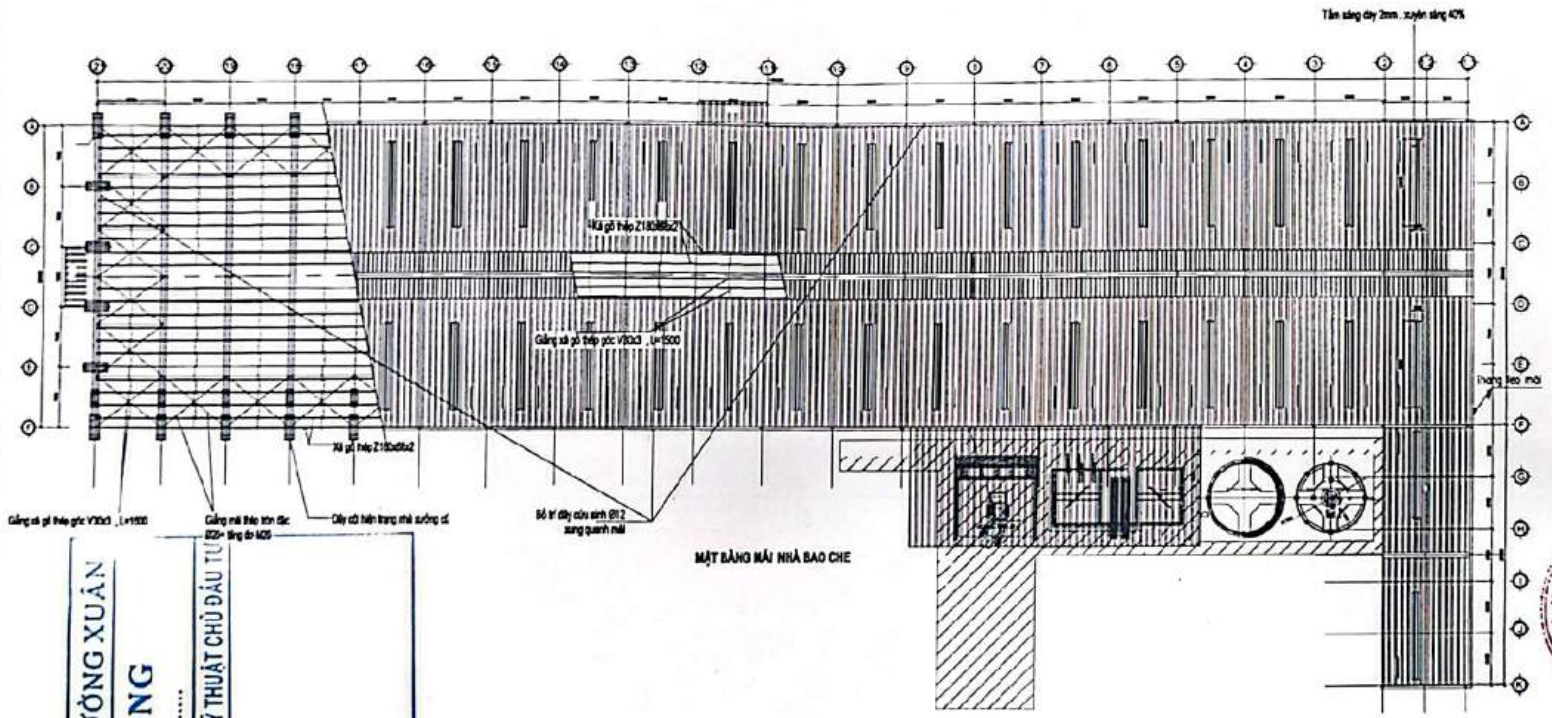
NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

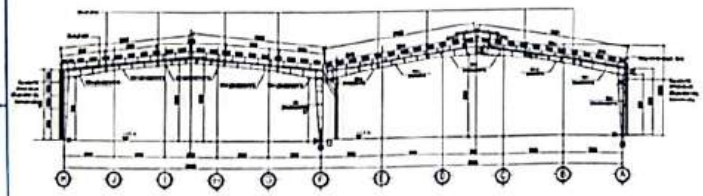
TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT KHUNG NHÀ TRỤC 1-1

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
__/__/225	HC-07

Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG MÁI NHÀ BAO CHE



CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N. T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN ĐẠT

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ: LỤC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG MÁI NHÀ XƯỞNG

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
__/__/2025	HC-01

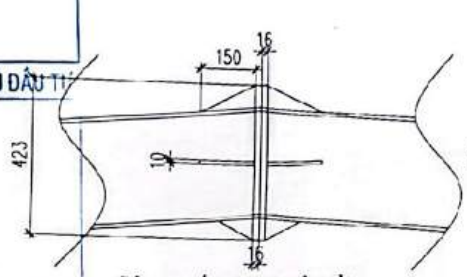
Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

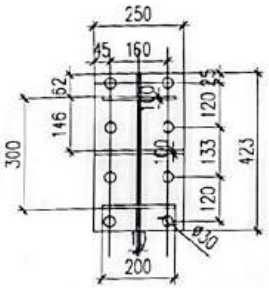
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

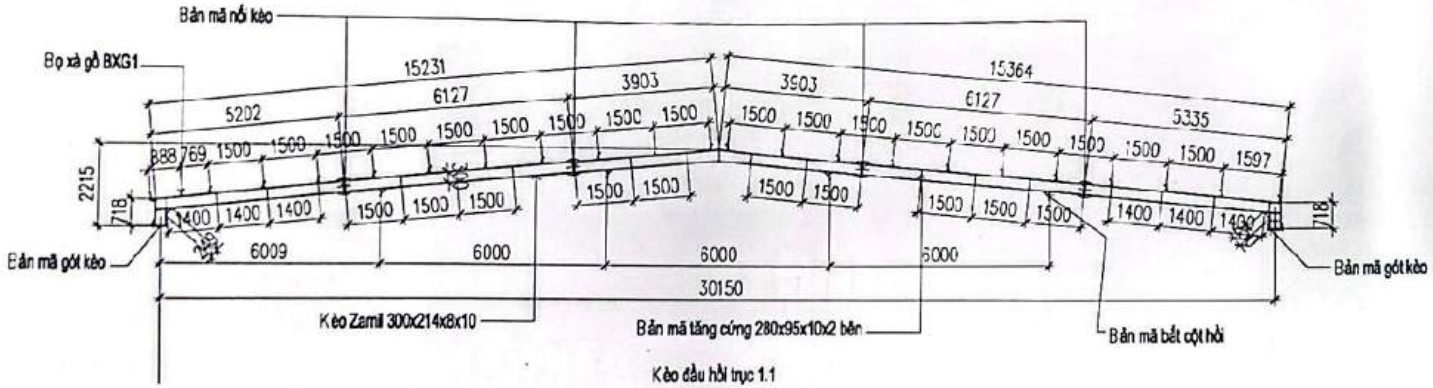
Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	



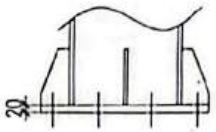
Bản mã nối đỉnh kèo đầu hồi

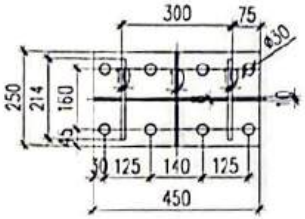




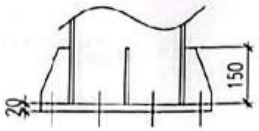
Kèo đầu hồi trục 1.1

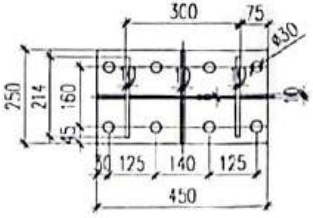
Số lượng : 01 bộ



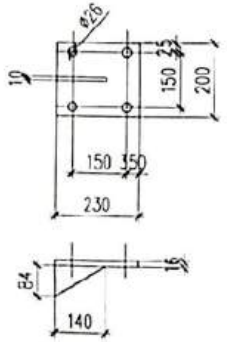


Bản mã gót kèo





Bản mã nối kèo đầu hồi



Bản mã bắt đầu cột hồi

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ: LỤC MINH SƠN

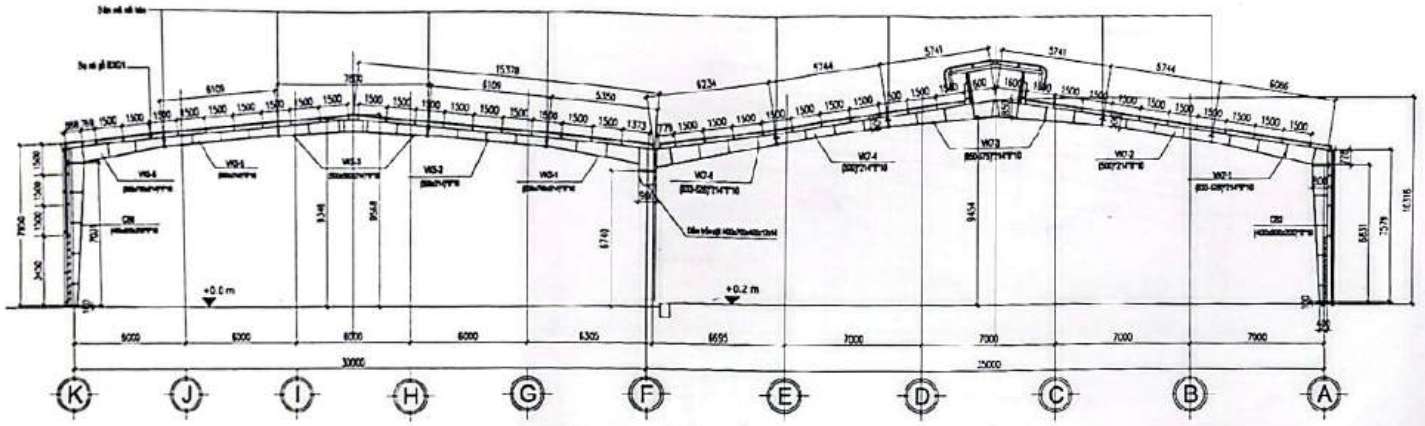
NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

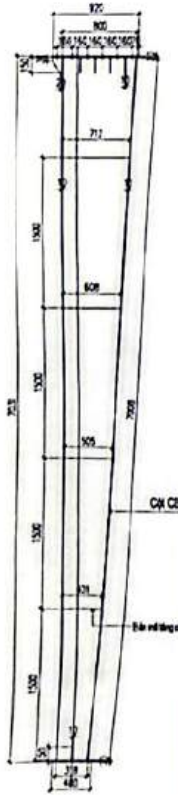
TÊN BẢN VẼ
VÌ KÈO ĐẦU HỒI TRỤC 1-1

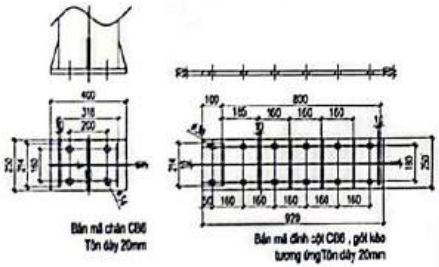
NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
___/___/2025	HC-09

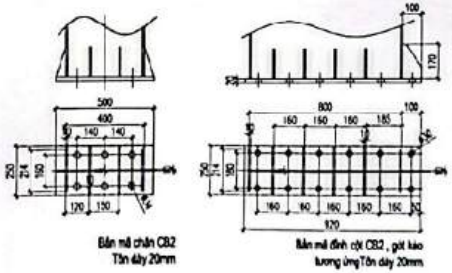
Được quét bằng CamScanner



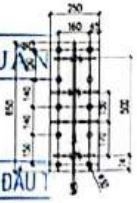
MẶT CẮT KHUNG CHÍNH VK-5 VÀ VK-7

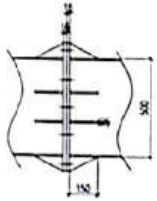












Cột CB-6 400x800x200T8T10

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU T
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ:LỤC MINH SƠN

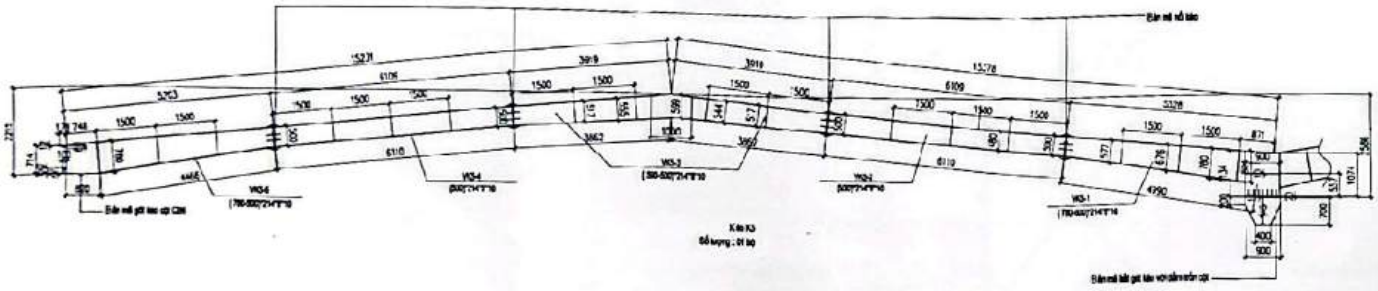
NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

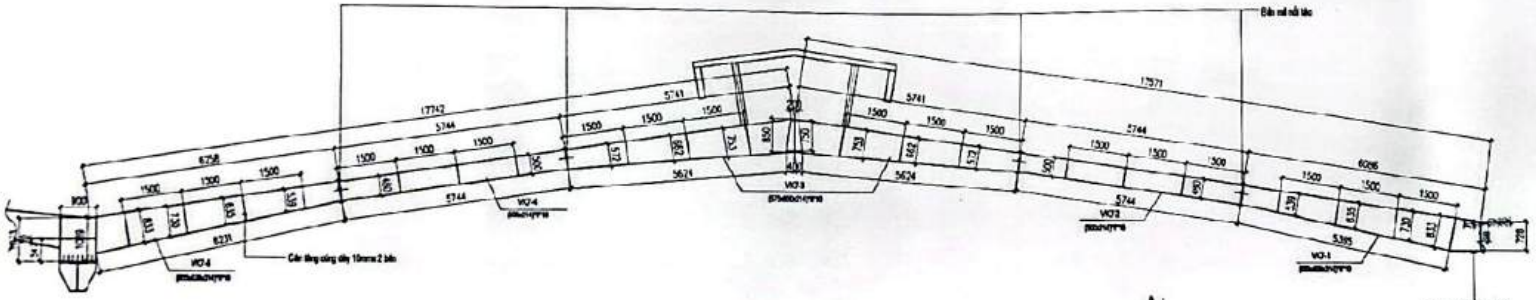
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

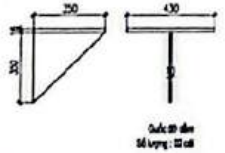
TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT KHUNG CHÍNH TRỤC 1-2

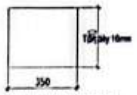
NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
__/__/2025	HC-10

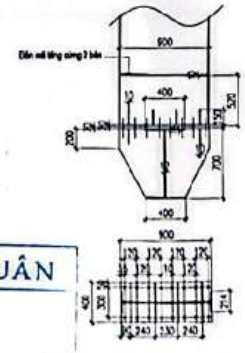
Được quét bằng CamScanner

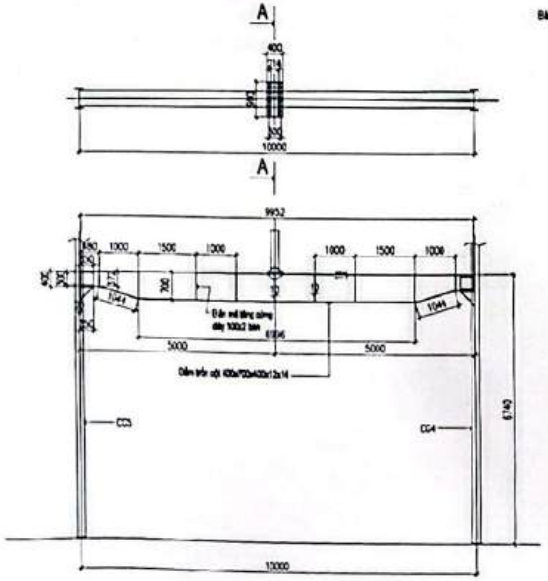












CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N. T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ: LÚC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ KÈO - DẦM TRÒN CỘT

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
___/___/2025	HC-11

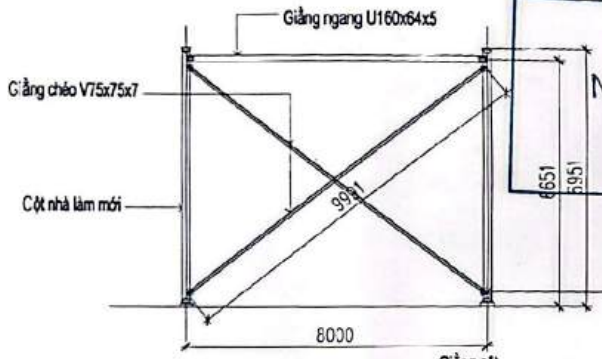
Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

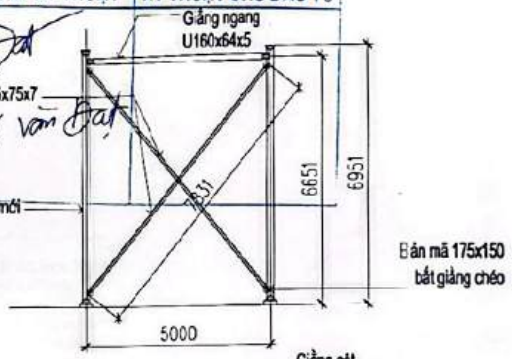
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

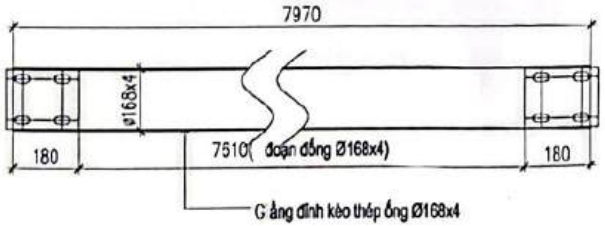


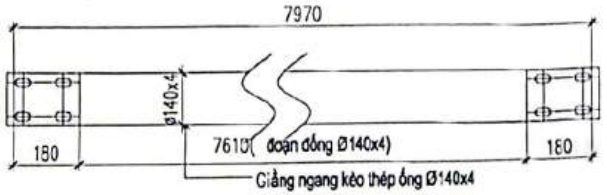
Số lượng : 03 vị trí

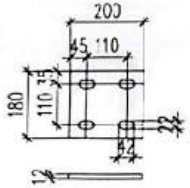


Số lượng : 04 vị trí

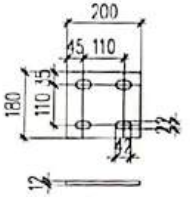




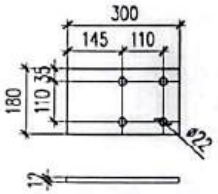




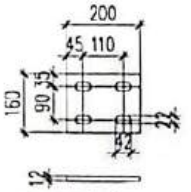
Bản mã hàn vào đỉnh cột



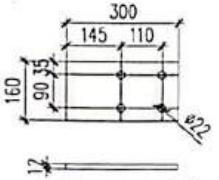
Bản mã bắt giằng ngang hàn vào kèo



Bản mã hàn vào đầu ống



Bản mã bắt giằng ngang



Bản mã hàn vào đầu ống

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ: LỤC MINH SƠN

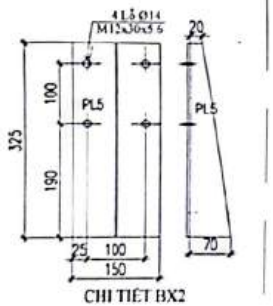
NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

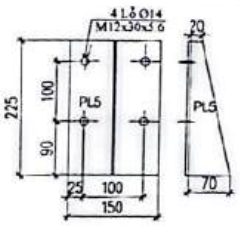
TÊN BẢN VẼ
GIẰNG CỘT - GIẰNG NGANG KÈO

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
__/__/2025	BC-12

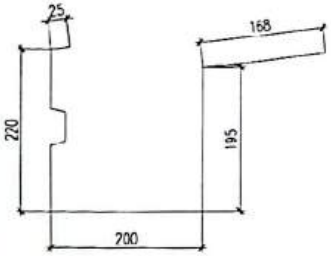
Được quét bằng CamScanner



CHI TIẾT BX2



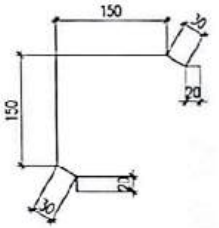
CHI TIẾT BX3



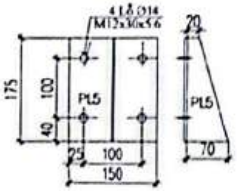
Máng nước inox 304
cây 2mm x 20 mét

dài

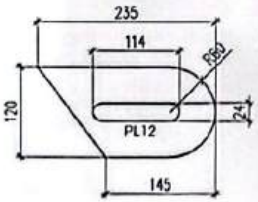
bố trí hàn ống thoát
nước tại các vị trí cột xương



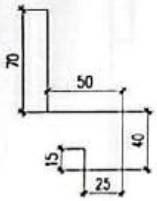
Óp góc
Tôn mạ màu
0.45mm



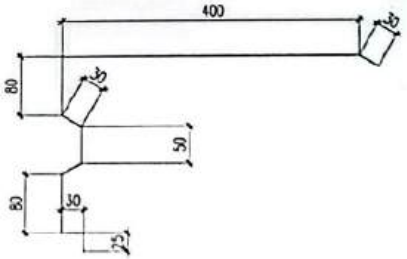
CHI TIẾT BX1



Mã bắt giằng mái
Ø20(HÀN GIẰNG
MÁI)



Diềm chân tôn thưng
Tôn mạ màu
0.45mm



Diềm đầu hồi
Tôn mạ màu
0.45mm



Giằng chéo kéo Ø20

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
N.T. Giang	Nguyễn Văn Đạt	

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE
DÂY CHUYỀN MÀI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

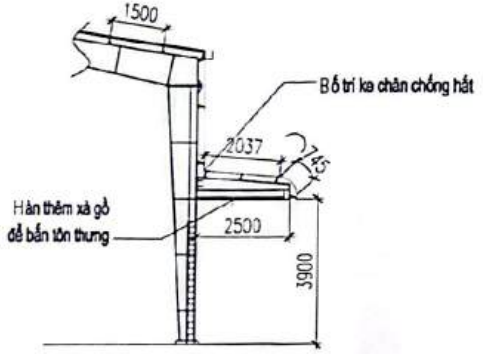
GIÁM ĐỐC
GĐ:LỤC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

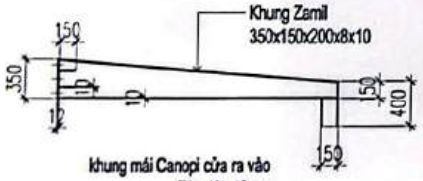
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ	
PHỤ KIỆN MÁI	
NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
—/—/2025	HC-13

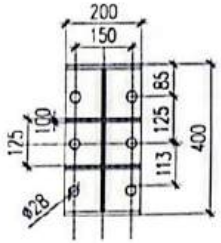
Được quét bằng CamScanner



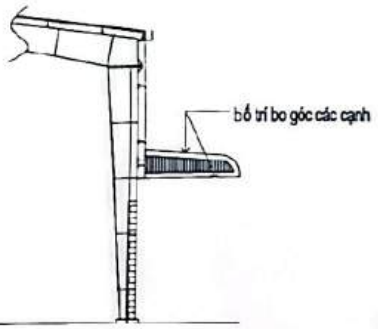
Cửa ra vào xưởng
Số lượng : 02 cửa

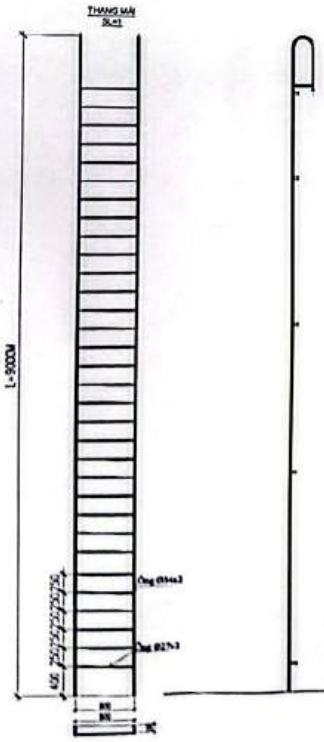


khung mái Canopi cửa ra vào
Tôn dày 16mm
Số lượng : 04 cái



Bản mã khung mái Canopi cửa ra vào
Tôn dày 16mm
Số lượng : 04 cái





Cửa ra vào xưởng
Số lượng : 02 cửa

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME TRƯỜNG XUÂN	BẢN VẼ HOÀN CÔNG Lập ngày.....tháng..... năm 20.....	KỸ THUẬT CHỦ ĐẦU TƯ
	GIÁM SÁT KỸ THUẬT	
	NGƯỜI LẬP	N.T. Giang Nguyễn Văn Đạt

Ghi chú
-Ống sử dụng thép Hòa Phát hoặc Việt Đức
- Thang được sơn ba lớp(1 lớp chống gỉ, hai lớp màu vàng)
- Thang được làm theo tiêu chuẩn an toàn của công ty Prime Phố Yên

PRIME

CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT NHÀ BAO CHE DÂY CHUYỀN MÁI BÓNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP PRIME PHỐ YÊN

GIÁM ĐỐC
GĐ: NGUYỄN XUÂN HUẤN

TP. DỊCH VỤ - KỸ THUẬT
HOÀNG VIỆT HƯNG

KỸ THUẬT TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN VĂN ĐẠT

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
NGUYỄN CAO HUY

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CP PRIME TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC
GĐ: LỤC MINH SƠN

NGƯỜI LẬP
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT CANOPY - THANG LÊN MÁI

NGÀY HOÀN THÀNH	KÝ HIỆU BẢN VẼ
___/___/2025	HC-14

Được quét bằng CamScanner

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: DÂY CHUYỀN MÀI MẶT TẠI PHỔ YÊN
HẠNG MỤC: MÓNG MÁY NGHIỀN 60T SỐ 2
ĐỊA ĐIỂM: TX. PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP PRIME PHỔ YÊN

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

C.TY TNHH MINH QUANG

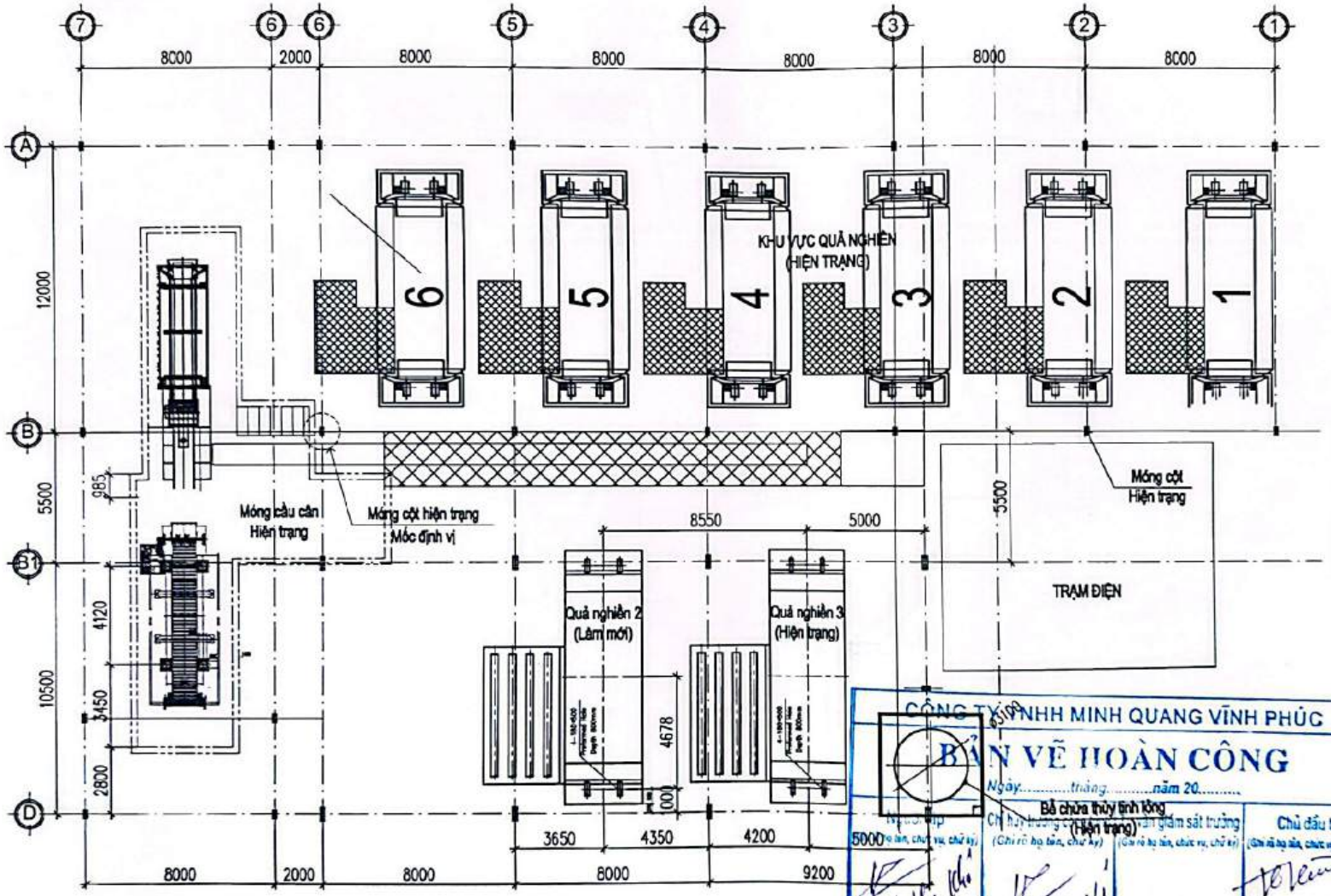
CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

VĨNH PHÚC, 03/2025

Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

CÔNG TY NHH MINH QUANG VĨNH PHÚC

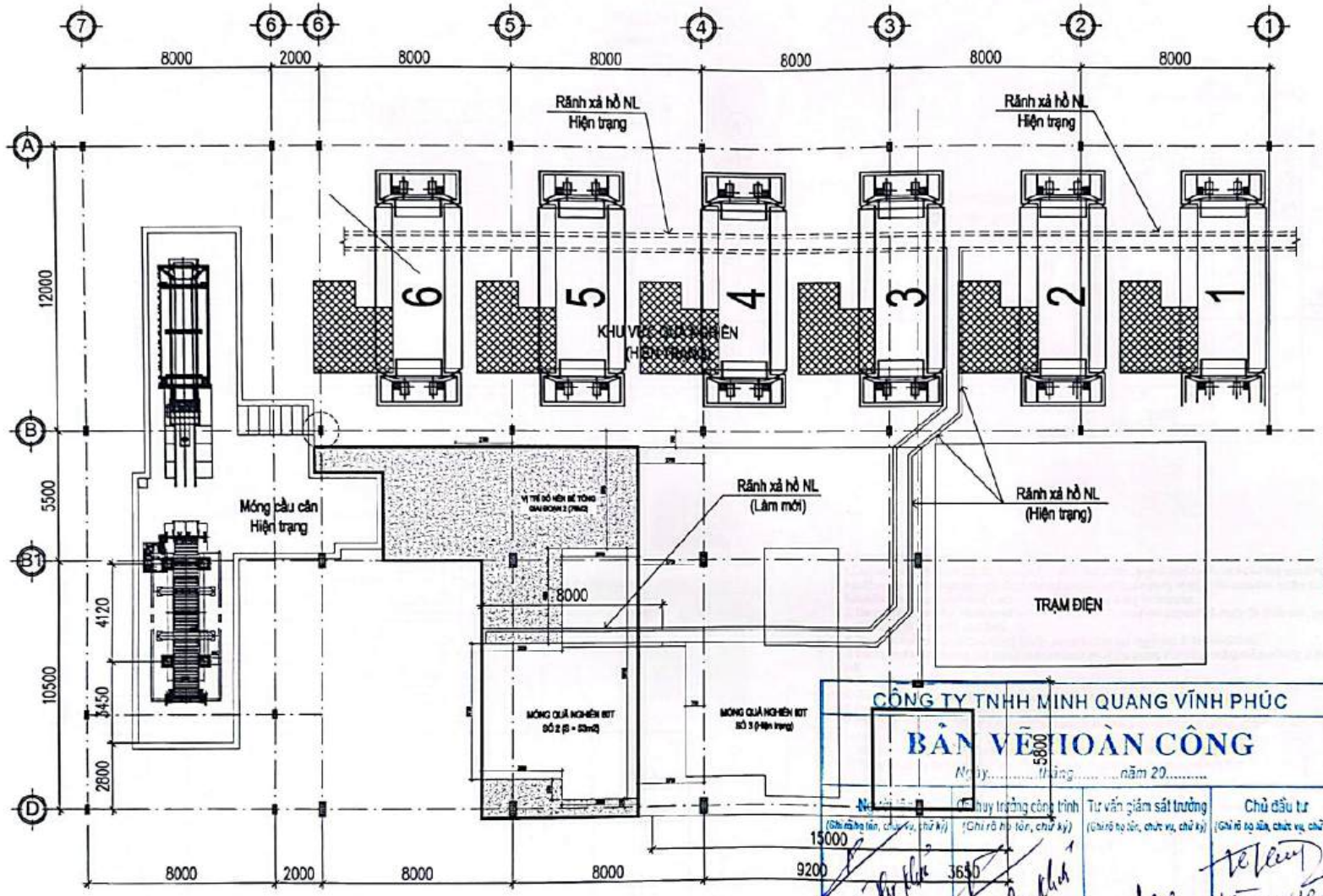
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng	Giám sát trưởng	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Huy Khỏi	Nguyễn Huy Khỏi		Hoàng Văn Hùng

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN
ĐỊA CHỈ - ADDRESS
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN
TÊN CÔNG TRÌNH
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN
HẠNG MỤC
NHÀ THẦU THI CÔNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN LONG
NHÂN VIÊN BAN DỰ ÁN
NGUYỄN MẠNH HIẾU
KỸ THUẬT A
KHÚC VĂN MINH
KỸ THUẬT B
NGUYỄN HUY KHỎI
TỶ LỆ
NGÀY HOÀN THÀNH
KÝ HIỆU BẢN VẼ
KT - 01

Được quét bằng CamScanner



MB VỊ TRÍ ĐỔ NỀN BÊ TÔNG

CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Nhà thầu thi công	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

GHI CHÚ:
- Diện tích đổ nền bê tông cốt thép 70m2.
- Bê tông nền đá 1x2cm, mác 250#, dày 20cm.
- Rãnh xả hồ nguyên liệu dài 8m.

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN LONG

NHÂN VIÊN BAN DỰ ÁN
NGUYỄN MẠNH HIẾU

KỸ THUẬT A
KHÚC VĂN MINH

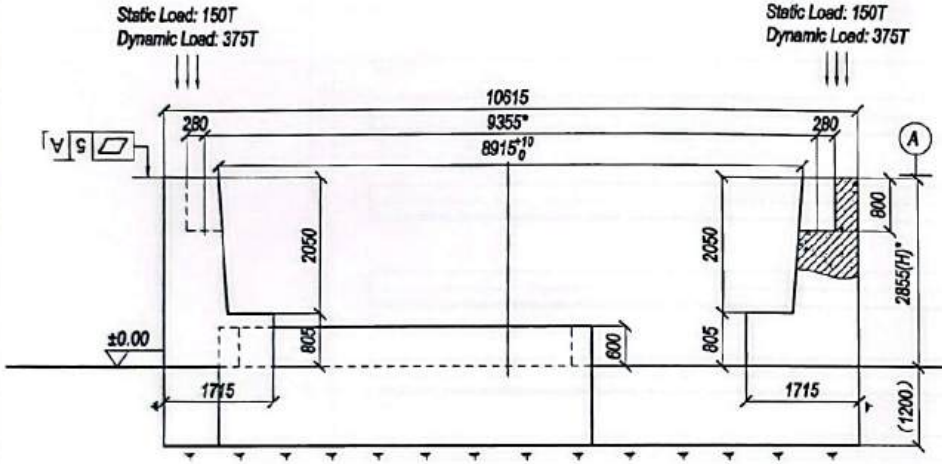
KỸ THUẬT B
NGUYỄN HUY KHỞI

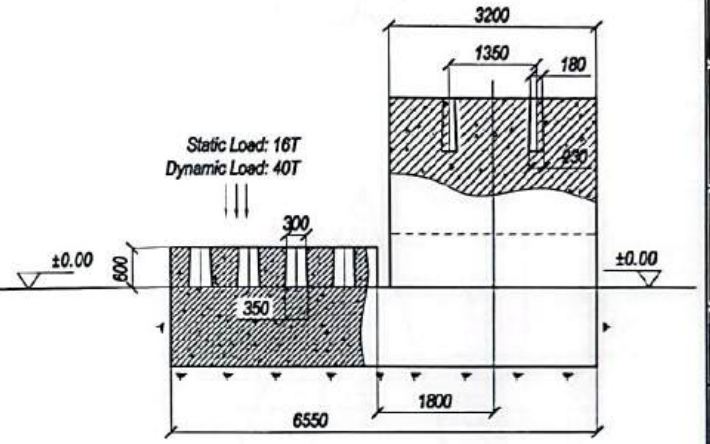
TỈ LỆ:

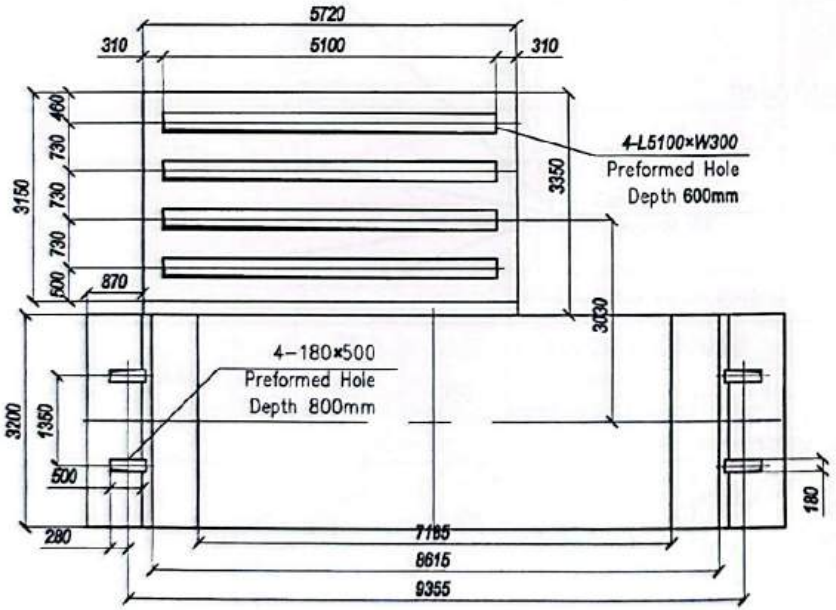
NGÀY HOÀN THÀNH:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:
KT - 02

Được quét bằng CamScanner







Technical Requirements:

1.Each ball mill static load is 300 ton, Drive position static load is160ton,dynamic load coefficient is 2.5,Piling should be considered by the civil engineer according to the soil condition and load capacity at site, at the same time confirm the foundation depth under±0.00 level, marked (1200) in the drawing is only for reference.

2. The concrete foundation should be with reinforcing steel bar. The local civil engineer will decide the dimension , quantity and layout of the reinforcing steel bars.

3. The preformed hole should be inclined, smaller size at the hole top, bigger size at the hole bottom.

4. The inside of the preformed hole should be kept clean,execute 2nd casting after the mounting and positioning of the ball mill.

5. The parameter with "" mark is very important which should be strictly guaranteed during construction.

6. The ball mill cylinder pillar (2855[H]) must be at the same level, allowable levelling deviation ≤3mm.

7. Supposed use ≥C30 grade concrete for foundation.

8. After the completion of the foundation work, the concrete foundation should be cured for 30 days before installing the ball mill.

9. After the completion of the ball mill installation, the foundation surface should be painted.

10.The embedded steel plate should be on the same level, the tolerance should be not more than 2mm.

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN VĂN LONG

NHÂN VIÊN BAN DỰ ÁN
NGUYỄN MẠNH HIẾU

KỸ THUẬT A
KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT B
NGUYỄN HUY KHÔI

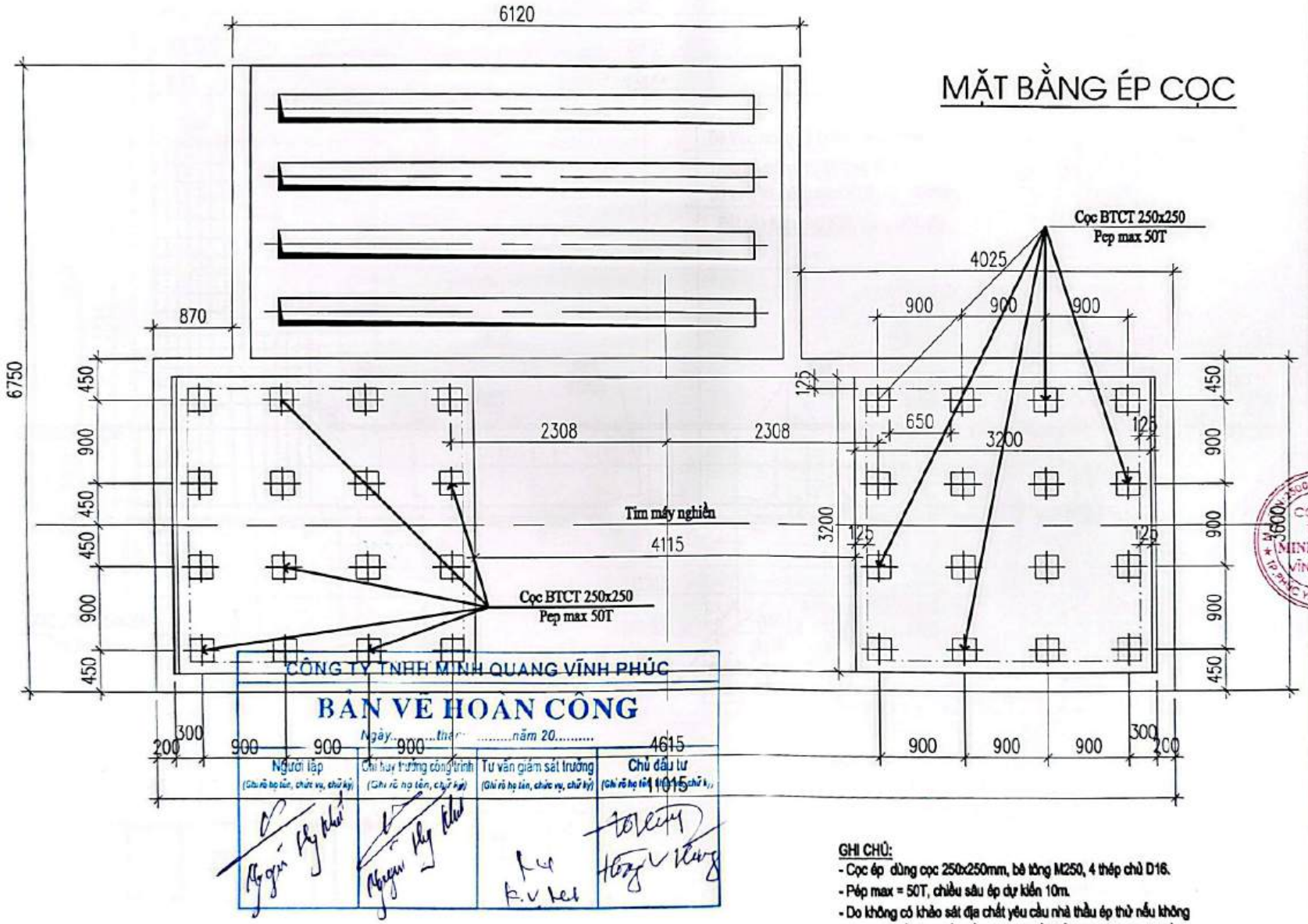
TỶ LỆ:

NGÀY HOÀN THÀNH:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:
KT - 03

Được quét bằng CamScanner

MẶT BẰNG ÉP CỌC



CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

GHI CHÚ:

- Cọc ép dùng cọc 250x250mm, bê tông M250, 4 thép chủ D16.
- Pép max = 50T, chiều sâu ép dự kiến 10m.
- Do không có khảo sát địa chất yêu cầu nhà thầu ép thử nếu không đúng yêu cầu ban đầu đề nghị nhà thầu kết hợp kỹ thuật chủ đầu tư đưa ra phương án thay thế.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

ĐỊA CHỈ - ADDRESS: THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION: THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN LONG

CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC

NHÀ THẦU TƯ VẤN DỰ ÁN: NGUYỄN MẠNH HIẾU

KỸ THUẬT A: KHÚC VĂN MINH

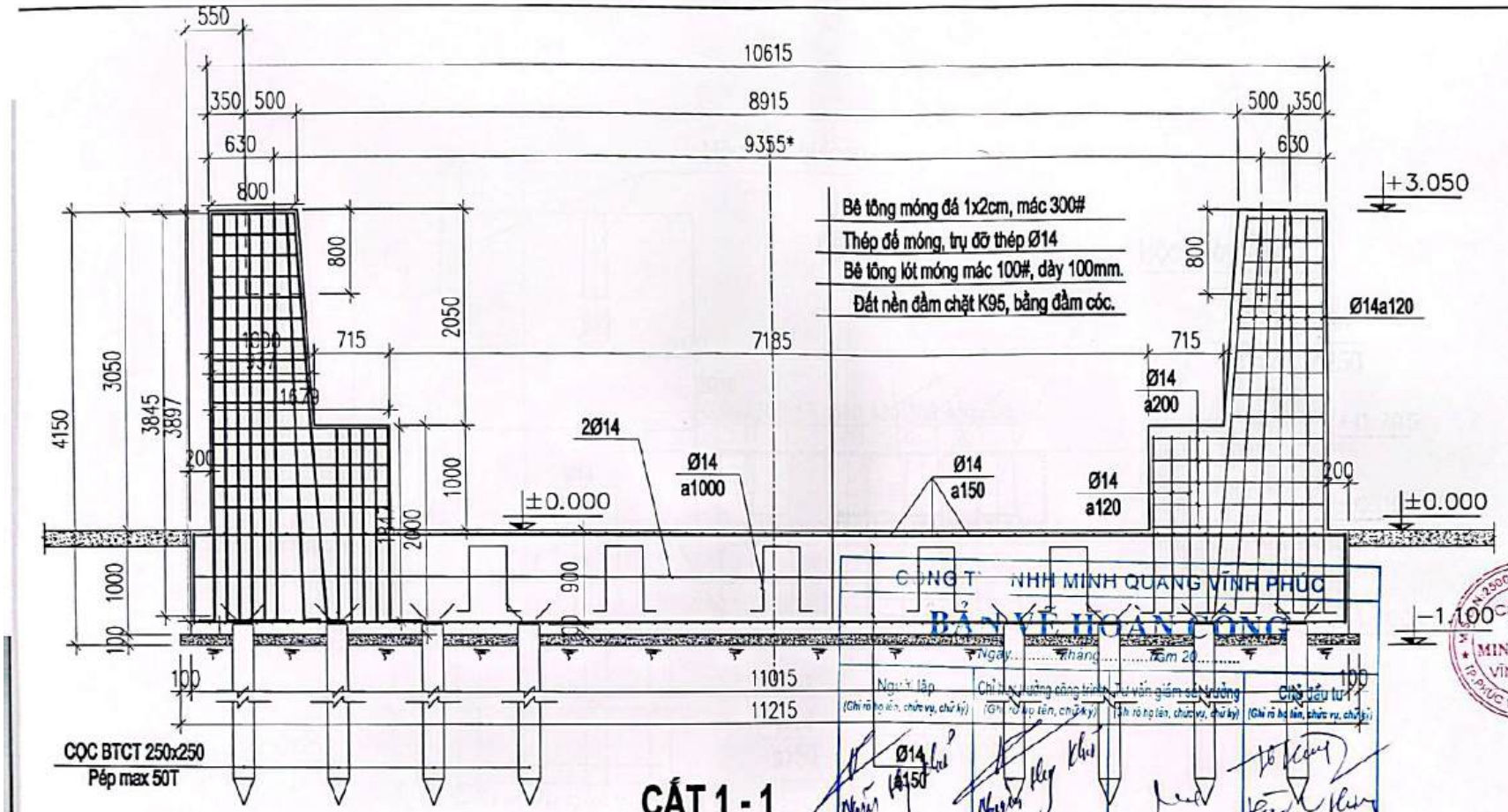
KỸ THUẬT B: NGUYỄN HUY GIỚI

TỶ LỆ:

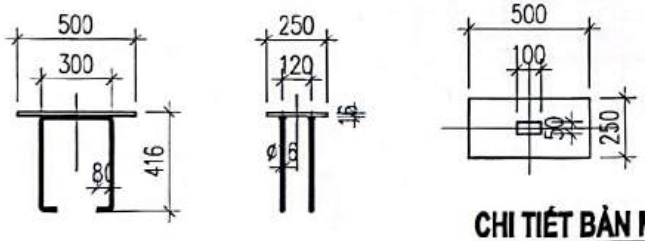
NGÀY HOÀN THÀNH:

KÝ HIỆU BẢN VẼ: KT - 04

Được quét bằng CamScanner



CẮT 1 - 1



CHI TIẾT BẢN MÃ
(SL: 04 CÁI)

GHI CHÚ:

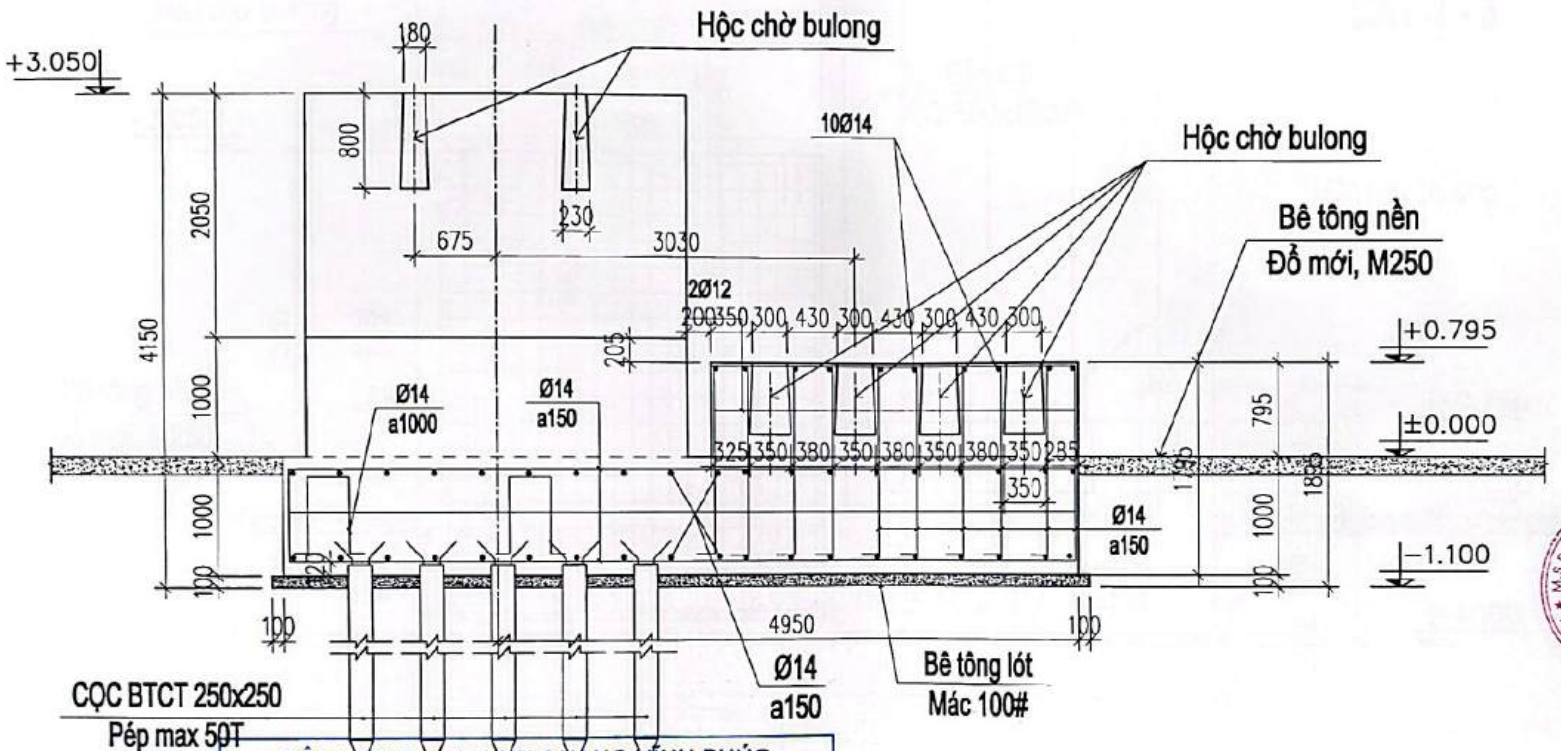
- Bê tông lót móng mác 100#, dày 100mm.
- Sử dụng BT thương phẩm, đá 1x2cm, M300 độ sụt 12± 2.
- Cốt thép sử dụng thép Tisco, Hòa phát hoặc Việt đức.
- Đơn vị thi công xem kết hợp với bản vẽ thiết bị để có kích thước chính xác các hộc chờ Bulong và chi tiết đặt sẵn.
- Sai số chiều cao và chiều dài cho phép 5mm.
- Yêu cầu bề mặt bê tông nhẵn, phẳng sau khi đổ.
- Đắp đất hoàn trả bằng đất nền K90, chiều cao đắp 50cm đầm 1 lần.

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN
ĐỊA CHỈ - ADDRESS
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN
TÊN CÔNG TRÌNH
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN
HẠNG MỤC
NHÀ THẦU THI CÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ
CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỐC MINH QUANG VĨNH PHÚC
NGUYỄN VĂN LONG
NHÂN VIÊN BAN DỰ ÁN
NGUYỄN MẠNH HIẾU
KỸ THUẬT A
KHÚC VĂN MINH
KỸ THUẬT B
NGUYỄN HUY KHỞI
TỈ LỆ
NGÀY HOÀN THÀNH
KÝ HIỆU BẢN VẼ
KT - 06

Được quét bằng CamScanner



CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..... tháng..... ...m 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng	Tư vấn giám sát trưởng	Chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

CÁT 2 - 2

GHI CHÚ:

- Bê tông lót móng mác 100#, dày 100mm.
- Bê tông móng sử dụng BT thương phẩm, đá 1x2cm, M300 độ sụt 12± 2.
- Cốt thép sử dụng thép Hòa phát, Việt đức hoặc tương đương
- Đơn vị thi công xem kết hợp với bản vẽ thiết bị để có kích thước chính xác các hộc chờ Bulong và chi tiết đặt sẵn.
- Sai số chiều cao và chiều dài cho phép 3mm.
- Yêu cầu bề mặt bê tông nhẵn, phẳng sau khi đổ.
- Đắp đất hoàn trả bằng đất nền K90, chiều cao đắp 50cm đầm 1 lần.

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN VĂN LONG

NHÂN VIÊN BAN DỰ ÁN:
NGUYỄN MẠNH HIẾU

KỸ THUẬT A:
KHÚC VĂN MINH

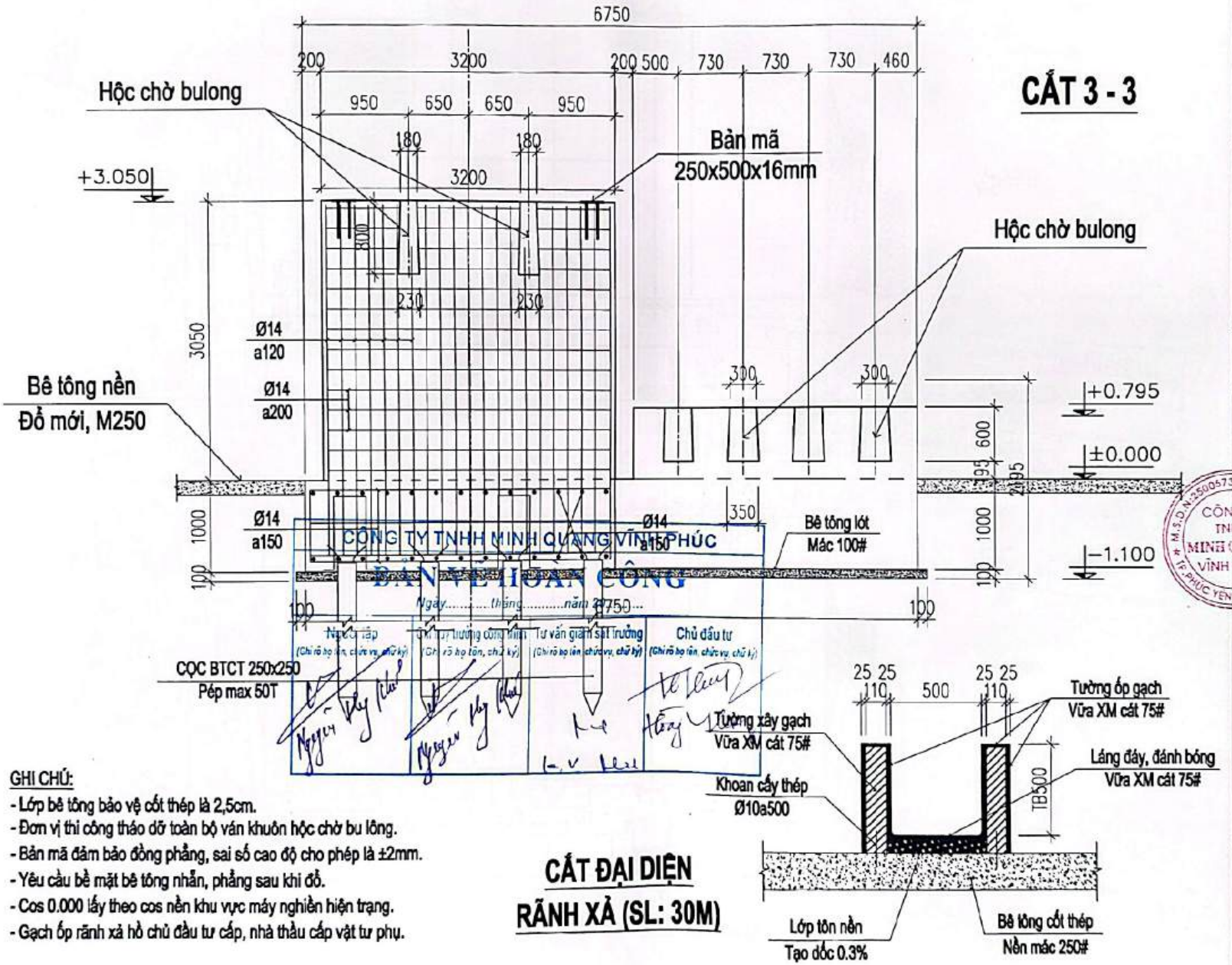
KỸ THUẬT B:
NGUYỄN HUY KHỞI

TỶ LỆ:

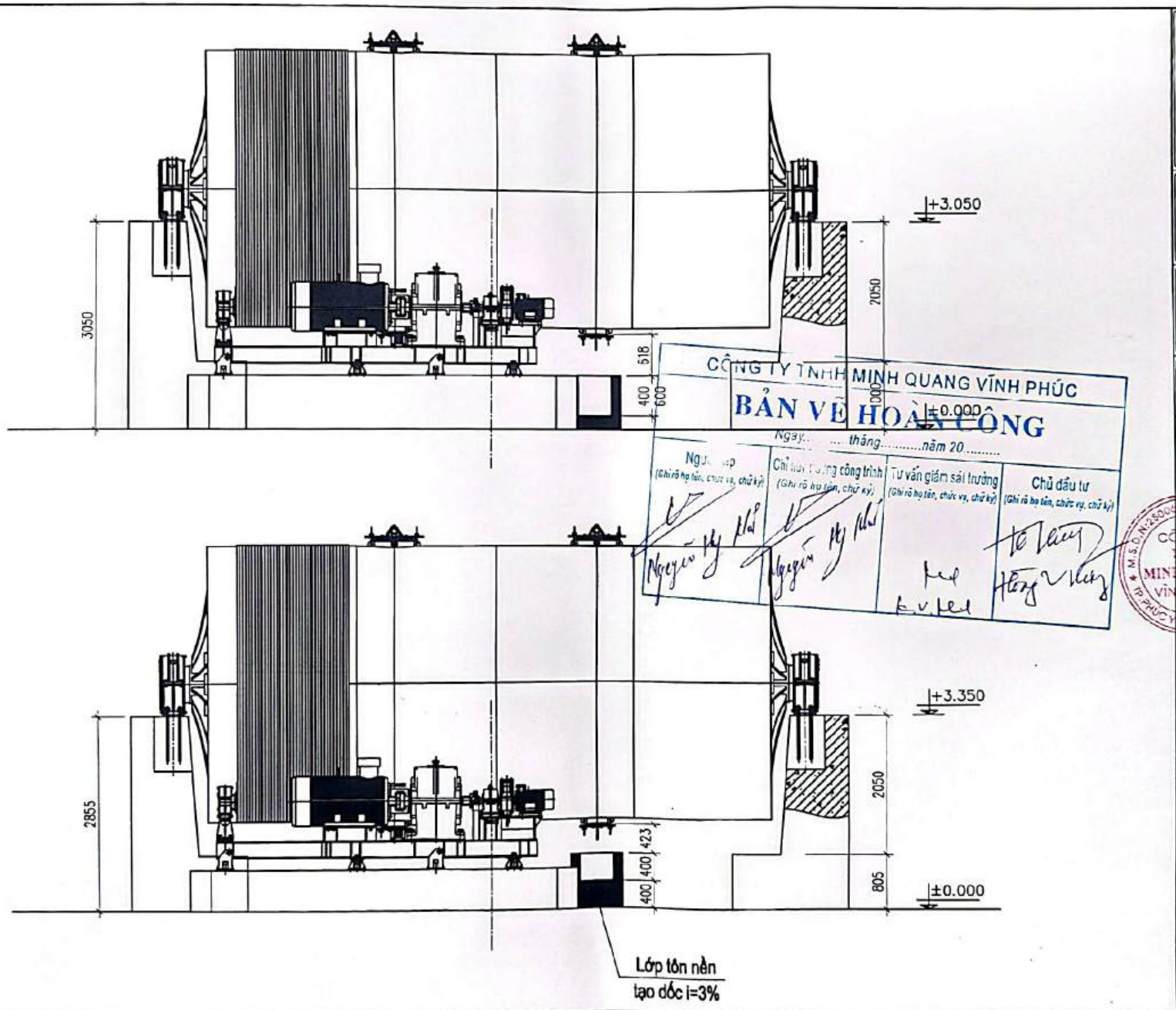
NGÀY HOÀN THÀNH:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:
KT - 07

Được quét bằng CamScanner



Được quét bằng CamScanner



CÔNG TY TNHH MINH QUANG VĨNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..... tháng.....năm 20.....

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Huy Hải	Nguyễn Huy Hải		Hồng Văn Hưng

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME PHỔ YÊN

ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

TÊN CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
THUẬN THÀNH - PHỔ YÊN- THÁI NGUYÊN

HẠNG MỤC:

NHÀ THẦU THI CÔNG:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN VĂN LONG

THÀNH VIÊN BAN DỰ ÁN
NGUYỄN MẠNH HIẾU

KỸ THUẬT A
KHÚC VĂN MINH

KỸ THUẬT B:
NGUYỄN HUY KHỞI

TỈ LỆ:

NGÀY HOÀN THÀNH:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:
KT - 09

Được quét bằng CamScanner